

BỘ NỘI VỤ
HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA



ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
MÃ SỐ : 2000 - 98 -081
NGHIÊN CỨU NHỮNG BIỆN PHÁP
GẮN KẾT THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ VỚI
TIẾN TRÌNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Chủ nhiệm đề tài: *T.S Võ Văn Tuyền*



HÀ NỘI - 2004

ĐỀ TÀI KHOA HỌC
NGHIÊN CỨU NHỮNG BIỆN PHÁP GẮN KẾT THỰC HIỆN QUY
CHẾ DÂN CHỦ VỚI TIẾN TRÌNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ.

1.1. Tính cấp thiết của đề tài:

Vấn đề thực hiện dân chủ là một chủ trương lớn hiện nay của Đảng và Nhà nước ta trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa mà trọng tâm là cải cách nền hành chính Nhà nước. Thực hiện dân chủ vừa là động lực vừa là mục tiêu xây dựng một Nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân. Nhà nước ta ban hành nhiều quy chế thực hiện dân chủ và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện quy chế dân chủ và cải cách hành chính trên các lĩnh vực, ở các địa phương xuất hiện nhiều sự bất cập, lúng túng vì chưa xác định rõ mối quan hệ gắn kết hữu cơ giữa thực hiện quy chế dân chủ với cải cách hành chính là một “*quy trình kép*” của vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa. Trên thực tiễn, các lĩnh vực, các địa phương và cơ sở cần thiết phải có các biện pháp hữu hiệu để thực hiện quy chế dân chủ gắn kết với tiến trình cải cách hành chính. Đây là một vấn đề khách quan đặt ra và là đòi hỏi bức xúc trong công cuộc cải cách hành chính theo đường lối của Đảng đề ra hiện nay ở nước ta.

Đề tài khoa học “*Nghiên cứu những biện pháp gắn kết thực hiện quy chế dân chủ với tiến trình cải cách hành chính*” nhằm góp phần đáp ứng nhu cầu khách quan, bức xúc đặt ra như đã phân tích ở trên. Đề tài thành công sẽ là một tập hợp tài liệu tư vấn, tham khảo cho các nhà lãnh đạo, quản lý, các nhà hành chính. Đề tài cung cấp các biện pháp hữu hiệu để gắn kết thực hiện dân chủ với tiến trình cải cách hành chính.

1.2. Mục đích của đề tài:

Mục đích nghiên cứu của đề tài là nhằm xác định rõ nguồn gốc, bản chất, nội dung của vấn đề thực hiện dân chủ. Nêu bật và làm sáng rõ quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về thực hiện dân chủ ở nước ta, đề tài nghiên cứu đề ra các biện pháp hữu hiệu để gắn kết tiến trình thực hiện quy chế dân chủ với yêu cầu của nội dung cải cách hành chính ở nước ta hiện nay, góp phần thúc đẩy việc thực hiện quy chế dân chủ và cải cách hành chính - một nhiệm vụ trọng tâm của sự nghiệp đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng.

1.3. Nội dung, nhiệm vụ cơ bản của đề tài:

Đề tài tập trung vào 4 trọng tâm cơ bản sau:

- Cơ sở lý luận về tính tất yếu thực hiện dân chủ với xây dựng Nhà nước pháp quyền ở nước ta.

- Nguồn gốc, bản chất nội dung của dân chủ; quan điểm của Đảng và chính sách của Nhà nước ta về thực hiện quy chế dân chủ và cải cách hành chính trên từng lĩnh vực, địa phương ở nước ta hiện nay.

- Tình hình thực hiện quy chế dân chủ trên từng lĩnh vực, địa phương ở nước ta. Mối quan hệ gắn kết giữa thực hiện dân chủ với tiến trình cải cách hành chính. Những vấn đề thực tiễn đặt ra hiện nay.

- Các giải pháp hữu hiệu để gắn kết với thực hiện quy chế dân chủ với tiến trình cải cách hành chính ở nước ta hiện nay.

1.4. Phương hướng và phương pháp nghiên cứu của đề tài:

Phương pháp luận: Đề tài dựa vào phương pháp luận của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác- Lê nin, dựa vào đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, thấm nhuần đạo đức tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa ở nước ta thực sự là của dân, do dân và vì dân.

Phương pháp chuyên môn cụ thể: Đề tài vận dụng các phương pháp tập hợp, phân tích, đánh giá, so sánh, thống kê, khái quát hoá để làm rõ vấn đề thực hiện dân chủ và cải cách hành chính ở nước ta hiện nay. Qua đó, đề tài tập trung phân tích các quan điểm của Đảng và Nhà nước về thực hiện dân chủ và cải cách hành chính.

Đề tài cũng áp dụng phương pháp điều tra, khảo sát xã hội học để nắm bắt thực trạng về thực hiện dân chủ và cải cách hành chính ở một số địa phương trên từng địa bàn và từng lĩnh vực ở nước ta hiện nay.

Đề tài áp dụng phương pháp chuyên gia, thu thập ý kiến chỉ đạo của các nhà lãnh đạo cốt cán, lão thành của Đảng và Nhà nước, tập hợp ý kiến của các chuyên gia có kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực, phạm vi nghiên cứu của đề tài.

2. NỘI DUNG, KẾT CẤU CỦA ĐỀ TÀI:

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung chủ yếu của đề tài được kết cấu thành 3 chương:

Mở đầu.

Chương Một

Cơ sở lý luận về tính tất yếu thực hiện dân chủ và cải cách hành chính nhằm xây dựng và củng cố Nhà nước pháp quyền ở nước ta.

1. Nguồn gốc, bản chất, nội dung của vấn đề dân chủ.
2. Cải cách hành chính là một tất yếu lịch sử của việc xây dựng và củng cố Nhà nước.
3. Mối quan hệ giữa thực hiện quy chế dân chủ và cải cách hành chính nhằm xây dựng và củng cố Nhà nước pháp quyền.
4. Quan điểm của Đảng và các chính sách của Nhà nước về thực hiện dân chủ.

Chương Hai

Thực trạng vấn đề thực hiện quy chế dân chủ trong tiến trình cải cách hành chính nước ta hiện nay.

1. Khái quát tình hình thực hiện cải cách hành chính Nhà nước ở nước ta hiện nay.
2. Tình hình thực hiện quy chế dân chủ trên các lĩnh vực và các địa phương ở nước ta hiện nay.
3. Mối quan hệ gắn kết giữa thực hiện quy chế dân chủ với tiến trình cải cách hành chính.
4. Một số vấn đề thực tiễn đặt ra đối với việc thực hiện quy chế dân chủ và cải cách hành chính ở nước ta hiện nay.

Chương Ba

Một số biện pháp gắn kết việc thực hiện dân chủ với tiến trình cải cách hành chính ở nước ta hiện nay.

1. Tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, khắc phục ảnh hưởng tiêu cực của tàn dư tư tưởng phong kiến trong nhận thức và thực hiện dân chủ của cán bộ, công chức và quần chúng nhân dân.
2. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng, hoàn thiện và thực hiện các thiết chế dân chủ ở cơ sở.
3. Mối quan hệ gắn kết giữa thực hiện quy chế dân chủ với tiến trình cải cách hành chính.
4. Tăng cường vai trò của tổ chức Đảng trong việc Thực hiện dân chủ ở cơ sở.
5. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính nhằm thực hiện tốt Quy chế dân chủ.
6. Không ngừng củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, tăng cường công tác Dân tộc, miền núi và Tôn giáo góp phần đặc lực vào việc thực hiện Quy chế dân chủ và cải cách hành chính.
7. Các điều kiện cốt yếu nhằm đảm bảo cho những biện pháp gắn kết việc thực hiện Quy chế dân chủ với tiến trình cải cách hành chính được tiến hành có hiệu quả thực sự, thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước phát triển.

Kết luận.

MỞ ĐẦU

Đại hội IX là một mốc son chói lọi thứ 10 trong lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Chín mốc son trước đó là Hội nghị thành lập Đảng năm 1930 và 8 Đại hội tiếp theo trong thế kỷ XX. Mỗi mốc son đều đánh dấu một chặng đường phát triển của Đảng, một bước trưởng thành mới và những thắng lợi mới của cách mạng Việt Nam.

Đại hội IX là Đại hội của thời kì mới, khi đất nước ta đã bước vào thế kỉ XXI; toàn Đảng, toàn dân ta đã trải qua 5 năm thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, 10 năm thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991- 2000, 17 năm thực hiện đổi mới và 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Chủ đề của Đại hội là ***"Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa"***.

Độc lập dân tộc gắn liền với Chủ nghĩa xã hội là sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình Cách mạng nước ta. Từ những thực tiễn phong phú và thành tựu thu được qua 15 năm thực hiện đổi mới, Đảng ta đã khẳng định tính đúng đắn của Cương lĩnh được thông qua tại Đại hội VIII, khẳng định quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân xây dựng đất nước theo con đường Xã hội chủ nghĩa trên nền tảng của chủ nghĩa Mác- Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đảng ta đã chỉ rõ, xây dựng đất nước ta theo con đường Xã hội chủ nghĩa là phần đầu xây dựng trên đất nước ta một chế độ xã hội do dân làm chủ; một nền văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc; một khối đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức; một Nhà nước pháp quyền của dân do dân, vì dân và một Đảng cầm quyền duy nhất lãnh đạo đó là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ mới là đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đảng ta đã xác định rõ mục tiêu : *"Đưa đất nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; Vị thế nước ta trên trường quốc tế được nâng cao."* (1).

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng ta là Đại hội của *Trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới*. Có *trí tuệ* và *bằng trí tuệ*, Đảng ta mới có tầm nhìn và sự đánh giá đúng tình hình và các xu thế phát triển vốn rất phức tạp và nhiều màu, nhiều vẻ, mới phân tích được và xử lý đúng những vấn đề lý luận và thực tiễn do cuộc sống đặt ra, mới hoạch định được một cách chính xác đường lối, chủ trương, chính sách và những biện pháp có hiệu quả cho sự phát triển. Có *dân chủ* và *bằng phương pháp dân chủ*, mới có thể khơi dậy và động viên được một năng lực vật chất và tinh thần của toàn Đảng và toàn dân để giải quyết những công việc lớn của đất nước. Có *đoàn kết* và *tinh thần đoàn kết* thực sự mới biến được sức mạnh của từng cá nhân, từng tập thể thành sức mạnh tổng hợp của cả cộng đồng, của một

khối thống nhất về chính trị, tư tưởng, tổ chức để làm nên thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Có *đổi mới* và bằng hành động *đổi mới* thực sự mới nắm bắt được những vấn đề mới, nội dung mới và cách giải quyết phù hợp với thực tế khách quan và yêu cầu của sự phát triển theo quy luật.

Trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới, tám chữ vàng ấy quện chặt vào nhau, tác động qua lại với nhau tạo nên sức mạnh và bản lĩnh chính trị vững vàng để Đảng ta lãnh đạo đất nước tiến lên trong thời kì đổi mới. Để đáp ứng yêu cầu khách quan chuyển dịch cơ cấu kinh tế thị trường có sự quản lí của Nhà nước chỉ có thể là phải xây dựng và củng cố một Nhà nước pháp quyền vững mạnh.

Quyền lực Nhà nước ta là quyền lực của nhân dân. Nhân dân làm chủ quyền lực Nhà nước; nhân dân uỷ thác quyền lực của mình cho Nhà nước; nhân dân là mục đích phục vụ của Nhà nước; nhân dân là lực lượng và sức mạnh của Nhà nước. Cơ quan Nhà nước từ Trung ương đến địa phương đều là người chấp hành mệnh lệnh của nhân dân, tuân thủ ý chí của nhân dân.

Nhà nước ta phát huy cao độ quyền dân chủ, có phát huy cao độ quyền dân chủ thì mới động viên được tất cả sức mạnh, tinh thần trí tuệ của nhân dân; mới phát huy được sức mạnh toàn dân tộc để đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên trong thời đại mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: *"Thực hành dân chủ là cái chìa khoá vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn"*. Người đã phân tích và nhấn mạnh rằng nền dân chủ của ta không phải kiểu dân chủ hình thức, dân chủ cho một số người mà là nền dân chủ của tuyệt đại đa số nhân dân, nhân dân là người chủ chân chính duy nhất của xã hội. Nhà nước là cơ quan quyền lực do nhân dân uỷ thác để thực hiện công việc chung cho nhân dân. Muốn bảo vệ lợi ích cho dân ắt phải thực hiện dân chủ và chuyên chính. *"Dân chủ và chuyên chính là đại đa số nhân dân chuyên chính với thiểu số phản động chống lại lợi ích của nhân dân"*. Chuyên chính chỉ là công cụ để bảo vệ dân chủ. *"Dân chủ là của cải quý báu nhất của nhân dân, chuyên chính là cái khoá, cái cửa để phòng kẻ phá hoại, nếu hờm mà không khoá, nhà không cửa thì sẽ mất cắp hết. Cho nên, có cửa phải có khoá, có nhà phải có cửa. Thế thì dân chủ cũng cần phải có chuyên chính để giữ lấy dân chủ"*. Dân chủ không có nghĩa là một thứ mà nhân dân được ban phát mà đó là quyền của nhân dân. Nhà nước ta thực sự đảm bảo cho nhân dân quản lí công việc của đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã nói: *"Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng đất nước"*(2). Nhà nước phải có trách nhiệm tổ chức, tạo điều kiện nâng cao năng lực và trình độ làm chủ cho nhân dân; phải chịu trách nhiệm trước dân về mọi hoạt động của mình; phải chịu sự kiểm tra giám sát của nhân dân. Đảng và Nhà nước phải quan tâm và có kế hoạch hữu hiệu để không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân. Có như vậy, nhân dân mới có đủ điều kiện để thực sự tham gia vào công việc quản lí Nhà nước và thực hiện quyền làm chủ bằng Nhà nước.

Từ nhận thức trên đây, chúng ta thấy rõ mối quan hệ biện chứng và gắn bó tất yếu giữa xây dựng Nhà nước pháp quyền với mở rộng thực hiện dân chủ. Yếu tố quan trọng nhất của vấn đề dân chủ là quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân. Nhà nước phải thực sự đại diện cho quyền lực, ý chí, nguyện vọng của nhân dân.

Muốn xây dựng một Nhà nước pháp quyền vững mạnh thì phải tập hợp được ý chí, nguyện vọng của nhân dân. Mọi công việc của Nhà nước phải đảm bảo thực sự “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*”, tức là phải thực sự xây dựng và thực hiện nền dân chủ nhân dân.

Cùng với tiến trình đổi mới được bắt đầu từ thập kỉ 80 cuối thế kỉ XX, Đảng và Nhà nước ta tiến hành cải cách bộ máy Nhà nước mà trọng tâm cơ bản là cải cách nền hành chính Nhà nước. Qua 15 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và 10 năm tiến hành cải cách hành chính, Đảng và nhân dân ta đã thu được những kết quả ban đầu rất quan trọng trong lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện Nhà nước. Xây dựng nền hành chính theo hướng hiện đại đáp ứng yêu cầu sự nghiệp đổi mới của đất nước mà nội dung phải đảm bảo phục vụ Nhà nước, phục vụ nhân dân bằng các phương tiện hành chính là trọng tâm của công cuộc cải cách nền hành chính hiện nay. Mở rộng Dân chủ Xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân là mục tiêu, đồng thời là động lực đảm bảo cho thắng lợi của công cuộc cải cách hành chính, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa ở nước ta, đưa công cuộc đổi mới đất nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đi đến thành công.

Đề tài khoa học “*Nghiên cứu những biện pháp gắn kết thực hiện quy chế dân chủ với tiến trình cải cách hành chính*” là nhằm đóng góp giải quyết vấn đề bức thiết đang đặt ra hiện nay trong công cuộc cải cách hành chính và mở rộng thực hiện dân chủ mà cụ thể là thực hiện quy chế dân chủ theo chỉ thị của Bộ Chính trị Trung ương Đảng số 30-CT/TƯ ngày 18/2/1998 về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

Đề tài vừa mang tính lí luận vừa có ý nghĩa thực tiễn, qua điều tra khảo sát thực tiễn việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trong tiến trình cải cách hành chính ở các cơ quan Trung ương và các địa phương trong thời gian qua.

Để hoàn thành đề tài, chúng tôi nhận được sự chỉ đạo của lãnh đạo Học viện Hành chính Quốc gia, sự quan tâm sát sao của Viện khoa học hành chính thuộc Học viện hành chính quốc gia. Chúng tôi nhận được sự quan tâm ủng hộ và tạo điều kiện của các đồng chí lãnh đạo ở một số cơ quan, Ban Ngành Trung ương; các cơ quan, địa phương và các nhà nghiên cứu đồng nghiệp đã tận tình giúp đỡ tạo điều kiện và góp ý kiến trong quá trình chúng tôi khảo sát thực tiễn, thu thập thông tin để nghiên cứu đề tài. Tập thể nhóm đề tài chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn trân trọng đối với những sự quan tâm giúp đỡ quý báu đó.

Đề tài đã được hoàn thành, tuy nhiên trình độ của nhóm đề tài có hạn, nội dung của đề tài vẫn còn là vấn đề mới mẻ của nước ta, điều kiện khách quan và chủ quan để nghiên cứu đề tài cũng còn có những điểm bất cập. Do đó, kết quả của đề tài không tránh khỏi những khiếm khuyết nhất định. Chúng tôi chân thành mong mỏi và cảm ơn các ý kiến chỉ giáo và góp ý của các nhà lãnh đạo, các nhà nghiên cứu khoa học, các nhà quản lí và các đồng nghiệp để chúng tôi có cơ hội bổ khuyết.

Hà nội, ngày 18 tháng 3 năm 2004.

Chủ nhiệm đề tài.

TS. Võ Văn Tuyền

CHƯƠNG MỘT

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TÍNH TẤT YẾU THỰC HIỆN DÂN CHỦ VỚI XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN Ở NƯỚC TA.

1. NGUỒN GỐC, BẢN CHẤT, NỘI DUNG CỦA VẤN ĐỀ DÂN CHỦ.

1.1. Nguồn gốc, bản chất của dân chủ.

Dân chủ là một khái niệm chính trị học có nguồn gốc từ thời Hy Lạp cổ đại.

Trong tiếng Hy Lạp, khái niệm này là một từ kép bao gồm hai chữ **Demos** (có nghĩa là người bình dân - không phải quý tộc, cũng không phải nô lệ) và **Kratia** có gốc từ **Kratos** là sức mạnh, quyền lực có nghĩa là sự cai trị, sự thống trị. Về phương diện từ nguyên **DemoKratia**(Tiếng Hy Lạp) **Democacy** (Tiếng Anh) hay **Démokratie** (Tiếng Pháp) đều có nghĩa là quyền lực - sự thống trị - nền cai trị của người bình dân. Khái niệm này được hiểu theo nghĩa đối lập với chế độ độc tài hay chế độ quân phiệt dẫu sở.

Tuy nhiên, ngày nay khái niệm dân chủ đã mang những nội dung mới mẻ, rộng rãi hơn so với nguyên nghĩa gốc của **DemosKratia**. Từ điển Tiếng Việt do Hoàng Phê chủ biên giải thích từ **dân chủ** có hai nghĩa: nghĩa thứ nhất là: Có tính chất của chế độ dân chủ, nhằm thực hiện chế độ dân chủ. (Quyền tự do dân chủ. Cải cách dân chủ. Đảng phái dân chủ). Nghĩa thứ hai là chỉ phương thức công tác: Tôn trọng và thực hiện quyền mọi người tham gia bàn bạc và quyết định các công việc chung. (Tác phong dân chủ. Thảo luận dân chủ.) Dân chủ còn là từ nói tắt để chỉ chế độ dân chủ hoặc quyền dân chủ. (Phát huy quyền dân chủ. Mở rộng dân chủ.) (3)

Khái niệm **dân chủ** ra đời từ nền dân chủ Hy Lạp cổ đại, gắn liền với sự xuất hiện của một loại hình đô thị cổ gọi là Polis (Thành bang) sớm nhất vào khoảng thế kỷ thứ VI trước Công nguyên. Trong thời kỳ này, ở xã hội Hy Lạp cổ đại xảy ra những xung đột dữ dội, đối lập giữa các dòng họ lớn với nhau và xung đột đối lập giữa các dòng họ này với các cư dân ở các vùng nông thôn. Các cuộc xung đột này nổ ra gay gắt và kéo dài dẫn đến cuối cùng trên nhiều vùng lãnh thổ đã buộc các bên xung đột phải cùng đặt ra những nguyên tắc thoả thuận với nhau để giải quyết các xung đột, đối lập gay gắt đó. Các nhân vật tài trí uyên bác đương thời như Dracon và Solon đã quy định các nguyên tắc cho các mối quan hệ của các thành viên trong cộng đồng xã hội. Dần dần, trên cơ sở các quy định, các nguyên tắc được đề ra cho các mối quan hệ giữa các thành viên với cộng đồng, luật pháp được hình thành(4).

Trong tác phẩm của mình, Aristote nhà triết học Hy Lạp cổ đại đã định nghĩa **Đô thị** bằng cách đem khái niệm này đối lập với hai hình thức quản trị khác nhau: *Tập hợp theo huyết thống* và *tập hợp theo quan hệ láng giềng* vì lợi ích chung. Trong cả hai hình thức quản trị này mục đích là cố kết với nhau vì sự tồn tại. Còn quản trị ở các đô thị mới (Polis) là nhằm mục đích tạo nên các thể ứng xử đảm bảo cho con người có cuộc sống có chất lượng cao hơn - Sống cho ra sống.

Tức là nhằm đạt được cuộc sống sao cho có thể đạt được sự thoả mãn chính đáng của con người dưới sự chi phối, điều tiết của luật pháp cho phép tập thể hay cộng đồng thiết lập được một trật tự công bằng về quyền và nghĩa vụ của các thành viên.

Trong bối cảnh xã hội bấy giờ, người Hy Lạp cổ đại có thể lựa chọn ba hình thức thể chế chính trị khác nhau:

- Chế độ chính trị do một người duy nhất đứng đầu cai quản thống trị.
- Chế độ chính trị do một nhóm người thiểu số trong xã hội có vị thế đặc quyền đặc lợi được coi là những công dân **“thượng đẳng”** do thành phần xuất thân, do sở hữu tài sản, do quyền lực tôn giáo hay sức mạnh quân sự nắm quyền cai trị.
- Chế độ chính trị theo hình thức dân chủ mà quyền lực thuộc về đại đa số các tầng lớp nông dân, thợ thủ công, thương nhân, dân chài nắm quyền.

Athènes là một thành bang (Polis) của Hy Lạp cổ đại đã có công cống hiến to lớn cho lịch sử nhân loại bằng cách phát minh ra khái niệm dân chủ (Démokratia) và thiết lập chế độ dân chủ đầu tiên.

Từ cuối thế kỷ thứ IV đến nửa cuối thế kỷ III trước Công nguyên, chính quyền dân chủ đã thực hiện một loạt cải cách rất tiến bộ, mở rộng quy chế công dân cho tất cả đàn ông là người của thành bang Athènes; đảm bảo cho họ có quyền bình đẳng trước pháp luật và có quyền tham gia xử án. Một trăm trấn thành đã được thiết lập, liên kết tập hợp thành mười Bộ lạc được đặt dưới sự cai quản điều hành của một Hội đồng bao gồm các đại diện của tất cả các công dân có thẩm quyền. Quyền lực tập trung cao nhất thuộc về Hội nghị toàn dân, nhóm họp toàn thể các công dân khoảng 10 lần trong một năm. Hội nghị toàn thể công dân bàn bạc giải quyết và đưa ra quyết định cao nhất về các quyết sách của cộng đồng; thông qua các sắc lệnh; bầu ra các quan toà có trách nhiệm về hành chính và chỉ định ra các thành viên có nhiệm vụ xét xử theo biểu quyết đa số. Mọi công dân đều có quyền phát biểu, đề đạt ý kiến của mình trong các cuộc Hội nghị. Các *“Toà Hành chính”* được bầu ra, kể từ người có trách nhiệm cao nhất đến người kiểm soát ở các chợ đều làm việc theo chế độ bàn bạc tập thể. Như vậy, một tổ chức quản lý hành chính trung gian dân sự không là sở hữu của riêng ai, không là của riêng một nhóm người hay bộ phận nào mà là của toàn thể công dân đã được ra đời. Tổ chức quản lý hành chính này nhằm ngăn chặn sự xuất hiện sự thao túng quyền lực của một cá nhân hay của bạo chúa; đồng thời tổ chức dân sự này cũng ngăn chặn cả sự thiết lập một đẳng cấp, một tầng lớp hay giai cấp tách khỏi xã hội để chiếm giữ địa vị thống trị. *Hình thức tổ chức quản lý hành chính dân sự này chính là nền dân chủ đầu tiên, một chế độ tốt đẹp đảm bảo cho mọi người có quyền được bình đẳng trước pháp luật, có quyền được tự do cá nhân và tất cả công dân đều có quyền hạn và trách nhiệm bảo vệ và thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.* Các công dân không chịu sự điều khiển của một người chủ nào khác ngoài pháp luật và pháp luật thực sự có chức năng bảo đảm sự tự do cho tất cả mọi người, pháp luật thực hiện công lý.

Tuy nhiên, ngày nay khái niệm dân chủ đã mang những nội dung mới mẻ, rộng rãi hơn so với nguyên nghĩa gốc của *Démokratia*. Từ điển Tiếng Việt do

Hoàng Phê chủ biên giải thích từ *dân chủ* có hai nghĩa: nghĩa thứ nhất là: Có tính chất của chế độ dân chủ, nhằm thực hiện chế độ dân chủ. (Quyền tự do dân chủ. Cải cách dân chủ. Đảng phái dân chủ). Nghĩa thứ hai là chỉ phương thức công tác: Tôn trọng và thực hiện quyền mọi người tham gia bàn bạc và quyết định các công việc chung. (Tác phong dân chủ. Thảo luận dân chủ.) Dân chủ còn là từ nói tắt để chỉ chế độ dân chủ hoặc quyền dân chủ. (Phát huy quyền dân chủ. Mở rộng dân chủ.) (3)

1.2. Các hình thức dân chủ và bản chất của dân chủ.

Nền dân chủ làng xã: Thời Trung cổ ở Châu Âu, với sự ra đời của Cộng hoà La Mã, quyền quyết sách các vấn đề xã hội thuộc về Thượng Viện quý tộc (Senatus) và sau đó là quyền lực tối cao của Hoàng đế. Nền dân chủ cổ đại chỉ còn là le lối như ánh tích dương, tuy nhiên tàn dư của nó không chết hẳn. Từ thế kỷ XII đến khoảng thế kỷ XIV, xã hội Châu Âu có xu hướng chuyển đổi từ loại gia đình tông tộc lớn, nhiều thế hệ chung sống chuyển sang loại hình gia đình hạt nhân gồm một vợ một chồng sinh sống với những đứa con của họ đã tạo ra một sự gắn kết xã hội theo hình thức liên kết cộng đồng ở các làng xã. Những gia đình hạt nhân của các cộng đồng làng xã và các đô thị nhỏ gắn kết với nhau không tách rời khỏi quá trình phát triển của loại hình Nhà nước lãnh thổ, tức là Nhà nước lãnh địa phong kiến chuyển sang loại hình Nhà nước của công lý và tài chính - mô hình những tài sản. Bước biến chuyển ấy đã làm tái xuất hiện luật pháp về quyền công dân trên một mặt bằng pháp lý rộng hơn và có hiệu lực hơn so với nền dân chủ của các thành bang (Polis) cổ đại chỉ bảo hộ cho số công dân tự do chứ chưa bảo hộ cho toàn bộ các thành viên xã hội.

Trong bối cảnh ấy, xuất hiện nền dân chủ làng xã. Trong các làng xã Châu Âu thời Trung cổ, các tiểu gia đình (gia đình hạt nhân) là tế bào xã hội đã đào luyện tinh thần hoà nhập cộng đồng.

Hàng năm, mỗi năm hai lần, có một Hội đồng được triệu tập Hội nghị gồm những người đại diện cho các hộ gia đình trong làng. Lúc đầu chỉ là những người đàn ông (gia trưởng) đại diện, về sau có cả sự góp mặt của những người phụ nữ thuộc các hộ đàn bà goá chồng. Hội nghị bàn bạc giải quyết các vấn đề trong làng xã theo chế độ dân chủ trực tiếp hay theo cung cách đại diện tùy theo cách thức đặt các thể chế chức năng trong làng.

Hội đồng bàn bạc, giải quyết các vấn đề luân canh, chăn nuôi gia súc trên đồng cỏ, giải quyết các việc về quản lý trong làng xã, phân bổ thuế để nộp cho nhà Vua, đóng góp xây dựng các công trình phúc lợi công cộng, trật tự trị an... Các cộng đồng cư dân đó được gọi là "*Cộng xã*", "*Giáo khu*"... thực chất đó là cộng đồng làng xã, một hình thức liên kết bền vững nhất trong các thiết chế xã hội của con người. Trong các làng xã, dân chủ được thực hiện bằng sự cân bằng giữa sự quyết đoán của ý thức tự trị và những nhiệm vụ của các thành viên với sự tồn tại và quyền lợi của cộng đồng(5). Chính sự cân bằng (hay thăng bằng) giữa tự do với trách nhiệm nghĩa vụ của mỗi thành viên đối với cộng đồng đã khẳng định sự cố kết của nền dân chủ làng xã. Từ trong mối cố kết của cộng đồng làng xã, lối ứng xử thích nghi và tồn tại giữa các thành viên với cả cộng đồng, mà người ta học được bài học lớn lao thế nào là tự do và thế nào là trách nhiệm. Bài học về tự do và trách nhiệm cũng chính là bài học cốt yếu về dân chủ. "*Dân chủ là quyền của các*

thành viên được tham gia vào các hành động xã hội, các vấn đề xã hội, các quyết sách của hoạt động xã hội; là trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên đối với cộng đồng và đồng thời là sự đảm bảo của cộng đồng đối với quyền tự do của mỗi thành viên trong cộng đồng.”(6)

Dân chủ và hệ tư tưởng: Xã hội vận động và phát triển không ngừng và luôn luôn gắn liền với các yếu tố tác động đến sự phát triển cụ thể. Do đó, mỗi một cộng đồng xã hội hay một quốc gia, dân tộc trong từng thời kỳ phát triển đều có một đặc trưng riêng. Tương ứng với từng yếu tố đặc trưng của xã hội mà hệ tư tưởng hay nền dân chủ cũng được biểu hiện dưới nhiều trạng thái khác nhau. Thật là khó có thể tìm thấy những sự giống y hệt nhau giữa những nền dân chủ nhỏ, có tính chất trực tiếp của các thành bang Hy Lạp cổ đại hay nền dân chủ hiện đại. Nền dân chủ hiện đại thường gắn liền với những hệ tư tưởng hay những học thuyết gây ảnh hưởng tác động đến biện pháp và các đạo luật của Nhà nước.

Theo Claude Polin trong tác phẩm *"luận về Nền dân chủ"* thì các nền dân chủ đều có chung một tính chất là : Hệ tư tưởng của nó đều kế thừa các hệ tư tưởng của thế kỷ XVIII và ý niệm *dân chủ* hiện đại thường được đồng nhất với sự *đình đẳng*.

Trong tác phẩm *"Hệ tư tưởng và nền dân chủ"* thì Paul Claval lại chủ trương rằng các hệ tư tưởng dân chủ hiện đại đều có nguồn gốc từ các tư tưởng cải cách tôn giáo. Tuy nhiên, sự thành công của các tư tưởng dân chủ hiện đại chỉ đạt được thành công khi những người Thanh giáo đem áp dụng phổ biến và trực tiếp đối với các thiết chế tôn giáo của những người thực dân ở nước Mỹ vào cuối thế kỷ XVI đến nửa đầu thế kỷ XVII. Năm 1755, tại Viện Hàn Lâm Đi-Giông, Jean Jacques Rousseau (1712 - 1778) đã công bố bản luận văn nổi tiếng *"Luận về nguồn gốc và những cơ sở của sự bất bình đẳng của con người"*. Luận điểm quan trọng trong luận văn này cho rằng nguyên nhân của sự bất bình đẳng của con người là do chế độ tư hữu tài sản(8). Tuy nhiên, J.Rousseau là một nhà tư tưởng theo trực giác và đôi khi mâu thuẫn với chính mình. J.Rousseau cũng cho rằng *khế ước xã hội* tạo ra một ý nguyện chung tối thượng nhưng ông lại cho rằng dùng cái ý nguyện chung đó để trấn áp cá nhân ương ngạnh có nghĩa là ép buộc người ta phải tự do. Điều đó đã làm nổ ra rất nhiều cuộc tranh luận. Thực ra, ý niệm hay ý nguyện chung chính là tạo ra một tâm lý tuân phục những luật lệ được tạo ra do con người. Học thuyết của J.Rousseau đã cung cấp một khuôn khổ kết hợp, tạo ra một hình thức dân chủ chung cho cả những chính thể phi dân chủ gắn liền với pháp luật và thể chế chính trị.

Thế kỷ XVIII đối với Phương Tây, nhất là Tây Âu là một sự thay đổi lớn và phức tạp, chuyển từ xã hội Trung cổ sang xã hội tân tiến và tạo ra một bước ngoặt quan trọng, đặc biệt là cuộc cách mạng Pháp 1789. Một tiến trình tiến triển vượt bậc về nhiều góc độ kinh tế, sản xuất, thương mại, tăng trưởng... song diễn ra không đồng đều trong thế giới Phương Tây. Nói chung phát triển nhất ở Anh, Pháp, một phần quan trọng là cuộc cách mạng Hoa Kỳ và các nước Châu Âu kể cả Nga. Tuy nhiên, những phong trào cải cách hay cách mạng đó vẫn được coi là *"chế độ độc tài sáng suốt"*, phụ thuộc vào trí và lực của ông Vua chuyên chế. Chính vì vậy mà những người theo chủ nghĩa Mác - xít xem thế kỷ này là cực

điểm của xã hội về tranh chấp giữa giai cấp quý tộc thống trị cũ, dựa vào phương tiện sản xuất Trung cổ với giai cấp trưởng giả hay trung lưu mới đang tìm cách tranh giành quyền hành từ tay các nhà quý tộc. Đương nhiên, thế kỷ XVIII chưa có khái niệm về *đấu tranh giai cấp* mà chủ nghĩa Mác phát minh sau này. Tình trạng chính trị thế kỷ XVIII là thời kỳ "*Chuyên chế*" hay *sở hữu*". Không một quốc gia nào trong thế kỷ này được coi là một nước dân chủ. Không ở đâu có phổ thông đầu phiếu, chưa ai nói đến nam nữ bình quyền. Có chăng, chỉ thỉnh thoảng có một vài đơn vị bầu cử ở nước Anh hay một vài quận nhỏ ở Thụy Sĩ có giành quyền bầu cử cho hầu hết đàn ông trưởng thành, còn phụ nữ chưa bao giờ được phép bầu cử. Những khái niệm như "*chế độ đa số*", "*Phổ thông đầu phiếu*", "*Trung cầu dân ý*"... chưa bao giờ có trong thực tế, mặc dù những tư tưởng dân chủ vẫn có xuất hiện trong giới trí thức như đã đề cập ở trên.

Bước sang thế kỷ XIX, những tư tưởng dân chủ gắn liền và liên quan đến cuộc cách mạng kỹ nghệ cùng với các tiến bộ khoa học. Thế kỷ XIX là thế kỷ phát triển kinh tế nhờ vào sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật. Trên nền cảnh đó nhiều tư tưởng, học thuyết liên quan đến vấn đề dân chủ cũng được hình thành dưới nhiều hệ quy chiếu khác nhau.

Thế kỷ XIX cũng là thế kỷ danh tiếng của chủ nghĩa lý tưởng Đức với tên tuổi của Kant, Fichte, Schelling, Hegel. Đỉnh cao của trào lưu chủ nghĩa lý tưởng này là Hegel. Theo ông, trí (Geist) phát triển qua các thời đại theo một tiến trình gọi là *dịch hoá pháp*, bắt đầu là *Chính đế*, đến *Phản đế* và cuối cùng là *Tổng hợp*. Quan điểm của Hegel Georg Wilhelm friedrich (1770 - 1831) đã ảnh hưởng rất lớn đến các học trò của ông như Strauss, Feuerbach và đặc biệt là Karl Marx.

Ở Pháp, trong thế kỷ XIX về tư tưởng dân chủ phải kể đến tên tuổi và học thuyết của nhà xã hội học không tưởng Clau de Henri Saint Simon (1760 - 1825). Ông thuộc dòng dõi quý tộc, sinh sống ở thủ đô Paris lâu đời. Những tác phẩm chính của ông như: *Những bức thư từ Gionève*(1803), *Thư gửi một người Mỹ* (1817), *Về tổ chức xã hội ở Châu Âu* (1814), *Quan điểm về sở hữu và pháp chế* (1818), *Hệ thống công nghiệp* (1821), *Đạo đức mới* (1825). Các tác phẩm chủ yếu đó đã thể hiện học thuyết xã hội chủ nghĩa của Saint Simon. Ông quan niệm đúng đắn rằng, lịch sử loài người là một quá trình tiến hoá không ngừng, chế độ sau tiến bộ hơn chế độ trước. Sự xuất hiện các giai cấp trong xã hội là do kết quả của sự chiếm đoạt. Saint Simon mơ hồ gộp giai cấp tư sản và vô sản làm một nhưng ông cũng có lý khi cho rằng cuộc đấu tranh giai cấp là gay gắt.

Saint Simon phê phán chủ nghĩa Tự bản tự do cạnh tranh đã làm cho người này giàu có được tôn sùng và người khác thì phá sản trở thành kẻ làm thuê. Ông cho rằng, xã hội Tự bản là rất không hoàn thiện, buộc con người phải bóc lột và lừa bịp còn Chính phủ thì lại không đoái hoài tới đời sống của dân nghèo. Chính vì vậy, trong học thuyết của mình, ông chủ trương xây dựng một *xã hội công nghiệp* mà quá trình chuyển biến giữa xã hội Tự bản lên xã hội mới là quá trình tiến triển hoà bình bằng cách vận động, thuyết phục các nhà tư bản bỏ vốn đầu tư và có tấm lòng bác ái.

Trong xã hội mới đó, các hoạt động công nghiệp, nông nghiệp và thương nghiệp đều được khuyến khích phát triển. Xã hội đó được phát triển phù hợp với

lợi ích của đa số người lao động, đảm bảo những điều kiện vật chất và tinh thần cho quần chúng nhân dân. Học thuyết của Saint Simon luôn dành sự quan tâm cho *Giai cấp nghèo khổ và đông đảo nhất trong xã hội*. Ông chủ trương mục tiêu của xã hội mới là phải cải thiện số phận của giai cấp công nhân. Nguyên tắc xã hội mà ông nêu lên là mọi người đều phải và được lao động. Luận điểm đặc sắc trong học thuyết của ông là chính trị chỉ là khoa học về sản xuất và sớm hay muộn sẽ hoàn toàn bị kinh tế nuốt mất. Xã hội mới mà ông dự kiến cũng còn rất mơ hồ, chưa chỉ ra lực lượng xây dựng thật sự sẽ làm thay đổi xã hội cũ và làm chủ xã hội mới. Mặt khác, học thuyết Saint Simon đầy ảo tưởng trông chờ vào lòng từ thiện của giai cấp Tư sản. Cho nên, học thuyết của ông vẫn chỉ là sự không tưởng.

Tuy nhiên, những ý tưởng về một xã hội có nền kinh tế thống nhất, có kế hoạch trên quy mô một quốc gia và quy mô thế giới có một giá trị rất lớn. Học thuyết của ông đã có tác động ảnh hưởng lớn trong phong trào công nhân thế kỷ XIX. Nó trở thành tiền đề lý luận để sau đó Marx và Engchen tiếp thu có chọn lọc và phê phán, kết hợp với các tiền đề lý luận khác xây dựng nên học thuyết Marx - Engchen.

Cũng ở Pháp, vào nửa đầu thế kỷ XIX còn có học thuyết của nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa nổi tiếng Charles Fourier trong đó ông bàn đến những tư tưởng dân chủ quan trọng.

Học thuyết của Charles Fourier được thể hiện chủ yếu qua các tác phẩm: *Lý luận về bốn thứ vận động chủ yếu và những vận mệnh phổ biến* (1808); *Luận văn về hiệp hội gia đình và nông nghiệp* (1822) (về sau tái bản với tên gọi *Lý luận về sự thống nhất toàn thế giới*); *Thế giới Công nghiệp và hiệp hội mới* (1829). Trong học thuyết của mình Fourier cho rằng, lịch sử loài người là sự đổi thay liên tục của các trật tự xã hội và các chế độ xã hội khác nhau. Theo ông, tiến trình xã hội loài người trải qua bốn giai đoạn: Mông muội, dã man, gia trưởng và văn minh là giai đoạn tư bản chủ nghĩa. Trong giai đoạn này, mọi thói hư tật xấu từ đơn giản đã trở thành phức tạp, mập mờ, hai mặt và giả dối. Văn minh tư sản vận động trong vòng luẩn quẩn, đặc điểm của nó là sản xuất và tổ chức tạo ra nguồn của cải xã hội tăng lên nhưng quyền lợi của những người lao động lại không được hưởng. Do vậy, trong giai đoạn văn minh, sự nghèo khổ, bất công được sinh ra từ bản thân sự thừa thãi. Fourier chủ trương giai đoạn văn minh (xã hội tư bản) cần phải được thay thế, không phải làm cho xã hội tư bản tốt đẹp hơn mà là phải tiêu diệt nó để thiết lập một xã hội mới tốt đẹp. Xã hội mới tốt đẹp theo học thuyết của ông là xã hội theo *chủ nghĩa công nghiệp mới*. Xã hội đó bao gồm các phalanges (một hình thức kiểu công xã) trong các công xã đó kinh tế có sự kết hợp công - nông nghiệp. Dân cư được sống trong các nhà công cộng và lao động tập thể. Mọi người lao động đều được đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ như nhau. Những người có tài năng, năng lực được mọi người dân tổ chức một cách tự nguyện và không có sự kiểm soát của Nhà nước. Với những công xã như vậy được hình thành ở tất cả các nước thì xã hội sẽ vươn lên thay đổi thành một xã hội mới tốt đẹp mà ông gọi là *xã hội hài hoà*. Trong xã hội mới này mọi người đều vui vẻ, tự do, bình đẳng, quyền lợi con người được đảm bảo công bằng. Đặc biệt trong xã hội, Fourier cho rằng *trình độ giải phóng phụ nữ là thước đo tự nhiên của sự giải phóng chung*. Học thuyết của

Fourier còn có nhiều hạn chế, bảo thủ quyền sở hữu tư liệu sản xuất, thủ tiêu vai trò của đấu tranh giai cấp, mơ hồ về bản chất của giai cấp tư sản. Học thuyết về *xã hội hài hoà* của Fourier có ảnh hưởng rộng rãi trong nhân dân nửa đầu thế kỷ XIX nhưng không có một nhà tư bản hay chính khách nào ủng hộ ông cả. Do vậy, học thuyết của Charles Fourier vẫn mang tính chất không tưởng. Karl Marx và Friedrich Engels đã đánh giá cao tư tưởng của Fourier và tiếp thu có phê phán chọn lọc làm tiền đề lý luận cho học thuyết về chủ nghĩa cộng sản khoa học sau này.

Ở nước Anh, tư tưởng về dân chủ nổi bật được đề cập đến trong học thuyết cả Robert Owen (1771 - 1858) nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng vĩ đại của thế kỷ XIX.

Vốn là một nhà quản lý doanh nghiệp công nghiệp dệt ở New Lanark (Scotland), Robert Owen đã tập trung nghiên cứu về kinh tế và chính trị học. Với trí tuệ nhạy bén, ông đã làm nhiều việc để cải thiện điều kiện lao động và nâng cao đời sống của người lao động. Ông đánh giá sâu sắc về chủ nghĩa tư bản và tìm cách cải tạo xã hội, Owen đã chuyển từ chủ nghĩa từ thiện sang chủ nghĩa xã hội không tưởng.

Trong học thuyết của mình, Robert Owen đã phê phán những cơ sở của chủ nghĩa tư bản như: Chế độ tư hữu, kết cấu giai cấp xã hội, sự bất công hoá nhân dân lao động, đạo đức và quyền con người bị suy đồi. Ông cũng cho rằng: Chế độ tư hữu chính là nguyên nhân duy trì và tăng cường sự suy đồi đó và cũng là nguyên nhân của sự thù hận và đấu tranh giữa các dân tộc. Ông cũng phê phán gay gắt giáo hội Thiên chúa giáo và chế độ hôn nhân tư sản thiếu tự do và bình đẳng. Robert Owen đã đưa ra một nguyên tắc xây dựng xã hội mới gọi là *xã hội hợp lý* sở hữu chung và lao động chung, kết hợp lao động trí óc với lao động chân tay, cá nhân có quyền được phát triển toàn diện, được đảm bảo bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ.

Karl Marx (1818-1883) người cùng với Friedrich Engels (1820-1895) sáng lập nên *Chủ nghĩa cộng sản khoa học*, chủ trương giải phóng nhân loại khỏi sự áp bức bóc lột của giai cấp công nhân và nhân dân lao động từ địa vị bị áp bức bóc lột lên địa vị làm chủ xã hội.

Karl Marx là một trong những vĩ nhân của lịch sử nhân loại. Tư tưởng của Karl Marx đã đi vào lịch sử và được coi là người thầy thiên tài của giai cấp vô sản toàn thế giới.

Ngay từ năm 19 tuổi (1837) Marx đã nghiên cứu kỹ các tác phẩm của Hegel và đặc biệt rất quan tâm đến triết học của Epicure một trong những nhà tư tưởng lớn thời cổ đại. Marx quan tâm đến vấn đề thái độ của con người đến thế giới xung quanh. Marx đánh giá cao tư tưởng của Epicure muốn vươn đến tự do và độc lập, muốn thoát khỏi những xiềng xích ràng buộc của tôn giáo và mê tín. Quá trình chuyển biến tư tưởng của Marx là chuyển từ chủ nghĩa duy tâm sang chủ nghĩa duy vật và từ chủ nghĩa dân chủ cách mạng sang chủ nghĩa cộng sản. Marx cho rằng: Cần xem xét lại một cách có phê phán các quan điểm duy tâm của Hegel về Nhà nước và cách mạng. Bởi Nhà nước không phải là hiện thân của lý trí thế giới, lại càng không phải là hiện thân của cái chung đứng trên các lợi ích riêng như Hegel đã khẳng định. Marx đã viết tác phẩm *góp phần phê phán triết học phong*

kiến của Hégel nhưng mãi sau này, đến 1927 mới được xuất bản ở Liên Xô. Các tác phẩm phê phán triết học của Hégel đã đưa ra được một quan điểm đúng đắn về *chế độ dân chủ xã hội*, trong *chế độ dân chủ này đảm bảo quyền tự quyết của nhân dân và lợi ích của nhân dân*. Marx khẳng định rằng, giai cấp vô sản có sứ mệnh giải phóng toàn thể nhân loại lao khổ. Đó là một dự báo thiên tài đối với sự phát triển lịch sử xã hội và Marx đã tập trung nghiên cứu để chứng minh cho luận điểm đó. Tháng 02 năm 1845 Marx đã viết chung với Engels tác phẩm *Gia đình thần thánh* tập trung phê phán mạnh mẽ chủ nghĩa duy tâm chủ quan của phái Hégel trẻ, thực chất là phê phán toàn bộ chủ nghĩa duy tâm, đồng thời khẳng định vai trò quyết định của quần chúng nhân dân trong lao động.

Từ 1845 đến 1846 Marx và Engels tập trung viết tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức* tiếp tục phê phán triết học duy tâm của Hégel và phái Hégel trẻ, đồng thời phê phán cả chủ nghĩa duy vật không nhất quán của Lud wig Feuerbach. Trong tác phẩm *Sự bản cùng của triết học* (1847), Marx đã chống lại triết học tiểu tư sản của Proudhon và trình bày những cơ sở của chủ nghĩa duy vật lịch sử và chính trị kinh tế học vô sản.

Năm 1848, được sự uỷ nhiệm của Đại hội II Liên đoàn những người Cộng sản, Marx và Engels đã viết bản *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* một văn kiện quan trọng mang tính chất cương lĩnh của Chủ nghĩa Marx và Đảng Cộng sản. Văn kiện này đã làm sứ mệnh soi sáng cho giai cấp vô sản toàn thế giới đấu tranh để thoát khỏi chế độ nô lệ, nghèo nàn, đánh đổ chủ nghĩa Tư bản, đưa cách mạng vô sản đến thành công. Marx và Engels đã phân tích một cách sâu sắc vai trò đấu tranh giai cấp trong lịch sử xã hội loài người. Cuộc đấu tranh giai cấp giữa những người bị áp bức và những kẻ áp bức là động lực tất yếu của sự phát triển lịch sử. Marx và Engels cho rằng, bước đầu tiên của cách mạng Vô sản là *"biến giai cấp vô sản thành giai cấp thống trị, là giành lấy dân chủ"*. Tư tưởng đó chính là tư tưởng *"xác lập chuyên chính của giai cấp vô sản"*. Marx khẳng định : Đấu tranh giai cấp chính là động lực thúc đẩy xã hội phát triển và quy luật tất yếu là phải dùng bạo lực cách mạng trong việc giành chính quyền về tay giai cấp vô sản: *"Bạo lực là bà đỡ của mọi cuộc cách mạng"*.

Trong tác phẩm *"Phê phán cương lĩnh Gô ta"*, Marx đã kịch liệt lên án sai lầm cơ hội chủ nghĩa của những người lãnh đạo Đảng xã hội dân chủ Đức, đề ra vấn đề hết sức quan trọng từ chủ nghĩa tư bản quá độ lên chủ nghĩa cộng sản và bản thân chủ nghĩa cộng sản phải phát triển qua hai giai đoạn: giai đoạn thấp - chủ nghĩa xã hội và giai đoạn cao - Chủ nghĩa cộng sản. Về thực hiện công bằng xã hội và dân chủ xã hội, Marx cho rằng : Ở giai đoạn thấp - giai đoạn chủ nghĩa xã hội, để thực hiện công bằng xã hội phải thực hiện *làm theo năng lực, hưởng theo lao động*; còn ở giai đoạn phát triển cao - giai đoạn cộng sản chủ nghĩa sẽ thực hiện công bằng xã hội, bằng cách *làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu*.

Học thuyết của Marx và Engels đã được Vladimir ilitch Lenine kế tục và phát triển thành chủ nghĩa Marx - Lê nin, ngày nay càng ngày càng phát huy ảnh hưởng mạnh mẽ và sâu sắc đến sự phát triển của xã hội trên thế giới.

Qua những vấn đề trình bày ở các phần trên đã cho chúng ta thấy dân chủ là một khái niệm thuộc về phạm trù chính trị có nguồn gốc từ thời kỳ Hy-lạp cổ đại.

Thuật ngữ *dân chủ* (Demoskratia) vốn có nghĩa là quyền lực, sự thống trị hay nền cai trị của người bình dân. Nó biểu hiện theo nghĩa đối lập với chế độ độc tài của một nhân vật hoặc một nhóm nhỏ chóp bu đầu sỏ chính trị. Như vậy, trong thời đại ngày nay dân chủ đồng nghĩa là quyền lực của nhân dân. Dân chủ còn là một trong những hình thức tổ chức chính trị- nhà nước của xã hội, mà điểm đặc trưng là việc tuyên bố chính thức nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số, thừa nhận quyền tự do bình đẳng của công dân, thừa nhận nhân dân là nguồn gốc của quyền lực. Quyền lực đó được biểu hiện trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá và xã hội.

Từ khi ra đời đến nay, nội dung của khái niệm dân chủ được bổ sung gắn liền với diễn trình lịch sử của xã hội loài người và đã mang nội dung mới mẻ, rộng rãi hơn nhiều so với nghĩa gốc của từ *Demoskratia*. Nó không chỉ là một khái niệm chính trị có tính lịch sử mà còn là giá trị xã hội và nhân văn, đánh dấu những nấc thang tiến bộ của xã hội loài người.

Theo chủ nghĩa Mác - Lênin, lịch sử phát triển của xã hội loài người là lịch sử con người không ngừng vươn lên làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân mình. Dân chủ là sản phẩm tiến hoá của lịch sử, là một phạm trù lịch sử và nó được tồn tại trong một thời kỳ lịch sử nhất định trong tiến trình phát triển của nhân loại.

Giai cấp tư sản đã lợi dụng "*khế ước xã hội*" để thống trị lại nhân dân và làm công cụ để bảo vệ lợi ích của mình. Các- Mác đã nhận xét: chế độ bầu cử tự do trong xã hội tư bản đã biến thành tự do của nhân dân lựa chọn những người thống trị mình, chứ không phải lựa chọn những người đại diện cho lợi ích của bản thân quần chúng. Mặc dù *dân chủ tư sản* là một bước tiến lịch sử so với chế độ chuyên chế phong kiến, nó vẫn là nền dân chủ được xây dựng trên sự tước đoạt dân chủ, tước đoạt quyền tự do chính đáng của các giai cấp, các tầng lớp bị trị, nhằm bảo vệ tối đa lợi ích của giai cấp tư sản. Dân chủ tư sản vì thế không thể là mục đích cuối cùng mà loài người hướng tới.

1.3. Dân chủ Xã hội chủ nghĩa và Chuyên chính vô sản.

Việc sử dụng có hiệu quả những thành quả dân chủ đạt được trong chủ nghĩa tư bản đã tạo điều kiện thuận lợi để giai cấp vô sản và các lực lượng tiến bộ đấu tranh nhằm cải tạo xã hội theo chiều hướng tốt đẹp hơn. Giai cấp công nhân đã thực sự giành được chính quyền ở một số nước và từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trên thực tế, đó cũng là thời điểm bắt đầu của quá trình hình thành nền dân chủ kiểu mới – *dân chủ xã hội chủ nghĩa*. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ra đời là kết quả tất yếu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, xuất hiện từ khi cách mạng Tháng Mười Nga thành công năm 1917, xây dựng Nhà nước Xô Viết – kiểu nhà nước của nhân dân lao động đầu tiên trên thế giới.

Bản chất của nền dân chủ Xã hội chủ nghĩa – về mặt lý luận đó là chế độ nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân trong thời kỳ quá độ từ xã hội còn có sự khác nhau về giai cấp với chế độ người bóc lột người tiến lên xã hội không còn sự phân chia giai cấp, đó là chủ nghĩa Cộng sản.

Về tính chất của nền dân chủ vô sản hay dân chủ XHCN, V.I. Lênin viết :
"Đồng thời với việc mở rộng rất nhiều chế độ dân chủ – lần đầu tiên biến thành

chế độ dân chủ cho người nghèo, chế độ dân chủ cho nhân dân...dân chủ cho tuyệt đại đa số nhân dân". Chế độ dân chủ XHCN là sự thay thế lịch sử đối với chế độ dân chủ tư sản, là nấc thang mới trên chặng đường phát triển của dân chủ. Chế độ dân chủ XHCN là sự quy định của nhân dân, chủ quyền thuộc về nhân dân.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là một hình thái dân chủ do nhân dân lao động chủ động thiết lập trong quá trình đấu tranh cách mạng, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, thông qua đội tiền phong chính trị của mình là Đảng Cộng sản. Trong "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản"; Các- Mác, Ph. Ăng-ghe-n đã cho rằng, trước hết giai cấp công nhân phải giành lấy dân chủ, tự mình tổ chức thành giai cấp thống trị với nghĩa trực tiếp của nó là giành lại quyền lực Nhà nước. Như vậy, dân chủ Xã hội chủ nghĩa không có mục đích tự thân. Giành lấy dân chủ là để tạo điều kiện phát triển mạnh mẽ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, vì mục tiêu đem lại hạnh phúc, ấm no, tự do, bình đẳng cho mọi người dân lao động trong đời sống đích thực.

Trong luận cương trình bày tại Đại hội I Quốc tế cộng sản về chế độ dân chủ tư sản và chuyên chính vô sản đăng lần đầu ngày 06 tháng 3 năm 1919 trên tờ "Sự thật" số 51 và sau đó đăng trên nhiều báo chí khác, V.i. Lênin đã chỉ rõ khái niệm *dân chủ nói chung, chuyên chính nói chung* và xác định phải phân biệt dân chủ và chuyên chính của các giai cấp khác nhau. Nếu đứng ngoài quan điểm giai cấp hay đứng lên trên các giai cấp để mệnh danh quan điểm toàn dân chỉ có nghĩa là nhạo báng học thuyết cơ bản của Chủ nghĩa xã hội. Trong bất cứ một nước Tư bản văn minh nào, cũng chỉ có dân chủ tư sản, chứ không có *Dân chủ nói chung*; vấn đề chuyên chính cũng không phải là chuyên chính nói chung mà cần phải đề cập đến chuyên chính của giai cấp bị áp bức, tức là của giai cấp vô sản, đối với bọn áp bức bóc lột và đập tan sự phản kháng của giai cấp bóc lột. "*Lịch sử dạy rằng chưa bao giờ có một giai cấp bị áp bức nào đạt được địa vị thống trị và có thể đạt được địa vị thống trị mà lại không trải qua một thời kỳ chuyên chính*"(46). Lênin cũng nhắc lại sự khẳng định một cách khoa học của Mac và Ăngghen rằng: "*Chế độ cộng hòa tư sản dân chủ nhất chẳng qua cũng chỉ là một bộ máy để cho giai cấp tư sản đàn áp giai cấp công nhân, để cho một nhóm nhỏ bọn tư bản đàn áp quần chúng lao động*"(46). V.I. Lênin cũng chỉ rõ rằng ngay cả trong những nước cộng hòa dân chủ nhất, thực ra sự khủng bố và chuyên chính tư sản vẫn thống trị, nó công nhiên sử dụng bọn lính đánh thuê được chủ nghĩa tư bản vũ trang tàn sát những người bãi công đòi tự do dân chủ. Bọn tư sản đã nhân danh *tự do và bình đẳng* để tiến hành cuộc chiến tranh đó; bọn lái súng cũng nhân danh *tự do và bình đẳng* để làm giàu một cách chưa từng thấy. Điều đó đã vạch trần bản chất của tự do tư sản, của bình đẳng tư sản và của dân chủ tư sản. Đồng thời, V.i.Lênin cũng khẳng định rằng thật là sai lầm về lý luận và chính trị nếu "*không hiểu được rằng trải qua hàng nghìn năm, những hình thức dân chủ, kể từ mầm mống của nó trong thời cổ, nhất định đã phải thay đổi theo sự thay thế giai cấp thống trị này bằng giai cấp thống trị khác. Trong những nước cộng hòa thời cổ của Hy Lạp, trong những thành phố thời Trung cổ, trong những nước tư bản tiên tiến, chế độ dân chủ mang nhiều hình thức khác nhau và được áp dụng với những mức độ khác nhau. Nếu*

nghĩ rằng cuộc cách mạng sâu xa nhất trong lịch sử nhân loại, tức là việc chuyển lần đầu tiên trên thế giới chính quyền từ tay một thiểu số người bóc lột sang tay đa số người bị bóc lột, có thể tiến hành trong khuôn khổ cũ của nền dân chủ cũ, nền dân chủ tư sản đại nghị, có thể tiến hành không cần đến những bước ngoặt sâu sắc nhất, không cần thiết lập ra những hình thức dân chủ mới, những thiết chế mới thể hiện những điều kiện mới của việc áp dụng chế độ dân chủ đó, v.v...- nghĩ như vậy thật là hoàn toàn phi lý”(47).

Về nền chuyên chính vô sản, V.I.Lênin đã phân tích và chỉ ra điểm giống nhau giữa chuyên chính vô sản và chuyên chính của các giai cấp khác là ở chỗ chuyên chính vô sản nảy sinh ra sự tất yếu- như mọi nền chuyên chính khác- phải trấn áp bằng bạo lực sự kháng cự của giai cấp đang bị mất quyền thống trị về chính trị. Điều khác nhau cơ bản giữa chuyên chính vô sản với chuyên chính các giai cấp khác, với chuyên chính của địa chủ thời Trung cổ, của tư sản ở mọi nước tư bản văn minh, là ở chỗ chuyên chính của địa chủ và của tư sản là đàn áp bằng bạo lực sự kháng cự của tuyệt đại đa số nhân dân, tức nhân dân lao động. Trái lại, chuyên chính vô sản là trấn áp bằng bạo lực sự kháng cự của bọn bóc lột, nghĩa là của một thiểu số rất nhỏ trong dân cư, của bọn địa chủ và tư bản. Chính vì vậy: *“Chuyên chính của giai cấp vô sản nhất thiết phải đưa đến chỗ không những thay đổi những hình thức và những thiết chế dân chủ nói chung, mà chính là phải thay đổi chúng thế nào để mở rộng nền dân chủ đến một mức độ chưa từng có trên thế giới cho những giai cấp lao động bị chủ nghĩa tư bản áp bức”(47).* Trong chuyên chính vô sản hay nền dân chủ vô sản quần chúng nhân dân lao động được tham gia thường xuyên, nhất thiết phải được tham gia và tham gia một cách quyết định vào việc quản lý Nhà nước một cách dân chủ. Đó cũng là mục tiêu và phương pháp của chuyên chính vô sản trong quá trình đấu tranh để đi đến một xã hội tốt đẹp - xã hội Xã hội chủ nghĩa và xã hội Cộng sản. Tuy nhiên, đích cuối cùng của chuyên chính vô sản sẽ thúc đẩy xã hội đến chỗ xóa bỏ Nhà nước, chỉ có như vậy thì dân chủ thực sự, tức là bình đẳng và tự do mới có thể hoàn toàn được thực hiện.

Trên phương diện lý thuyết cũng như trong thực tiễn đã cho thấy: Nhà nước xã hội chủ nghĩa là Nhà nước kiểu mới khác với bản chất của các kiểu Nhà nước bóc lột. Bản chất đó do cơ sở kinh tế xã hội chủ nghĩa và đặc điểm của quyền lực chính trị trong chủ nghĩa xã hội quy định.

Trong chủ nghĩa xã hội, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được thiết lập, đó là kiểu quan hệ sản xuất thể hiện sự hợp tác, tương trợ không có áp bức bóc lột. Giai cấp vô sản là người giữ địa vị thống trị về chính trị. Sự thống trị về chính trị của giai cấp vô sản là sự thống trị của đa số người lao động đối với thiểu số trong dân cư là giai cấp bóc lột nhằm mục đích giải phóng giai cấp vô sản và toàn thể tất cả người lao động. Sự thống trị về chính trị của giai cấp vô sản là sự lãnh đạo của giai cấp vô sản đối với toàn xã hội trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa vừa là một bộ máy chính trị- hành chính, một cơ quan cưỡng chế thực hiện chức năng chuyên chính, vừa là một tổ chức quản lý kinh tế xã hội của nhân dân lao động. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là bộ máy do giai cấp công nhân và nhân dân lao động tổ chức ra để trấn áp giai cấp bóc lột đã

bị lật đổ và những phần tử phản động để bảo vệ thành quả cách mạng, giữ vững an ninh chính trị, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của kinh tế-xã hội. Trong thời kỳ quá độ thì nhiệm vụ của Nhà nước chuyên chính vô sản vẫn còn phải thực hiện chức năng trấn áp, nhưng đó là sự trấn áp của đa số nhân dân lao động với thiểu số bóc lột. *"Sự trấn áp ấy có thể dung hợp với việc mở rộng chế độ dân chủ cho tuyệt đại đa số nhân dân, khiến cho sự cần thiết phải có một bộ máy trấn áp đặc biệt cũng bắt đầu mất dần"*. (48). Dân chủ xã hội chủ nghĩa là thuộc tính của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Các Nhà bóc lột được xây dựng trên cơ sở tư hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, nhằm duy trì áp bức, bóc lột và thống trị giai cấp. Vì vậy, trong các Nhà nước bóc lột không thể có chế độ dân chủ thực sự được. Chỉ có trong chủ nghĩa xã hội mới có cơ sở để đảm bảo cho nền dân chủ thực sự phát triển. Nhà nước chính là công cụ để thực hiện nền dân chủ đó. Trong chủ nghĩa xã hội, nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, là người sáng lập ra Nhà nước và mọi hoạt động của Nhà nước đều nhằm phục vụ lợi ích của nhân dân lao động. Chính với ý nghĩa đó, Nhà nước Xã hội chủ nghĩa được coi là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. *Chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa là thuộc tính gắn liền với bản chất của Nhà nước Xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, cũng cần chỉ rõ rằng dân chủ xã hội chủ nghĩa là một chế độ nhà nước chứ không phải là vô chính phủ. V.I. Lênin cũng nhấn mạnh "Cũng như mọi Nhà nước, chế độ dân chủ là việc thi hành có tổ chức, có hệ thống sự cưỡng bức đối với người ta. Nhưng mặt khác, chế độ dân chủ có nghĩa là chính thức thừa nhận quyền bình đẳng giữa những công dân, thừa nhận cho mọi người có quyền ngang nhau trong việc xác định cơ cấu của Nhà nước và quản lý Nhà nước."*(49).

Nhà nước Xã hội chủ nghĩa luôn giữ vai trò tích cực và sáng tạo, là công cụ để xây dựng một xã hội nhân đạo, công bằng và bình đẳng. Khác với các giai cấp bóc lột, giai cấp Vô sản sau khi trở thành giai cấp thống trị, nắm quyền lực Nhà nước trong tay, thực hiện chuyên chế vô sản không có mục đích dùng nhà nước để duy trì mãi địa vị thống trị của mình mà là để cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, xoá bỏ mọi sự áp bức bóc lột và mọi sự thống trị giai cấp. Vì vậy trong quá trình tổ chức và thực thi quyền lực, giai cấp vô sản thực hiện sự liên minh với mọi lực lượng lao động của xã hội để thiết lập những nguyên tắc và cơ chế vận hành quyền lực nhà nước dựa trên cơ sở quyền lực nhân dân.

Xuất phát từ mục đích và cách thức tổ chức quyền lực như vậy, quá trình tồn tại và phát triển của Nhà nước Xã hội chủ nghĩa sẽ luôn luôn phù hợp với các quy luật vận động khách quan của xã hội, Nhà nước Xã hội chủ nghĩa sẽ luôn luôn giữ vai trò chủ động sáng tạo, là công cụ để thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

Nhà nước Xã hội chủ nghĩa càng phát triển cao thì tính chất xã hội của nó càng được mở rộng. Đến một giai đoạn nhất định của lịch sử, khi những điều kiện của xã hội đã thay đổi, cơ sở tồn tại của Nhà nước không còn nữa thì Nhà nước Xã hội chủ nghĩa sẽ *"tự tiêu vong"* nhường chỗ cho sự phát triển của một tổ chức tự quản mạnh mẽ, dựa hoàn toàn trên cơ sở quyền lực nhân dân rộng rãi và hoà nhập với xã hội.

2. CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH LÀ MỘT TẤT YẾU LỊCH SỬ CỦA VIỆC XÂY DỰNG VÀ CƯỜNG CỐ NHÀ NƯỚC.

- *Khái niệm cải cách hành chính:* Hành chính học là một khoa học mới mẻ (1887); cải cách hành chính trở thành một phạm trù riêng trong hành chính học lại càng mới hơn. Cuốn sách đầu tiên nghiên cứu về cải cách hành chính một cách có hệ thống được xuất bản năm 1969 có tựa đề *Cải cách hành chính* của tác giả người Mỹ G.E.Caiden; trong cuốn sách này, ông đã đưa ra định nghĩa cải cách hành chính là “*sự tác động nhân tạo của việc chuyển đổi hành chính chống lại sự kháng cự*”. Về sau tuy cũng có ý kiến phê phán nhưng nhìn chung có rất nhiều người đã nhận được từ định nghĩa này những hạt nhân hợp lý không thể bác bỏ.

Trước hết, ông nêu những yêu cầu của một định nghĩa. Theo ông, một định nghĩa phải đáp ứng được những yêu cầu nhất định; nó cần chính xác hơn các định nghĩa đang được dùng chung và cần làm sao cho những người không có chuyên môn hiểu được nó; nó phải đảm bảo những cách sử dụng thường được dùng tới nhất của khái niệm này và không trở nên quá mơ hồ...

Thứ hai, ông giải thích ba đặc điểm của cải cách hành chính thể hiện trong định nghĩa của mình:

- Cải cách hành chính là *nhân tạo* bởi vì nó do con người làm ra, có chủ định, có kế hoạch, nó không phải ngẫu nhiên, tự nhiên hay tự động; nó được *tác động*, bởi vì nó bao gồm sự thuyết phục, lý giải và kể cả đe dọa, dùng hình phạt nếu cần.
- Nó thừa nhận triển vọng sẽ có sự chống đối và yêu cầu sự nỗ lực để vượt qua sự chống đối.
- Nó hàm ý đạo đức, có mục tiêu đạo đức: nó được tiến hành với niềm tin là kết quả cuối cùng sẽ luôn luôn tốt hơn nguyên trạng...

Ba đặc điểm: chuyển đổi nhân tạo, chống đối hành chính và mục tiêu đạo đức, tạo cho cải cách hành chính có đặc thù riêng.

Trong ba đặc điểm này, đặc điểm “*chống đối hành chính*” có người lại bỏ qua, thậm chí còn bị giải thích là cuộc cải cách nào mà chẳng có chống đối, do vậy không nên gọi là đặc điểm. Thực tế cho thấy nhấn mạnh tính chất chống đối hành chính là cần thiết, bởi chính ý nghĩa thực tiễn của nó. ở đây không chỉ chống đối sức ỳ của nền hành chính mà là những trở lực phát sinh chính ngay trong nội bộ bộ máy tổ chức hành chính. Bởi vậy, muốn thay đổi hiện trạng hành chính cần phải dựa vào bản thân tổ chức hành chính; mặt khác muốn khắc phục những chống đối đó phải biến cuộc cải cách hành chính thành một *quá trình chính trị*. Cũng từ đây có người nói cải cách hành chính là quá trình chính trị. Việc động chạm đến các quan chức với những thứ bậc địa vị quyền lợi và kinh nghiệm cho thấy không loại trừ trường hợp phải thanh trừng đổ máu.

G.E.Caiden viết: Một trong những vấn đề khó khăn nhất về mặt ngữ nghĩa là việc sử dụng tùy tiện các từ ngữ “cải cách” và “biến đổi”. Cải cách hành chính là một nhân tố tương đối nhỏ trong tổng thể biến đổi xã hội so với sự giao lưu văn hóa, đổi mới công nghệ, hiện đại hóa và sự di dân. Đến lượt nó, biến đổi xã hội chỉ là một bộ phận của dòng tiến hóa không ngừng đặc trưng cho vũ trụ. Nếu theo dòng tư duy ấy, cải cách hành chính được coi là trọng tâm của công cuộc cải cách

bộ máy nhà nước và về phần mình, cải cách bộ máy nhà nước lại là một bộ phận trong cải cách hệ thống chính trị, một trong những bộ phận cấu thành nên chương trình công cuộc đổi mới đất nước.

Mặt khác cũng cần phân biệt giữa cải cách hành chính với những biến đổi thông thường trong hoạt động của hệ thống tổ chức hành chính, thường được gọi là những "cải tiến". Những cải tiến thường được thực hiện trên cơ sở một nền hành chính tương đối ổn định và hợp lý, vận hành bình thường. Trong tiến trình phát triển của bất kỳ một hệ thống nào cũng luôn luôn có các hoàn cảnh đòi hỏi phải cải tiến những bộ phận, những quá trình nhất định- nói theo ngôn ngữ thông thường đó là việc hoàn thiện, hoặc "quá trình hoàn thiện". Về quy mô và phạm vi nó thường giới hạn trong một lĩnh vực hẹp của nền hành chính công, diễn ra trong khoảng thời gian ngắn, đáp ứng những đòi hỏi cục bộ hoặc phiên diện...

G.E.Caiden coi biến đổi hành chính như là một sự tự điều chỉnh "đáp ứng của tổ chức với các điều kiện bất ổn" và cải cách hành chính trở nên bắt buộc khi các quá trình biến đổi hành chính tự nhiên không thực hiện được chức năng... Cải cách hành chính là một công tác cơ bản tập trung vào các nội dung lớn chứ không phải chỉ là các vấn đề bình thường mang tính hình thức. Nó đòi hỏi phải nghiên cứu toàn diện từ các quan điểm nguyên tắc cho tới việc xây dựng một chiến lược dài hạn với một kế hoạch thực hiện tỉ mỉ, có tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và đưa ra những sửa đổi thích đáng cho các bước đi tiếp theo. Cải cách hành chính đụng chạm tới các phương diện thiết chế tổ chức, pháp lý, nhân sự và quản lý tài chính chứ không chỉ là các bộ phận nhỏ của một tổng thể tức là đụng chạm tới "mối quan hệ của các biến đổi hành chính với các đặc tính hay áp lực từ một môi trường xã hội và chính trị rộng lớn hơn".

Theo *Đại từ điển tiếng Việt*, khái niệm cải cách hành chính không định nghĩa trực tiếp mà thường được mô tả bằng hình ảnh cụ thể và tính chất của chúng được mô tả qua các tiền đề. Với ý nghĩa đó theo một số tác giả ở Trung Quốc, cải cách hành chính được hiểu nói chung là một *hành vi hành chính*, nhằm nâng cao hiệu suất hành chính, cải biến chế độ, phương pháp hành chính cũ, xây dựng chế độ, phương thức hành chính mới trong phạm vi Chính phủ.

Trước hết, cải cách hành chính là một hành vi hành chính. Về mặt lý thuyết, hành vi hành chính là hành vi (hành động hoặc không hành động) của cơ quan hành chính Nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính Nhà nước hoặc cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức xã hội được ủy quyền hành pháp khi thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật. Cải cách hành chính phải do các chủ thể tiến hành, nó đích thực là hành vi hành chính. Như vậy cải cách hành chính được mô tả qua hành vi hành chính. Đó cũng chính là điểm để phân biệt cải cách hành chính với những cuộc cải cách xã hội khác.

Thứ đến, mục đích của cải cách hành chính là nhằm nâng cao hiệu suất hành chính, cải biến chế độ và phương pháp hành chính cũ, xây dựng chế độ và phương pháp hành chính mới. Trong định nghĩa của G.E.Caiden, được hiểu là "mục tiêu đạo đức".

Tác giả còn phân biệt nghĩa hẹp và nghĩa rộng của khái niệm. *Theo nghĩa hẹp*, cải cách hành chính là cải cách thể chế hành chính và bộ máy hành chính của

Chính phủ. *Theo nghĩa rộng*, nó bao gồm cả cải cách phương pháp, phương thức hành chính, chức năng hành chính, chế độ công chức và các nguyên tắc hành chính trọng yếu khác.

GS. Trương Hoàng Lem, chuyên gia tư vấn cao cấp L.T.Associates, Inc. Washington lại có cách giải thích khác.

Theo nghĩa hẹp và chính thống, cải cách hành chính đề cập đến những thay đổi trong toàn bộ hệ thống hành chính công. Nó bao gồm toàn bộ việc tổ chức lại các bộ, xác định nhiệm vụ và chức năng của các đơn vị hành chính, cải tiến các phương pháp và thủ tục, đào tạo cán bộ...; cải tiến sự phối hợp ở cấp cao hơn của Chính phủ. Mọi sự cải tiến cơ cấu, thủ tục, năng lực và động cơ của cán bộ với mục đích nâng cao năng lực quản lý và tổ chức của các tổ chức công cũng được xem là cải cách hành chính theo nghĩa này. Đây là phương pháp *hành chính-kỹ thuật* tiếp cận cải cách hành chính.

Theo nghĩa rộng, cải cách bao gồm những thay đổi phạm vi rộng động chạm đến vai trò của Nhà nước, cơ cấu của Chính phủ, các quyết định chi tiêu công cộng, mối quan hệ giữa Nhà nước và người lao động trong khu vực Nhà nước. Đây là phương pháp *kinh tế-tài chính* tiếp cận cải cách hành chính.

Cải cách hành chính được định hướng đa mục tiêu: các mục tiêu *bên trong* hành chính chủ yếu đề cập đến việc cải cách nền hành chính; các mục tiêu *bên ngoài* hành chính đề cập đến các vai trò xã hội của hệ thống hành chính, bao gồm cả chức năng chính trị thân tủy. Ngoài ra, cải cách hành chính không phải chỉ là một tác nghiệp kỹ thuật, mà cải thiện sự thực hiện của khu vực công là việc thay đổi văn hóa hành chính. Cải cách hành chính không chỉ quan tâm đến các tổ chức công hoạt động như thế nào mà còn quan tâm đến chính quyền ở tất cả các cấp vận hành và thực thi như thế nào, họ sẽ làm cái gì và ai sẽ được lợi ra sao.

- *Cải cách hành chính là một tất yếu lịch sử ở nước ta:*

Trong lịch sử hành chính nhà nước Việt nam đã từng diễn ra nhiều cuộc cải cách hành chính nhằm xây dựng và củng cố nhà nước, tạo cho nhà nước hoàn thành sứ mạng của mình trong những thời kỳ lịch sử khác nhau. Xã hội luôn luôn vận động và phát triển, khi xã hội bước vào có nhà nước thì nhà nước cũng luôn phải vận động biến đổi để quản lý điều hành xã hội như một tất yếu lịch sử.

Cuộc cải cách hành chính đầu tiên trong lịch sử của nhà nước Việt nam có thể được coi là cuộc cải cách diễn ra dưới thời Khúc Hạo đầu thế kỷ thứ X. Lần đầu tiên sau ngàn năm bị xâm lược của phong kiến phương Bắc, Khúc Hạo đã thực hiện cuộc cải cách hành chính xây dựng ở nước ta một bộ máy hành chính gồm 5 cấp quản lý thống nhất từ trung ương xuống tận cơ sở có chủ quyền độc lập thực sự.

Thời Lý mở đầu cho kỷ nguyên Đại Việt của nước ta cũng đã có nhiều công lao trong việc cải cách hành chính, dời đô về Thăng long, xây dựng Kinh thành, chỉnh đốn lại bộ máy nhà nước phong kiến trung ương tập quyền; sắp xếp, phân chia lại các đơn vị hành chính địa phương, quy định phẩm phục quan lại và lễ nghi triều chính.

Thời Trần tiến thêm một bước trên con đường xây dựng bộ máy hành chính nhà nước theo xu hướng quan liêu tập quyền; quy định thuế khoá, ban hành chế độ ruộng đất, thống kê dinh tráng, mở mang kinh tế nông nghiệp.

Hồ Quý Ly tuy để lại bài học về sự thất bại trong kháng chiến giữ nước nhưng lại có dấu ấn sâu đậm về cải cách hành chính với chính sách " hạn điền", " hạn nô", ban hành tiền giấy, mở rộng việc học hành...

Cuộc cải cách hành chính dưới thời vua Lê Thánh Tông nhà Lê, thời vua Minh Mạng nhà Nguyễn đã để lại nhiều bài học sáng giá trong lịch sử hành chính nhà nước Việt nam.

Nhà nước dân chủ nhân dân của nước ta từ ngày thành lập đến nay đã có nhiều lần đổi thay về cơ cấu tổ chức, cách thức vận hành, phương thức quản lý hành chính. Tuy nhiên, phải nói rằng cuộc cải cách hành chính ở nước ta đang tiến hành hiện nay dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt nam là cuộc cải cách toàn diện nhất, sâu sắc nhất. Đặc biệt công cuộc cải cách hành chính ở nước ta hiện nay hướng vào phục vụ quyền lợi của nhân dân, theo xu hướng hoà nhập khu vực và quốc tế trong cơ chế vận hành của nền kinh tế thị trường.

- Tiến trình cải cách hành chính ở nước ta hiện nay.

Thực hiện nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam, các Nghị quyết Hội nghị Trung ương kỳ họp thứ 8 (khoá VII), kỳ họp thứ 3 và thứ 7 (khoá VIII) và Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, công cuộc cải cách hành chính trong mười năm qua đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp đổi mới, phát triển kinh tế-xã hội với tốc độ cao, thực hiện những điều chỉnh quan trọng trong tổ chức bộ máy Nhà nước trên các mặt như: xác lập thể chế quản lý mới; sắp xếp, điều chỉnh, tinh giảm cơ cấu tổ chức; đổi mới chế độ công chức, công vụ, đặt tiền đề quan trọng trong việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước ta trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa Xã hội. Trên cơ sở thực tiễn, mười năm thực hiện Hiến pháp 1992-Hiến pháp thời kỳ đổi mới của nước ta, Nhà nước đã sửa đổi, bổ sung một số điều, xây dựng Luật tổ chức Chính phủ mới năm 2001 phù hợp với thời kỳ chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, mở cửa, hội nhập quốc tế.

Từ thực tiễn mười năm thực hiện cải cách hành chính, chúng ta cũng đã rút ra một số bài học kinh nghiệm quan trọng:

Thứ nhất, cải cách hành chính là nhiệm vụ rộng lớn liên quan đến nhiều lĩnh vực, được tiến hành đồng bộ trong tổng thể đổi mới hệ thống chính trị gắn với việc xây dựng và chỉnh đốn Đảng gắn với cải cách bộ máy Nhà nước trên những nguyên tắc cơ bản đã được xác định từ Nghị quyết Trung ương 2 (khoá VII) năm 1991.

Thứ hai, cần phải kết hợp chặt chẽ cải cách hành chính với cải cách kinh tế trong từng bước đi và trong từng lĩnh vực, trên từng địa phương, tạo ra sự ăn khớp và thúc đẩy lẫn nhau giữa cải cách hành chính và đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

Thứ ba, cải cách hành chính là công việc nhạy cảm, khó khăn, lâu dài, đòi hỏi phải có nhận thức quan điểm đúng đắn, nhất quán của các cơ quan chỉ đạo cùng với chương trình hành động thiết thực và lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất, thể hiện một quan điểm và ý chí cải cách mạnh mẽ.

Thứ tư, cải cách hành chính phải được triển khai đồng bộ từ trên xuống và từ dưới lên; coi trọng, khuyến khích sáng kiến, thử nghiệm của các địa phương và cơ sở, xác định khâu đột phá trong từng giai đoạn, tìm các động lực cụ thể thúc đẩy các hoạt động cải cách. Cải cách hành chính phải xuất phát từ thực tiễn nước ta với đặc điểm, truyền thống, bản sắc Việt Nam; đồng thời tham khảo các bài học, kinh nghiệm của quốc tế một cách có chọn lọc phù hợp, tránh quan niệm đơn giản, nóng vội nhưng đồng thời cũng phải tránh sự bảo thủ, trì trệ.

Căn cứ vào yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, quản lý nền kinh tế thị trường và thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập quốc tế, Chính phủ đã quyết định chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2001-2010 và xác định mục tiêu chung của cải cách hành chính trong giai đoạn này là : ***"xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hoá, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc của Nhà nước Pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước"***. Mục tiêu cải cách hành chính hiện nay đặt ra là đến năm 2010, hệ thống hành chính nước ta về cơ bản được cải cách là ***"một nền hành chính dân chủ phù hợp với yêu cầu quản lý nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa"***. Để đạt được mục tiêu đó cần phải quán triệt bốn nội dung cơ bản của chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn từ 2001-2010:

Một là: cải cách thể chế của nền hành chính, hoàn chỉnh các thể chế quản lý Nhà nước đối với nền kinh tế thị trường, thể chế tổ chức bộ máy Nhà nước phù hợp với yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng, xác lập các thiết chế dân chủ từ cơ sở, tiếp tục cải cách đơn giản hoá các thủ tục hành chính.

Hai là : cải cách tổ chức bộ máy hành chính, trong đó tập trung làm rõ chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ, các Bộ, Cơ quan ngang Bộ và chính quyền địa phương các cấp phù hợp với cơ chế quản lý mới.

Ba là: đổi mới và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; xác lập chế độ quản lý công chức mới, cải cách tiền lương; tập trung công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức theo tiêu chuẩn, chức danh; đề cao đạo đức công chức, chế độ trách nhiệm và kỷ luật hành chính. Thiết lập các cơ chế, chính sách có hiệu quả trong việc đẩy mạnh đấu tranh ngăn chặn tệ quan liêu, tham nhũng trong bộ máy Nhà nước.

Bốn là: cải cách tài chính công đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, chủ động sử dụng có hiệu quả tài chính và ngân sách Nhà nước giao. Áp dụng rộng rãi các cơ chế mới trong khoán biên chế và chi phí hành chính các đơn vị hành chính và chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của khu vực sự nghiệp, dịch vụ công theo hướng xã hội hoá, Nhà nước chỉ thực hiện vai trò thống nhất quản lý Nhà nước.

3. Mối quan hệ giữa thực hiện dân chủ và cải cách hành chính nhằm xây dựng và củng cố Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân.

Từ tháng Tám năm 1945, năm vững thời cơ khi phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh, Đảng Cộng sản Việt Nam do chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo đã phát động nhân dân ta vùng dậy làm cách mạng tháng Tám thành công, lập ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà - Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Châu á. Ngay từ khi mới ra đời Nhà nước cộng hoà non trẻ đã phải tiến hành cuộc kháng chiến chín năm chống thực dân Pháp, năm 1954 miền Bắc được giải phóng, miền Nam vẫn tiếp tục cuộc kháng chiến chống xâm lược và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Trong điều kiện đó chính quyền dân chủ nhân dân ở nước ta đã làm nhiệm vụ lịch sử của Chuyên chính Vô sản. Từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 đất nước được hoàn toàn giải phóng, Việt Nam bước sang một giai đoạn phát triển mới – giai đoạn cả nước đi lên Chủ nghĩa xã hội. Ngày nay, trước những thử thách lớn lao của thời đại, với đường lối đổi mới được đề ra từ Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam và được thể chế hoá trong Hiến pháp năm 1992, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã và đang từng bước đổi mới, vượt qua khủng hoảng, vững chắc đi lên theo định hướng Xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh.

Nước ta đang trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ đi lên Chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ Tư bản, từ một xã hội vốn là thuộc địa nửa phong kiến, lực lượng sản xuất thấp, đồng thời lại phải trải qua hàng chục năm chiến tranh, hậu quả để lại còn nặng nề, những tàn dư Thực dân, Phong kiến còn nhiều, các thế lực thù địch thường xuyên tìm mọi cách phá hoại chế độ xã hội chủ nghĩa và nền độc lập của nhân dân ta. Vì vậy, việc cải tạo và xây dựng đất nước đi lên Chủ nghĩa xã hội lại càng khó khăn phức tạp hơn.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII đã nhấn mạnh phải xây dựng Nhà nước vững mạnh: *"Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nguyên kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân."*(50). Đại hội lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: *"Nhà nước ta là Nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân; lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân"*(51).

Trên cơ sở vận dụng sáng tạo nguyên lý về dân chủ xã hội chủ nghĩa trong điều kiện Việt Nam, nhiều văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước ta đều đã khẳng định: thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động thực chất là tôn trọng con người, hướng sự sáng tạo đó vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội. Nhà nước phải bảo đảm cho nhân dân thực sự tham gia vào quản lý Nhà nước, thực sự có quyền lựa chọn những người Đại biểu xứng đáng của mình vào các cơ quan quyền lực Nhà nước, có quyền, có khả năng và điều kiện thực tế để thực hiện việc kiểm tra, giám sát, phê bình các Cán bộ và Cơ quan Nhà nước, bãi miễn những Đại biểu do mình bầu ra nhưng không còn xứng đáng nữa. *"Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"* đó là phương châm mở rộng dân chủ, tạo điều kiện cho nhân dân tham gia đông đảo vào việc quản lý Nhà nước của mình. Nhà nước phải thi hành các biện pháp cương quyết để xoá bỏ các tệ nạn quan liêu, cửa quyền, nghiêm trị những phần tử phạm pháp, thực hiện dân chủ hoá và bảo đảm công bằng xã hội.

Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một trong những mô hình đã được tìm tòi, sáng tạo dựa trên cơ sở của lý luận khoa học. Nhưng bên cạnh những cái chung, bản chất của Nhà nước Việt Nam còn thể hiện những nét đặc trưng riêng đúng theo nguyên lý mà V.I. Lênin đã từng chỉ ra: *"Tất cả các dân tộc sẽ đều đi đến chủ nghĩa xã hội... Nhưng tất cả các dân tộc sẽ đi lên chủ nghĩa xã hội một cách không hoàn toàn giống nhau, mỗi dân tộc sẽ đưa đặc điểm của mình vào hình thức này hay hình thức khác của nền chuyên chính Vô sản, vào nhịp độ này, nhịp độ khác của việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các mặt khác nhau của đời sống xã hội"*.(52). Điều 2, Hiến pháp 1992 xác định bản chất của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là: *"Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là nhân dân giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức"*. Như vậy, tính nhân dân và quyền lực nhân dân là vấn đề cơ bản, xuyên suốt, thể hiện bản chất của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đó là một Nhà nước dân chủ thực sự và rộng rãi. Mặc dù Nhà nước ta bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội từ điểm xuất phát thấp, đến nay vẫn là một nước nghèo và chậm phát triển, tuy vậy một chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa đã được thiết lập và đang từng bước hoàn thiện dần. Đảng ta đã chỉ rõ: *"Xây dựng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là quá trình thực hiện dân giàu nước mạnh, tiến lên hiện đại trong một xã hội nhân dân làm chủ, nhân ái, có văn hoá, có kỷ cương, xoá bỏ áp bức, bất công, tạo điều kiện cho mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc"*.(53)

Quan điểm đó là kết quả của một quá trình tìm tòi, kiểm nghiệm, sáng tạo được rút ra để định hướng cho sự phát triển của toàn bộ hệ thống chính trị nước ta nói chung và của Nhà nước ta nói riêng. Lịch sử hình thành và phát triển của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam chúng ta có thể thấy rõ quá trình hình thành và phát triển của một chế độ dân chủ mới. Nhà nước ta là một Nhà nước dân chủ đầu tiên ra đời ở Đông Nam Châu á. Những thiết chế nhà nước đều đã dựa trên cơ sở của dân chủ như các hình thức *Quốc dân Đại hội* để bầu ra Chính phủ lâm thời; *Tổng tuyển cử* để bầu ra Chủ tịch nước và Đại biểu Quốc hội những năm đầu tiên sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công; sự ghi nhận chính thức trong bốn Hiến pháp của nước ta 1946, 1959, 1980, 1992 về việc xác định quyền lực tối cao thuộc về nhân dân... đã khẳng định rõ mục tiêu và những bước phát triển của chế độ dân chủ ở nước ta. Hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII của Đảng Cộng sản Việt Nam, một lần nữa lại khẳng định: *"Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu và cũng là bản chất tốt đẹp của Nhà nước ta"*.(54). Đại hội IX của Đảng được coi là *Đại hội của trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới*, thể hiện ý chí kiên cường và niềm hi vọng lớn lao của dân tộc. Đại hội IX là mốc son lịch sử đánh dấu thời kỳ phát triển mới của cách mạng Việt Nam, thời kỳ phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội IX đề ra đường lối đầy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Văn kiện Đại hội chỉ rõ: *"Phát huy dân chủ, giữ vững kỷ*

luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế. Hoàn thiện những quy định về bầu cử, ứng cử, tiêu chuẩn, cơ cấu các Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân trên cơ sở phát huy dân chủ. Thực hiện tốt quy chế dân chủ, mở rộng dân chủ trực tiếp ở cơ sở. Chăm lo cho con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người. Giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo của công dân.”(55). Bản chất dân chủ của Nhà nước ta thể hiện một cách toàn diện, rõ rệt trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hoá và xã hội.

- **Trong lĩnh vực kinh tế**: bản chất dân chủ của Nhà nước được thể hiện ở chỗ Nhà nước đã thực hiện chủ trương tự do, bình đẳng về kinh tế, tạo ra những điều kiện làm cho nền kinh tế đất nước có tính năng động, xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần với nhiều dạng sở hữu và hình thức tổ chức kinh doanh, cho phép mọi đơn vị kinh tế và mọi cá nhân đều có thể hoạt động theo cơ chế tự chủ trong sản xuất, kinh doanh, hợp tác, cạnh tranh với nhau để phát triển và đều được bình đẳng trước pháp luật.

Để thực hiện chủ trương **dân chủ hoá** trong lĩnh vực kinh tế, Nhà nước ta đã chú trọng giải quyết vấn đề căn bản mang tính nguyên tắc là đảm bảo lợi ích kinh tế của người lao động, coi đó là động lực, đồng thời cũng là mục tiêu của **dân chủ hoá**. Tuy nhiên, lợi ích vật chất phải luôn luôn đặt trong mối quan hệ biện chứng với các lợi ích chính trị, tư tưởng, văn hoá, xã hội. Đồng thời, lợi ích cá nhân phải luôn luôn hài hoà với lợi ích của tập thể và xã hội.

- **Trong lĩnh vực chính trị**: bản chất dân chủ của Nhà nước được thể hiện ở chỗ Nhà nước đã tạo ra cơ sở pháp lý vững chắc, trong đó quy định tất cả những quyền tự do, dân chủ trong sinh hoạt chính trị, bảo đảm cho người dân được làm chủ về mặt chính trị. Bên cạnh việc xác lập và thực hiện cơ chế dân chủ đại diện thông qua chế độ bầu cử và bãi miễn đại biểu nhân dân vào các cơ quan dân cử, Nhà nước ta luôn chú trọng thiết lập và bảo đảm thực hiện đầy đủ chế độ dân chủ trực tiếp, tạo điều kiện cho nhân dân tham gia vào công việc quản lý Nhà nước, quản lý xã hội; tham gia đóng góp ý kiến, kiến nghị, thảo luận một cách dân chủ, bình đẳng vào các vấn đề thuộc đường lối, chủ trương, chính sách, các dự thảo văn bản pháp luật quan trọng làm cho nhân dân thực sự là chủ thể của những chủ trương chính sách, pháp luật được ban hành chứ không phải chỉ là những người phục tùng một chiều.

Một trong những khía cạnh quan trọng là Nhà nước Việt Nam với tư cách là công cụ thực hiện quyền lực của nhân dân, đã đặt ra cho mình nhiệm vụ, phấn đấu, đạt tới việc mở rộng cho nhân dân tham gia vào công việc của Nhà nước. Thực hiện điều đó về mặt pháp lý, Nhà nước đã xác lập một hệ thống các nguyên tắc và quy định về tổ chức bộ máy Nhà nước phù hợp như nguyên tắc bầu cử phổ thông, bình đẳng trực tiếp và bỏ phiếu kín để bầu ra các đại biểu của cơ quan dân cử; thông qua các cơ quan dân cử, nhân dân thực hiện quyền lực của mình. Bên cạnh đó, những hình thức dân chủ trực tiếp khác nhau cũng rất phát triển, biểu hiện trong hoạt động của các tổ chức xã hội, trong hệ thống kiểm tra, giám sát của nhân dân, trong thảo luận những dự thảo các luật quan trọng...

Hiến pháp của Việt Nam ghi nhận toàn bộ các quyền chính trị, xã hội và quyền tự do cá nhân, tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, mít tinh, lao động, học hành, nghỉ ngơi, tự do tín ngưỡng, quyền bất khả xâm phạm thân thể, nhà ở, tự do đi lại...và bảo đảm cho tất cả công dân được hưởng các quyền đó. Điều đó phù hợp với bản chất của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam, coi mục đích và động lực chính của sự phát triển dân chủ là vì con người và do con người.

Chủ trương của Nhà nước ta được thể hiện trong pháp luật là tạo ra khả năng rộng rãi để nhân dân tự do bày tỏ nguyện vọng của mình về những vấn đề quan tâm và bảo vệ lợi ích chính đáng của mình. Nhà nước kiên quyết ngăn chặn và xử lý nghiêm những người có hành vi dân chủ cực đoan, lạm dụng chức quyền tham nhũng, cửa quyền, hạch sách vi phạm quyền dân chủ, quyền tự do của nhân dân.

Nhà nước Việt Nam là Nhà nước gần dân và thân dân. Nhà nước luôn coi trọng việc lắng nghe ý kiến của nhân dân, chú trọng việc xem xét, giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân, tổ chức để nhân dân tham gia góp ý kiến xây dựng đất nước. Trong quá trình thực hiện dân chủ hoá chính trị, Nhà nước ta luôn luôn tôn trọng quyền hoạt động và các quan điểm chính trị của các cá nhân, nếu những quan điểm đó phù hợp với Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước, không đi ngược lại lợi ích của nhân dân. Nhà nước kiên quyết ngăn chặn và xử lý mọi biểu hiện dân chủ cực đoan, gây rối và làm mất ổn định tình hình chính trị, xâm hại đến lợi ích quốc gia và các quyền chính trị của nhân dân.

Để đảm bảo quá trình thực hiện dân chủ hoá và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, Nhà nước luôn đặt ra cho mình nhiệm vụ phải tôn trọng sự kiểm tra, giám sát của nhân dân, đẩy mạnh và không ngừng đấu tranh chống tệ quan liêu, cửa quyền, tham nhũng trong bộ máy nhà nước. Xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật và không có ngoại lệ đối với bất cứ ai có hành vi vi phạm pháp luật.

-Trong lĩnh vực tư tưởng, văn hoá và xã hội : bản chất dân chủ của Nhà nước thể hiện ở chỗ: Nhà nước thực hiện tự do tư tưởng và giải phóng tinh thần, phát huy mọi khả năng của con người; quy định một cách toàn diện quyền tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, học hành, lao động, nghỉ ngơi, tự do tín ngưỡng, quyền bất khả xâm phạm thân thể, nhà ở, thư tín...và bảo đảm cho mọi công dân được hưởng các quyền đó.

Tuy nhiên, dân chủ hoá trong lĩnh vực tư tưởng, văn hoá, xã hội phải đặt trên cơ sở và trong mối quan hệ mật thiết với quá trình dân chủ trong lĩnh vực chính trị và kinh tế. Hệ tư tưởng quán xuyến trong toàn bộ quá trình này là chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và hệ quan điểm đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra. Nguyên tắc cơ bản để thực hiện dân chủ, phát huy quyền lực Nhà nước và quyền làm chủ của nhân dân là bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và toàn bộ hệ thống chính trị.

Qua những dữ liệu và phân tích trên, chúng ta thấy rõ Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân. Bởi vậy, ***xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta cũng đồng thời có nghĩa là xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân.*** Thực hiện dân chủ với cải cách hành chính xây dựng và củng cố nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa có mối quan hệ hữu cơ khăng khít không thể

tách rời. Nó hỗ trợ và bổ sung cho nhau, làm tiền đề cho nhau và cùng hướng đến một mục tiêu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh.

Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ IX cũng đã nhấn mạnh cần phải đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch vững mạnh. Gắn kết với tiến trình thực hiện cải cách hành chính cần tiến hành đồng thời với việc mở rộng thực hiện dân chủ ở cơ sở. Có thể coi cải cách hành chính với thực hiện dân chủ cơ sở là một *quy trình kép* có mối quan hệ qua lại hết sức biện chứng và thúc đẩy hỗ trợ lẫn nhau. Mục tiêu của cải cách hành chính là nhằm *đổi mới thể chế; kiện toàn hợp lý tổ chức bộ máy nhà nước; nâng cao phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức và ngăn chặn đẩy lùi tệ nạn tham nhũng quan liêu*. Nếu không đồng thời mở rộng thực hiện dân chủ ở cơ sở thì rất khó có thể đạt được mục tiêu của cuộc cải cách hành chính, bởi lẽ thực hiện dân chủ không chỉ có phát huy được quyền làm chủ của nhân dân mà còn huy động được trí tuệ của nhân dân, tập hợp được sức mạnh của quần chúng, phát huy được nội lực của đất nước, tạo ra điều kiện đảm bảo để công cuộc cải cách hành chính thành công.

Muốn đổi mới thể chế hành chính cần phải hình thành được về cơ bản và vận hành thông suốt, có hiệu quả thể chế kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới thể chế và thủ tục hành chính tập trung trước hết vào xoá bỏ những quy định mang nặng tính hành chính quan liêu, bao cấp, gây phiền hà, sách nhiễu cho các doanh nghiệp và nhân dân, kìm hãm sự phát triển lực lượng sản xuất. Xây dựng chương trình đổi mới thể chế trong từng năm một cách cụ thể và có hiệu quả. Hệ thống các văn bản pháp quy phải đảm bảo có nội dung đúng đắn, nhất quán và mang tính khả thi cao. Văn bản quản lý hành chính nhà nước phải được xử lý và quản lý theo đúng quy trình pháp luật đã quy định. Cần phải đổi mới phương thức và quy trình xây dựng thể chế, cải tiến sự phối hợp giữa các ngành, các cấp có liên quan, coi trọng sử dụng các chuyên gia liên ngành và dành vai trò rất quan trọng cho tiếng nói của các tầng lớp nhân dân, tiếng nói của doanh nghiệp. Đặc biệt cần phải tăng cường việc chỉ đạo, kiểm tra, nâng cao kỷ luật và hiệu quả thi hành pháp luật trong bộ máy Nhà nước và trong xã hội.

Kiện toàn tổ chức bộ máy Nhà nước là trên cơ sở tách chức năng quản lý Nhà nước với hoạt động kinh doanh, xúc tiến việc đổi mới tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động và quy chế làm việc của các cơ quan Nhà nước. Thực hiện mạnh mẽ việc phân cấp trong hệ thống hành chính đi đôi với nâng cao tính tập trung, thống nhất trong việc ban hành thể chế. Quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của từng cấp, từng tổ chức, từng cá nhân. Đề cao trách nhiệm của cá nhân, thực hiện khen thưởng và kỷ luật nghiêm minh. Khắc phục tình trạng trùng chéo, đùn đẩy trách nhiệm, gây khó khăn, chậm trễ trong công việc và giải quyết khiếu kiện của nhân dân. Thiết lập và nâng cao vai trò của Tòa hành chính trong việc giải quyết khiếu kiện hành chính. Từng bước tách cơ quan hành chính công quyền với tổ chức sự nghiệp, khuyến khích và hỗ trợ các tổ chức hoạt động không vì lợi nhuận mà vì nhu cầu và lợi ích của nhân dân; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức thực hiện một số dịch vụ công với sự giám sát của cộng đồng như vệ sinh môi trường, tham gia gìn giữ trật tự trị an ở xóm phường.

Nâng cao phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ công chức là phải đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức với chương trình, nội dung sát hợp; chú trọng đội ngũ cán bộ xã, phường. Đối mới và đi vào nền nếp việc thực hiện quy chế tuyển chọn, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu. Thực hiện nguyên tắc người phụ trách công việc phải có quyền hạn và trách nhiệm trong việc tuyển chọn, sử dụng cán bộ công chức dưới quyền. Thanh lọc những kẻ tham nhũng, vô trách nhiệm; phải chuyển đổi công tác đối với những người không đủ năng lực.

Muốn đạt được kết quả trong công cuộc cải cách hành chính chúng ta không thể không triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng cũng chỉ rõ cần phải: ***"Thực hiện tốt quy chế dân chủ, mở rộng dân chủ trực tiếp ở cơ sở, bảo đảm cho dân tiếp xúc dễ dàng với các cơ quan công quyền, có điều kiện kiểm tra cán bộ, công chức, nhất là những người trực tiếp làm việc với dân"***(64). Ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng, quan liêu là phải nghiêm trị những kẻ tham nhũng, vô trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng; người lãnh đạo cơ quan để xảy ra tham nhũng cũng phải bị xử lý về trách nhiệm. Phải bảo vệ những người dám kiên quyết đấu tranh chống tham ô, tham nhũng; khen thưởng cho những người phát hiện đúng những vụ tham nhũng. Muốn ngăn chặn và đẩy lùi được tham nhũng, quan liêu cần phải tiến hành tốt các biện pháp chủ yếu sau đây:

Trước hết, phải đổi mới và hoàn thiện thể chế, thủ tục hành chính, kiên quyết chống tệ của quyền, sách nhiễu, xoá bỏ cơ chế ***"xin – cho"*** và mọi sự tặc trách, vô kỷ luật trong công việc, thực hiện nghiêm khắc những điều cấm đối với cán bộ, công chức đã được pháp luật quy định.

Thứ hai, phải tăng cường quản lý, kiểm tra, ngăn chặn lãng phí tham nhũng tiền và tài sản công, nhất là trong khu vực doanh nghiệp nhà nước.

Thứ ba, cần phải thực hiện quy chế dân chủ và công khai tài chính ở cơ sở và các cấp chính quyền; Thực hiện chế độ kê khai tài sản đối với cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành. Phát huy vai trò của các đoàn thể nhân dân và các phương tiện thông tin đại chúng đúng mức để giám sát và phát hiện kịp thời các sai phạm.

Thứ tư, phải thực hiện cải cách chế độ tiền lương cho cán bộ công chức một cách phù hợp với thực tế nhu cầu của cuộc sống để ngăn ngừa mọi sự sách nhiễu, hối lộ, tham nhũng.

Thứ năm, phải tăng cường giáo dục nâng cao trình độ, năng lực, đạo đức và kiểm tra, kiểm soát chế độ thi hành công vụ đối với cán bộ công chức.

Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân đã được Đảng và Nhà nước ta coi vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chính vì vậy, trên thực tế, trong những năm qua thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, quyền làm chủ của nhân dân từng bước đã được phát huy, đó là một nhân tố quan trọng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Nhà nước pháp quyền, bảo vệ và xây dựng tổ quốc xã hội chủ nghĩa đạt được những thành tựu to lớn.

Tuy nhiên, ở nhiều nơi, trên nhiều lĩnh vực trong cả nước quyền làm chủ của nhân dân vẫn bị vi phạm; tệ nạn quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, sách nhiễu, gây phiền hà cho nhân dân, vẫn diễn biến phức tạp chưa được ngăn chặn và đẩy

lùi. Phương châm "*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*" còn chậm được cụ thể hoá và thể chế hoá thành pháp luật.

Quan điểm của Đảng đã nhấn mạnh và chú trọng: Để giữ gìn và phát huy được bản chất tốt đẹp của Nhà nước ta, phải phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thu hút nhân dân và tạo điều kiện để nhân dân tham gia quản lý Nhà nước, tham gia kiểm tra, kiểm soát, khắc phục tình trạng suy thoái, quan liêu, biến chất, mất dân chủ và tệ nạn tham nhũng. *Khâu quan trọng và cấp bách trước mắt là phải phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở*, là nơi trực tiếp thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, là nơi cần thực hiện quyền dân chủ của nhân dân một cách trực tiếp và rộng rãi nhất.

Đôi nét về mối quan hệ giữa dân chủ và hành chính nhà nước trong lịch sử Việt Nam.

Từ trước đến nay đã có một số các công trình nghiên cứu về vấn đề dân chủ trong lịch sử Việt Nam. Tuy nhiên các công trình này mới chỉ đề cập đến một số khía cạnh hoặc nội dung cụ thể. Một số công trình khác lại đi sâu đề cập về vấn đề dân chủ Làng xã (27), (28), (29). Cho đến nay chưa có một công trình chuyên khảo nào tập trung nghiên cứu một cách có hệ thống về vấn đề dân chủ trong lịch sử nước ta. Trong các bài nghiên cứu về dân chủ Làng xã Việt Nam trong lịch sử đã nảy sinh ra các quan điểm trái ngược nhau. Có quan điểm cho rằng *có một nền dân chủ Làng xã* đã từng tồn tại trong các cộng đồng dân cư Việt Nam, và coi đó là *di sản truyền thống quý báu* cần phải được kế thừa, phát huy và là cơ sở thuận lợi để xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. Tuy nhiên, cũng có quan điểm tỏ ra nghi ngờ, dè dặt, thậm chí không thừa nhận *nền dân chủ làng xã* và cho rằng ở Việt Nam nói riêng và các nước Phương Đông nói chung không có truyền thống dân chủ.

Để phân tích và làm sáng rõ vấn đề này, điều cần thiết là phải đưa ra được các tiêu chí của khái niệm dân chủ, từ đó xem xét xã hội Việt Nam trong lịch sử thực sự có truyền thống dân chủ hay không và nếu có thì đặc trưng của nền dân chủ trong truyền thống của Việt Nam như thế nào.

Dân chủ của một cộng đồng là *những quy định trở thành thể chế được thừa nhận nhằm mục đích bảo đảm quyền của các thành viên về các mặt:*

- Quyền được tham gia vào các thiết chế tổ chức.
- Quyền được tham gia bàn bạc, biểu quyết các công việc của cộng đồng.
- Quyền được tham gia giám sát thực hiện các công việc trong cộng đồng.

Ngoài việc đảm bảo những quyền trên, dân chủ còn có nghĩa bao hàm cả việc các thành viên trong cộng đồng đều được *bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ*. đương nhiên *bình đẳng* cũng là một khái niệm tương đối, nhất là trong xã hội có giai cấp.

Về hình thức, dân chủ có hai loại : dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp. Dân chủ trực tiếp là mọi thành viên trực tiếp thực hiện các quyền của mình đối với các công việc chung của cộng đồng. Dân chủ gián tiếp (hay còn gọi là dân chủ đại diện) là các thành viên thực hiện hay thể hiện các quyền, các nguyện vọng của mình thông qua các tổ chức, các nhóm hay cá nhân làm đại biểu cho cộng đồng.

Về vấn đề dân chủ làng xã trong lịch sử, vốn dĩ làng Việt được thoát thai từ thiết chế công xã nông thôn- đây là hình thức tổ chức xã hội mang đậm tính dân chủ, được tồn tại phổ biến ở Trung Quốc, Ấn Độ, các nước trung cận Đông và các nước Châu Phi da đen.

Ở Việt Nam, thiết chế dân chủ công xã tồn tại suốt khoảng 15 thế kỷ đầu Công nguyên. Chính sự cố kết chặt chẽ của làng xã và thiết chế dân chủ công xã là một trong những yếu tố đã tạo nên sức sống mãnh liệt để giữ gìn trường tồn cội nguồn bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam trong dặm dài lịch sử chống ách xâm lược và đồng hoá của phong kiến phương Bắc. Đến giữa thế kỷ XV, những cải cách hành chính dưới triều Lê Thánh Tông đã làm cho công xã nông thôn Việt bị hút mạnh vào quá trình phong kiến hoá, thiết chế dân chủ công xã dần dần bị lấn át. Tuy vậy, tư tưởng dân chủ làng xã vẫn còn tương đối được bảo lưu trong từng cộng đồng dân cư. Nội dung của tư tưởng dân chủ làng xã chủ yếu xoay quanh quan niệm của người làng về sự cần thiết và quyền của mỗi người được tham gia bàn bạc, tham gia thực hiện, tham gia kiểm tra các công việc, các mặt hoạt động của cộng đồng, tức là hoạt động tự quản của làng với những nội dung cụ thể như tham gia vào tổ chức (nhất là tổ chức bộ máy quản lý hành chính của làng), tham gia vào việc soạn thảo hương ước, tham gia chia và quản lý ruộng đất công, tham gia sử dụng và quản lý quỹ nghĩa thương... Các thành viên cộng đồng có quyền phê phán, chỉ trích hoặc tố cáo các cá nhân vi phạm các quy định của làng xã. Theo quan điểm của nhà dân tộc học Trần Từ thì tính dân chủ của làng xã được biểu hiện trước hết ở thiết chế chính trị - xã hội làng xã với mô hình ba vòng tròn đồng tâm vốn có nguồn gốc từ nền dân chủ công xã nông thôn.

- Vòng tròn trong cùng là các tiên chỉ, thứ chỉ – những người có quyền hành to nhất trong làng.

- Vòng tròn giữa là Hội đồng kỳ mục hay kỳ dịch, là cơ quan có quyền bàn bạc, đề ra các chủ trương, sau đó toàn quyền quyết định các công việc lớn trong làng và chỉ đạo các bộ phận giúp việc (ngũ hương) đơn đốc các giáp thực hiện.

- Vòng tròn ngoài cùng là cuộc họp của toàn thể dân làng, trên thực tế thì chỉ gồm các đàn ông đại diện cho các hộ gia đình được tiến hành sau khi có quyết định của Hội đồng kỳ mục để phổ biến nội dung và cách thức thực hiện các chủ trương và quyết định đã được thông qua trong cuộc họp của hội đồng kỳ mục. Trường hợp có những vấn đề gay gắt mà cuộc họp của Hội đồng kỳ mục không giải quyết được thì sẽ đưa ra lấy ý kiến, biểu quyết của cuộc họp toàn thể dân làng và quyết định theo biểu quyết đa số. (31)

Trong nhiều trường hợp, trên thực tế phần lớn các thành viên nam giới trong cộng đồng được tham gia một cách bình đẳng, dân chủ và công khai. Có học giả Pháp đã từng ghi nhận rằng: Làng xã An Nam đã cho chúng ta thấy một mẫu hình tuyệt diệu của một chính quyền Lập hiến và đại diện của loại hình dân chủ cực đoan nhất. (29)

Tư tưởng về dân chủ làng xã còn được thể hiện trong các bản hương ước-một dạng "văn bản pháp lý" của làng xã, từ quá trình soạn thảo đến việc thực thi. Mọi thành viên trong làng đều được tham gia góp ý kiến (theo từng giáp) vào việc soạn thảo, bổ sung sửa chữa và thông qua hương ước. Thông thường các bản hương ước

thường được mở đầu bằng câu: tất cả các tiên, thứ chỉ, sắc mục cùng già trẻ các giáp trong làng đều nhất trí trình hương ước lên quan trên duyệt phê và cho thi hành. Tính dân chủ tập thể hay dân chủ làng xã được thể hiện rõ trong hương ước hay các lệ tục bất thành văn của làng là kết quả do một quá trình hình thành lâu dài, trên cơ sở tự nguyện tham gia, tự nguyện chấp hành của đông đảo các thành viên trong cộng đồng làng xã được cố kết từ lâu đời.

Tư tưởng dân chủ bình đẳng của làng xã còn thể hiện rõ nét ở thiết chế "lớp tuổi" được tổ chức trong làng dành cho đàn ông. ở thiết chế này, mọi thành viên đàn ông không phụ thuộc vào địa vị xã hội, thành phần xuất thân, tài sản hay học vấn... Nếu cùng lớp tuổi thì đều bình đẳng với nhau về quyền lợi và nghĩa vụ. Theo thời gian, độ tuổi tăng lên thì các thành viên cũng được lần lượt được nâng từ vị trí xã hội thấp lên vị trí xã hội cao hơn theo các mốc tuổi tác quy định, thí dụ : lên đình (thành đình) khi đủ 18 tuổi, lên lão tùy theo tuổi quy định trong hương ước từng làng cụ thể.

Từ những đề cập trên chúng ta có thể xem xét vấn đề *dân chủ làng xã* ở Việt Nam có phải là một nền dân chủ thực sự như một số học giả, nhất là các học giả Pháp trước đây đã ca ngợi, hay đó chỉ là một số yếu tố của dân chủ công xã nông thôn còn được bảo lưu hoặc rơi rớt lại chứ không phải là một nền dân chủ dựa trên một thể chế vững chắc để mọi thành viên trong cộng đồng đều có thể có quyền bàn bạc, tham gia, giám sát các công việc chung của cộng đồng như quan điểm của Nguyễn Hoài Văn và Bùi Xuân Đỉnh đã khẳng định (30). Làng là đại diện duy nhất cho tất cả các thành viên cộng đồng trong các mối quan hệ với các cộng đồng khác và với chính quyền nhà nước bên trên. Cá nhân là thành viên các làng xã không được công nhận là chủ thể về các phương diện đã nêu. Người nông dân ở các làng xã thông qua cộng đồng làng của mình mà tiếp nhận các chủ trương, các chính sách, pháp luật và thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước. Đồng thời qua làng để đề đạt các nguyện vọng của mình, ngay cả quyền được tự do đi khiếu kiện. Mỗi cá nhân trong làng chỉ được coi là thành viên của một làng, thân dân của một nước chứ không được coi là công dân có đủ các quyền lợi và nghĩa vụ. Có hai điều khác biệt giữa cá nhân trong các làng Việt cũng như các cộng đồng xã hội nông nghiệp ở phương Đông so với cá nhân trong cộng đồng xã hội phương Tây:

Thứ nhất là, cá nhân phải hoà vào cộng đồng. Tài năng và tính cách cá nhân không được coi trọng và đề cao để phát triển mà phải tuân thủ, phục tùng cộng đồng theo lối : *Làng xiêu, xiêu với làng*. Mọi giá trị của cá nhân phải đặt dưới và hướng theo giá trị của làng như : *xấu đều hơn tốt lỗi; khôn độc không bằng ngốc đàn; đại đàn hơn khôn độc; chết cả đồng còn hơn sống một người*. Do vậy, ở Việt Nam (và phương Đông) đều có xu hướng đặt quyền lợi cộng đồng lên trên quyền lợi cá nhân.

Thứ hai là, nếu ở phương Tây con người có quyền thể hiện chính kiến, tư tưởng của mình thì ở làng Việt cá nhân không được khuyến khích hoặc cho phép thể hiện điều đó, ngược lại phải nương dựa theo hoặc đứng dưới cộng đồng làng để thể hiện chính kiến, quan điểm của mình tạo nên tâm lý *nói dựa, ăn theo, ba phải, gió chiều nào theo chiều ấy*. Bằng hệ thống các thiết chế cộng đồng làng, bằng hương ước, bằng dư luận xã hội, làng Việt đã tạo nên sự ràng buộc, áp đặt, thậm

chí cường bức đối với cá nhân. Làng xã luôn luôn giám sát và khống chế các hành vi của cá nhân đi ngược lại quan điểm và lợi ích của cả cộng đồng. Chính điều này đã làm cho làng xã truyền thống mất tính dân chủ, tước bỏ quyền được tự do về chính kiến và tính cách cá nhân, đặc biệt là tầng lớp *bạch đình, tứ cố vô thân, thấp cổ bé họng* không thể kêu ca vào đâu được, thí dụ như : *làng phạt vạ, cạo trọc bôi vôi, tống bè trôi sông* đối với những thành viên vi phạm các quy định của làng. Nói cách khác thiết chế làng xã không cho phép tạo điều kiện và đảm bảo quyền dân chủ của cá nhân với tư cách là công dân của một nước.

Từ giữa thế kỷ XV trở đi thể chế dân chủ công xã bị lấn át do nguyên nhân ruộng công là cơ sở quan trọng nhất của thể chế bị thu hẹp dần, xã hội làng xã không còn thuần nhất do sự phân hoá giàu nghèo ngày càng sâu sắc, Nhà nước phong kiến áp dụng hệ thống đẳng cấp làm cho quyền lực của công xã nông thôn dần dần bị suy thoái. Cơ quan quyền lực cộng đồng không còn là Hội đồng già làng là những người cao tuổi có nhiều kinh nghiệm lao động sản xuất, hiểu biết phong tục tập quán, biết cách phòng thủ và bảo vệ cộng đồng mà lại rơi vào trong tay những người có vị thế xã hội cao trong làng như những quan lại nhà nước về hưu, những người có bằng cấp học thức, có phẩm hàm, chức tước trong xã hội. Các cuộc họp bàn và quyết định về các vấn đề của làng xã chỉ còn là của một số người trong bộ máy quản lý hành chính, những người thuộc tầng lớp trên trong làng và đại diện của các Giáp mà thôi. Đặc biệt từ thế kỷ XVIII trở đi, khi hệ thống đẳng cấp của Nhà nước phong kiến trở thành "*trục trung tâm*" của đời sống chính trị làng xã và bộ máy hành chính của chính quyền Nhà nước phong kiến cấp xã (cấp cơ sở) được xác lập và nắm quyền hành thực tế tại từng làng thì yếu tố dân chủ làng xã càng bị tiêu vong. Như vậy, từ giữa thế kỷ XV trở đi Nhà nước Phong kiến đã dùng những biện pháp hành chính để quản lý chặt nông thôn Việt Nam, thể chế dân chủ được hình thành từ thời Công xã nông thôn của làng Việt cổ truyền đã mất dần. Thay thế vào đó là thể chế tự trị, tự quản trong khuôn khổ hành chính của Nhà nước Phong kiến chuyên chế. Làng xã chỉ được giữ lại một số quyền nhất định đối với một số mặt sinh hoạt cộng đồng. Tuy nhiên, tư tưởng dân chủ công xã vẫn có sức sống dai dẳng giúp cho từng cộng đồng dân cư vẫn còn duy trì được một số mặt dân chủ mà thực chất là các hình thức tự quản để các thành viên làng xã giám sát lẫn nhau và là biện pháp quan trọng của thể ứng xử làng xã nhằm duy trì kỷ cương để cố kết cộng đồng. Chính sự suy thoái đó đã làm cho một số nhà nghiên cứu nhầm tưởng trong thời kỳ phong kiến xuất hiện những hình thức dân chủ mờ mờ sơ khai. Giáo sư Trần Từ đã chỉ rõ ra rằng đó là một thứ *dân chủ hình thức* hay *dân chủ theo "đẳng cấp"* và khẳng định thực chất trong xã hội Phong kiến Việt Nam là *mất dân chủ nghiêm trọng*.⁽³¹⁾

Những thập kỷ đô hộ nước ta, thực dân Pháp đã nắm bắt và lợi dụng ngay thiết chế làng xã cổ truyền với tất cả tính chuyên chế, sự mất dân chủ của nó để dễ dàng thống trị, đàn áp và bóc lột nông dân nước ta.

Tư tưởng khát khao dân chủ của người nông dân là nguyên nhân đã thúc đẩy họ, thông qua một số đại biểu tiến bộ trong cộng đồng đã dấy lên tinh thần chống áp bức, cường quyền và tập hợp thành lực lượng tham gia những vụ kiện tập thể nhằm đánh đổ uy thế và hạ bệ những chức dịch, kỳ mục thoái hoá, tham nhũng,

hách dịch, đục khoét nhân dân với ước muốn tạo lập lại một xã hội công bằng dân chủ. Đó là tiền đề cho những cuộc khởi nghĩa nông dân đòi quyền dân chủ mà cụ thể hoá bằng các mục tiêu “ *giành cơm áo gạo tiền, bình quân ruộng đất*” đã bùng lên mạnh mẽ những khi Nhà nước phong kiến suy vi, bất lực trong việc quản lý nông thôn, nhất là từ giữa thế kỷ XVIII về sau.

Có quan điểm cho rằng: nạn cường hào làng xã chỉ xuất hiện khi chính quyền Nhà nước Phong kiến trung ương suy yếu. Trong thực tế lịch sử, ngay cả khi Nhà nước trung ương mạnh, nạn cường hào vẫn xuất hiện. Khái niệm **cường hào** (theo Tiến sĩ Bùi Xuân Đính) xuất hiện lần đầu tiên vào năm Hồng Đức nguyên liên(1470) dưới thời vua Lê Thánh Tông. Năm 1471, vua Lê Thánh Tông đã phải ra các chỉ dụ về chống cường hào làng xã. (32).

Tóm lại, thiết chế làng xã dưới thời Phong kiến không tạo ra cơ chế dân chủ, không tạo ra sự giải phóng cá nhân mà chỉ ràng buộc cá nhân vào thiết chế của cộng đồng làng xã. Nói cách khác, thiết chế làng xã tuy góp phần duy trì tính bền vững của cộng đồng làng xã tồn tại một cách dai dẳng, chậm giải thể, song đồng thời nó cũng làm cho xã hội mất dân chủ, cản trở sự phát triển kinh tế- xã hội của từng làng và vì thế cản trở tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc.

Chúng ta có thể nói làng Việt là hình ảnh thu nhỏ của cả nước (Quốc gia). Làng luôn luôn muốn giữ sự độc lập tương đối so với nước, chính vì thế ngôn ngữ Việt Nam có câu “**Hương đẳng triều đình**”. Trên thực tế trừ những lúc đất nước lâm nguy như lũ lụt, hoả hoạn, giặc ngoại xâm... thì làng mới gắn kết với nước, còn trong mọi thời điểm đời thường người nông dân quan tâm đến làng nhiều hơn sự quan tâm đến nước, bởi vì **mất nước chưa mất làng còn mất làng là mất tất cả**. Khi một người dân nào có oan khuất đau đớn hoặc cần kêu cứu thì câu cửa miệng đầu tiên cũng là : **ối làng** rồi mới đến kêu **ối nước ơi !** như vậy tâm lý của người nông dân Việt Nam bao giờ cũng làng trước rồi mới đến nước sau. Cũng như trong ứng xử huyết tộc (họ hàng) có câu : **Bán chị em xa mua láng giềng gần**. Chính tâm lý này đã tạo nên sự cố kết cộng đồng làng, bảo vệ làng. Làng luôn luôn có khuynh hướng ly tâm khỏi Nhà nước, khẳng định tính tự trị và độc lập của làng đối với Nhà nước. Mỗi làng có một tập tục riêng, một phần tập tục ấy được thể hiện cụ thể hoá trong **hương ước**. Ngoài ra, còn nhiều tập tục, tục lệ không được văn bản hoá nhưng vẫn được dân làng duy trì và tuân thủ thực hiện. Hầu hết các vấn đề pháp luật của Nhà nước (phép nước) muốn thâm nhập vào được làng đều phải chịu sự khúc xạ.(33) Chính điều đó đã tạo nên một cặp phạm trù tương phản: **lệ làng- phép nước**.

Xã hội Việt Nam truyền thống là một xã hội nông dân với những nền văn hoá xóm làng, văn minh thôn dã. “**Sống ở làng, sang ở nước**” đã trở thành tâm tính của người Việt từ ngàn đời. Cuộc sống của người dân trong vòng đời luôn gắn với **làng**, ai bần cùng khốn khó cũng bám làng mà sống **tất lửa tối đèn có nhau, lá làng đùm lá rách, bầu ơi thương lấy bí cùng...** hoặc **sống trong cát chết vùi trong cát** (Tố hữu). Những người có vận may (có số!) được “**cho tiền đi học để đi thi**”, đi thi rồi đỗ được vua ban áo mũ triều đình, được **ân tứ vinh quy**, trước hết là vinh quy về làng để bái yết tổ tiên, cho dân biết mặt kẻ thành đạt, rồi khao vọng cả

làng, đến ơn đáp nghĩa sau đó mới lên kinh chờ triều đình bổ nhiệm làm quan. Đến tuổi về hưu hoặc bãi quan hay bị cách chức thì cũng trở về làng, sống ở làng cho đến chết, mộ chôn bên cạnh những nấm mộ tổ tiên.(34) Vậy nên dân gian ta có câu **tung tung lá rụng về cội. Làng** vừa nghiêm ngặt, trói buộc, vừa bao dung rộng lượng.

Làng là xã hội nông dân, mà căn tính nông dân là tự cung tự cấp. ước muốn thường trực của người nông dân bao đời vẫn chỉ là: **no thân ấm cật, cơm no mắm mặn hoặc lay trời mưa xuống, lấy nước tôi uống, lấy ruộng tôi cày, lấy bát cơm đầy, lấy khúc cá to.** Xã hội ấy dù lấy **Sĩ** (những người đi học- có học) làm trọng nhất nhưng vẫn đặt **Nông** làm cơ bản (dĩ nông vi bản) đứng thứ hai, sau đó mới xếp đến **công** và **thương**. Dân vạn chài và xưởng ca thì không được xếp loại gọi là **xưởng ca vô loài**. Trong xã hội ấy, Nhà nước (đại diện cao nhất là vua) cơ bản cũng chỉ mong cai trị làm sao cho dân được : **an cư - lạc nghiệp** (ở/ sống: yên- vui nghề làm ăn). Người nông dân phải lo bao nhiêu thứ : **trông trời trông đất trông mây, trông mưa trông gió trông ngày trông đêm, trông cho chân cứng đá mềm, trời yên biển lặng mới yên tấm lòng.** Tư tưởng cầu an (cầu yên) đã tạo ra tâm lý **an phận thủ thường**.

Họ hàng, làng xóm thì có mặt tốt là cố kết cộng đồng, có tinh thần cộng cảm giúp đỡ, tương trợ những khi **trái nắng trở trời**, nhưng lại có mặt trái khổ nổi là hay xét nét, dòm ngó, ganh tị lẫn nhau do đó mọi người cũng sống trong tâm lý xét nét, thường sống giả nghèo giả khổ, không dám phô trương ở làng, có chút của, miếng ăn cũng phải giấu diếm, vụng trộm. Đó là một đặc trưng của văn hoá làng.

Từ những phân tích trên để thấy mối quan hệ giữa làng xã cổ truyền với hành chính Nhà nước luôn là một cặp phạm trù mâu thuẫn trong sự thống nhất. Làng là của nước, là bản dân thiên hạ, mọi mối quan hệ của Nhà nước với dân thì đều được thực hiện ở làng, nhưng làng lại luôn có xu hướng độc lập, tách rời chứ không phải gắn kết với nước. Người dân gắn kết quan hệ với làng là chủ yếu, ít khi có quan hệ trực tiếp với nước, nếu có thì cũng nằm trong mối quan hệ của làng hoặc phải được phép của làng. Do vậy, tâm lý **an phận thủ thường** của người nông dân lại càng không dám vượt qua làng để đấu tranh giành quyền lợi, quyền dân chủ hoặc tự do. Việc người dân đứng lên chống lại Nhà nước là chuyện hiếm hoi trong lịch sử Việt Nam, trừ khi Nhà nước không còn xứng đáng đảm trách sứ mạng của mình, đại diện cho mọi thần dân trong nước để buộc dân phải **bão nổi can qua, hoặc Dập dìu súng bắn cờ xiêu, Phên này quyết đánh cả Triều lẫn Tây.**

Ở một khía cạnh khác, xem xét về mối quan hệ dân chủ với hành chính nhà nước, chúng ta thấy các vương triều của Việt nam trong lịch sử đều có nguồn gốc từ những người dân lao động (trừ triều đại nhà Nguyễn). Đinh Bộ Lĩnh tuy có nguồn gốc là con nhà tướng (Đinh Công Trứ) cai quản vùng Châu Hoan (Nghệ An) nhưng lại lớn lên gắn bó với ruộng đồng, chăn trâu cắt cỏ "**cờ lau tập trận**". Lê Hoàn sinh ra ở Thanh Hoá, có cha có mẹ, nhưng thuở hàn vi vẫn "**trơ trọi một thân, muôn vàn có đơn dôi rét**".(35). Lý Công Uẩn là trẻ mồ côi (?), chỉ có bố nuôi là nhà sư Lý Khánh Văn nuôi dưỡng chăm sóc, dạy dỗ và lớn lên dưới mái chùa

làng. Nhà Trần, nhà Mạc vốn có nguồn gốc từ dân chài đánh cá ven biển đồng bằng Bắc bộ. Nhà Lê sơ khởi gốc là nông dân ở vùng núi xứ Thanh.

Ở các làng xã, luôn tuân theo chế độ **dụng xỉ** (trọng tuổi tác, trọng lão) hoặc **dụng tước** (trọng những người có chức tước, học thức). Đây là cung cách quản lý xuất phát từ quan niệm **người già là kho của**. Các cụ già có tuổi luôn được trọng thị, vấn đề quan trọng là làm sao phát huy được uy tín để thể hiện vai trò cố vấn của mình. Khi giặc Nguyên sang cướp nước ta, vua Trần đã nắm được truyền thống này của dân Việt nên đã mở **Hội nghị Diên hồng** để trưng cầu dân ý, tập hợp được lòng dân, phát huy nội lực, ba lần đánh tan quân xâm lược Nguyên Mông. Nhà Hồ tuy có công lao lớn trong cuộc cải cách hành chính với chính sách hạn điền, hạn nô, mở mang học hành thi cử nhưng vì **chính sự phiền hà**, không xây dựng được **thế trận lòng dân** nên dần có thành lũy kiên cố, có chiến thuyền cơ động, có tinh binh và thần cơ pháo nhưng vẫn cùng đường bị bắt ở núi Thiên Cầm (Hà Tĩnh). Truyền thống **dụng xỉ** này cho đến ngày nay vẫn được Đảng và Nhà nước ta giữ gìn và coi trọng thể hiện ở việc thành lập các tổ chức như **Hội người cao tuổi, Hội cựu chiến binh...**Hàng năm, lãnh đạo Đảng, Nhà nước và lãnh đạo các cấp Hành chính ở địa phương đều tổ chức gặp mặt thăm hỏi, tặng quà cho những người cao tuổi, các già làng, già bản nhân dịp đầu năm hoặc những ngày lễ lớn của dân tộc.

Nho giáo được du nhập vào nước ta từ rất sớm nhưng đặc biệt được đề cao và chiếm vị trí độc tôn từ thời Lê sơ. Vua Lê Lợi lên ngôi đã ra **Chiếu cầu hiền** kêu gọi những kẻ hiền tài, có học thức ra giúp vua giúp nước: **cổ xe cầu hiền luôn chờ phía tả** (Nguyễn Trãi : *Cáo bình Ngô*). Thông qua Nho giáo với phương thức thi cử để xây dựng cơ chế vận hành của Nhà nước, điều này làm nảy sinh khía cạnh tâm lý của dân trong mối quan hệ với Nhà nước. Trước hết, do dùng chữ Nho (chữ Hán) để ban bố các luật lệnh, mệnh lệnh của Nhà nước, cho nên phải qua tầng lớp trung gian là quan lại và chức dịch các cấp dịch nghĩa, lý giải truyền đạt cho dân chúng thông hiểu. Tầng lớp quan lại và kẻ sĩ trở thành một mắt xích không thể thiếu trong cơ chế vận hành của Nhà nước. Người dân phần lớn là không biết chữ. Do vậy sự lệch pha giữa **văn từ** và **ngôn từ** đã làm cho việc quản lý hành chính mất đi tính chính xác.

Do thi cử để chọn quan lại cho nên tính dân chủ phần nào cũng được phát huy. Mọi người dân là nam giới (trừ con hát hoặc đang chịu đại tang), dù nghèo hèn đến mấy cũng đều có thể đi học, đi thi. Thi đỗ thì được bổ nhiệm làm quan để thoả mộng ước **"võng anh đi trước, võng nàng theo sau"**. Một sự đối đời trông chờ vào kết quả thi cử đã tạo cho mọi người âm thầm nuôi một hy vọng về sự bình đẳng.

Hệ thống quan lại được Nhà nước đào tạo, các Tiến sĩ, Cử nhân, Tú tài được bổ nhiệm vào bộ máy quản lý nhà nước đến cấp huyện. Còn ở làng xã thì đương nhiên tự vận hành theo lối tự quản. Các quan lại được bổ nhiệm dù có luật **Hội tị** quy định không được cai trị ở quê quán của mình nhưng trên thực tế **một người làm quan cả họ được nhờ** . Một người thành đạt bao giờ cũng tự phải gánh vác việc mang lợi ích về cho cả dòng họ, tạo nên một tâm lý trường tồn trong các làng xã Việt Nam. ở làng xã không được bổ nhiệm quan lại đã đỗ đạt nhưng các dòng

họ và những người có thể lực luôn muốn giành được các chức vị trong làng trong xã để có được vị thế nơi *góc chiếu giữa đình*, và ở đây giữa các chức dịch trong xã luôn xung đột giữa *chức-quyền - lợi - thế*. Chính vì thế, ngày nay trong mọi vấn đề kế thừa truyền thống thì đây là gánh nặng nhất mà công cuộc cải cách hành chính đang tiến hành phải giải quyết.

Triều đình nhà Nguyễn xác lập bằng việc lên ngôi của Hoàng đế Gia Long (1802). Trong nửa đầu thế kỷ XIX, để củng cố vương triều, ổn định và trấn an lòng dân, các vua triều Nguyễn tăng cường khôi phục sự độc tôn Nho giáo, áp dụng đường lối cai trị truyền thống. Xã hội Việt Nam trong thời kỳ này chưa đặt ra vấn đề đổi mới tư duy, chưa đặt ra vấn đề canh tân đất nước và hướng đến những khái niệm tự do dân chủ.

Từ những năm 60 của thế kỷ XIX sau khi triều đình Huế ký hoà ước Nhâm tuất (1862), nhận thức được tình thế *ngàn cân treo sợi tóc* của đất nước, một số nhân sĩ, quan lại như Nguyễn Trường Tộ, Đặng Huy Trứ đã đệ trình lên vua Tự Đức những đề nghị cải cách trên các lĩnh vực. Những đề nghị cải cách này đã tạo mở ra một xu hướng khác hẳn với truyền thống Nho giáo và cách thức cai trị truyền thống của nhà nước phong kiến. Đó là những đề nghị thể hiện một lối tư duy mới, chứa đựng những tư tưởng mới trong nhận thức hiện thực về xã hội, thổi vào xã hội Việt Nam trì trệ và nghèo nàn một luồng gió mới về các lĩnh vực xã hội, trong đó có những nội dung khởi đầu đặt nền móng cho xu hướng tự do dân chủ. Các nhà nghiên cứu gọi đó là những tư tưởng *cải cách* hay tư tưởng *canh tân*, đổi mới. Tuy nhiên khái niệm *cải lương* chủ yếu nói về phương diện chính trị, mang tính chất điều hoà giữa các lực lượng, các quyền lợi đối kháng để giữ nguyên thể chế chính trị cũ còn khái niệm *cải cách* bao hàm nhiều lĩnh vực hơn mới mẻ hơn, có sự thay đổi và tiến bộ hơn.

Sau Nguyễn Trường Tộ và Đặng Huy Trứ còn có Nguyễn Lộ Trạch, Phạm Phú Thứ cũng đề xuất nhiều về quan điểm canh tân đổi mới đất nước. Từ sự nhận thức đổi mới về văn hoá văn minh, các nhà cải cách căn cứ vào nhu cầu thực tiễn của đất nước lúc bấy giờ, đã chủ trương phải cấp bách cải cách giáo dục. Các nhà kinh điển Nho giáo rất coi trọng giáo hoá, coi giáo hoá là cốt lõi của chính sự. Nho giáo, như đã đề cập, vẫn lấy giáo dục làm đường lối căn bản để cai trị dân. Nền giáo dục Việt Nam chịu nhiều ảnh hưởng của Nho giáo. Tuy nhiên, sau hơn tám trăm năm tồn tại và tạo nên nhiều thành tựu văn hoá rực rỡ, đến triều Nguyễn sự giáo dục theo Nho học đã bộc lộ nhiều bất cập.

Tựu trung lại các điều trần của những nhà tư tưởng canh tân đã tập trung vào 4 vấn đề lớn cơ bản:

- *Cải cách giáo dục*: thay đổi lối học khoa cử đơn thuần về chính trị, đạo đức, xa rời thực tế bằng lối học thực dụng, quan tâm đến khoa học- kỹ thuật theo mô hình giáo dục của các nước phương Tây.

- *Cải cách về kinh tế*: từ bỏ chính sách "ức thương", "đóng cửa", khuyến khích thương mại, phát triển tiểu thủ công nghiệp, chú trọng khai thác các nguồn lợi tự nhiên, trọng dụng nhân tài xã hội, sử dụng các nguồn nhân lực nhằm chấn hưng, phát triển đất nước.

- *Cải cách về quân sự*: sửa đổi lại phương pháp tuyển chọn quân đội, huấn luyện chiến thuật và kỹ thuật chiến đấu, trang bị vũ khí hiện đại, có chính

sách đại ngộ hợp lý với binh sĩ nhằm nâng cao sức mạnh của quân đội, có thể đánh thắng kẻ xâm lược và bảo vệ được đất nước.

- **Cải cách về chính trị:** Tinh giản bộ máy hành chính, tuyển chọn quan lại dựa vào năng lực nghề nghiệp thực tế, thực hiện đường lối đối ngoại mở cửa, thực hiện chính sách dân chủ và tự do tôn giáo... nhằm củng cố khả năng quản lý đất nước, ổn định lòng dân và tranh thủ sự ủng hộ của nước ngoài, từ đó củng cố được chính quyền.

Những đề nghị cải cách của các nhà canh tân cuối thế kỷ XIX đã thể hiện một tư duy mới, đáp ứng yêu cầu lịch sử đặt ra đối với dân tộc ta lúc bấy giờ. Rất tiếc các tư tưởng cải cách của các nhà canh tân không được triều đình nhà Nguyễn chấp nhận thực hiện. Nhưng dù sao những tư tưởng cải cách này đã để lại những bài học lịch sử mang ý nghĩa lý luận sâu sắc.

+ Bài học về tầm quan trọng của việc đón bắt và tận dụng thời cơ lịch sử đem lại.

+ Bài học về tính cấp thiết phải xây dựng một tư duy khoa học và mềm dẻo trong lãnh đạo đất nước.

Dân chủ và tự do là ước mơ, là khát vọng muôn đời của các dân tộc trên thế giới vì vậy, cuộc đấu tranh cho quyền tự do dân chủ luôn luôn được đặt ra rất quyết liệt từ xưa đến nay trong xã hội loài người. Ở Việt Nam, có thể nói trong trường kỳ lịch sử dân tộc, vấn đề tự do dân chủ chỉ thực sự được đưa ra và trở thành lý tưởng phấn đấu của toàn thể dân tộc kể từ ngày có sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn đi theo sự lãnh đạo của Đảng, tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng giành lại độc lập tự do cho Tổ quốc và cuộc sống no ấm cho nhân dân. Đảng đã lãnh đạo nhân dân đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, đánh đuổi Thực dân cướp nước, đánh đổ chế độ Phong kiến, giành chính quyền về tay nhân dân. Một Nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân đã được xác lập. Nhà nước, đó là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường bất khuất và bền bỉ dưới sự lãnh đạo của Đảng, là sự biểu hiện của quyền lực nhân dân, mang lại hạnh phúc và quyền tự do dân chủ cho nhân dân.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt và tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam trong suốt hơn 70 năm qua, ý thức tự giác đổi mới toàn diện của bộ máy lãnh đạo Đảng và Nhà nước, cùng với lực lượng quần chúng đông đảo nhất trí ủng hộ và tham gia tích cực vào công cuộc đổi mới hiện nay nhằm xây dựng thành công một nước Việt Nam độc lập, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở đó, nền dân chủ ở Việt Nam ngày càng được hoàn thiện, củng cố và phát huy vì hạnh phúc của con người.

4. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về thực hiện dân chủ và xây dựng nhà nước pháp quyền.

Ngay từ khi thành lập, trong Cương lĩnh của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng đã đề ra mục tiêu của Đảng là kêu gọi tập hợp và lãnh đạo lực lượng đông đảo các tầng lớp nhân dân tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, xây dựng một nước **Việt Nam độc lập và dân chủ** rồi sau đó tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Trong thời kỳ vận động dân chủ (1936 – 1939), Đảng đã coi việc đấu tranh giành độc lập tự do cho đất nước là một trong những nhiệm vụ chiến lược cấp bách. Giữa thời điểm cam go của thời kỳ cách mạng này, Trung ương Đảng không chỉ lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân tiến hành các cuộc đấu tranh đòi các *quyền tự do dân chủ* hàng ngày từ tay bọn bán nước và cướp nước, dưới nhiều hình thức phong phú khác nhau. Nhiều văn kiện của Đảng đã được ban hành để chỉ đạo, hướng dẫn và cổ vũ cuộc đấu tranh gian khổ này. Một trong nhiều văn kiện quan trọng của thời kỳ này phải nói đến tác phẩm *Các quyền tự do dân chủ với nhân dân Đông Dương* của đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Cừ.(56).

Bằng ngòi bút lý luận sắc bén, Tổng bí thư Nguyễn Văn Cừ đã phân tích sâu sắc hệ thống những *giá trị của tự do dân chủ* đối với các dân tộc, các giai cấp và mỗi cá nhân. Và từ đó đi đến khẳng định bản chất tốt đẹp của tự do dân chủ xã hội chủ nghĩa – một nền tự do dân chủ thật sự cho quảng đại quần chúng lao động, một nền tự do dân chủ mà ở đó các quyền sống, quyền con người được trân trọng và bảo vệ. Đồng chí Nguyễn Văn Cừ khẳng định: *"Chỉ có tự do dân chủ của quảng đại quần chúng tức là chuyên chính của vô sản hay là chuyên chính công nông thì mới có thể phát triển tới nền dân chủ triệt để và chân chính của mọi người"*(57). Đồng thời, đồng chí chỉ rõ: *"Muốn bảo chứng cho sự tự do dân chủ, cần phải có một chế độ tuyển cử phổ thông để cử ra những đại biểu của các tầng lớp nhân dân để bênh vực những quyền lợi dân chủ tự do và lập ra pháp luật bảo hộ quyền lợi cho nhân dân và chống lại sức phản động chuyên chế của một nắm đại tư bản, nhất là những sự thuộc địa như Đông Dương, lại càng cần các quyền tự do dân chủ để chống thế lực phản động của chế độ thuộc địa của một nắm tư bản ngoại quốc và canh lấy sự bình đẳng giữa hai dân tộc về các phương diện chính trị, kinh tế, văn hoá, .v.v."*(58).

Căn cứ theo tình hình cụ thể của tình hình cách mạng thời bấy giờ đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Cừ đã phân tích và đề ra phương pháp đấu tranh có tính chất hoà bình là chính sách lập *Mặt trận dân chủ thống nhất Đông Dương* để thực hiện những yêu cầu nhiệm vụ đã đặt ra: *"Đó là phương pháp đấu tranh có một không hai thích hợp với hoàn cảnh và dân khí trong điều kiện hiện thời. Bởi vậy cho nên khẩu hiệu Mặt trận dân chủ đã trở nên khẩu hiệu thực hành trong nhất thứ chứ không phải là khẩu hiệu tuyên truyền nữa!"*(59). Lịch sử nước ta trải qua ngót 1000 năm đô hộ của Phong kiến phương Bắc, hơn 80 năm bị thực dân Pháp, phát xít Nhật đô hộ và sau này trên 20 năm miền Nam bị đế quốc Mỹ xâm lược, nhân dân ta bị nô lệ, hoàn toàn mất quyền tự do dân chủ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã chiến đấu hi sinh anh dũng để giành lại quyền tự do dân chủ.

Nước ta được độc lập thống nhất, thì nhân dân ta phải trở thành người chủ thực sự của đất nước. Chế độ mà nhân dân ta xây dựng phải là chế độ do nhân dân, trước hết là nhân dân lao động làm chủ, tất cả quyền lực phải thuộc về nhân dân. Xã hội xã hội chủ nghĩa là một xã hội mà nhân dân lao động là chủ và làm chủ; trong xã hội đó: *"Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân... Quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân."*(60).

Tư tưởng Hồ Chí Minh là biểu tượng cao cả về quan điểm thực hiện dân chủ, mang lại hạnh phúc cho nhân dân. Tư tưởng dân chủ của Hồ Chí Minh là sự kết hợp nhuần nhuyễn truyền thống nhân ái của dân tộc Việt Nam với tư tưởng nhân văn, tinh thần dân chủ của phương Đông và phương Tây. Toàn bộ tư tưởng của Hồ Chí Minh đều xuất phát từ quan điểm cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Theo Người, Chủ nghĩa xã hội chỉ có thể thành công khi tính tích cực của đông đảo nhân dân được phát huy có hiệu quả qua chính sách dân chủ hoá của Đảng và Nhà nước. Tư tưởng dân chủ của Hồ Chí Minh bao gồm cả ba lĩnh vực: *bảo đảm dân quyền, cải thiện dân sinh và nâng cao dân trí*. Ba lĩnh vực này gắn bó với nhau và tác động qua lại rất chặt chẽ. Làm được như vậy là tạo tiền đề để thực hiện dân chủ với nhân dân. Người nói: *Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho đất nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành*(61).

Tư tưởng dân chủ của Hồ Chí Minh được thể hiện trong mối quan hệ thường xuyên của Người với các tầng lớp nhân dân. Người thường đến thăm và trò chuyện trực tiếp với các cụ già, thanh niên, các cháu thiếu nhi trong từng nhà máy, trên ruộng đồng và từng thôn bản. Chúng ta nhớ mãi câu hỏi của Người trong lần đầu tiên ra mắt trước toàn thể quốc dân để công bố bản Tuyên ngôn Độc lập ngày 02 tháng 9 năm 1945: *Tôi nói đồng bào nghe rõ không?* Câu hỏi rất tự nhiên và bình dị ấy đã thực sự làm xúc động lòng người. Đó cũng là một biểu hiện cụ thể mẫu mực về mối quan hệ khăng khít giữa lãnh tụ với nhân dân.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, thực hiện dân chủ trước hết là thực hiện tốt mối quan hệ chặt chẽ giữa Đảng và Chính quyền với quần chúng. Người căn dặn: *"Trước mặt quần chúng không phải ta cứ viết lên trán chữ Cộng sản mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người hết lòng phục vụ nhân dân, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân."* Người khẳng định: *"dân chủ là tài sản quý báu nhất của nhân dân"*. *"Có dân chủ mới làm cho cán bộ và quần chúng đề ra sáng kiến."*(62). *"Có phát huy dân chủ đến cao độ thì mới động viên được tất cả lực lượng của nhân dân đưa cách mạng tiến lên"*(63). Khi nói về địa vị và quyền lợi của nhân dân Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ: *"Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ."*(64). *"Chế độ ta là chế độ dân chủ tức là nhân dân là người chủ"* (65). Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ: *"Nhiệm vụ của chính quyền dân chủ là phục vụ nhân dân"*.(66) Do vậy: *"Nhà nước ta phải phát triển quyền dân chủ và sinh hoạt chính trị của toàn dân"*. (67) Mỗi một khi: *"Nhân dân có quyền lợi làm chủ, thì phải có nghĩa vụ làm tròn bốn phận công dân"*. (68)

Bác Hồ không những yêu quý nhân dân mà trước hết là kính trọng và tin tưởng nhân dân. Người thường phê phán những *"Ông quan cách mạng"* và luôn luôn xác định *"Cán bộ, Đảng viên phải là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân"* bởi vì: *"Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng"*.(69)

Đảm bảo *dân quyền*, theo Hồ Chí Minh là phải gắn bó với việc chăm lo cải thiện *dân sinh* và nâng cao *dân trí*. Người rất quan tâm đến cuộc sống riêng của từng người dân trong cuộc sống chung của cả cộng đồng dân tộc. Người coi việc cải thiện dân sinh và chăm lo lợi ích của quần chúng chính là nền tảng của định hướng, chủ trương của Đảng và Nhà nước: **"Cán bộ, Đảng viên càng phải nâng cao tinh thần phụ trách trước Đảng và trước quần chúng, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, phải yêu kính nhân dân."** (70) Muốn thực hiện được điều đó, Cán bộ, Đảng viên: **"phải luôn chăm lo đến đời sống của quần chúng. Phải chí công vô tư và có tinh thần lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ"**. (71) Để đảm bảo dân quyền và cải thiện dân sinh, Hồ Chí Minh luôn luôn coi trọng việc nâng cao dân trí: **"Làm sao cho nhân dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm."**(72) Nâng cao dân trí để làm cho: **"Các tầng lớp nhân dân ta- công nhân, nông dân, lao động trí óc, các nhà công thương, đồng bào thiểu số- ai nấy hãy làm tròn nghĩa vụ của người công dân, người chủ nước nhà"**. (73) Nâng cao dân trí cũng đồng thời làm cho văn hoá miền núi phát triển kịp văn hoá miền xuôi: **"làm cho các dân tộc anh em dần dần tự quản lý lấy mọi công việc của mình, để mau chóng phát triển kinh tế và văn hoá của mình, để thực hiện các dân tộc bình đẳng về mọi mặt."**(74)

Đối với sự nghiệp giáo dục, Bác Hồ luôn căn dặn: **"Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người"**. **"Trong nhà trường, cần có dân chủ ... dân chủ nhưng trò phải kính thầy, thầy phải quý trò, chứ không phải là cá đối bằng đầu"**

Hồ Chí Minh nhận thức được sâu sắc rằng, muốn thực hiện dân chủ với nhân dân trước hết phải thực hành rộng rãi dân chủ ở trong Đảng. Có thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng thì mới có điều kiện thực hiện dân chủ trong xã hội. Trong bản Di chúc để lại cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trước lúc đi xa, Người nhấn mạnh: **"Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết, thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau"**. (76) Tự phê bình và phê bình là sự phản ánh trung thực tinh thần dân chủ và sức chiến đấu của Đảng. Bởi vì: **"Một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những khuyết điểm, vì đâu mà có khuyết điểm, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm mọi cách sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ"**. (77) Dân chủ trong Đảng thể hiện trong nhiều mặt, như dân chủ trong quá trình chuẩn bị ra quyết định và tổ chức quyết định, dân chủ trong công tác cán bộ, bầu cử cấp uỷ, trong đó có vấn đề tự do tư tưởng và thảo luận theo nguyên tắc tập trung dân chủ

Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân liên quan đến phạm trù dân chủ. Dân chủ là một phạm trù chính trị- xã hội rất rộng lớn, nhưng nội dung cơ bản là *quyền lực thuộc về nhân dân*. Hồ Chí Minh quan niệm một cách rõ ràng *dân chủ* nghĩa là *dân là chủ và dân làm chủ*. Theo Hồ Chí Minh, dân chủ trong lĩnh vực chính trị là dân làm chủ Nhà nước. Nhà nước là của dân, do dân, vì dân, do Đảng Cộng sản lãnh đạo thực

hiện dân chủ với đa số nhân dân và chuyên chính với thiểu số phản động, chống lại nhân dân. Ngay từ năm 1927, trong tác phẩm *Đường Kách mệnh*, Người đã chỉ rõ: *"Chúng ta đã hy sinh làm Kách mệnh, thì làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người, thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc"*(78). Sau khi Cách mạng thành công, giành được độc lập, thành lập được Nhà nước, Hồ Chí Minh chủ trương: *"Chính quyền từ Xã đến Chính phủ Trung ương đều do dân cử ra... Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân"*(79). Đó là điểm khác nhau về bản chất giữa Nhà nước của nhân dân với các Nhà nước của giai cấp bóc lột đã từng tồn tại trong lịch sử.

- **Nhà nước ta là Nhà nước của dân:** Điều 1 Hiến pháp năm 1946 do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Trưởng Ban soạn thảo đã khẳng định rõ: *"Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái, trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo"*. Điều 32 của Hiến pháp 1946 cũng quy định: *"Những việc quan hệ đến vận mệnh Quốc gia sẽ đưa ra nhân dân phán quyết"*. Thực chất đó là chế độ **trung cầu dân ý**, một hình thức dân chủ trực tiếp được đề ra ngay từ khi Nhà nước ta mới thành lập. Sau khi đã giành được chính quyền, nhân dân ủy quyền cho các đại diện do mình bầu ra. Đồng thời *"Nhân dân có quyền bãi miễn Đại biểu Quốc hội và Đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những Đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân"*(80).

Trong Nhà nước của dân thì dân là chủ, người dân được hưởng mọi quyền dân chủ, nghĩa là có quyền làm bất cứ việc gì mà Pháp luật không cấm và có nghĩa vụ tuân theo Pháp luật. Nhà nước của dân phải bằng mọi nỗ lực, hình thành được các thiết chế dân chủ để thực thi được quyền làm chủ của người dân. Cũng trên ý nghĩa đó, các vị đại diện của dân, do dân cử ra, chỉ là thừa ủy quyền của dân, chỉ là *"Công bộc"* của dân theo ý nghĩa đúng đắn của từ này.

- **Nhà nước ta là Nhà nước do dân:** Đó là Nhà nước do dân lựa chọn, bầu ra những đại biểu của mình. Nhà nước đó do dân ủng hộ, giúp đỡ, đóng thuế để Nhà nước chi tiêu, hoạt động. Nhà nước đó do dân phê bình, xây dựng. *"Tất cả các cơ quan Nhà nước phải dựa vào nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của nhân dân"*. *"Hễ Chính phủ nào mà có hại cho dân chúng, thì dân chúng phải đập đổ Chính phủ ấy đi, và gây nên Chính phủ khác"*.(81) Nhà nước do dân có nghĩa là, khi cơ quan của Nhà nước không đáp ứng được lợi ích và nguyện vọng của nhân dân thì nhân dân sẽ bãi miễn nó đi.

- **Nhà nước ta là Nhà nước vì dân:** Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, chỉ có một Nhà nước thực sự *của dân, do dân tổ chức, xây dựng và kiểm soát trên thực tế* mới có thể là Nhà nước *vì dân* được. Đó là một Nhà nước phục vụ lợi ích và nguyện vọng của nhân dân, không có đặc quyền đặc lợi, thực sự trong sạch, cần kiệm liêm chính. Trong Nhà nước đó, Cán bộ và Công chức ở các ngành các cấp đều thực sự là công bộc của dân. *"Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại cho dân, ta phải hết sức tránh"*.(82) *"Chế độ ta là chế độ dân chủ, nghĩa là nhân dân làm chủ. Đảng ta là Đảng lãnh đạo, nghĩa là tất cả các cán bộ, từ Trung ương đến*

Khu, đến Tỉnh, đến Huyện, đến Xã, bất kì ở cấp nào và ngành nào- đều phải là đầy tớ trung thành của nhân dân”(83).

Hồ Chí Minh dùng hai từ “*Đầy tớ*” có gốc từ hai chữ “*Công bộc*” vốn nghĩa là *Người phục vụ chung của xã hội* (Serviteur Public). Đây cũng là một cách dùng từ đã sử dụng để chỉ hàng ngũ quan lại dưới chính thể Phong kiến hay Tư sản một cách thông dụng, hoàn toàn không hề có ý miệt thị các chức vụ này. Tuy nhiên, đối với cán bộ nhà nước Hồ Chí Minh không bao giờ chỉ nhấn mạnh một vế. Là người phục vụ(người công bộc), Cán bộ nhà nước đồng thời là người lãnh đạo, người hướng dẫn của nhân dân. “*Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng. Nếu không có Chính phủ thì nhân dân không ai dẫn đường*”(84). Là người đầy tớ thì phải trung thành, tận tụy, cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư. Là người lãnh đạo thì phải có trí tuệ hơn người, minh mẫn, sáng suốt, nhìn xa trông rộng, gần gũi nhân dân, trọng dụng hiền tài. Như vậy, để là người thay mặt dân, người cán bộ phải gồm đủ cả *đức và tài*, phải vừa *hiền* lại vừa *minh*.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, muốn thực hiện dân chủ thực sự, cần phải xây dựng được một Nhà nước pháp quyền có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ. Một Nhà nước pháp quyền có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ trước hết phải là một Nhà nước hợp hiến. Ngay tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà(03-9-1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề cập sáu vấn đề cấp bách, trong đó nội dung vấn đề thứ ba là: “*Chúng ta phải có một Hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu*.”(85) để sớm có một Nhà nước hợp hiến do nhân dân bầu ra. Chỉ bốn tháng sau ngày độc lập, cuộc Tổng tuyển cử toàn quốc đã được tiến hành, Nhà nước dân chủ nhân dân thực sự đã được hình thành, lực lượng chính trị của nhân dân đã thực sự nắm chính quyền.

Một Nhà nước pháp quyền có hiệu lực pháp lý chặt chẽ là Nhà nước quản lý, điều hành đất nước bằng Pháp luật và phải làm cho pháp luật có hiệu lực trong thực tế. Một nhà nước dân chủ thì dân chủ và pháp luật phải luôn gắn liền với nhau, nương tựa với nhau mới đảm bảo cho chính quyền Nhà nước trở nên mạnh mẽ. Không thể có dân chủ ngoài pháp luật bởi vì pháp luật là bà đỡ của dân chủ. Mọi quyền dân chủ của người dân phải được thể chế hoá bằng Hiến pháp và pháp luật, ngược lại hệ thống pháp luật phải đảm bảo quyền tự do, dân chủ của người dân được tôn trọng trên thực tế. Do vậy, việc xây dựng một *nền pháp chế Xã hội chủ nghĩa* bảo đảm được quyền lực của nhân dân là một vấn đề quan trọng có tính tiên quyết của việc xây dựng và thực hiện một *nền dân chủ Xã hội chủ nghĩa* ở Việt Nam.

Cùng với việc hoàn thiện Hiến pháp và hệ thống Pháp luật của nước ta, Đảng và Nhà nước ta thường xuyên quan tâm và chăm lo vấn đề đưa pháp luật vào cuộc sống, tạo ra cơ chế bảo đảm cho pháp luật được thi hành, cơ chế kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật trong các cơ quan nhà nước và trong nhân dân. Muốn công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật có hiệu quả thì cần phải mở rộng và nâng cao việc *thực hiện dân chủ cơ sở*. Cán bộ và công chức nhà nước phải luôn nêu gương trong việc khuyến khích nhân dân phê bình, giám sát công việc quản lý Nhà nước, đồng thời không ngừng nhắc nhở, quán triệt cán bộ các cấp, các ngành

phải gương mẫu tuân thủ luật pháp, trước hết và đặc biệt là các cơ quan Hành pháp và cơ quan Tư pháp. Khi nhân dân đã thực hiện quyền làm chủ thì nhân dân dám phê bình, biết giám sát các hoạt động quản lý Nhà nước, đấu tranh tích cực chống mọi hành vi vi phạm pháp luật của Nhà nước và như vậy, trên thực tế xã hội đã phát triển dân chủ hoá đến mức cao.

Để xây dựng được một Nhà nước pháp quyền mạnh mẽ có hiệu lực, một vấn đề tất yếu không thể coi nhẹ là phải đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng một đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước có trình độ văn hoá cao, có am hiểu pháp luật, thành thạo nghiệp vụ hành chính và nhất là cần có đạo đức *cần kiem liêm chính*, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật.

Muốn xây dựng một Nhà nước pháp quyền vững mạnh cần phải tăng cường pháp luật đi đôi với giáo dục đạo đức. Giá trị đạo đức Xã hội chủ nghĩa cao nhất là phải: *"Hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Vì Đảng, vì quyền lợi của nhân dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi công việc"*. (86) Giáo dục đạo đức Xã hội chủ nghĩa và tăng cường pháp luật có mối quan hệ thống nhất và biện chứng với nhau. Đó là một sách lược chúng ta cần phát huy trên con đường xây dựng một Nhà nước pháp quyền mạnh mẽ, trong sạch, vững mạnh, có hiệu quả.

Xây dựng Nhà nước pháp quyền, mở rộng thực hiện dân chủ phải được tiến hành đồng thời với việc kiên quyết chống tệ nạn tham ô, lãng phí, quan liêu. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng gọi ba tệ nạn xã hội này là *giặc nội xâm, giặc trong lòng*. Người cho rằng: *"Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu, dù cố ý hay không, cũng là bạn đồng minh của Thực dân và Phong kiến... nó làm hỏng tinh thần trong sạch và ý chí cán bộ ta. Nó phá hoại đạo đức cách mạng của ta là cần, kiem, liêm, chính... Tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi Việt gian, mật thám"*. (87) Hồ Chí Minh chủ trương: *muốn trừ sạch nạn tham ô, lãng phí, thì trước hết phải tẩy sạch tệ quan liêu vì chính tệ quan liêu đã ấp ủ, dung túng, che chở cho tệ tham ô, lãng phí*. (88)

Sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta đang đứng trước những cơ hội và thách thức chưa từng có. Xu thế toàn cầu hoá đang phát triển sâu rộng với tốc độ nhanh, mở ra cơ hội cho các nước chậm phát triển có thể đuổi kịp các nước phát triển, đồng thời cũng gia tăng nguy cơ bành trướng của chủ nghĩa thực dân mới. Trong tình hình đó, nếu không có một Nhà nước thực sự trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả, hiệu lực, tranh thủ nắm lấy vận hội, đưa đất nước vượt qua nguy cơ thách thức thì Chủ nghĩa xã hội sẽ không có mà độc lập dân tộc cũng khó bảo vệ được. Với điều kiện như vậy, muốn không ngừng hoàn thiện Nhà nước của dân, do dân và vì dân, kế thừa và phát huy được truyền thống tốt đẹp trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, chúng ta cần phải tập trung giải quyết những vấn đề cấp bách nổi lên cụ thể là:

Thứ nhất: Phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường pháp chế Xã hội chủ nghĩa, bảo đảm thực sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân: Để vượt lên tình trạng thấp kém của nền kinh tế, rút ngắn khoảng cách về trình độ phát triển giữa nước ta với nhiều nước trên thế giới, trong điều kiện cạnh tranh quốc tế quyết liệt hiện nay, chúng ta không có con đường nào khác là phải **phát huy cao độ nội lực của dân tộc**, mà một trong những nhân tố cơ bản làm nên nội lực đó là **phát**

huy dân chủ. Chính khát vọng dân chủ tạo nên sức mạnh kiên cường đấu tranh cho độc lập, tự do. Khi chính quyền đã thuộc về tay nhân dân thì quyền làm chủ thực sự của người dân là nội dung đích thực của độc lập tự do. Bởi vì: *"Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì"*.(89)

Trong chiến tranh, gian lao và quyết liệt chống kẻ thù xâm lược, nhiều công việc cấp bách phải được giải quyết kịp thời và tập trung ở cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước. Nhưng khi đất nước chuyển sang hoà bình, xây dựng trong điều kiện khó khăn, phức tạp của tình hình hiện nay thì **mở rộng dân chủ** là một nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết để khai thác sức mạnh vô tận của nhân dân ta trong sự nghiệp đổi mới, mở cửa, hội nhập với thế giới. Qua thực tế của chặng đường đổi mới trong những năm qua, Đảng ta đã tổng kết và chỉ ra rằng nơi nào thực hiện được dân chủ, phát huy được trí tuệ của đông đảo cán bộ và nhân dân, thì nơi đó thành công. Ngược lại, nơi nào để mất dân chủ, tạo ra sự bất mãn trong quần chúng thì nơi đó không tránh khỏi khó khăn và dẫn tới những hậu quả đáng tiếc.

Phát huy dân chủ phải kết hợp chặt chẽ với tăng cường pháp chế, thực hiện quản lý xã hội bằng pháp luật, theo pháp luật. Nhà nước ta phải tiếp tục thể chế hoá bằng pháp luật các quyền dân chủ của người dân trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là trong hoạt động kinh tế. Đồng thời, phải đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng và chống vi phạm pháp luật, bảo đảm cho mỗi công dân đều được bình đẳng trước pháp luật, bảo đảm cho mọi hành vi vi phạm pháp luật đều được xét xử nghiêm minh, đúng người, đúng tội, không phân biệt người đó là ai ở cấp nào, chức vụ nào, để đem lại niềm tin cho nhân dân vào tính nghiêm minh của pháp luật Nhà nước ta.

Thứ hai: Cải cách và kiện toàn bộ máy hành chính Nhà nước, xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh. Đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng, pháp luật của Nhà nước là điều kiện tiên quyết, song nếu không có một nền hành chính vững mạnh, có hiệu lực thì chính sách, luật pháp dù đúng đắn, cũng không thể đi vào cuộc sống của xã hội. Nền hành chính yếu kém là trở lực lớn cho sự nghiệp đổi mới và phát triển. Vì vậy, cải cách và kiện toàn bộ máy hành chính đang là một yêu cầu bức xúc. Nhân dân mong mỏi được sống và làm ăn trong một môi trường an ninh, trật tự, dân chủ, không bị phiền hà, sách nhiễu, người ngay được bảo vệ, kẻ gian bị trừng trị.

Hiện nay nền hành chính của Nhà nước ta còn có nhiều yếu kém, quan liêu, xa dân, xa cơ sở, phân tán, thiếu trật tự kỷ cương, còn tệ nạn tham ô, tham nhũng và lãng phí của công; bộ máy công kênh, nặng nề, kém hiệu lực; đội ngũ cán bộ, công chức còn yếu và thiếu về kiến thức, năng lực, một bộ phận không nhỏ kém phẩm chất, thậm chí hư hỏng.

Cải cách hành chính để có một nền hành chính dân chủ, trong sạch, phục vụ đắc lực cho nhân dân, giữ vững trật tự, kỷ cương xã hội theo pháp luật. Nền hành chính đó phải phục vụ tận tụy, công tâm, đáp ứng yêu cầu hàng ngày về quyền lực hợp pháp của nhân dân. Muốn vậy, bản thân nền hành chính cần phải được trong sạch, có kỷ cương, phải thanh toán được tệ trạng thi hành công vụ trái pháp luật,

sai nguyên tắc, cây thế, cây quyền, hủ hoá, tư túi, chia rẽ, kiêu ngạo và biến thành những "ông quan cách mạng". Điều đó sẽ làm mất đi lòng tin cậy của nhân dân, làm phương hại đến uy tín của nền hành chính Nhà nước ta. Cần phải phấn đấu để xoá bỏ ấn tượng hiện nay trong nhân dân: Hành chính là *hành dân là chính*.

Những vấn đề bức xúc nổi lên hiện nay thường biểu hiện tập trung ở các cơ quan hành chính hàng ngày có quan hệ tiếp xúc trực tiếp với nhân dân. Cần phải làm cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hành chính quán triệt đầy đủ nhận thức về Nhà nước là tổ chức công quyền thể hiện quyền lực của nhân dân. Bên cạnh chức năng quản lý của Nhà nước, các cơ quan hành chính Nhà nước còn có chức năng *dịch vụ công*. Để phục vụ nhân dân được tốt, cần thiết phải cải cách thủ tục hành chính, ban hành và hoàn thiện chế độ công vụ. Đề cao trách nhiệm giải quyết khiếu kiện của nhân dân, sao cho thủ tục khiếu kiện đơn giản, nhanh chóng, đúng pháp luật, không để nhân dân phải mất quá nhiều thời giờ và công sức đi lại. Cần phải sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức theo đúng chức danh, tiêu chuẩn, thực hiện tinh giản biên chế; xử lý nghiêm minh và kịp thời những người vi phạm pháp luật.

Thứ ba: Phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước; gắn liền xây dựng, chỉnh đốn Đảng với cải cách bộ máy hành chính. Đảng ta là Đảng cầm quyền, sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy Nhà nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước ta đã hoàn thành nhiệm vụ lịch sử vẻ vang trong hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc. Bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng ta chủ trương trước hết tập trung đổi mới kinh tế, đồng thời từng bước đổi mới về chính trị, nhờ đó mà đất nước được ổn định, từng bước tiến lên, đạt được hững thành tựu quan trọng trong gần hai thập kỷ qua.

Trong những năm gần đây, Đảng ta đã có nhiều Nghị quyết quan trọng về củng cố và tăng cường bộ máy Nhà nước, đấu tranh chống các tệ nạn làm suy giảm uy tín và hiệu lực của Nhà nước. Tuy nhiên, yêu cầu của cuộc đấu tranh chống tham nhũng, quan kiêu, cửa quyền, trù dập, ức hiếp dân... đang đòi hỏi ở Đảng ta một sự lãnh đạo tập trung hơn nữa, quyết tâm cao hơn nữa, kế hoạch và biện pháp triệt để hơn nữa. Chỉ có sự lãnh đạo của một Đảng trong sạch, vững mạnh thì mới đưa cuộc cải cách bộ máy Nhà nước đi đến thành công.

CHƯƠNG HAI

THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ TRONG TIẾN TRÌNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

1. KHÁI QUÁT ĐÔI NÉT VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH Ở NƯỚC TA.

1.1. Đánh giá nhận xét chung:

Kết quả đạt được trong cải cách Hành chính thời gian qua có nguyên nhân cơ bản và trước hết là những chủ trương, quan điểm của Đảng về cải cách Hành chính xét một cách toàn diện là đúng và cơ bản. Nghiên cứu đánh giá một cách tổng quát, có thể khẳng định những vấn đề sau:

- Đường lối của Đảng về cải cách hành chính Nhà nước được hình thành và xây dựng trong tiến trình đổi mới, có kế thừa và phát triển.

Cải cách nền hành chính hiện đại ở Việt Nam là công việc mới mẻ, chưa có tiền lệ trong nền hành chính hiện đại, lại diễn ra trong điều kiện thiếu kiến thức và kinh nghiệm về quản lý hành chính Nhà nước trong thời kỳ mới, có nhiều vấn đề phải vừa làm, vừa tìm tòi rút kinh nghiệm. Vì vậy, việc hình thành quan niệm và những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo công việc cải cách hành chính cũng như việc đề ra những nội dung, phương hướng, chủ trương, giải pháp thực hiện trong từng giai đoạn của Đảng và Nhà nước Việt Nam là một quá trình tìm tòi sáng tạo không ngừng, là một quá trình nhận thức liên tục, thống nhất trong tiến trình đổi mới được khởi đầu từ Đại hội VI (1986).

Từ chỗ xác định những nguyên nhân đưa đất nước rơi vào khủng hoảng kinh tế- xã hội trầm trọng, Đại hội VI của Đảng đã chỉ rõ nguyên nhân của mọi nguyên nhân là công tác tổ chức và đề ra chủ trương thực hiện một cuộc cải cách lớn về tổ chức bộ máy các cơ quan Nhà nước. Phương hướng cải cách là xây dựng và thực hiện một cơ chế quản lý Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động ở tất cả các cấp, tăng cường bộ máy Nhà nước từ Trung ương đến địa phương và cơ sở thành một hệ thống, có sự phân định rành mạch nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng cấp theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phân biệt chức năng quản lý hành chính- kinh tế với sản xuất- kinh doanh, kết hợp quản lý theo ngành, theo địa phương và lãnh thổ, phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế- xã hội. Kết quả là bộ máy Nhà nước từng bước chuyển sang chức năng quản lý Nhà nước, khắc phục dần sự can thiệp trực tiếp vào điều hành kinh doanh ở cơ sở. Tổ chức bộ máy Nhà nước đã được sắp xếp lại một bước theo hướng gọn nhẹ, bớt đầu mối. Tuy nhiên, nhìn chung tổ chức và biên chế của bộ máy Nhà nước vẫn còn quá công kênh, nặng nề. Đúng như Đại hội VII của Đảng đã chỉ rõ khuyết điểm lớn là chưa thực hiện được cuộc cải cách cơ bản về tổ chức bộ máy Nhà nước như Đại hội VI đã đề ra.

Như vậy, về mặt nhận thức và chuyển từ nhận thức thành đường lối, trong cả nhiệm kỳ Đại hội VI, chúng ta đã xác định phải cải cách bộ máy Nhà nước. Thuật ngữ "*cải cách nền hành chính Nhà nước*" chưa được chú trọng, mặc dù về mặt nội

dung trong giai đoạn 1986- 1991 chúng ta vẫn thực hiện những công việc về sắp xếp tổ chức bộ máy của bộ máy hành chính và đã bước đầu quan tâm hơn với công tác xây dựng Pháp luật và công tác mà những nội dung này về sau được khái quát, nâng lên thành ba bộ phận chủ yếu của cải cách hành chính.

Đến Đại hội VII, Đảng ta đã xác định tiếp tục cải cách bộ máy Nhà nước và đề ra những nhiệm vụ về sửa đổi Hiến pháp, cải tiến về tổ chức và hoạt động của Quốc hội, sửa đổi cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của Chính phủ, của chính quyền địa phương. Trên cơ sở những nhiệm vụ do Đại hội VII đề ra, trong nhiệm kỳ này đã tiến hành đợt sắp-xếp lần thứ hai kể từ Đại hội VI, hệ thống chính trị của nước ta bao gồm Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các Đoàn thể nhân dân.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội và Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế- xã hội đến năm 2000 do Đại hội VII thông qua đã khẳng định bước tiến về lý luận, nhận thức về nền hành chính Nhà nước. Cương lĩnh đã nêu rõ Nhà nước : *"Phải có đủ quyền lực và có đủ khả năng định ra pháp luật về tổ chức, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật. Sửa đổi hệ thống tổ chức Nhà nước, cải cách bộ máy hành chính, kiện toàn các cơ quan lập pháp để thực hiện có hiệu quả chức năng quản lý của Nhà nước"*. Cương lĩnh cũng nêu trọng tâm cải cách *"Nhằm vào hệ thống hành chính với nội dung chính là xây dựng một hệ thống hành chính và quản lý hành chính Nhà nước thông suốt, có đủ quyền lực, năng lực, hiệu lực"*.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, tháng 4/1992, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Hiến pháp mới thay thế Hiến pháp 1980. Liên quan đến hệ thống Hành chính, Hiến pháp 1992 đã xác định rõ hơn vị trí của Chính phủ: *Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính Nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*. Đây là kết quả của việc nhận thức đầy đủ hơn về phân công, phối hợp giữa ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp trong tổng thể quyền lực thống nhất của Nhà nước.

Sau Đại hội VII, từ 1992 đến 1995 là giai đoạn phát triển mạnh tư duy, quan niệm, nhận thức của Đảng về nền hành chính Nhà nước và về cải cách hành chính. Hội nghị Trung ương 8 khóa VII (1/1995) đánh dấu bước phát triển mới về xây dựng và phát triển nền hành chính Nhà nước. Lần đầu tiên thuật ngữ *"Cải cách hành chính"* được sử dụng chính thức trong văn kiện của Đảng. Cải cách một bước nền hành chính Nhà nước được xác định là trọng tâm của việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước, với mục tiêu là *xây dựng một nền hành chính trong sạch có đủ năng lực, sử dụng đúng quyền lực và từng bước hiện đại hóa để quản lý có hiệu lực và hiệu quả công việc của Nhà nước, thúc đẩy xã hội phát triển lành mạnh, đúng hướng, phục vụ đắc lực đời sống nhân dân, xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật trong xã hội*. Lần đầu tiên ba nội dung chủ yếu của cải cách hành chính Nhà nước được trình bày một cách hệ thống trong Nghị quyết Trung ương 8. Đó là *cải cách thể chế của nền hành chính, chấn chỉnh tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức*.

Ý nghĩa to lớn của Nghị quyết Trung ương 8 thể hiện ở hai khía cạnh:

- **Một là:** Cải cách hành chính Nhà nước trở thành một bộ phận quan trọng trong đường lối đổi mới toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam, là một trong

những ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển kinh tế- xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

- **Hai là:** Nghị quyết đã xác định đúng đắn ở mức độ tổng quát về mục tiêu, phương hướng, quan điểm, nội dung tạo ra tiền đề cơ bản cho việc đẩy nhanh quá trình cải cách hành chính Nhà nước trong những năm tiếp theo.

Đại hội VIII tiếp tục khẳng định cải cách hành chính là trọng tâm của việc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước trong những năm trước mắt, nhấn mạnh công việc cải cách hành chính phải dựa trên pháp luật và tiến hành đồng bộ trên các mặt cải cách thể chế hành chính, tổ chức bộ máy và xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức.

Hội nghị Trung ương 3, Trung ương 6 (lần 2) và Trung ương 7 khóa VIII đã tiếp tục khẳng định những chủ trương, quan điểm của Đảng về cải cách hành chính và xác định cải cách hành chính Nhà nước phải được tiến hành đồng bộ với đổi mới cả hệ thống chính trị.

- ***Cải cách hành chính Nhà nước luôn được đặt trong tổng thể đổi mới hệ thống chính trị, cải cách bộ máy Nhà nước nói chung.***

Đây là một quan điểm đúng đắn của Đảng ta, chỉ rõ mối quan hệ giữa cải cách hành chính, cải cách bộ máy Nhà nước và đổi mới hệ thống chính trị. Hội nghị Trung ương 6 khóa VI (3/1989) đã đề cập đến việc đổi mới hệ thống chính trị với định hướng phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, trên cơ sở đó đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng. Theo quan điểm của Đảng thì quyền lực Nhà nước là thống nhất, không phân chia, nhưng có sự phân công hợp lý giữa ba quyền Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp. Sự nghiệp đổi mới phải yêu cầu tiến hành đồng bộ cải cách Lập pháp, cải cách Tư pháp và cải cách Hành chính Nhà nước - tức nền Hành pháp. Ba cuộc cải cách này được xác định là cải cách bộ máy Nhà nước xét trên các phương diện chức năng, thẩm quyền, nhiệm vụ, phương thức tổ chức và hoạt động, trong đó cải cách Hành chính Nhà nước được coi là trọng tâm của xây dựng và kiện toàn Nhà nước. Nhưng đồng thời cũng xuất phát từ đặc trưng của hệ thống chính trị nước ta là hệ thống một Đảng duy nhất cầm quyền, do đó cải cách hành chính, cải cách bộ máy Nhà nước không thể tách rời việc đổi mới hệ thống chính trị. Từ việc kiểm điểm tình hình và rút kinh nghiệm thực tiễn, Hội nghị Trung ương 7 khóa VIII (8/1999) đi đến khẳng định trong điều kiện một Đảng cầm quyền, sự đổi mới chưa đồng bộ các tổ chức trong hệ thống chính trị là trở ngại lớn trong công cuộc cải cách hành chính Nhà nước trong thời gian qua. Thực tế những năm qua đã chứng minh rằng: không thể tiến hành cải cách riêng nền hành chính tách rời sự đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của các đoàn thể nhân dân; Cũng không thể cải cách hành chính một cách biệt lập mà không đồng thời đổi mới tổ chức và cơ chế của các cơ quan Lập pháp, cơ quan Tư pháp. Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII đã chỉ rõ việc kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị nước ta trong những năm tới phải quán triệt các quan điểm, nguyên tắc cơ bản về hệ thống chính trị đã được xác định trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước của thời kỳ quá độ lên xã hội chủ nghĩa* và quán triệt các Nghị quyết của Đảng theo các yêu cầu chủ yếu là: Từng bước nâng cao chất lượng, trước hết là chất lượng chính trị của mỗi tổ chức trong toàn hệ thống chính trị; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu bộ máy, cơ chế vận

hành, lễ lối làm việc; nâng cao chất lượng cán bộ, tăng cường kỉ luật, kỉ cương; cụ thể hoá nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng, đồng thời cụ thể hoá nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể chính trị xã hội trên cơ sở phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Phải chấn chỉnh bộ máy của Đảng cho phù hợp với điều kiện một Đảng cầm quyền. Đảng phải có tổ chức tham mưu chuyên trách có chất lượng cao và tinh gọn. Đảng phải phát huy vai trò của các tổ chức Đảng, các cấp uỷ, đội ngũ Đảng viên và các cán bộ chủ chốt hoạt động trong các cơ quan Nhà nước và các đoàn thể.

Về quan điểm, Đảng ta đã xác định đúng đắn những vấn đề quan trọng sau đây:

- Một là, đổi mới hệ thống chính trị phải có bước đi thận trọng và vững chắc.
- Hai là, mục tiêu chủ yếu của đổi mới hệ thống chính trị là nhằm thực hiện tốt dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân.
- Ba là, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là vấn đề hết sức quan trọng trong đổi mới hệ thống chính trị. Văn kiện Đại hội VIII đã chỉ rõ: *"Thực tế những năm qua cho thấy, để đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị, xây dựng và thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, vấn đề mấu chốt là phân định rõ chức năng và giải quyết tốt mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước và các đoàn thể nhân dân"*.
- *Cải cách hành chính thúc đẩy đổi mới kinh tế, phát triển kinh tế - xã hội.*

Công cuộc đổi mới được xác định là toàn diện, trong đó đổi mới kinh tế là khởi đầu và được coi là trọng tâm. Với những bước đi và những kết quả tích cực của đổi mới kinh tế, những vấn đề về đổi mới chức năng, phương thức hoạt động của bộ máy Nhà nước được đặt ra ngày càng cấp bách. Nếu không tiến hành cải cách hành chính thì chính bộ máy Nhà nước sẽ trở thành lực cản cho công cuộc đổi mới kinh tế. Đương nhiên, trong thực tế, mỗi một biện pháp cải cách xét trên góc độ này có thể là biện pháp của đổi mới kinh tế, nhưng xét trên góc độ khác lại là biện pháp của cải cách hành chính. Mặc dù vậy, xét về mặt quan hệ mà nói thì Đảng ta đã xác định đúng việc kết hợp chặt chẽ đổi mới kinh tế với đổi mới hệ thống chính trị, lấy đổi mới kinh tế là trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới hệ thống chính trị. Như vậy, cải cách kinh tế là trọng tâm, cải cách hành chính phải phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Chính vì vậy, Nghị quyết kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa X đã xác định một trong 5 giải pháp thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội là đẩy mạnh cải cách nền hành chính Nhà nước coi đó là khâu đột phá khâu.

Trên cơ sở những thành tích đã đạt được ở trên, chúng ta rút ra một số nhận thức về mặt chủ trương, quan điểm đối với cải cách hành chính Nhà nước cơ bản như sau:

- Một là, xác định cải cách hành chính Nhà nước phải đặt trong đổi mới từng bước hệ thống chính trị là đúng đắn, nhưng chúng ta chậm xác định, cụ thể hóa nội dung và bước đi của đổi mới hệ thống chính trị. Vấn đề đổi mới hệ thống chính trị đã được nêu từ Đại hội VII, Đại hội VIII tiếp tục khẳng định, nhưng đến Hội nghị Trung ương 7 khóa VIII mới có được Nghị quyết trên lĩnh vực này. Đến Đại hội IX của Đảng - Đại hội của *Trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới* điều này

mới trở thành ý chí, sức mạnh và bản lĩnh vững vàng để Đảng ta lãnh đạo đất nước tiến lên trong thời kỳ đổi mới, tác động rất lớn tới kết quả và tiến trình của cải cách hành chính.

- *Hai là*, về mặt chủ trương, quan điểm cải cách hành chính mới được quán triệt, thực hiện trong giới hạn hệ thống hành chính, trong phạm vi “*các công chức Nhà nước*”, chưa được nâng lên thành yêu cầu chung của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, thành công việc mà mọi người dân phải hết lòng ủng hộ và tích cực tham gia. Xét trên tổng thể là nguyên nhân chính là do sự chậm phát triển và thực hiện cải cách hành chính gắn với phát huy quyền làm chủ của nhân dân, với thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Do vậy cần sớm có giải pháp đẩy mạnh việc kết hợp cải cách hành chính với thực hiện quy chế dân chủ đã được nhà nước ban hành.

- *Ba là*, mặc dù nội dung cải cách hành chính được xác định tương đối cụ thể, nhưng vẫn còn một nội dung quan trọng chưa được đề cập đến là công tác cải cách hành chính công - một vấn đề đã trở lên cấp bách trong công tác quản lý Nhà nước hiện nay; cần phải tích cực xây dựng và thực hiện các biện pháp thúc đẩy hoạt động của hành chính công và dịch vụ công.

- *Bốn là*, nhìn tổng thể tiến trình cải cách hành chính ở Việt Nam từ Trung ương đến địa phương vẫn còn nhiều yếu tố bị động, chấp vá để đối phó với yêu cầu trước mắt, còn chưa có tính chất cơ bản, đồng bộ, được đặt trong khuôn khổ của một chiến lược cải cách hành chính toàn diện, có mục tiêu và bước đi rõ ràng và dứt điểm trong từng giai đoạn từ 5 đến 10 năm.

Nguyên nhân của những tồn tại là:

- Chưa quán triệt một cách sâu sắc quan điểm của Đảng về hệ thống chính trị trong điều kiện một Đảng cầm quyền. Quan điểm này chi phối mạnh đến việc đổi mới hệ thống chính trị nói chung thực hiện dân chủ và cải cách hành chính Nhà nước nói riêng.

- Hệ thống lý luận về cải cách hành chính chưa được củng cố, bổ sung đầy đủ, chậm tổng kết thực tiễn, phát hiện vấn đề để đề ra các chủ trương, giải pháp đúng và phù hợp trong cải cách hành chính.

- Sự quyết tâm chỉ đạo thực hiện kiên quyết, dứt điểm trước hết là ở cấp Trung ương chưa thực sự mạnh mẽ, có nơi, có lúc còn dè dặt trong thực hiện cải cách hành chính, khiến cho những Nghị quyết hết sức quan trọng của Đảng và chính sách của Nhà nước chưa đạt được hiệu lực và hiệu quả cao nhất.

1.2. Khái quát đánh giá thực trạng của tiến trình cải cách hành chính.

- Về cải cách thể chế của nền hành chính Nhà nước.

Những thành tựu cơ bản về cải cách thể chế của nền hành chính là:

+ Từng bước chuyển đổi, hình thành thể chế quản lý hành chính mới trên các lĩnh vực, trước hết là thể chế quản lý kinh tế phù hợp với quá độ chuyển sang cơ chế kinh tế thị trường. Đáng chú ý là việc ban hành được các văn bản pháp luật quan trọng như Luật Đầu tư nước ngoài, Luật khuyến khích đầu tư trong nước, Luật Doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật Phá sản doanh nghiệp,

Luật Đất đai, Luật Ngân sách nhà nước, Bộ Luật Dân sự, Bộ Luật Lao động, Luật Di sản văn hoá, Luật giao thông đường bộ sửa đổi... . Thể chế mới đã giải phóng và phát triển sức sản xuất, tạo thuận lợi cho tự chủ sản xuất, kinh doanh, cơ hội làm ăn của doanh nghiệp và nhân dân. Đã phân định được một bước các quan hệ cơ bản giữa hành chính và doanh nghiệp; giữa quản lý Nhà nước với sản xuất kinh doanh. Nhờ vậy, năng lực sản xuất của xã hội được giải phóng, tạo tốc độ tăng trưởng cao của nền kinh tế nước ta trong thập kỷ qua và tăng cường khả năng hội nhập quốc tế.

+ Chuyển đổi và hoàn thiện thể chế đảm bảo quyền làm chủ và lợi ích của nhân dân phù hợp với quá trình mở rộng dân chủ. Từng bước hình thành hệ thống thể chế cung cấp dịch vụ phục vụ dân trên các lĩnh vực dân sinh, phúc lợi xã hội phù hợp với thời kỳ chuyển sang kinh tế thị trường.

Việc ban hành khuôn khổ pháp lý mới trên các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, chính sách xã hội, xoá đói giảm nghèo, đối với các đối tượng khó khăn và thiệt thòi... đã hình thành cơ chế, chính sách mới để nhân dân được hưởng các dịch vụ cơ bản về giáo dục dân trí, chăm sóc sức khỏe, đời sống tinh thần và hỗ trợ phát triển; bước đầu hình thành các thể chế mới về xã hội hóa để khai thác sức dân, các hội, tổ chức phi chính phủ và khu vực tư nhân vào cung cấp các dịch vụ cho dân.

+ Xây dựng và hình thành thể chế mới về tổ chức, nhân sự và cơ chế hoạt động của bộ máy hành chính. Hiến pháp 1992, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp, Pháp lệnh Cán bộ, công chức sửa đổi bổ sung, Quy chế làm việc của Chính phủ và các văn bản pháp luật quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các cơ quan quản lý vĩ mô và chính quyền địa phương là những thể chế cơ bản về tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động mới của Chính phủ và bộ máy hành chính các cấp từng bước phù hợp với thời kỳ chuyển đổi. Đồng thời, cũng có sự phát triển hết sức quan trọng những thể chế về phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng Nhà nước, đảm bảo bản chất dân chủ, sự tham gia quản lý của dân, đặt hoạt động của bộ máy chính quyền dưới sự giám sát của dân thể hiện ở quy chế dân chủ ở cơ sở.

+ Trong quá trình cải cách thể chế, đã chú trọng đổi mới quy trình xây dựng thể chế, từ khâu phát hiện nhu cầu thực tiễn, đề xuất lập kế hoạch, soạn thảo, đến ban hành thể chế, Luật Ban hành văn bản quy phạm quy định rõ thẩm quyền, thủ tục, trình tự ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan Nhà nước đã có tác động tích cực vào hoạt động lập pháp, lập quy.

+ Để tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới, Chính phủ đã tập trung vào công tác hệ thống hóa, rà soát văn bản pháp luật và đã đạt được kết quả bước đầu. Trong 7059 văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ và các Bộ thì có 2014 văn bản cần huỷ bỏ, 1107 văn bản cần bổ sung, sửa đổi, trong số 54806 văn bản của chính quyền cấp tỉnh thì có 9985 văn bản cần huỷ bỏ và 1276 văn bản cần bổ sung, sửa đổi.

+ Việc xác định cải cách thủ tục hành chính từ năm 1994 là khâu đột phá của cải cách hành chính là chủ trương đúng đắn. Sự chỉ đạo thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong 7 lĩnh vực trọng điểm: thành lập và đăng ký kinh doanh doanh

ngiệp; đầu tư trực tiếp của nước ngoài; xuất, nhập khẩu; xuất nhập cảnh; cấp phép xây dựng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đô thị; cấp phát vốn ngân sách Nhà nước; khiếu nại, tố cáo, đã góp phần giảm phiền hà cho dân và tổ chức, phát hiện và loại bỏ, sửa đổi nhiều thủ tục hành chính không còn phù hợp. Đặc biệt là trong quá trình thực hiện cải cách thủ tục hành chính đã xuất hiện mô hình thí điểm mang lại kết quả tích cực, tác động đến những suy nghĩ, tìm tòi về cải cách tổ chức bộ máy, sử dụng tài chính công tạo ra những cách nhìn mới trong cải cách hành chính như mô hình “một cửa, một dấu” cấp quận, huyện của thành phố Hồ Chí Minh, mô hình “một cửa” ở một số địa phương khác và mô hình “một cửa, tại chỗ” tại các khu công nghiệp, khu chế xuất.

Những tồn tại cần tiếp tục giải quyết:

+*Thể chế của nền hành chính đến nay vẫn chưa đáp ứng đòi hỏi của phát triển kinh tế, xây dựng Nhà nước, mở cửa hội nhập và phục vụ dân trong thời kỳ mới, cụ thể là:*

+Quy trình, chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật vẫn còn nhiều bất cập, không hợp lý, nặng về số lượng, nội dung chất lượng không cao, thời gian kéo dài, không đồng bộ giữa các văn bản chính với các văn bản hướng dẫn cụ thể.

Việc soạn thảo các văn bản pháp luật nhìn chung chưa khuyến khích được sự tham gia tích cực của các cơ quan Nhà nước và các chuyên gia pháp lý, đặc biệt là của những đối tượng chịu sự điều chỉnh trực tiếp sau khi văn bản được ban hành. Cơ chế thẩm định các văn bản pháp lý còn chưa hợp lý. Một hạn chế nữa là việc chuẩn bị soạn thảo các văn bản pháp luật chưa tốt, chưa đảm bảo chất lượng, thường dẫn đến điều chỉnh lại ngay các văn bản mới được ban hành.

Chính quyền địa phương ban hành quá nhiều văn bản quy phạm pháp luật dẫn đến phân tán quyền lực hành chính và việc áp dụng không thống nhất các quy định pháp lý.

+Thể chế văn bản mang tính quan liêu, chưa hướng mạnh vào xây dựng các cơ chế phục vụ, huy động, phát huy tiềm năng, sức mạnh của dân, doanh nghiệp và các tổ chức trong xã hội. Một số vấn đề thuộc nội dung, quan điểm của thể chế chưa rõ, chưa nhất quán. Thể chế, chính sách của ta vẫn nặng về các giải pháp tình thế, không ổn định, vẫn chưa đủ sức hấp dẫn để giải phóng và khai thác mọi nguồn lực trong nước, trong dân và quốc tế; luôn bị động trước yêu cầu phát triển nhanh của thực tiễn.

+Một số thể chế trong lĩnh vực quản lý kinh tế chưa được ban hành như quy định về chức năng sở hữu đất đai và tài sản nhà nước của doanh nghiệp nhà nước, quy định về bình đẳng giữa các thành phần kinh tế và quy định khuyến khích cạnh tranh và chống độc quyền.

+Thể chế ở lĩnh vực phục vụ, cung cấp dịch vụ cho dân chưa phù hợp với yêu cầu đảm bảo để dân thật sự là người được hưởng các dịch vụ của nhà nước. Tính chất quan liêu, cửa quyền, xin cho, thương mại hóa trong hưởng thụ các loại dịch vụ do Nhà nước cung cấp vẫn còn nặng nề.

+Thể chế về tổ chức bộ máy, nhân sự và hoạt động của bộ máy hành chính vẫn bất cập, chưa thể hiện đúng vai trò, chức năng của Nhà nước trong thời

kỳ chuyển đổi. Thể chế chưa đủ sự rành mạch giữa hành chính với doanh nghiệp; giữa hành chính với sự nghiệp, cung cấp dịch vụ, giữa Trung ương với địa phương.

+ Nhiều thủ tục hành chính vẫn còn chồng chéo, quá chi tiết tạo cơ hội cho cán bộ, công chức lạm dụng quyền lực và tham nhũng. Trên nhiều lĩnh vực, kể cả các lĩnh vực được chọn làm trọng điểm vẫn còn nhiều thủ tục gây phiền hà cho dân, làm ách tắc hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp.

- Về cải cách tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của hệ thống hành chính Nhà nước.

Những kết quả đã đạt được:

+ Đã từng bước có sự thay đổi quan trọng về chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ, các Bộ, Ngành và cơ quan hành chính địa phương các cấp phù hợp với cơ chế mới.

Chức năng, nhiệm vụ của hệ thống tổ chức hành chính đã từng bước được đổi mới, điều chỉnh, bổ sung theo yêu cầu quản lý hành chính Nhà nước trong nền kinh tế thị trường. Kết quả rõ nét nhất là bộ máy hành chính Nhà nước đã chuyển dần sang thực hiện chức năng quản lý hành chính Nhà nước. Cả về mặt nhận thức lẫn hoạt động thực tiễn đã làm rõ hơn chức năng quản lý vĩ mô của Chính phủ và các Bộ, Ngành đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Chính phủ, các Bộ đã tập trung nhiều hơn vào công tác xây dựng chính sách, pháp luật. Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, Ngành xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển tổng thể kinh tế - xã hội của cả nước và của từng ngành, từng vùng lãnh thổ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành và tổ chức thực hiện đối với toàn xã hội. Phân biệt và tách giữa quản lý Nhà nước của các cơ quan hành chính ra khỏi quản lý sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp để làm đúng vai trò, chức năng của cơ quan công quyền, giảm bớt sự can thiệp không đúng chức năng, thẩm quyền vào quá trình sản xuất, kinh doanh. Điều này được thể hiện khá rõ thông qua tổ chức hoạt động của các Tổng Công ty 90, 91 và đặc biệt là việc ban hành Luật Doanh nghiệp Nhà nước.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã có sự phân cấp cho các Bộ, Ngành và cấp tỉnh trong việc quyết định các dự án đầu tư thuộc nhóm B, C, các dự án đầu tư có vốn của nước ngoài trong việc thẩm định và quyết định thành lập các Doanh nghiệp Nhà nước, trong việc thành lập các hội, tổ chức phi chính phủ v.v..

Cơ quan hành chính địa phương cũng chuyển dần sang thực hiện chức năng quản lý hành chính Nhà nước, tập trung vào công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, tổ chức thực hiện cải cách hành chính, thực hiện quy chế dân chủ, sắp xếp lại các cơ quan chuyên môn, sắp xếp lại các doanh nghiệp Nhà nước theo sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và tăng cường sự chỉ đạo, điều hành và thanh tra, kiểm tra việc tổ chức thực hiện theo vai trò, chức năng quản lý hành chính Nhà nước.

+ Đã tiến hành sắp xếp, điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy của Chính phủ và cơ quan hành chính các cấp làm cho tinh giảm hơn trước và vận hành phát huy tác dụng, hiệu quả tốt hơn.

Đã tiếp tục sắp xếp tinh gọn lại hợp lý hơn tổ chức bộ máy của Chính phủ. Giảm số Bộ từ 27 xuống còn 23. Đáng chú ý là việc hợp nhất tám Bộ và Ủy

ban Nhà nước thành ba Bộ mới (Bộ nông nghiệp, Bộ Lâm nghiệp, và Bộ Thủy lợi thành Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Bộ Công nghiệp nặng, Bộ Công nghiệp nhẹ, và Bộ Năng lượng thành Bộ Công nghiệp; Ủy ban kế hoạch Nhà nước và Ủy ban Nhà nước về đầu tư nước ngoài thành Bộ Kế hoạch và đầu tư). Một số cơ quan thuộc Chính phủ đã được đưa về trực thuộc các Bộ quản lý (Cục Lưu trữ Nhà nước, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và Học viện Hành chính Quốc gia lập thành Bộ Nội vụ. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương về Bộ Kế hoạch và đầu tư; Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài về Bộ Ngoại giao). Ủy ban vật giá Nhà nước về trực thuộc Bộ Tài chính... Điều cần nhấn mạnh ở đây là kết quả của việc sắp xếp, điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy của Chính phủ đã khẳng định tính đúng đắn của mô hình tổ chức "Bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực". ý nghĩa quan trọng của mô hình này không chỉ là qua đó giảm bớt được đầu mối tổ chức của Chính phủ, mà chính là ở chỗ mô hình tổ chức hợp lý các Bộ phù hợp với cơ chế mới về quản lý kinh tế - xã hội và là hướng đi đúng cho cải cách tổ chức bộ máy trong thời gian tới.

Đồng thời với quá trình trên là việc sắp xếp lại một số tổ chức theo ngành dọc cho phù hợp với yêu cầu mới như Tổng cục Thuế; tổ chức lại hai Tổng cục thuộc Bộ Tài chính là Tổng cục quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp và Tổng cục Đầu tư phát triển; thành lập mới một số tổ chức theo yêu cầu như Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Kiểm toán Nhà nước.

Việc sắp xếp, điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy của Chính phủ ảnh hưởng trực tiếp tới tổ chức các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân các cấp, đã giảm số đầu mối từ trên 30 xuống còn trên dưới 20 cơ quan ở cấp tỉnh, từ trên 20 phòng ban cấp huyện xuống còn trên dưới 10, ví dụ như Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư. Trong khi ở Trung ương còn có các cơ quan độc lập như Bộ Tài chính, Ban Vật giá Chính phủ thì ở địa phương đã thống nhất chỉ còn một cơ quan là Sở Tài chính - Vật giá. Đặc biệt, việc sắp xếp lại các cơ quan quản lý Nhà nước trong lĩnh vực địa chính và quản lý nhà ở các đô thị thành Sở Địa chính và Nhà đất ở Thành phố Hà Nội, Đà Nẵng và Thành Phố Hồ Chí Minh là một kết quả quan trọng và cũng xuất phát từ yêu cầu về tổ chức bộ máy ở đô thị cần hợp lý hơn.

+ Về phương thức hoạt động, sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và cơ quan hành chính các cấp đã có những chuyển biến tích cực theo vai trò, chức năng quản lý Nhà nước và tiến trình chuyển sang cơ chế thị trường.

Thời gian qua, hoạt động của Chính phủ đã có những cải tiến tích cực nhằm phát huy sức mạnh của cả tập thể Chính phủ và của từng thành viên Chính phủ. Biểu hiện rõ nét là việc sửa đổi Quy chế làm việc của Chính phủ ban hành năm 1993 thành Quy chế mới năm 1998, các phiên họp của Chính phủ đã được cải tiến và sự chỉ đạo của Chính phủ, của các Bộ, ngành đã được nâng cao về chất lượng.

Đánh giá tổng thể, có thể nói Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương và cơ quan hành chính địa phương đã có sự tiến bộ về phương thức hoạt động, chỉ đạo, điều hành thống nhất việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại theo chức năng hành pháp, hành chính phù hợp với cơ chế mới. Chính phủ đã có sự đổi mới và tập trung chỉ đạo, điều hành vì

mô đối với toàn xã hội thông qua việc xây dựng và ban hành thể chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và kiểm tra thực hiện; hạn chế nhiều sự can thiệp vào vụ việc cụ thể thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của các Bộ, ngành và chính quyền địa phương.

Những tồn tại và nguyên nhân:

Tuy đã có sự thay đổi tích cực, nhưng tổ chức bộ máy vẫn còn những tồn tại sau đây:

+ Chưa xác định rõ, phù hợp chức năng, nội dung hoạt động của Nhà nước, Chính phủ và chính quyền địa phương trong cơ chế kinh tế chuyển đổi. --

Phương hướng chung là rõ, đó là Chính phủ phải tập trung vào chức năng lập quy và quản lý Nhà nước, giải quyết những vấn đề vĩ mô đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, không can thiệp sâu, trực tiếp vào hoạt động của doanh nghiệp. Tuy nhiên việc vận dụng vào thực tiễn vẫn còn nhiều vướng mắc.

+ Việc phân định và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm quản lý Nhà nước của Chính phủ và cơ quan hành chính các cấp còn nhiều chồng chéo, trùng lặp, thiếu rõ ràng, chưa hợp lý.

Chức năng quản lý Nhà nước của Chính phủ chưa tập trung vào Thủ tướng, các Phó Thủ tướng và các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ mà phân tán ra nhiều cơ quan thuộc Chính phủ và tổ chức của Thủ tướng.

Việc xác định và giao chức năng, thẩm quyền trách nhiệm quản lý Nhà nước cho mỗi Bộ, ngành còn chung chung, không làm rõ được các nội dung quản lý Nhà nước của mỗi Bộ, ngành làm gì và làm đến đâu, dẫn đến tình trạng có việc thì nhiều Bộ, ngành cùng làm, chồng chéo chức năng, thẩm quyền lẫn nhau, nhưng có việc lại bỏ trống, bỏ sót không rõ cơ quan nào làm và chịu trách nhiệm.

+ Tổ chức bộ máy hành chính vẫn còn công kênh, nhiều đầu mối, nhiều tầng nấc, thiếu tính thống nhất và còn thiếu bất hợp lý; hoạt động kém hiệu lực, hiệu quả; sự chỉ đạo, điều hành còn thiếu bất cập, chưa theo kịp yêu cầu mới.

Ở Trung ương: Tuy sắp xếp giảm bớt số Bộ, nhưng còn có quá nhiều các cơ quan thuộc Chính phủ và trực thuộc Thủ tướng Chính phủ cũng có chức năng quản lý Nhà nước như Bộ.

Cơ cấu tổ chức bộ máy bên trong của các Bộ, ngành Trung ương lại phình to, chưa được sắp xếp, điều chỉnh một cách cơ bản theo yêu cầu tinh gọn và hợp lý, do chưa định rõ được chức năng, nhiệm vụ, nội dung hoạt động của từng tổ chức.

Chưa tiến hành được việc phân loại, xếp hạng tổ chức giữa các cấp, chưa phân định được giữa cơ quan hành chính Nhà nước với các cơ quan sự nghiệp. Từ đó dẫn tới sự lẫn lộn về địa vị pháp lý, tính chất, chức năng, thẩm quyền, trách nhiệm giữa các loại cơ quan.

Ở địa phương: Còn nhiều vấn đề về tổ chức, bộ máy chính quyền địa phương các cấp tồn tại nhiều năm nay chưa được giải quyết: như vai trò, chức năng Hội đồng nhân dân các cấp, tổ chức chính quyền địa phương có bao nhiêu cấp là hợp lý; mô hình tổ chức chính quyền ở đô thị và chính quyền ở nông thôn.

Chưa thực hiện được chủ trương đề ra là "Không nhất thiết ở Trung ương có Bộ, Ngành nào thì chính quyền địa phương cũng có các cơ quan đó", vẫn rập

khuôn, hình thức nên bộ máy vẫn nặng nề chưa phù hợp với thực tế của mỗi địa phương.

+ Về phân cấp, phân quyền quản lý giữa Chính phủ với các Bộ, ngành và chính quyền địa phương chưa kiên quyết, nhất quán.

Sự phân cấp, phân quyền chưa rõ ràng, chưa dứt khoát, nên có tình trạng thiếu sự phối hợp, tranh chấp thẩm quyền, đùn đẩy trách nhiệm giữa các ngành, các cấp. Vừa có tình trạng tập trung quá mức ở Trung ương để vận hành theo cơ chế "xin - cho", vừa có biểu hiện phân tán, cục bộ ở địa phương.

Trên thực tế, một mặt các Bộ, Ngành Trung ương chưa thực sự muốn phân cấp cho địa phương trên từng lĩnh vực cụ thể, mặt khác cũng lúng túng về lý luận và cách làm, nên khó triển khai thực hiện chủ trương phân cấp.

Những tồn tại về yếu kém của tổ chức, bộ máy có các nguyên nhân chủ yếu sau:

Một là: Chưa có đủ cơ sở lý luận khoa học về tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước trong điều kiện duy nhất một Đảng cầm quyền, trong điều kiện chuyển sang nền kinh tế thị trường. Đã vậy, lại thiếu sự tổng kết, rút kinh nghiệm một cách đầy đủ, nghiêm túc để có những kết luận xác đáng về thay đổi tổ chức bộ máy, nên chủ trương và giải pháp thiếu thống nhất, chưa đồng bộ.

Hai là: Do thiếu một tầm nhìn chiến lược tổng thể về cải cách hành chính, nên chưa xây dựng và định hình được một hệ thống tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước phù hợp để làm cơ sở cho việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy một cách căn bản, có bước đi thích hợp.

Ba là: Do việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác tổ chức bộ máy còn phân tán, chia cắt, lỏng lẻo, tùy tiện; nhất là ở khâu cụ thể hoá việc chỉ đạo và cách làm triển khai tổ chức thực hiện chưa thống nhất, thiếu kiên quyết, thiếu trọng tâm, chưa dứt điểm, còn ngại khó khăn, phức tạp, khi đụng chạm đến tổ chức và con người cần phải sắp xếp, điều chỉnh.

Bốn là: Do thiếu đồng bộ về thể chế tổ chức bộ máy và cơ chế vận hành và những quy định cần thiết về tiêu chí, quy trình để thành lập tổ chức mới, sắp xếp, điều chỉnh, giải thể các tổ chức cũ. Còn thiếu các quy định về chế độ trách nhiệm của tổ chức và cá nhân người đứng đầu cũng như nhiều quy định đã có nhưng không còn phù hợp đối với yêu cầu đổi mới tổ chức bộ máy hiện nay

Về xây dựng kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức.

Những kết quả đã đạt được:

+Kết quả đáng chú ý nhất là đã tạo lập được khung pháp lý cơ bản về quản lý đội ngũ cán bộ, công chức thông qua việc ban hành Pháp lệnh Cán bộ, công chức sửa đổi và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

+Đã có chuyển biến cơ bản trong quản lý, sử dụng cán bộ, công chức: đã đưa dân công tác quản lý nhân sự vào nề nếp, theo quy định từ tuyển chọn, đánh giá, thi nâng ngạch, khen thưởng, kỷ luật, đề bạt đến đào tạo phát triển. Hầu hết cán bộ, công chức mới vào ngành và địa phương đã được tuyển dụng theo phương pháp thi tuyển. Tuyển dụng qua thi tuyển bảo đảm để chọn những người có đức, tài vào cơ quan Nhà nước, đủ tiêu chuẩn công chức; thực hiện công bằng xã hội, mỗi người đều có cơ hội trở thành công chức, tạo lòng tin của nhân dân vào bộ

máy công quyền.

+Hệ thống chính sách, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ, công chức đã được thay đổi theo hướng tích cực, cụ thể là về cơ bản đã tiền tệ hoá được thu nhập của cán bộ, công chức thông qua tiền lương, bước đầu phân biệt tiền lương theo đặc điểm, tính chất lao động khác nhau của cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước (cán bộ dân cử, công chức hành chính, sự nghiệp, lực lượng vũ trang và sản xuất kinh doanh v.v.). Đặc biệt đã thiết kế được hệ thống bảng lương riêng cho công chức thuộc ngành hành chính, sự nghiệp căn cứ vào chức danh, tiêu chuẩn các ngạch công chức. Điều đó có tác dụng khuyến khích công chức phấn đấu nâng cao trình độ, từng bước tiêu chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức.

+Công tác đào tạo, bồi dưỡng đã tập trung vào nâng cao kiến thức quản lý mới và kỹ năng làm việc của đội ngũ công chức. Số lượng cán bộ, công chức và cán bộ cơ sở được đào tạo, bồi dưỡng trong những năm gần đây tăng lên đáng kể. Năm 1998, gần 15% cán bộ, công chức trung ương và 10% cán bộ, công chức địa phương được đào tạo, bồi dưỡng. Năm 1999, số lượng này tăng lên là 20% ở Trung ương và 12% ở địa phương. Nội dung, chương trình đào tạo đã có những cải tiến, hướng trọng tâm vào những kiến thức cơ bản, cần thiết đối với cán bộ, công chức như lý luận chính trị, quản lý hành chính Nhà nước, quản lý kinh tế trong cơ chế thị trường, tin học, ngoại ngữ. Hệ thống các trường, lớp đào tạo đã được kiện toàn và tăng cường một bước về năng lực. Bên cạnh Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Hành chính Quốc gia còn có 62 trường chính trị, cấp tỉnh, gần 30 trường thuộc các Bộ, ngành và 600 trung tâm đào tạo cấp huyện. Đội ngũ giảng viên các trường đã được tăng đáng kể về số lượng và nâng cao dần về chất lượng.

+Đại bộ phận cán bộ, công chức có ý thức tổ chức kỷ luật, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao, có lối sống, phẩm chất đạo đức trong sạch, lành mạnh.

Những tồn tại cơ bản:

Tuy đã đạt được những kết quả nhất định song thực tế hiện nay nước ta vẫn chưa thể khẳng định có đội ngũ công chức ổn định, chuyên nghiệp, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ còn thấp so với mặt bằng các nước trên thế giới. **Vấn**

còn tồn tại những mặt yếu kém sau đây phải khắc phục:

+Hệ thống văn bản pháp luật thể hiện đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức chưa đồng bộ, chưa hoàn chỉnh, vì vậy chưa đủ để hướng dẫn, chỉ đạo xây dựng, lập chương trình, kế hoạch cụ thể tổ chức thực hiện theo thời gian. Pháp lệnh cán bộ, công chức mới xác định những nét chung nhất nghĩa vụ, quyền lợi của công chức, thiếu những văn bản quy định về khen thưởng, kỷ luật cụ thể đối với công chức có công lao cũng như khi mắc sai sót.

+Tiền lương chưa đủ bảo đảm cuộc sống cho cán bộ, công chức ở mức trung bình của xã hội, khoảng cách tiền lương thực tế và tiền lương danh nghĩa ngày càng xa. Vì vậy, tiền lương hiện nay không có tác dụng động viên, khuyến khích cán bộ, công chức tận tâm làm việc, chưa thu hút, giữ nhân tài trong khu vực Nhà nước và là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tham nhũng, chất lượng, hiệu quả thấp trong công tác quản lý Nhà nước và phục vụ nhân dân. Thêm vào đó là những tồn tại tiền lương chưa được tiền tệ hóa đầy đủ (tiền nhà ở, điện

thoại, xe con, người phục vụ...); quan hệ tiền lương và thu nhập giữa các khu vực hành chính, sự nghiệp, sản xuất kinh doanh ngày càng bất hợp lý, trong đó lương của khu vực hành chính là thấp nhất, hệ thống thang bảng lương theo ngạch bậc hiện hành phức tạp, quá nhiều bậc, khoảng cách giữa các bậc không đáng kể, làm hạn chế tác dụng nâng lương.

+ Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức mới chỉ triển khai bước đầu, chưa thực sự nề nếp và tương xứng với vị trí của nó, chương trình đào tạo chưa thật thiết thực, còn mất cân đối giữa phần lý thuyết chung và huấn luyện kỹ năng, nghiệp vụ cụ thể; môn hành chính học chưa hoàn chỉnh. Cơ sở trường lớp còn sơ sài, không đầy đủ, chế độ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức chưa được quy định chặt chẽ, còn bị buông lỏng từ khâu tuyển sinh đến tổ chức lớp học và chế độ sử dụng sau khi đào tạo. Điều đáng lo ngại là chất lượng công tác của cán bộ, công chức sau khi được đào tạo, bồi dưỡng không được nâng lên là bao. Đặc biệt, việc có đủ bằng mọi giá các chứng chỉ cần thiết (ngoại ngữ, tin học, quản lý nhà nước, lý luận chính trị v.v..) cho thi tuyển dụng, thi nâng ngạch đang dẫn đến hiện tượng trình độ trên văn bằng, chứng chỉ là cao, nhưng thực chất không phải là như vậy.

+ Việc sắp xếp, bố trí, bổ nhiệm đề bạt cán bộ, công chức chưa đảm bảo khách quan khoa học. Nhiều đơn vị hữu khuynh trong công tác nhân sự, nhiều người làm việc tốt chưa được động viên khích lệ và giao nhiệm vụ đúng lúc; những người năng lực yếu cũng không sắp xếp lại để kéo dài, nhiều người tuổi cao, sức khoẻ yếu vẫn còn trong biên chế cơ quan, gây ra tình trạng vừa thừa, vừa thiếu, gây ra hẫng hụt giữa các thế hệ kế tiếp trong đơn vị. Trong quá trình giải quyết nhân sự còn cục bộ, tiêu cực, tạo môi trường cho chủ nghĩa cơ hội phát triển.

+ Việc xây dựng chức danh tiêu chuẩn công chức, xây dựng định mức biên chế còn chậm tiến hành, còn sử dụng các định mức cũ lạc hậu đã quy định hàng chục năm trước đây. Trong bố trí công chức chưa nghiên cứu cơ cấu hợp lý của tổ chức, cơ quan. Cách sắp xếp bố trí còn tùy tiện, không đủ cơ sở để xác định biên chế và giải quyết đúng đắn chế độ, chính sách đối với công chức.

+ Cán bộ, công chức chưa thực sự tận tụy phục vụ nhân dân đúng với tính chất là *công bộc* của dân. Phong cách, tác phong của một số đông cán bộ, công chức còn chưa đúng mức, tình trạng quan liêu, hách dịch, thiếu văn hóa trong giao tiếp còn khá phổ biến. Một bộ phận cán bộ, công chức suy thoái đạo đức, biến chất, lợi dụng chức quyền tham nhũng, buôn lậu, tham ô, làm giàu bất chính.

Nguyên nhân của tồn tại trên đây là:

+ Công tác xây dựng kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức được tiến hành trong bối cảnh cơ chế tập trung bao cấp vừa mới được thay thế bằng cơ chế kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường nên vẫn còn ảnh hưởng lớn đến tư tưởng, thói quen, tâm lý, lề lối làm việc của một bộ phận cán bộ, công chức, một số vẫn quen nếp quản lý cũ ít sáng tạo, lợi dụng cơ chế thị trường để kiếm lợi trong thực thi công vụ.

+ Về phía chủ quan, chế độ nhân sự chưa đổi mới kịp, trách nhiệm cán bộ không rõ. Việc phân cấp, phân quyền tiến hành chậm trễ, có tình trạng bao biện, lẩn tránh trong công tác nhân sự, nhưng có nhiều việc cũng không ai chịu trách

nhiệm triển khai thực hiện.

+ Ít tiến hành tổng kết rút kinh nghiệm trong bố trí sử dụng cán bộ, công chức. Việc áp dụng các quy định còn máy móc, rập khuôn. Công tác sửa đổi bổ sung các định mức, tiêu chuẩn và thể chế chậm được triển khai, đặc biệt là những ngành sử dụng nhiều công chức như giáo dục, y tế.

+ Thiếu những cơ chế tạo động lực làm đòn bẩy cho công chức tích cực phấn đấu rèn luyện, chưa xây dựng được phương pháp lựa chọn bồi dưỡng nhân tài, đặc biệt là lựa chọn người lãnh đạo đơn vị, những chuyên gia đầu ngành về quản lý kinh tế - xã hội trong thời kỳ mới.

Về cải cách tài chính công

Những kết quả đã đạt được:

+ Xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực ngân sách, tài chính công. Do đó đã khắc phục được tình trạng có quá nhiều cơ quan có thẩm quyền quyết định ngân sách (cơ quan kế hoạch, cơ quan tài chính, cơ quan chủ quản).

+ Đã tổ chức lại hệ thống ngân sách bao gồm 4 cấp tương ứng với 4 cấp chính quyền theo nguyên tắc những nhiệm vụ nào địa phương làm được và làm tốt thì giao cho địa phương, đồng thời với giao nhiệm vụ thì cân đối đủ nguồn thu.

+ Đã tạo lập được cơ chế động viên, khuyến khích tính năng động, chủ động của chính quyền địa phương thông qua sự ổn định ngân sách địa phương từ 3- 5 năm, trong thời gian đó nếu địa phương tăng thu thì được tăng chi.

+ Các cơ quan hành chính Nhà nước đã phải tuân thủ phương thức quản lý thu, chi ngân sách Nhà nước mới theo hướng đã được đơn giản hóa, giảm thủ tục và tránh lãng phí.

+ Xây dựng được và đưa vào hoạt động hệ thống cơ quan kiểm toán với vai trò của cơ quan kiểm tra, kiểm soát tài chính công.

- Những tồn tại và nguyên nhân

+ Thời gian qua chưa xác định rõ cải cách tài chính công là một nội dung của cải cách hành chính Nhà nước phải được tiến hành đồng bộ với cải cách thể chế, cải cách tổ chức bộ máy và xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức.

+ Thẩm quyền quyết định về ngân sách của Hội đồng nhân dân các cấp về cơ bản vẫn là hình thức. Tính chủ động của cơ quan hành chính từ các Bộ, Ngành đến Ủy ban nhân dân các cấp trong sử dụng các nguồn lực tài chính công chưa được nâng cao, vẫn phụ thuộc nhiều vào quyền quyết định của các cơ quan kế hoạch và tài chính ở Trung ương và Địa phương.

+ Chưa ban hành đủ và đồng bộ các chế độ, chính sách, định mức chi tiêu, do đó vẫn còn nhiều trở ngại cho các cơ quan hành chính trong tổ chức thực hiện ngân sách phục vụ cho các nhiệm vụ được giao của mình.

+ Chưa tạo lập được sự đồng bộ giữa 3 yếu tố là tổ chức bộ máy, tiền lương và ngân sách. Phương pháp tính kinh phí hành chính theo đầu người vừa không sát với yêu cầu nguồn lực tài chính trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan hành chính, vừa khuyến khích xu hướng tăng biên chế trong bộ máy mới có nhiều kinh phí.

+ Chậm nghiên cứu để ban hành các cơ chế, chính sách tài chính hỗ trợ cho quá trình thực hiện cải cách hành chính, ví dụ như chính sách cho khoán biên chế và kinh phí hành chính, cơ chế tài chính cho hoạt động của tổ chức sự nghiệp có thu v.v..

+ Trách nhiệm của cơ quan kiểm toán không được phân biệt rõ ràng với các cơ quan kiểm tra khác, dẫn tới sự chồng chéo chức năng hoạt động, gây phiền hà cho các đơn vị bị kiểm tra.

- Về việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách hành chính

Thực tiễn cải cách cho thấy quản lý quá trình cải cách hành chính là một yếu tố cơ bản góp phần bảo đảm thành công của cải cách.

Những kết quả đã đạt được:

+ Đã bảo đảm được sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với công tác cải cách hành chính. Năng lực quản lý quá trình cải cách hành chính đã từng bước được tăng cường. Cho đến nay, hầu hết các Bộ, ngành Trung ương và các tỉnh đã thành lập và đưa vào ban hoạt động Ban Chỉ đạo cải cách hành chính. Cuối năm 1998, đã thành lập Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ do Thủ tướng làm Trưởng ban. Đầu năm 2000, theo yêu cầu và để tăng cường hơn nữa công tác chỉ đạo, Phó Thủ tướng Thường trực đã được bổ sung là Phó trưởng Ban chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ.

+ Công tác chỉ đạo cải cách hành chính đã góp phần khẳng định tầm quan trọng của cải cách hành chính trong công cuộc đổi mới, tăng cường việc giám sát và đánh giá các hoạt động và đưa ra những chủ trương, biện pháp cải cách cụ thể, phù hợp hơn. Điều quan trọng là thông qua đó góp phần tăng cường nhận thức và hiểu biết về cải cách hành chính trong cán bộ lãnh đạo, công chức và nhân dân.

+ Theo yêu cầu, công tác chỉ đạo đã tập trung vào một số vấn đề được coi là trọng điểm trong tiến trình cải cách:

- Cải cách thủ tục hành chính trong những năm từ 1994 đến 1997.

- Tổng kết công tác cải cách thủ tục hành chính: Chính phủ trong phiên họp tháng 5/1999 đã thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết về cải cách thủ tục hành chính.

- Chỉ đạo tổng kết 3 năm thực hiện mô hình “*Một cửa, một dấu*” cấp quận, huyện ở thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 2/2000.

- Hiện nay Chính phủ đang chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương xây dựng đề án rà soát chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và tinh giảm biên chế nhằm triển khai Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII).

+ Việc sử dụng các dự án hỗ trợ kỹ thuật cho cải cách hành chính được bắt đầu từ dự án VIE/92/002 đã góp phần đem lại những kết quả trên lĩnh vực nhận thức, hình thành những khuôn khổ cải cách hành chính phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Những tồn tại về chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách hành chính:

+ Sự chỉ đạo của Chính phủ, của Thủ tướng Chính phủ còn thiếu kiên quyết, thiếu tập trung thông nhất; kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII) và Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) còn thấp. Công tác chỉ đạo ở tầm Trung ương chưa cơ bản, còn mang nặng các giải pháp tình thế, thiếu tầm nhìn chiến lược. Cho đến nay vẫn chưa có được một chiến lược cải cách hành chính dài hạn, tạo cơ sở vững chắc cho thực hiện cũng như công tác chỉ đạo và hướng dẫn, kiểm tra đối với Bộ, ngành Trung ương và chính quyền địa phương.

+ Nhìn chung, vẫn chưa có được sự hăng hái, tính tích cực và chủ động trong triển khai cải cách hành chính, đặc biệt là ở các Bộ, ngành Trung ương. Sự chậm chễ, thụ động của các Bộ, ngành Trung ương đã cản trở không nhỏ những nỗ lực cải cách của chính quyền địa phương.

+ Hoạt động của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính ở các Bộ, ngành, địa phương còn hình thức, chưa đạt hiệu quả mong muốn. Năng lực quản lý quá trình cải cách ở cả Trung ương và cấp tỉnh còn bất cập, còn thiếu các chuyên gia giỏi giúp việc cho các Ban Chỉ đạo - phần lớn các Ban Chỉ đạo không có cán bộ chuyên trách và kinh phí đủ để hoạt động.

+ Hiệu quả của các dự án hỗ trợ kỹ thuật của quốc tế cho cải cách hành chính còn hạn chế.

Tồn tại trên đây có những nguyên nhân chủ yếu là:

+ Nhận thức chưa đầy đủ về ý nghĩa và tác động của cải cách hành chính đối với sự nghiệp đổi mới. Lãnh đạo nhiều Bộ, ngành Trung ương và chính quyền địa phương còn coi nhẹ công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền Nhà nước, xếp cải cách hành chính sau rất nhiều những công việc được coi là quan trọng, cấp bách khác.

+ Chưa tìm ra cơ chế hữu hiệu bảo đảm sự chỉ đạo công tác cải cách hành chính có hiệu quả. Chưa xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan trong hệ thống hành chính đối với công tác cải cách hành chính. Ngoài ra, cơ chế và điều kiện cần thiết cho tổ chức hoạt động của Ban Chỉ đạo ở các cấp, các ngành chưa phù hợp.

+ Công tác tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và thực hiện thí điểm không được chú ý trong quá trình chỉ đạo thực hiện cải cách hành chính thời gian qua.

Từ những phân tích, đánh giá về cải cách hành chính ở các lĩnh vực nêu trên đây có thể rút ra một số đánh giá chung như sau:

- Cải cách nền hành chính Nhà nước đã trở thành một bộ phận quan trọng trong đường lối đổi mới của Đảng với những yêu cầu và nội dung được xác định ngày càng rõ hơn.

- Công cuộc cải cách hành chính đã mang lại kết quả tích cực trên cả ba lĩnh vực là thể chế, tổ chức bộ máy và xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức. Đây là những kết quả bước đầu hết sức quan trọng, góp phần vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước thời gian qua. Điều không kém phần quan trọng là thông qua đó đã tăng cường đáng kể nhận thức về yêu cầu và vai trò của cải cách hành chính trong sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

- Mặc dù có những kết quả như vậy, nhưng nhìn chung cải cách hành chính là chậm, không theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới, nhất là đổi mới kinh tế. Nền

hành chính Nhà nước về căn bản chưa được cải cách toàn diện, vẫn mang nặng những dấu ấn của nền hành chính theo cơ chế tập trung, quan liêu bao cấp.

- Nguyên nhân chủ yếu của tình hình này là ở sự không đồng bộ cải cách hành chính với đổi mới hệ thống chính trị, đổi mới kinh tế; là sự chỉ đạo chưa kiên quyết, kịp thời của cấp Trung ương. Chủ trương, đường lối của Đảng về cải cách hành chính về cơ bản có đủ nhưng còn chưa có đủ quyết tâm thực hiện, nhất là ở cấp Trung ương để đưa những chủ trương, đường lối đó thành hiện thực.

Về định hướng cải cách nền hành chính Nhà nước trong tương lai:

Nền hành chính Nhà nước phải được định hướng phát triển đáp ứng cho được những yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nền hành chính trong tương lai có những đặc trưng nổi bật sau:

- Thể hiện ngày càng rõ và đúng vai trò Nhà nước trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Điều đó đòi hỏi bộ máy Nhà nước, các cơ quan hành chính tập trung vào thực hiện chức năng quản lý Nhà nước, giải quyết các vấn đề vĩ mô, tránh can thiệp sâu vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Chuyển từ một nền hành chính truyền thống mang tính “*quản lý*” sang một “*nền hành chính phát triển*”, phục vụ của một nền hành chính của dân, do dân và vì dân, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng.

- Một nền hành chính thống nhất, thông suốt, đề cao trách nhiệm cá nhân và tổ chức trong thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước, đồng thời là một nền hành chính năng động, đáp ứng được những biến động, có khả năng thúc đẩy quá trình hội nhập của đất nước.

- Các cơ quan hành chính Nhà nước và cán bộ, công chức có trách nhiệm đáp ứng nhu cầu của nhân dân và chịu trách nhiệm về quyết định và hành động của mình.

- Bảo đảm nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong thực hiện chức năng quản lý hành chính Nhà nước trong thực thi công vụ.

- Có đội ngũ cán bộ, công chức ổn định, có chuyên môn và kỹ năng hành chính thành thạo, trong sạch về đạo đức, tận tụy với công vụ.

- Bảo đảm hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động có trật tự, kỷ cương, từ Trung ương xuống cơ sở và phát huy mạnh mẽ vai trò của chính quyền các cấp trong quản lý công việc cụ thể của mình.

Về những vấn đề có tính nguyên tắc trong tổ chức và hoạt động của hệ thống hành chính:

Ngoài việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản chỉ đạo việc xây dựng và đổi mới hệ thống chính trị, cải cách bộ máy Nhà nước, tổ chức và hoạt động của hệ thống hành chính phải quán triệt những vấn đề có tính nguyên tắc sau:

- *Nguyên tắc rõ chức năng, trách nhiệm, thẩm quyền:* Một việc chỉ giao cho một cơ quan quản lý và chịu trách nhiệm, việc phối hợp thuộc trách nhiệm của chính cơ quan được giao phụ trách công việc này.

- *Nguyên tắc tách bạch cơ quan làm chính sách với cơ quan thực hiện chính sách:* Hết sức tránh giao một cơ quan nhiệm vụ vừa nghiên cứu, xây dựng, ban hành chính sách, chế độ vừa thực thi các vấn đề đó.

- Nguyên tắc *Thủ trưởng* chỉ huy và chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động của cơ quan hành chính do mình phụ trách.
- Nguyên tắc *dân chủ* minh bạch và công khai.
- Nguyên tắc *dân giám sát* kiểm tra và khiếu nại đối với hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước.

2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ TRÊN CÁC LĨNH VỰC Ở NƯỚC TA HIỆN NAY.

Dân chủ là bản chất của chế độ Nhà nước ta, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tạo ra sức mạnh to lớn góp phần quyết định vào sự thành công của cách mạng. Quyền làm chủ của nhân dân đã được quy định trong Hiến pháp, Luật và các văn bản quy phạm pháp pháp luật của Nhà nước.

Để tiếp cận nghiên cứu và nắm bắt được thực trạng của tình hình thực hiện quy chế dân chủ trên các lĩnh vực và ở các địa phương hiện nay, chúng tôi đã tiến hành thu thập nhiều tài liệu, thông tin về thực hiện Quy chế dân chủ trên các lĩnh vực và tiến hành khảo sát điều tra thực tế nhiều địa phương tỉnh, huyện, xã theo phương pháp chọn mẫu đại diện đặc trưng khu vực. Trong phần này, xin trình bày những kết quả nghiên cứu khảo sát và điều tra đó.

2.1. *Khái quát chung về tình hình thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.*

- Mục đích, yêu cầu và phương châm thực hiện dân chủ ở Xã, Phường, Thị trấn:

Ngày 11-5-1998 Chính phủ ban hành Nghị định số 29/1998/NĐ-CP về việc ban hành *Quy chế thực hiện dân chủ ở xã*. Bốn ngày sau đó, ngày 15-5-1998 Thủ tướng Chính phủ đã ra Chỉ thị số 22/1998/CT-TTg về việc triển khai thực hiện *Quy chế thực hiện dân chủ ở xã*. Đến ngày 6-7-1998 Ban tổ chức - cán bộ Chính phủ (nay thuộc Bộ Nội vụ) đã ban hành Thông tư số 03/1998/TT-TCCP hướng dẫn việc áp dụng Quy chế thực hiện dân chủ ở xã. Thông tư chỉ rõ : xã, phường, thị trấn là đơn vị hành chính cơ sở cùng cấp, có cùng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. Tuy nhiên, phường và thị trấn là loại hình đơn vị hành chính đô thị, có những đặc thù khác xã, nên ngoài những quy định trong *Quy chế thực hiện dân chủ ở Xã*, Ban Tổ chức- cán bộ Chính phủ hướng dẫn và áp dụng một số điểm cho phù hợp với thực hiện dân chủ và quản lý hành chính ở phường, thị trấn.

Quy chế thực hiện dân chủ ở Xã, Phường, Thị trấn được Chính phủ ban hành là nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tạo ra sức mạnh to lớn, góp phần vào sự thành công của cách mạng.

Quy chế thực hiện dân chủ ở xã quy định những việc chính quyền địa phương phải thông tin và công khai để dân biết, những việc dân bàn và quyết định trực tiếp, những việc dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan Nhà nước quyết định, những việc dân giám sát, kiểm tra và các hình thức thực hiện.

Thực hiện dân chủ ở xã để động viên sức mạnh tinh thần to lớn của nông dân và nhân dân trong phát triển kinh tế, ổn định chính trị, xã hội, tăng cường đoàn kết

nông thôn, cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí, xây dựng Đảng bộ, chính quyền và các đoàn thể ở xã trong sạch, vững mạnh; ngăn chặn và khắc phục tình trạng suy thoái, quan liêu, tham nhũng, góp phần vào sự nghiệp dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, theo định hướng Xã hội Chủ nghĩa.

Vấn đề phát huy quyền làm chủ của nhân dân phải gắn liền với cơ chế **Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ**; phát huy tốt chế độ dân chủ đại diện, nâng cao chất lượng và hiệu lực hoạt động của Hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân, thực hiện tốt chế độ dân chủ trực tiếp ở cơ sở để nhân dân trực tiếp bàn bạc và quyết định những công việc quan trọng, thiết thực, gắn liền với lợi ích của mình.

Thực hiện dân chủ phải gắn liền với việc tuân thủ Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước, quyền lợi đi đôi với nghĩa vụ, dân chủ phải đi đôi với kỷ cương, trật tự; kiên quyết xử lý nghiêm minh những hành vi lợi dụng dân chủ để vi phạm Hiến pháp, Pháp luật, xâm phạm đến quyền tự do dân chủ của nhân dân.

Thực hiện dân chủ ở Xã, Phường, Thị trấn là thực hiện những nội dung về **dân chủ** một cách rộng rãi đối với từng người dân, mọi lứa tuổi, nhằm phát huy cao độ quyền làm chủ của nhân dân trong lao động sản xuất, tổ chức đời sống, quản lý xã hội, giữ gìn an ninh trật tự cộng đồng.

Thực hiện dân chủ ở Xã, Phường, Thị trấn diễn ra trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế. Văn hoá, xã hội bằng hình thức gián tiếp hoặc trực tiếp một cách sinh động và thường xuyên, liên tục. Dân chủ được thực hiện thông qua các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở và trình độ nhận thức đúng đắn theo khả năng của mỗi người.

Việc thực hiện dân chủ cơ sở ở Xã, Phường, Thị trấn có một ý nghĩa vừa quan trọng, vừa cấp bách, vừa cơ bản và lâu dài. Bởi vai trò, vị trí của Xã, Phường, Thị trấn trong hệ thống hành chính Nhà nước là vô cùng quan trọng. Chính quyền Xã, Phường, Thị trấn là chính quyền cấp cơ sở. Xã, Phường, Thị trấn là nền tảng của xã hội, là nơi đông đảo nhân dân sinh sống hàng ngày; là nơi nhân dân thực hiện sản xuất, kinh doanh, lao động, học tập; là nơi nảy sinh nhiều yêu cầu bức xúc hàng ngày. Về đời sống chính trị, kinh tế, xã hội, là nơi trực tiếp thực hiện mọi chủ trương, đường lối và chính sách của Đảng và Nhà nước. Xã, Phường, Thị trấn cũng là nơi diễn ra sự tiếp xúc và thể hiện các mối quan hệ thường xuyên giữa Đảng với dân, chính quyền Nhà nước với dân, quân đội với nhân dân, các tổ chức đoàn thể xã hội với nhân dân, các tổ chức kinh tế, các thành phần kinh tế với nhân dân và nhân dân với nhân dân.

Nước ta hiện nay có khoảng 13 triệu hộ dân cư chiếm khoảng 95% tổng số dân cả nước cư trú trên 10354 xã, 949 phường và 519 thị trấn. Đây là nơi nhân dân có nhiều đòi hỏi cụ thể về các quyền dân chủ (dân là chủ và dân làm chủ), và cũng là nơi có điều kiện để thực hiện các quyền dân chủ của nhân dân một cách rộng rãi.

Thực hiện dân chủ ở Xã, Phường, Thị trấn phải quán triệt những yêu cầu sau đây:

Thứ nhất là, tăng cường khối đoàn kết cộng đồng, phát huy mọi nguồn lực, tính tích cực, sáng tạo của mọi thành viên trong cộng đồng vào sự nghiệp xây dựng quê hương đất nước.

Thứ hai là, tạo nên được sự thống nhất nhận thức hành động trong việc khẳng định và làm theo cái đúng, bảo vệ cái đúng, phê phán cái sai, đấu tranh ngăn chặn và loại bỏ các hiện tượng tiêu cực của xã hội.

Thứ ba là, thực hiện dân chủ sẽ thúc đẩy cải cách hành chính, sửa đổi những cơ chế chính sách không phù hợp với cuộc sống thực tế của nhân dân.

Thứ tư là, nhân dân ở Xã, Phường, Thị trấn được thực hiện quyền làm chủ, tham gia kiểm kê, kiểm soát các hoạt động của Đảng, Chính quyền và các đoàn thể sẽ góp phần tích cực xây dựng Đảng, Chính quyền và các đoàn thể trong sạch vững mạnh hơn. Thực hiện dân chủ, nhân dân có điều kiện tích cực đấu tranh bài trừ tệ nạn quan liêu, tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm.

Thực hiện dân chủ ở Phường, Xã, Thị trấn được diễn ra theo phương châm: **"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"** và được thực hiện dưới hai hình thức dân chủ: **dân chủ trực tiếp** và **dân chủ gián tiếp**. Phương châm **"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"** chưa phải là toàn bộ vấn đề thực hiện dân chủ mà chỉ là quy trình thực hiện dân chủ, được diễn đạt dễ hiểu, cô đọng, súc tích, dễ nhớ với sự sắp xếp hợp lý. Quy trình: **"Biết-bàn-làm-kiểm tra"** chính là quy trình từ nhận thức đến hành động, qua kiểm tra đánh giá lại kết quả hành động rồi lại tiếp tục nhận thức và hành động với kết quả cao hơn. Đó cũng là quy trình quản lý của chế độ do nhân dân làm chủ từ khâu thu thập thông tin, hình thành chủ trương chính sách, thực hiện chủ trương chính sách, kiểm tra việc thực hiện chủ trương chính sách, tiếp tục thu thập thông tin mới cho một quy trình quản lý mới. Bốn nội dung chính của phương châm thực hiện dân chủ đều lấy **dân** làm chủ thể. Khái niệm **dân** trong phương châm **"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"** ở đây cần được nhận thức trong mối quan hệ được quy định và xác lập theo cơ chế **"Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ"**. Dân là đối tượng lãnh đạo của Đảng, là đối tượng quản lý của Nhà nước. Mặt chủ yếu khác, **nhân dân làm chủ** chính lại là mục tiêu của sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý đều hướng tới mục tiêu phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Điều đó có ý nghĩa là Đảng lãnh đạo nhưng nhân dân phải được biết, được bàn bạc và được thực hiện đường lối chủ trương của Đảng, nhân dân cùng tham gia kiểm tra cán bộ, Đảng viên. Dân là đối tượng quản lý của cơ quan Nhà nước nhưng dân phải được biết phải được bàn, được tham gia quản lý và thực hiện các quyết định của Nhà nước, dân phải tham gia cùng Nhà nước kiểm tra, giám sát cơ quan và cán bộ, công chức Nhà nước.

Đi sâu phân tích từng khái niệm **"biết"**, **"bàn"**, **"làm"**, **"kiểm tra"** cũng phải được hiểu là đặt trong mối quan hệ với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Dân **"biết"** không phải là toàn bộ vấn đề dân trí. Bản chất của dân biết là quyền dân được nhận thông tin một cách trung thực về những vấn đề không thuộc bí mật quốc gia. Dân **"biết"** không chỉ là **quyền** mà còn là **nghĩa vụ** của dân. Dân phải **"biết"** để **"bàn"**, để **"làm"** và để **"kiểm tra"** nhằm tham gia vào những công việc chung của đất nước với tư cách là người công dân của đất nước có chủ quyền. Nói chung, tất cả những gì liên quan đến lợi ích của dân, của tập thể, của Nhà nước, đặc biệt là các chủ trương đường lối của Đảng, Pháp luật và chính sách của Nhà

nước dân đều phải được biết; hoặc những gì dân phải làm, dân đều phải được biết. Trách nhiệm cho dân "*biết*" trước hết là của Nhà nước và của cả hệ thống chính trị. đương nhiên cũng cần phải phân biệt những gì dân cần phải được biết trước, biết ngay và những gì dân chưa cần phải biết ngay.

Dân "*bàn*", bao gồm bàn để tham gia, bàn để quyết định, bàn để làm. Cần chú ý là dân phải được bàn ngay từ đầu, khi đang ở giai đoạn dự thảo, để khuyến khích dân bàn, các cấp lãnh đạo, các nhà quản lý phải tạo điều kiện và khơi dậy cho dân đóng góp ý kiến, phải lắng nghe ý kiến của dân.

Dân "*làm*", tức là dân phải được hướng dẫn làm đúng Pháp luật và Nhà nước phải đảm bảo tạo cơ sở pháp lý và các động lực và các chính sách để khuyến khích dân làm, phải chỉ đạo và tạo ra phong trào thi đua hành động trong nhân dân để nhân dân được "*làm*" một cách tốt nhất, có hiệu quả cao nhất.

Dân "*kiểm tra*", là một vấn đề thể hiện bản chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Dân kiểm tra là thể hiện quyền lực của nhân dân và đây cũng là vấn đề khó nhất trong việc thực hiện quyền làm chủ của nhân dân.

Bốn khâu trong phương châm thực hiện dân chủ nói trên có mối liên hệ và tác động qua lại với nhau không thể tách rời nhau, trong đó cần chú trọng khâu dân kiểm tra. Phương châm "*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*" đã ngày càng chứng tỏ tác dụng to lớn trong việc phát huy vai trò làm chủ của nhân dân. Nó là điều kiện để tập hợp, đoàn kết mọi lực lượng nhân dân nhằm thực hiện công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước; là điều kiện để động viên nhân dân tham gia quản lý công việc của Nhà nước; là điều kiện để đấu tranh thắng lợi với nạn tham nhũng quan liêu; là động lực để xây dựng hệ thống chính trị, đặc biệt là xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Nó là động lực không thể thiếu để xây dựng và phát triển xã hội mới. Nói cụ thể hơn là phải thực hiện "*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*" thì mọi chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước mới đến được với người dân và mới được nhân dân tự giác thực hiện. Ngược lại, nếu không thực hiện sẽ gây ra mất ổn định xã hội trong điều kiện bùng nổ thông tin và trình độ dân trí đã càng ngày càng được nâng cao.

Phương châm "*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*" được thể hiện trong cả hai hình thức dân chủ : *dân chủ đại diện gián tiếp* và *dân chủ trực tiếp*. Nghị quyết hội nghị trung ương 3 (khoá VIII) đã nhấn mạnh: "*điều quan trọng hàng đầu là nâng cao chất lượng chế độ dân chủ trực tiếp một cách thiết thực, đúng hướng và có hiệu quả*"(65).

Hai hình thức này có mối quan hệ qua lại với nhau. Hình thức trực tiếp chỉ có thể được thực hiện tốt khi thực hiện tốt hình thức gián tiếp và ngược lại, hình thức gián tiếp chỉ có thể thực hiện tốt khi thực hiện tốt dân chủ trực tiếp. Hai hình thức dân chủ này gắn bó xoắn xuýt với nhau.

Dân chủ trực tiếp có ba yếu tố cấu thành là: phổ thông đại chúng, trực tiếp và hiệu lực thi hành; và ba điều kiện là:

- Bảo đảm thông tin đầy đủ cho dân (dân biết) về các vấn đề cần quyết định; tổ chức cho nhân dân bàn thảo các vấn đề đó để dân có đủ điều kiện can nhắc trước khi thể hiện ý kiến.

- Bảo đảm môi trường xã hội lành mạnh, tự do, bình đẳng. Mọi người trước khi quyết định không bị ép buộc, mua chuộc, lôi kéo...

- Bảo đảm trình tự, thủ tục đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, tổ chức khoa học, chu đáo.

Thực hiện phương châm "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*" không thể thoát ly sự lãnh đạo của Đảng và phụ thuộc rất lớn vào chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở. Kinh nghiệm thực tế chỉ rõ rằng: Tổ chức Đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở phải mạnh thì mới phát huy dân chủ đúng hướng. Mặt khác, chính phát huy dân chủ mới có điều kiện củng cố Đảng, củng cố hệ thống chính trị. Phát huy dân chủ, thực hiện "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*" đến mức độ như thế nào là phù hợp. Không chỉ căn cứ vào trình độ dân sinh, dân trí mà còn phải chú ý đến việc xây dựng tổ chức Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở. Muốn thực hiện tốt phương châm trên, những người lãnh đạo, quản lý phải có sự giác ngộ đầy đủ về dân chủ, phải thực sự tin dân, tôn trọng nhân dân.

Phương châm "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*" xuất phát từ phong trào từ quần chúng làm chủ ở cơ sở được Đảng ta phổ biến thành phương châm chỉ đạo chung. Qua hơn 10 năm đổi mới phương châm này đã tỏ rõ sức sống và hiệu quả của nó. Đây là phương châm chỉ đạo mọi hoạt động của Nhà nước ta hay nói rộng hơn là cả hệ thống chính trị của chúng ta, nhưng khi áp dụng nó vào thực tiễn đời sống thì phải khẳng định rằng đây là một thiết chế Nhà nước. Bởi vì, chế độ dân chủ thực chất là một hình thức tổ chức nhà nước. "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*", vì vậy phải được coi là quá trình *dân chủ hoá* trong cách tổ chức Nhà nước của chế độ ta từ cấp chính quyền cơ sở là Xã, Phường để nhân dân có thể tham gia quản lý công việc Nhà nước và xã hội.

Ngày nay, trong quá trình phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Với chủ trương xây dựng thiết chế dân chủ ở cơ sở nói chung và ở Xã, Phường nói riêng, nhất định sẽ trở thành một động lực mạnh mẽ động viên nhân dân tham gia tích cực vào công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Thực hiện dân chủ ở Xã, Phường, Thị trấn hiện nay: thực trạng và những vấn đề đặt ra.

Trong những năm đổi mới cùng với chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng Xã hội Chủ nghĩa, Đảng ta phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, *dân chủ hoá* mọi mặt đời sống xã hội.

Từ khi triển khai Chỉ thị 30 của Bộ Chính trị và Nghị định 29 của Chính phủ, dù mới chỉ một thời gian chưa dài, đã cho ta những kết quả và kinh nghiệm bước đầu. Các tổ chức Đảng chính quyền ở nhiều Xã, Phường, Thị trấn đã nhận thức được phương châm "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*" là nội dung cốt lõi của vấn đề dân chủ; là chìa khóa để thực hiện dân chủ và phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc, tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh. Thực hiện phương châm đó, ***không chỉ là quy trình dân chủ*** và phát huy vai trò làm chủ của nhân dân mà còn góp phần quan trọng vào việc xây

dựng khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng Đảng, Chính quyền và Đoàn thể nhân dân. Xây dựng và củng cố mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, sẽ góp phần phát huy được nội lực trong công cuộc xây dựng tổ quốc Xã hội Chủ nghĩa hiện nay.

Địa bàn xã: là nơi sinh sống của 80% dân số của cả nước và 75% lao động xã hội.

- **Về dân cư:** Khá đa dạng và ngày càng đa dạng hơn. Đại bộ phận dân cư sống bằng nghề nông, diện tích độc canh cây lúa là 88,5%. Tuy nhiên, theo xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động nông nghiệp đang giảm dần, nhiều hộ chuyển sang nghề tiểu, thủ công nghiệp, xây dựng, dịch vụ, thương mại (chiếm 8-9% lao động nông nghiệp).

- Tư liệu sản xuất, điều kiện lao động còn lạc hậu và còn nhiều khó khăn. Tỷ lệ cơ khí hoá, điện khí hoá trong sản xuất còn thấp (60,4% xã có điện, 50,7% hộ dùng điện), hạ tầng cơ sở thấp kém (87,9% số xã có đường ôtô vào trung tâm...).

- Dân trí còn thấp nhiều so với ở địa bàn Phường, Thị trấn cả về học vấn và trình độ thông tin. Lao động dư thừa, 30-35% thiếu việc làm, 9% còn mù chữ, 40% chưa đạt trình độ phổ thông cơ sở, 90% chưa được đào tạo nghề nghiệp. Đội ngũ trí thức cho công nghiệp hoá hầu như chưa có (66). Năng suất lao động còn thấp. Vốn cho sản xuất kinh doanh còn thiếu nghiêm trọng (91,53% số hộ còn thiếu vốn). Thị trường tiêu thụ sản phẩm không chắc chắn, giá cả bấp bênh. Chính sách của Nhà nước chưa hoàn thiện và đồng bộ, nhiều chính sách chưa thích hợp. Đầu tư cho nông nghiệp chưa tương xứng với mức tổng đầu tư của cả nước. Thu nhập của nông dân còn thấp nên sức mua còn kém. Cuộc sống của đại bộ phận nông dân đã có cải thiện nhưng vẫn còn khó khăn, thiếu thốn, hộ đói, nghèo còn nhiều, đặc biệt vùng sâu, vùng xa. Qua khảo sát 75 xã thuộc 10 tỉnh của Ban Tư tưởng văn hoá Trung ương cho thấy: 52,9% số người được hỏi trả lời đủ ăn, 34,7%- thiếu ăn vài tháng, 6,5%- thiếu ăn thường xuyên, 5,9%- dư dật. Sự phân hoá giàu nghèo ngày càng gay gắt. Khoảng cách thu nhập của 20% số hộ có thu nhập cao nhất và 20% có thu nhập thấp nhất là 5,69 lần. Sự khác biệt giữa nông thôn và thành thị ngày càng xa (GDP bình quân đầu người ở nông thôn chỉ bằng 17% ở thành thị). Một tình hình đáng chú ý là số hộ nông dân làm nông nghiệp không có ruộng ngày càng cao, đặc biệt ở đồng bằng sông Cửu Long. Theo số liệu 7/1997 của Văn phòng Trung ương Đảng, chỉ tính riêng 7 tỉnh ở đây đã có 5,66% số hộ hoàn toàn không có ruộng đất.

Địa bàn Phường, Thị trấn : là đơn vị hành chính cấp cơ sở của Thành phố, Thị xã, Huyện. Hiện nay dân cư trên địa bàn Phường, Thị trấn chiếm 20% dân số cả nước.

- Cơ cấu dân cư đa dạng và phức tạp, làm việc ở các lĩnh vực và địa bàn với nhiều ngành nghề khác nhau.

- Thu nhập của dân cư ở đây nhìn chung có khá hơn dân cư ở Xã, song lại rất khác nhau và chênh lệch. Qua khảo sát ở 10 Phường ở 7 tỉnh của Ban Văn hoá Tư tưởng Trung ương cho thấy: 25,1% số người được hỏi có mức thu nhập là 120.000đ/tháng/người; 19,5% từ 200.000-300.000đ/tháng/người; 39,1% từ 300.000-500.000đ/người/tháng. Điều kiện về nhà ở và điều kiện sống cũng có nhiều khó khăn. Trình độ dân trí tương đối cao cả về học vấn và thông tin.

- Cuộc sống của đại bộ phận dân cư trên địa bàn phường những năm qua được cải thiện khá rõ về nhiều mặt. Qua khảo sát cho thấy, so với: 22,4% số người được hỏi trả lời là được cải thiện về nhiều mặt, 61%- cải thiện một số mặt; 9,3%- chưa được cải thiện và 6,6%- kém hơn trước.

- - Thực hiện dân chủ ở Xã, Phường, Thị trấn hiện nay: thực trạng và những vấn đề đặt ra.

Trong những năm đổi mới cùng với chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng Xã hội Chủ nghĩa, Đảng ta phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, *dân chủ hoá* mọi mặt đời sống xã hội.

Từ khi triển khai Chỉ thị 30 của Bộ Chính trị và Nghị định 29 của Chính phủ, dù mới chỉ một thời gian chưa dài, đã cho ta những kết quả và kinh nghiệm bước đầu. Quán triệt phương châm chỉ đạo trong Chỉ thị số 30 của Bộ Chính trị "*Phải làm từng bước vững chắc, không làm lướt, ồ ạt. Cấp Ủy cấp trên trực tiếp chỉ đạo điểm rút kinh nghiệm, bồi dưỡng cán bộ rồi mới triển khai ra diện rộng*", việc triển khai Quy chế thực hiện dân chủ ở Xã, Phường, Thị trấn được chia thành 2 bước:

Bước một : Chỉ đạo điểm 61 tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương đã thành lập Ban Chỉ đạo do Đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ hoặc Chủ tịch Uỷ ban nhân dân Tỉnh làm Trưởng ban và đã chọn 183 đơn vị cấp xã làm điểm chỉ đạo.

Bước hai: Triển khai ra tất cả các Xã, Phường, Thị trấn trong toàn quốc.

Từ cuối năm 1998 đầu năm 1999, các địa phương đã sơ kết chỉ đạo điểm và tổ chức triển khai ra diện rộng. Đến nay, quy chế đã được triển khai thực hiện với mức độ khác nhau ở 10.477 Xã, Phường, Thị trấn trong cả nước.

Qua nghiên cứu thực tế cho thấy: Việc triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở Xã, Phường, Thị trấn có thể rút ra những nhận xét sau:

- Kết quả thực hiện dân chủ ở Xã, Phường, Thị trấn trong thời gian qua.

+Tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp .

Các địa phương đã thành lập Ban Chỉ đạo triển khai quy chế ở cấp Tỉnh, cấp Huyện và chỉ đạo các Xã, Phường, Thị trấn thực hiện.

Ban Chỉ đạo triển khai quy chế ở các cấp do Đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ hoặc Chủ tịch Uỷ ban nhân dân làm Trưởng Ban; thành viên của Ban Chỉ đạo gồm: Ban Dân vận, Tổ chức Đảng, Tổ chức Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các ngành Công an, Tư pháp, Tài chính, Địa chính, Thanh tra, Văn hoá - Thông tin, Giao thông, Xây dựng.

Ban Chỉ đạo có chương trình công tác, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, hướng dẫn các điểm chỉ đạo xây dựng kế hoạch, chương trình, lập đề án, phương án, giúp các điểm giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc và những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình triển khai quy chế. Nhiều Ban Chỉ đạo đã làm tốt chức năng vừa là tham mưu cho cấp Ủy vừa trực tiếp chỉ đạo điểm, mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần quan trọng vào quá trình triển khai Quy chế thực hiện dân chủ ở Xã, Phường, Thị trấn.

+ Ban hành các văn bản, tài liệu phục vụ cho việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

Để đảm bảo cho việc triển khai quy chế đúng với chỉ thị của Bộ Chính trị, của Thủ tướng Chính phủ, phù hợp với tình hình địa phương và đạt kết quả tốt, 61 Tỉnh uỷ, Thành uỷ đã ra Chỉ thị giao nhiệm vụ cho tổ chức Đảng, Chính quyền các Cấp, các Ngành, Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể. Uỷ ban nhân dân hoặc Ban Chỉ đạo các Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương ban hành kế hoạch triển khai chung và có kế hoạch chỉ đạo. Các Tỉnh, Thành phố đã in ấn hàng nghìn bộ tài liệu để cung cấp cho cán bộ từ Tỉnh, Thành phố đến cơ sở; hàng chục nghìn bản quy chế dưới dạng sổ tay để phát tới tận hộ gia đình. Ở một số Tỉnh, Sở Tài chính-Vật giá ban hành văn bản hướng dẫn công khai tài chính và ngân sách xã, Sở Văn hoá-Thông tin hướng dẫn xây dựng hương ước, quy ước, chỉ đạo tuyên truyền các phương tiện thông tin đại chúng sâu rộng, Sở Tư pháp hướng dẫn kỹ thuật soạn thảo các văn bản hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật; Ban Tổ chức chính quyền tham mưu cho tỉnh và giúp các xã chỉ đạo, xây dựng các văn bản liên quan đến tổ chức và hoạt động của chính quyền cơ sở, của thôn, làng, ấp, bản.

Nhìn chung, trong quá trình triển khai quy chế các địa phương đã chú trọng xây dựng, hoàn chỉnh các văn bản hướng dẫn và quản lý để đưa hoạt động của chính quyền cơ sở đi dần vào nề nếp.

+ Chọn điểm chỉ đạo.

Các Huyện, Quận, Thành phố thuộc Tỉnh và Thị xã đều đã chọn từ 1 đến 2 Xã, Phường, Thị trấn để chỉ đạo điểm; theo báo cáo của Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ, cả nước có 10.183 điểm chỉ đạo, đại diện cho các vùng của Tỉnh. Nhìn chung, các điểm chỉ đạo là các Xã, Phường, Thị trấn có Đảng bộ, Chính quyền trong sạch vững mạnh, đội ngũ cán bộ vững vàng, kinh tế phát triển, tình hình nông thôn ổn định nên việc triển khai Quy chế có nhiều thuận lợi.

+ Tổ chức quán triệt trong Cán bộ, Đảng viên và tuyên truyền, phổ biến tổ chức nhân dân học tập quy chế dân chủ Xã, Phường, Thị trấn.

Để tạo ra sự đồng tình, nhất trí trong nhận thức và hành động của cán bộ, nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, điều quan trọng đầu tiên là phải làm cho mỗi Cán bộ, Đảng viên và nhân dân hiểu, nắm vững tinh thần nội dung chỉ thị 30/CT-TW của Bộ Chính trị và nội dung của Quy chế thực hiện dân chủ ở Xã, Phường, Thị trấn. Các Tỉnh, Thành phố Trực thuộc Trung ương đặc biệt coi trọng tổ chức, quán triệt các văn bản của Trung ương, Chỉ thị của Tỉnh uỷ, Thành uỷ, kế hoạch của Uỷ ban nhân dân và Ban Chỉ đạo trong Cán bộ, Đảng viên, tuyên truyền, phổ biến tổ chức nhân dân học tập Quy chế. Ở tất cả các địa phương, Thường trực Tỉnh uỷ, Thành uỷ trực tiếp chỉ đạo tổ chức hội nghị và truyền đạt chỉ thị 30/CT-TW của Bộ chính trị cho cán bộ lãnh đạo các ngành, các cấp từ Tỉnh, Thành phố đến Xã, Phường, Thị trấn. Một số Tỉnh đưa Chỉ thị 30/CT-TW của Bộ Chính trị và Quy chế dân chủ vào chương trình các lớp bồi dưỡng của trường Chính trị Tỉnh và trung tâm Chính trị của cấp Huyện. Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp uỷ. Chỉ thị 30/CT-TW của Bộ Chính trị và quy chế

thực hiện dân chủ đã được quán triệt tới hầu hết Cán bộ lãnh đạo và Đảng viên (chi bộ Đảng).

Bằng nhiều hình thức khác nhau, các địa phương đã chú trọng phổ biến, tuyên truyền Chỉ thị 30/CT-TW của Bộ Chính trị và Quy chế thực hiện dân chủ ở Xã, Phường, Thị trấn, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của địa phương. Một số tỉnh ở miền núi và Đồng bằng sông Cửu Long tổ chức các đội thông tin di động, một số Tỉnh có đồng bào dân tộc đã dịch *Quy chế* ra tiếng dân tộc, kết hợp với bộ đội biên phòng để đưa *Quy chế* đến với nhân dân biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa. Ở hầu hết các điểm chỉ đạo, *Quy chế thực hiện dân chủ* được in và phát đến tận hộ gia đình.

Do chuẩn bị nội dung sát với thực tiễn của từng địa phương, chọn cách họp dân phù hợp, đội ngũ báo cáo viên được tập huấn nên ở nhiều điểm chỉ đạo tỉ lệ dân tham gia học tập *Quy chế* khá cao, việc học tập *Quy chế* đã trở thành một nội dung sinh hoạt chính trị rộng lớn trong nhân dân.

Vấn đề đặt ra cần giải quyết:

Việc triển khai thực hiện dân chủ ở Xã, Phường, Thị trấn trong thời gian qua đã đạt được những kết quả tốt, nâng cao nhận thức và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tạo điều kiện để nhân dân tham gia vào quản lý Nhà nước, giám sát hoạt động của chính quyền, góp phần khắc phục tình trạng suy thoái, quan liêu, mất dân chủ, tham nhũng bước đầu kiện toàn chính quyền cơ sở, thay đổi lề lối, phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ cơ sở, mang lại hiệu quả thiết thực trong phát triển kinh tế- xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn và bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Quán triệt Chỉ thị số 30 của Bộ Chính trị, các địa phương cần duy trì thường xuyên, việc thực hiện *Quy chế* trở thành nề nếp trong mọi hoạt động của chính quyền cơ sở, vận dụng các quy định trong *Quy chế* để xây dựng những quy định cụ thể trong lĩnh vực công tác, hoàn thành việc tổ chức bầu trưởng thôn, làng, ấp, bản; tổ trưởng tổ dân phố, xây dựng hương ước, quy ước, đưa hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân vào nề nếp; xử lý dứt điểm các vụ việc còn tồn đọng, tổ chức công tác tiếp dân và giải quyết kịp thời các đơn thư khiếu nại, tố cáo.

Cần quán triệt sâu sắc tư tưởng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ "*Đổi mới sự chỉ đạo, điều hành*" đặc biệt là gắn thực hiện *Quy chế* với cải cách hành chính, phân cấp rõ ràng giữa Trung ương - Địa phương, quy định rõ hơn và thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp, cần tăng cường năng lực và nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương trong nhiệm kỳ mới, nhất là cấp Xã, phát huy hơn nữa quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân trong sản xuất, lưu thông, phân phối – giám sát hoạt động của Hội đồng nhân dân và các cơ quan Nhà nước, nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng địa phương.

Để thực hiện dân chủ ở Xã, Phường, Thị trấn hiện nay ngoài những vấn đề trên, cần giải quyết các vấn đề cốt lõi sau:

- Quán triệt nhận thức sâu sắc trong nhân dân về thực hiện dân chủ ở cơ sở hiện nay để nhân dân chủ động, tự giác, sáng tạo thực hiện phương châm "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*" có hiệu quả.

- Củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Củng cố và phát huy vai trò của tổ chức Mặt trận Tổ quốc, phối hợp với các tổ chức đoàn thể xã hội khác, tích cực tham gia thực hiện *Quy chế dân chủ* ở Xã, Phường, Thị trấn có hiệu quả và sát thực tế hơn nữa.

- Từng bước và tiến tới giải quyết dứt điểm những tồn đọng, xây dựng niềm tin cho nhân dân.

- Đấu tranh, phê phán những nhận thức, hành động sai trái, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, vi phạm pháp luật.

- Tăng cường kiểm tra đôn đốc, rút kinh nghiệm kịp thời việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế, xây dựng xã hội ổn định, văn minh, tiến bộ.

- *Hiệu quả tác động của thực hiện dân chủ đối với quản lý hành chính Nhà nước Xã, Phường, Thị trấn.*

Quy chế thực hiện dân chủ ở Xã, Phường, Thị trấn là văn bản pháp lý thể chế hoá một bước phương châm "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*".

Thời gian triển khai thực hiện Quy chế chưa nhiều, nhưng do sự quan tâm của lãnh đạo và cấp uỷ Đảng, sự chỉ đạo sát sao của chính quyền các cấp, sự phối hợp đồng bộ của Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể, các tổ chức quần chúng và đặc biệt là sự nhiệt tình hưởng ứng của nhân dân. *Quy chế thực hiện dân chủ ở Xã, Phường, Thị trấn đã bước đầu đi vào cuộc sống, và đã đem lại những kết quả thiết thực những nội dung cơ bản của Quy chế và được triển khai rộng khắp trong cả nước.* Theo điều tra của chúng tôi, đa số các cơ sở đã thực hiện được 8 đến 10 việc trong số 14 việc cần thông báo để nhân dân biết; 4 trong số 6 việc nhân dân bàn và quyết định trực tiếp; 4 trong số 8 việc nhân dân bàn, tham gia ý kiến. Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân xã quyết định hoặc trình các cấp có thẩm quyền quyết định. 7 trong số 10 việc nhân dân giám sát, kiểm tra. Cộng đồng dân cư thôn, làng, ấp, bản, cụm dân cư, tổ dân phố là nơi trực tiếp triển khai *Quy chế* thực hiện dân chủ đã được chú ý kiện toàn và củng cố. Nhiều Tỉnh, Thành phố đã ban hành các văn bản quy định tổ chức và hoạt động của cộng đồng dân cư tự quản, quy định nhiệm vụ, quyền hạn, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và phụ cấp của trưởng thôn, ấp, bản, cụm dân cư, tổ dân phố; quy trình bầu các chức danh trên. Cho đến nay ở nhiều Tỉnh, Trưởng thôn, Trưởng ấp đã được dân bầu trực tiếp thay cho việc chỉ định. Việc xây dựng hương ước, quy ước cũng được triển khai rộng rãi. Ban Thanh tra nhân dân được kiện toàn, củng cố và bước đầu hoạt động có hiệu quả.

Trong quá trình triển khai thực hiện *Quy chế* các Tỉnh, Thành phố đã bám sát tư tưởng chỉ đạo trong Chỉ thị 30/CT-TW của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 22/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và đã đạt được những kết quả cụ thể:

- *Thực hiện dân chủ với phát triển kinh tế và xây dựng kết cấu hạ tầng.*

Các báo cáo tổng kết tình hình phát triển kinh tế- xã hội, phương hướng nhiệm vụ và các chỉ tiêu phát triển và các biện pháp thực hiện chuyển đổi Hợp tác xã theo luật mới, quy hoạch sử dụng đất đai, chương trình vay vốn xóa đói giảm nghèo; chuyển đổi cơ cấu kinh tế; công khai thu, chi ngân sách và các khoản đóng góp của dân được đưa ra Hội nghị Đại biểu nhân dân để thảo luận và tham gia ý kiến trước khi có ý kiến của cấp Ủy và Hội đồng nhân dân đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân làm chủ thực sự trên lĩnh vực phát triển kinh tế. Nhìn chung, nhân dân đã tự nguyện đóng góp tiền của, công sức để xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, trường học, nghĩa trang, công trình thủy lợi, giao thông... với giá trị hàng trăm triệu đến hàng chục tỷ đồng. Nhiều công trình trước đây chờ xin ngân sách cấp trên nhưng nay đưa ra dân bàn, dân quyết định thì lại triển khai nhanh gọn. Nhiều địa phương đã cụ thể hoá *Quy chế* thành những quy định trong phong trào củng cố hoá kênh mương, nhựa hoá, bê tông hoá giao thông nông thôn, được dân đồng tình tích cực tự giác tham gia, công trình hoàn thành nhanh, gọn và đạt hiệu quả cao. Tuy mức huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng tăng hơn những năm trước đây nhưng hiệu quả, chất lượng cao hơn, tình trạng tham nhũng, tiêu cực được hạn chế. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi Hợp tác xã, quản lý đất đai được nhân dân giám sát chặt chẽ nên đã góp phần vào việc ổn định nông thôn kinh tế phát triển theo chiều hướng tiến bộ.

Cùng với việc triển khai Quy chế dân chủ ở Xã, Phường, Thị trấn nhiều Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương đã chỉ đạo các Sở, Ban, Ngành và Chính quyền cơ sở rà soát toàn bộ các văn bản hiện hành, huỷ bỏ các văn bản ban hành trái pháp luật và không đúng thẩm quyền trong lĩnh vực đất đai, tài chính và thu chi các khoản đóng góp của nhân dân. Công khai hoá các hồ sơ, thủ tục hành chính, lệ phí và thời gian giải quyết công việc. Lịch tiếp dân, cử các cán bộ có năng lực, thẩm quyền giải quyết dứt điểm các đơn thư khiếu nại, tố cáo của dân. Nhiều tỉnh đã giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của dân từ cơ sở, giảm bớt đơn thư khiếu nại vượt cấp.

- *Thực hiện dân chủ với phát triển Văn hoá - Xã hội.*

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII chủ trương phát động phong trào thi đua: "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*" và đề ra nhiệm vụ cấp bách là: "*Đặt nhiệm vụ trọng tâm vào việc xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn hoá lành mạnh*".

Từ khi có Nghị quyết Trung ương V và Chỉ thị 30 của Bộ Chính trị về thực hiện *Quy chế* dân chủ ở cơ sở, các địa phương đã kết hợp chặt chẽ cả hai nội dung triển khai *Quy chế* dân chủ ở Xã, Phường, Thị trấn với phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*" nhằm khắc phục những vấn đề nhức nhối về tư tưởng, đạo đức, lối sống và xây dựng môi trường văn hoá, văn hoá văn minh lành mạnh trong từng gia đình, làng xã, cơ quan, xí nghiệp, trường học, các đơn vị lực lượng vũ trang, vận động nhân dân xây dựng nếp sống văn minh, lối sống lành mạnh, bài trừ hủ tục, tệ nạn xã hội và mê tín dị đoan.

Phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*" huy động mọi nguồn lực nhân dân và cả hệ thống chính trị từ trên xuống, với các phong trào như: Người tốt việc tốt, Uống nước nhớ nguồn, Đèn ơn đáp nghĩa, Xóa đói giảm nghèo,

Xây dựng gia đình văn hoá, Làng xã văn hoá, Khu phố văn minh. Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư. Tất cả các phong trào ấy được hướng ứng vào cuộc thi đua yêu nước: “*Tất cả vì mục tiêu Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ và văn minh*”.

Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định về việc thành lập Ban Chỉ đạo phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*”. Các Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương đã thành lập Ban Chỉ đạo và ra các văn bản chỉ đạo cho phong trào như Nghị quyết, Chỉ thị của Tỉnh uỷ, Thành uỷ hoặc Quy định của Uỷ ban nhân dân Tỉnh, Thành phố về thực hiện nếp sống văn hoá.

Các sở Văn hoá - Thông tin đều có kế hoạch hướng dẫn triển khai Nghị quyết, Chỉ thị và Quy định của Tỉnh cho cơ sở thực hiện. Chỉ rõ những thành tích đã đạt được trong thời gian qua, những hạn chế trong việc xây dựng nếp sống văn hoá, Làng văn hoá, Gia đình văn hoá, việc cưới, việc tang, quy ước nếp sống văn hoá trong công sở, trường học, bệnh viện, nơi công cộng, động viên nhân dân tham gia các hội thi về nếp sống văn hoá, xác định trách nhiệm cụ thể với từng cá nhân, từng gia đình, địa phương, cơ quan với việc bài trừ và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, xây dựng nếp sống văn hoá lành mạnh, văn minh những nguyên nhân tồn tại của hủ tục và xây dựng chương trình thi đua xây dựng nếp sống văn hoá.

Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá đã góp phần tích cực cải thiện môi trường văn hoá, giáo dục, làm lành mạnh các mối quan hệ xã hội, quan hệ ứng xử trong từng gia đình và trong cộng đồng. Các tệ nạn xã hội như cờ bạc, riệu chè, trộm cắp, mại dâm ở khu dân cư đã giảm hẳn, các sản phẩm văn hoá đồi trụy bước đầu được ngăn chặn. Việc tang gia, cưới xin, lễ hội theo nếp sống mới đã trở thành chỉ tiêu thi đua của mỗi khu dân cư, nếp sống văn minh trong cộng đồng đã bước đầu hình thành ở nhiều thôn, làng, ấp, bản, ở các vùng sâu, vùng xa. Đặc biệt ở các Thành phố lớn, các Tỉnh đồng bằng như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng... tổ chức việc tang, việc cưới theo nghi thức trang trọng lịch sự, văn minh, tiết kiệm được nhân dân đồng tình hưởng ứng. Cụm thể thao văn hoá, làng xã văn hoá, điểm vui giải trí của cộng đồng, thư viện, phòng đọc sách, trung tâm bưu điện văn hoá... được xây dựng ở nhiều nơi. Đến nay cả nước đã có trên 5,2 triệu hộ đạt gia đình văn hoá, 28.578 làng văn hoá, ấp văn hoá. Tổng cục Bưu điện đã xây dựng 1900 điểm bưu điện văn hoá xã. Bộ tư lệnh bộ đội Biên phòng xây dựng 87 điểm sáng văn hoá. Nhiều nơi có phong trào vận động nhân dân, học sinh tham gia sưu tầm văn hoá dân gian, tư liệu lịch sử phục vụ cho công tác bảo tồn, phát huy các di sản văn hoá, vận động nhân dân và các tổ chức xã hội đóng góp xây dựng cơ sở vật chất cho sự nghiệp văn hoá. Nhân dân Hà Nội đóng góp 36 tỷ đồng, tp Hồ Chí Minh 14 tỷ đồng, Thừa Thiên – Huế 10 tỷ đồng, Cần Thơ 30 tỷ đồng... cho việc tu bổ các di tích và xây dựng các tụ điểm văn hoá, thể thao.

Thông qua phong trào, nhiều khu dân cư, nhất là ở miền núi, Tây Nguyên đã bước đầu đẩy lùi tệ mê tín, dị đoan và các tập tục lạc hậu, xây dựng và thực hiện các tập quán mới: Dùng nước sạch, xoá bỏ cầu tiêu trên ao, trên sông, ốm đau được đưa đến khám chữa ở trạm xá, bệnh viện; Uống nước nhớ nguồn, Đền ơn đáp nghĩa, Lá lành đùm lá rách, Tắt lửa tối đèn có nhau... vốn là đạo lý, truyền thống

của dân tộc ta, là những nét đẹp văn hoá trong đời sống cộng đồng đã được khơi dậy được nhân dân đồng tình hưởng ứng dần dần đã trở thành nếp sống tự giác của nhân dân. Bằng tình làng, nghĩa xóm, nhiều khu dân cư đã giúp đỡ giáo dục cảm hoá được hàng trăm đối tượng vi phạm pháp luật, nghiện hút trở thành người tốt. Bằng những lớp học tình thương nhiều khu dân cư đã tạo điều kiện cho trẻ em nghèo, lang thang cơ nhỡ được đến trường, đến lớp học tập. Kết quả bước đầu đã có tác động tích cực đến việc vun đắp những đạo lý truyền thống tốt đẹp của dân tộc, khắc phục những nhứt nhối về tư tưởng, đạo đức, lối sống và hình thành môi trường văn hoá lành mạnh trong mỗi gia đình và trong mỗi cộng đồng dân cư.

Tuy nhiên, phong trào phát triển chưa đều, chưa đi vào chiều sâu và hiệu quả chưa cao. Nội dung của phong trào còn chông chéo với các phong trào khác cùng triển khai ở cơ sở nên sự chỉ đạo của địa phương còn lúng túng và bị phân tán.

- Thực hiện quy chế dân chủ ở Xã, Phường, Thị trấn gắn với việc củng cố và kiện toàn chính quyền cơ sở.

Việc triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở Xã, Phường, Thị trấn đã góp phần vào sự đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp uỷ, sự quản lý, điều hành của chính quyền và đặc biệt cán bộ ở cơ sở phải đi sâu đi sát với dân hơn, lắng nghe ý kiến chính đáng của quần chúng nhân dân trong việc xây dựng các chương trình kế hoạch, mục tiêu phát triển kinh tế xã hội. Biểu hiện rõ rệt nhất là sự thay đổi phương thức và lề lối làm việc của chính quyền cơ sở theo hướng dân chủ hoá và công khai hoá. Nếu như trước đây chính quyền cơ sở thường xử lý các công việc một cách thiên lệch bằng phương pháp hành chính, mệnh lệnh, thậm chí áp đặt, hầu hết các công việc đều do chính quyền quyết định từ trên xuống, dân không được biết, không được bàn, không được tham gia quyết định thì hiện nay thông qua việc thực hiện quy chế dân chủ hầu hết chính quyền cơ sở đã chuyển sang phương pháp làm việc một cách dân chủ và công khai hoá. Đồng thời với việc thông báo công khai trên các phương tiện thông tin, thông báo qua các cuộc họp, niêm yết tại các trụ sở của Uỷ ban nhân dân Xã, Phường, Thị trấn về yêu cầu các thủ tục, hồ sơ hành chính liên quan đến dân như thủ tục, hồ sơ đăng ký hộ khẩu, mua, bán nhà cửa, cấp phép xây dựng, cấp phép kinh doanh dịch vụ... Công khai lệ phí, thu chi ngân sách, các khoản đóng góp của dân, công khai chương trình và lịch công tác của Uỷ ban nhân dân và của các lãnh đạo chủ chốt. Các công việc xây dựng kết cấu hạ tầng đều được đưa ra để dân bàn bạc, góp ý công khai và tham gia quyết định. Nhiều Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Uỷ ban nhân dân được đưa ra trưng cầu dân ý trước khi chính quyền quyết định ban hành. Nội dung, chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân được thông báo rộng rãi để dân biết. Trong dịp tổng kết cuối năm ở nhiều Tỉnh như Lào Cai, Phú Thọ, Hưng Yên, Hà Nam, Nghệ An, Quảng Nam, Kontum, Long An, Bà Rịa-Vũng Tàu đã chỉ đạo Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân Xã, Phường, Thị trấn phải gửi bản kiểm điểm của mình đến các cuộc họp của thôn, ấp, bản, tổ dân phố để nhân dân đóng góp ý kiến trước khi tiến hành tổng kết cuối năm. Điển hình như tỉnh Trà Vinh, kể từ năm 1998, vào dịp cuối năm, tất cả các cán bộ lãnh đạo Đảng, Chính quyền địa phương, Mặt trận Tổ quốc, các Đại biểu Hội đồng nhân dân Xã, Phường, Thị trấn đều phải có bản kiểm điểm gửi xuống các thôn, ấp, tổ dân phố để nhân dân phê bình, góp ý. Nhiều địa phương

trong cả nước, các Sở, Ban, Ngành của Tỉnh đã tiến hành chỉ đạo, hướng dẫn các Xã, Phường, Thị trấn xây dựng các quy chế, quy định và quy trình giải quyết các công việc chuyên môn, thí dụ như quy chế, quy ước về công khai tài chính; quy chế về quản lý, bảo vệ và sử dụng tài sản công; quy chế tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; quy chế về giữ gìn bảo vệ vệ sinh môi trường; quy chế xây dựng nếp sống văn hoá, làng văn hoá, khu phố văn hoá; quy chế xây dựng tổ dân phố an toàn; quy ước về hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân...

Các quy chế, quy định được ban hành đã đưa hoạt động của chính quyền dân đi vào nề nếp, đúng pháp luật, khắc phục lối làm việc quan liêu, tùy tiện theo cảm tính. Tác phong công tác của cán bộ cũng đã có nhiều thay đổi: Gần dân, sát dân, tiếp thu ý kiến của nhân dân, không quan liêu, hách dịch, cửa quyền, độc đoán, giữ gìn đạo đức, phẩm chất người cán bộ và tự khế mình vào kỉ luật.

Củng cố, kiện toàn cộng đồng dân cư thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố là một trong những nội dung quan trọng trong quá trình triển khai quy chế. Trước đây, quản lý, hướng dẫn tổ chức và hoạt động của các tổ chức này chưa được quan tâm đúng mức, đa số Trưởng ấp ở các tỉnh miền Trung và Nam Bộ do xã chỉ định. Nay thực hiện theo Quy chế, nhiều tỉnh đã ban hành các văn bản quản lý nhằm đưa hoạt động của thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố đi vào trật tự, kỉ cương, nề nếp.

Việc dân bầu trực tiếp trưởng thôn, làng, ấp, bản, tổ trưởng tổ dân phố phù hợp với lòng dân, được nhân dân rất quan tâm, đồng tình và có tinh thần trách nhiệm cao nên tỉ lệ dân đi bầu thường đạt trên 90%. Các tỉnh Nam Bộ và nhiều tỉnh miền Bắc, miền Trung đã tổ chức bầu xong chức danh trên ở 100% thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố. Mặc dù chưa có qui định hướng dẫn của Bộ Tư pháp và Bộ Văn hoá - Thông tin, việc xây dựng hương ước, quy ước cũng đã được triển khai rộng rãi. Tuy nhiên do chưa có kinh nghiệm nên một số tỉnh phía Nam còn lúng túng, trông chờ các văn bản hướng dẫn cấp trên.

Thực hiện dân chủ đã góp phần tích cực vào sự thành công của cuộc bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1999 – 2004 và đóng góp ý kiến cho Đại hội IX của Đảng một cách thiết thực và có giá trị.

Quy chế dân chủ là văn bản pháp lý bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Qua hơn năm năm triển khai Quy chế dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân được nâng lên rõ rệt. Nhân dân đã sử dụng quyền làm chủ của mình, thẳng thắn, chân tình góp ý cho các ứng cử viên trong Hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi cư trú, nơi công tác và trong các cuộc tiếp xúc cử tri trong các kỳ bầu cử. Nhân dân giám sát hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu cử, yêu cầu thay những người không đủ tư cách trong các tổ chức phụ trách bầu cử loại ra khỏi danh sách ứng cử viên những người bị xử lý kỷ luật, tham nhũng, dân không tin nhiệm, có ý thức cần nhắc, lựa chọn những người xứng đáng là Đại biểu Hội đồng nhân dân, góp phần tích cực cho cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp vừa qua diễn ra thực sự dân chủ, đúng pháp luật và bước đầu làm trong sạch đội ngũ cán bộ cơ sở, đẩy lùi nạn tham ô, lãng phí, nâng cao chất lượng đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Thực tế cho thấy, nơi nào không lắng nghe góp ý của nhân dân thì kết quả nhân sự trong bầu cử sẽ không suôn sẻ.

Qua hơn năm năm triển khai *Quy chế* thực hiện dân chủ ở Xã, Phường, Phi trấn là hợp ý Đảng lòng dân, được nhân dân đồng tình ủng hộ nên *Quy chế dân*

chủ đã nhanh chóng đi vào cuộc sống, quá trình triển khai Quy chế thực chất là quá trình sinh hoạt dân chủ diễn ra trên quy mô toàn quốc, góp phần quan trọng vào tiến trình mở rộng dân chủ Xã hội chủ nghĩa, mang lại những hiệu quả thiết thực, nâng cao dân trí, phát triển Kinh tế – Xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Chính quyền, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Tuy nhiên trong quá trình triển khai Quy chế thực hiện dân chủ ở Xã, Phường, Thị trấn cũng đã bộc lộ những hạn chế, khuyết điểm, nhược điểm cần nghiên cứu rút kinh nghiệm:

Ở miền núi, vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa, trình độ dân trí thấp, kinh tế chậm phát triển, giao thông trắc trở, trình độ, năng lực của cán bộ cơ sở còn thấp nên quá trình triển khai Quy chế còn gặp nhiều khó khăn, kết quả chưa cao.

Quy chế thực hiện dân chủ ở Xã, Phường, Thị trấn là văn bản pháp lý đầu tiên thể chế hoá phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*”. Thực hiện đúng quy chế là một việc làm mới và khó, phải vừa làm vừa rút kinh nghiệm nên cán bộ ở cơ sở lúng túng trong việc lựa chọn vấn đề, cách xây dựng các chương trình, đề án, phương án và phương pháp tổ chức thực hiện các việc trong Quy chế dân chủ cơ sở.

Một số cơ quan Trung ương có liên quan Sở, Ban, Ngành ở địa phương chưa có văn bản hướng dẫn, chỉ đạo cấp dưới và cơ sở về chuyên môn, nghiệp vụ và phương thức hoạt động. Một số ngành và địa phương chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và ý nghĩa to lớn của việc triển khai thực hiện dân chủ ở cơ sở, nên làm lướt, chủ quan hoặc dân chủ hình thức nên chưa tạo được lòng tin trong nhân dân. Tình trạng quan liêu, tiêu cực trong hoạt động kinh tế – xã hội chậm được khắc phục.

Công tác tuyên truyền, phổ biến chưa được quan tâm đúng mức. Các phương tiện thông tin đại chúng từ Trung ương đến địa phương chưa có kế hoạch, chương trình, chuyên đề dành cho thực hiện dân chủ ở Xã, Phường, Thị trấn nên hiệu quả tuyên truyền còn rất hạn chế.

Những địa phương có vấn đề mắc mớ với dân còn e dè, ngần ngại khi triển khai thực hiện Quy chế dân chủ.

Một số điểm trong Quy chế chưa cụ thể, chưa phù hợp với thực tiễn như khoản 6 điều 5, khoản 2 và 3 điều 8, khoản 7 điều 9... cần được tiếp tục nghiên cứu, chỉnh sửa.

Kinh phí dành cho việc triển khai còn thiếu, nên nhiều địa phương gặp khó khăn trong in ấn tài liệu, tổ chức hội nghị tập huấn và trong tuyên truyền tổ chức nhân dân học tập Quy chế dân chủ.

- *Bài học kinh nghiệm bước đầu về thực hiện Quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn:*

Qua hơn năm năm triển khai Quy chế thực hiện dân chủ ở hơn 1.000 Xã, Phường, Thị trấn có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm bước đầu:

Một là: Các cấp uỷ Đảng và Chính quyền các cấp phải thực sự quan tâm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên kiểm tra và bám sát cơ sở, giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn và những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình triển khai Quy chế.

Thực tiễn ở Phú Thọ, Hải Phòng, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hà Nội, Hà Nam, Ninh Bình, Thanh Hoá, Quảng Nam, Kon Tum, thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Trà Vinh, Bạc Liêu... cho thấy: ở nơi nào cấp uỷ Đảng, Chính quyền và Ban Chỉ đạo có nhận thức đúng, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, bảo đảm cơ chế "*Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ*" thì việc triển khai Quy chế hoàn toàn chủ động, theo đúng chương trình, kế hoạch và đạt hiệu quả cao.

Hai là: Việc quán triệt Chỉ thị 30/CT-TW của Bộ Chính trị và Quy chế dân chủ trước hết phải làm thông suốt trong Cán bộ, Đảng viên, nhất là đối với Cán bộ, Đảng viên ở cơ sở, tạo ra sự thống nhất trong nhận thức và hành động, nghiêm túc chấp hành Chỉ thị số 30 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 22 của Thủ tướng Chính phủ, khắc phục tư tưởng e ngại, chần chừ, né tránh.

Phải đặc biệt chú trọng công tác phổ biến, tuyên truyền và tổ chức nhân dân học tập Quy chế dân chủ, tìm mọi cách đưa Quy chế dân chủ đến từng người dân, làm cho nhân dân hiểu, nắm vững và làm theo Quy chế. Ở các tỉnh Hà Giang, Cao Bằng, Phú Thọ, Bà Rịa – Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh, Trà Vinh, Cần Thơ có nhiều biện pháp tốt nên tỉ lệ dân tham gia học tập Quy chế rất cao, hơn 80% đại diện hộ gia đình tham dự. Phân công Cán bộ, Đảng viên phụ trách một nhóm 4-5 hộ; chọn thời gian phù hợp, chuẩn bị tốt cho đội ngũ báo cáo viên; chuẩn bị nơi họp trang trọng, dịch Quy chế ra tiếng dân tộc, in Quy chế, tờ bướm phát cho từng hộ, kết hợp với lực lượng vũ trang và giáo viên làm tuyên truyền viên hoặc báo cáo viên cho miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa. Phải chuẩn bị thật chu đáo, chi tiết, cụ thể kế hoạch triển khai, các đề án, phương án triển khai từng việc, từng công trình. Khi đưa ra dân bàn thì điều quan trọng nhất là làm cho dân biết, dân hiểu đó là những việc vì dân, của dân chứ không phải chỉ là việc của Chính quyền; phải thật sự công khai, dân chủ, không áp đặt.

Ba là: Thực hiện dân chủ cơ sở phải gắn với củng cố, kiện toàn cộng đồng dân cư thôn, làng ấp, bản và tổ dân phố. Đây chính là địa bàn triển khai, tổ chức nhân dân thực hiện dân chủ. Kiện toàn, củng cố cộng đồng dân cư tự quản bao gồm: Xây dựng quy chế về tổ chức và hoạt động của cộng đồng dân cư, quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tiêu chuẩn Trưởng thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố; quy trình bầu cử các chức danh trên; tổ chức để nhân dân trực tiếp bầu các chức danh đó và tổ chức nhân dân xây dựng hương ước, quy ước.

Bốn là: Phát huy sức mạnh tổng hợp, triển khai đồng bộ, có sự phối hợp chặt chẽ và phân công cụ thể giữa chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể và các hội trong quá trình triển khai quy chế thực hiện dân chủ ở Xã, Phường, Thị trấn. Hoạt động của Mặt trận, các đoàn thể, các Hội hướng vào việc tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia học tập Quy chế, tham gia các công trình cụ thể của địa phương, kiện toàn Ban Thanh tra nhân dân, kiện toàn, củng cố cộng đồng dân cư thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố.

2.2. Khái quát chung về thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của cơ quan.

Để phát huy vai trò làm chủ của cán bộ, công chức trong cơ quan Nhà nước, thực hiện phương châm “ *Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*”, thể hiện bản chất Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, trên cơ sở Tờ trình của Chính phủ số 786/CP-CCHH ngày 13 tháng 7 năm 1998 và ý kiến của thường trực Ủy ban pháp luật của Quốc hội, ngày 30 tháng 7 năm 1998, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 55/NQ-UBTVQH10 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bản Nghị quyết của Quốc hội đã quyết định:

- Giao cho Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước với hai nội dung chủ yếu:

Thứ nhất là: Quy định phạm vi thực hiện dân chủ trong nội bộ cơ quan gồm bốn nội dung cụ thể là trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan; Trách nhiệm của cán bộ, công chức; Những việc cán bộ, công chức phải được biết; Những việc cán bộ, công chức tham gia ý kiến, Thủ trưởng cơ quan quyết định và những việc cán bộ, công chức giám sát kiểm tra.

Thứ hai là: Quy định phạm vi thực hiện dân chủ trong quan hệ và giải quyết công việc ở ngoài cơ quan hành chính gồm: Quan hệ với công dân, cơ quan, tổ chức; Quan hệ với cơ quan cấp trên; Quan hệ với cơ quan cấp dưới.

Các thủ trưởng các cơ quan khác của Nhà nước căn cứ vào Nghị quyết này và Quy chế của Chính phủ ban hành để thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan mình.

- Giao cho Chánh án Tòa án Nhân dân Tối cao ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động hành chính của cơ quan Tòa án Nhân dân Tối cao; Bộ trưởng Bộ Tư pháp phối hợp với Chánh án Tòa án Nhân dân Tối cao, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động hành chính của Tòa án Nhân dân địa phương, Tòa án Quân sự các cấp.

- Giao cho Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động hành chính của Viện kiểm sát Nhân dân các cấp; Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao phối hợp với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động hành chính của Viện kiểm sát Quân sự các cấp.

- Căn cứ vào Nghị quyết này, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội hướng dẫn các cơ quan thuộc hệ thống tổ chức của mình xây dựng *Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan*.

Để triển khai thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ngày 08 tháng 9 năm 1998 Chính phủ đã ra Nghị định số 71/1998/NĐ-CP về việc ban hành *Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan*. Nghị định này quy định rõ trên cơ sở *Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan* được ban hành kèm theo, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, sau khi thoả thuận với Bộ trưởng, Trưởng ban tổ chức- Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ trưởng Bộ Nội Vụ), chịu trách nhiệm ban hành và hướng

dẫn thực hiện Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan sự nghiệp thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực do mình phụ trách.

Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan được ban hành kèm theo Nghị định số 71/1998/NĐ-CP ngày 08 – 9 – 1998 của Chính phủ đã quy định: *“Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan nhằm phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức, góp phần xây dựng cơ quan trong sạch, vững mạnh, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức là công bộc của nhân dân, có đủ phẩm chất, năng lực, làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển và đổi mới của đất nước; ngăn chặn và chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, phiền hà, sách nhiễu dân”*.

- *Nội dung quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan.*

Thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức phải gắn liền với việc bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức Đảng ở cơ quan, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện chế độ Thủ trưởng và phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể quần chúng. Thực hiện dân chủ phải trong khuôn khổ của Hiến pháp và Pháp luật; phát huy dân chủ đồng thời phải kiên quyết xử lý những hành vi lợi dụng dân chủ vi phạm Hiến pháp, Pháp luật và xâm phạm quyền tự do dân chủ của nhân dân, cản trở việc thi hành công vụ ở cơ quan.

Bản Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan của Chính phủ ban hành đã quy định hai nội dung cơ bản, quan trọng:

-*Nội dung thứ nhất:* Thực hiện dân chủ trong nội bộ cơ quan.

- *Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan:* Thủ trưởng cơ quan chịu trách nhiệm quản lý điều hành hoạt động của cơ quan theo chế độ Thủ trưởng, chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp trên về toàn bộ hoạt động của cơ quan và việc thi hành nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức thuộc quyền theo quy định của pháp luật. Trong các cuộc họp giao ban định kỳ, Thủ trưởng cơ quan phải đánh giá việc thực hiện công việc thời gian qua, lắng nghe ý kiến đóng góp của cán bộ, công chức và định ra những công việc chủ yếu phải giải quyết trong thời gian tiếp theo của cơ quan. Hàng tháng Thủ trưởng của cơ quan phải xem xét việc thực hiện các Nghị quyết của Đảng, thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan. Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm đánh giá công tác của cơ quan và các bộ phận trong cơ quan, chỉ rõ và đề ra các giải pháp nhằm phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức, khắc phục tệ nạn quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, sách nhiễu dân và những yếu kém trong việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch, pháp luật, chính sách, chế độ, nội quy, quy chế của cơ quan.

Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm quản lý cán bộ, công chức thuộc cơ quan về các mặt tư tưởng, phẩm chất, đạo đức, sử dụng, đào tạo, thực hiện chính sách để xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất, năng lực. Theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức, định kỳ hàng năm, Thủ trưởng cơ quan thực hiện sự đánh giá đối với cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý và chỉ đạo người phụ trách các bộ phận trong cơ quan đánh giá đối với cán bộ, công chức do mình phụ trách.

Thủ trưởng của cơ quan phải lắng nghe ý kiến, phản ánh, phê bình của cán bộ, công chức và không được có hành vi trù giập đối với cán bộ công chức đã góp ý, phê bình mình. Khi cán bộ, công chức đề nghị được gặp thì Thủ trưởng cơ quan phải sắp xếp gặp và lắng nghe ý kiến, trao đổi các vấn đề có liên quan. Thủ trưởng cơ quan phải chịu trách nhiệm việc sử dụng có hiệu quả tài sản của cơ quan, tiết kiệm kinh phí được cấp; thực hiện nghiêm túc các quy định về công khai tài chính việc mua sắm thiết bị, phương tiện và các tài sản khác mà phải đấu thầu thì phải thực hiện theo quy định về đấu thầu. Việc phân bổ chỉ tiêu có liên quan đến tài chính, biên chế và giải quyết cấp kinh phí bổ sung cho các cơ quan, tổ chức hữu quan phải thông qua tập thể lãnh đạo cơ quan và theo quy định của pháp luật.

Thủ trưởng cơ quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng, xử lý tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý người có hành vi tham nhũng; nếu thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng trong cơ quan mình thì Thủ trưởng cơ quan phải bị xử lý theo quy định của pháp luật. Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm phối hợp với công đoàn cơ quan tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức cơ quan mỗi năm một lần vào cuối năm. Hội nghị cán bộ, công chức cơ quan có thể họp toàn thể hoặc đại biểu của cán bộ, công chức cơ quan. Khi có 2/3 cán bộ, công chức hoặc Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan có yêu cầu hay Thủ trưởng cơ quan thấy cần thiết thì có thể triệu tập hội nghị cán bộ, công chức cơ quan bất thường.

- *Trách nhiệm của cán bộ, công chức:* cán bộ, công chức phải thực hiện nghĩa vụ của cán bộ, công chức và không được làm những việc đã bị cấm theo quy định của Pháp lệnh cán bộ, công chức. Cán bộ, công chức chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Thủ trưởng cơ quan về việc thi hành nhiệm vụ, công vụ của mình; có nếp sống lành mạnh, trung thực, cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư. Trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ, cán bộ, công chức phải phục tùng sự chỉ đạo và hướng dẫn của cấp trên. Cán bộ, công chức có quyền đề xuất ý kiến về việc giải quyết những vấn đề thuộc phạm vi công việc và trách nhiệm của mình khác với ý kiến của người phụ trách trực tiếp, nhưng vẫn phải chấp hành sự chỉ đạo của người phụ trách trực tiếp, đồng thời có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo lên cấp trên.

Cán bộ, công chức phải tự phê bình nghiêm túc, phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm để không ngừng tiến bộ, phải thẳng thắn phê bình, đấu tranh để xây dựng nội bộ cơ quan trong sạch, vững mạnh, kể cả góp ý kiến, phê bình Thủ trưởng cơ quan; khi được yêu cầu, cán bộ, công chức có trách nhiệm đóng góp ý kiến vào việc xây dựng các văn bản, các đề án của cơ quan.

- *Những việc cán bộ, công chức phải được biết:* có bảy việc sau đây được Chính phủ quy định trong bản *Quy chế thực hiện dân chủ trong các cơ quan* phải thông báo công khai cho cán bộ, công chức được biết:

1. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến công việc của cơ quan;
2. Kế hoạch công tác hàng năm, hàng quý của cơ quan;

3. Kinh phí hoạt động hàng năm, bao gồm các nguồn kinh phí do ngân sách cấp và các nguồn tài chính khác và quyết toán kinh phí hàng năm của cơ quan ;

4. Tuyển dụng, khen thưởng, kỉ luật, nâng bậc lương, nâng ngạch và đề bạt cán bộ, công chức;

5. Các vụ việc tiêu cực, tham nhũng trong cơ quan đã được kết luận;

6. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ cơ quan;

7. Nội quy, quy chế cơ quan.

Những việc cán bộ, công chức phải được biết do Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm thông báo bằng một trong năm hình thức dưới đây:

1. Niêm yết tại cơ quan;

2. Thông báo tại hội nghị cán bộ, công chức cơ quan;

3. Thông báo bằng văn bản gửi toàn thể cán bộ, công chức;

4. Thông báo cho người phụ trách các bộ phận của cơ quan và yêu cầu họ thông báo đến từng cán bộ, công chức làm việc trong các bộ phận đó;

5. Thông báo bằng văn bản cho Đảng uỷ, Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan .

- *Những việc cán bộ, công chức tham gia ý kiến, Thủ trưởng cơ quan quyết định:* Chính phủ quy định trong *Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan* tám việc sau đây cán bộ, công chức được tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện của mình trước khi thủ trưởng cơ quan quyết định:

1. Chủ trương, giải pháp thực hiện Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công việc của cơ quan;

2. Kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan;

3. Tổ chức phong trào thi đua;

4. Báo cáo sơ kết, tổng kết của cơ quan;

5. Các biện pháp cải tiến tổ chức và lề lối làm việc, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, quan liêu, phiền hà, sách nhiễu dân;

6. Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; đề bạt cán bộ, công chức trong cơ quan theo quy định;

7. Thực hiện các chế độ liên quan đến quyền và lợi ích của cán bộ, công chức;

8. Nội quy, quy chế của cơ quan.

Các quy định về việc cán bộ, công chức tham gia ý kiến, Thủ trưởng cơ quan quyết định có thể được thực hiện theo ba hình thức sau đây:

1. Cán bộ, công chức tham gia ý kiến trực tiếp với người phụ trách, với Thủ trưởng cơ quan ;

2. Thông qua hội nghị cán bộ, công chức cơ quan ;

3. Phát phiếu hỏi ý kiến trực tiếp, gửi dự thảo văn bản để cán bộ, công chức tham gia ý kiến.

Khi các quyết định của Thủ trưởng về những vấn đề đã được quy định cán bộ, công chức góp ý kiến mà khác với ý kiến tham gia của đa số cán bộ, công chức trong cơ quan thì Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm thông báo, giải thích lại cho cán bộ công chức được biết.

- Những việc cán bộ, công chức giám sát, kiểm tra: Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan của Chính phủ quy định năm công việc sau đây phải được cán bộ, công chức giám sát, kiểm tra:

1. Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan ;
2. Sử dụng kinh phí hoạt động, chấp hành chính sách, chế độ quản lý và sử dụng tài sản của cơ quan ;
3. Thực hiện nội quy, quy chế của cơ quan;
4. Thực hiện các chế độ và chính sách của Nhà nước về quyền và lợi ích của cán bộ, công chức cơ quan ;
5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ cơ quan.

Việc giám sát, kiểm tra của cán bộ, công chức được thực hiện thông qua Ban Thanh tra nhân dân của cơ quan, thông qua hội nghị cán bộ, công chức của cơ quan hoặc trong các cuộc sinh hoạt định kỳ kiểm điểm công tác, phê bình và tự phê bình của đơn vị công tác.

Nội dung thứ hai: Quy định về thực hiện dân chủ trong quan hệ và giải quyết công việc với công dân, cơ quan, tổ chức.

- **Quy định về thực hiện dân chủ trong quan hệ với công dân, cơ quan, tổ chức:** Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo và kiểm tra việc niêm yết công khai tại công sở để công dân, cơ quan, tổ chức được biết:

1. Bộ phận chịu trách nhiệm giải quyết công việc có liên quan;
2. Thủ tục hành chính giải quyết công việc;
3. Mẫu đơn từ, hồ sơ cho từng loại công việc;
4. Phí, lệ phí theo quy định;
5. Thời gian giải quyết từng loại công việc.

Thủ trưởng cơ quan phải có trách nhiệm chỉ đạo và kiểm tra cán bộ, công chức trong việc giải quyết công việc của công dân, cơ quan, tổ chức; kịp thời có những biện pháp xử lý thích hợp theo quy định của pháp luật đối với những cán bộ, công chức không hoàn thành nhiệm vụ, công vụ, thiếu trách nhiệm, sách nhiễu, gây phiền hà, tham nhũng trong việc giải quyết công việc của công dân, cơ quan, tổ chức. Khi công dân, cơ quan, tổ chức có yêu cầu, cán bộ, công chức có trách nhiệm phải giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền. Những việc không thuộc thẩm quyền giải quyết, cán bộ, công chức phải thông báo cho công dân, cơ quan, tổ chức biết. Cán bộ, công chức không được quan liêu, hách dịch, cửa quyền, gây khó khăn, phiền hà trong giải quyết công việc với công dân, cơ quan, tổ chức. Cán bộ công chức không nhận giải quyết công việc với công dân, cơ quan, tổ chức tại nhà riêng. Mọi công việc của công dân, cơ quan, tổ chức phải được cán bộ, công chức có trách nhiệm nghiên cứu xử lý và giải quyết một cách nhanh nhất, thuận tiện nhất và theo đúng quy định của pháp luật. Những công việc đã có thời hạn giải quyết theo quy định thì cán bộ, công chức phải chấp hành đúng thời hạn đó, trường hợp cần thiết đòi hỏi phải gia hạn thì cán bộ, công chức có trách nhiệm phải thông báo kịp thời cho công dân, cơ quan, tổ chức biết. Cán bộ, công chức có trách nhiệm phải bảo vệ bí mật Nhà nước, bí mật công tác và bí mật nội dung đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật.

Thủ trưởng các cơ quan phải chỉ đạo việc bố trí nơi tiếp dân, thực hiện việc tiếp dân và tổ chức hòm thư góp ý. Hàng tuần, người phụ trách công tác hành chính của cơ quan cùng đại diện Ban Thanh tra nhân dân của cơ quan phải mở hòm thư, nghiên cứu ý kiến được gửi đến và báo cáo lại với Thủ trưởng cơ quan. Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm nghiên cứu và đề ra những biện pháp hợp lý nhằm tiếp thu và giải quyết các ý kiến góp ý. Những chương trình, dự án do cơ quan xây dựng hoặc tổ chức thực hiện có liên quan mật thiết đến sự phát triển kinh tế – xã hội của địa phương nào thì Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm thông báo để công dân, cơ quan, tổ chức, địa phương đó biết, tham gia đóng góp ý kiến. Khi công dân, cơ quan, tổ chức có yêu cầu, cơ quan phải cử người có trách nhiệm gặp và giải quyết công việc có liên quan. Những kiến nghị, phản ánh, phê bình của công dân, cơ quan, tổ chức phải được nghiên cứu và xử lý kịp thời.

- *Quy định thực hiện dân chủ trong quan hệ với cơ quan cấp trên:* Thủ trưởng cơ quan phải có trách nhiệm phục tùng sự chỉ đạo, hướng dẫn và chấp hành các quyết định của cơ quan cấp trên. Cơ quan có quyền phản ánh những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình; kiến nghị lên cơ quan cấp trên những vấn đề không phù hợp, cần sửa đổi, bổ sung trong các chế độ, chính sách, các quy định của pháp luật và trong chỉ đạo, điều hành của cơ quan cấp trên. Khi có căn cứ để cho là quyết định của cơ quan cấp trên là trái pháp luật thì phải báo cáo ngay với người ra quyết định; trong trường hợp vẫn phải chấp hành quyết định thì phải báo cáo lên cấp trên trực tiếp của người ra quyết định và không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành quyết định đó.

Cơ quan được quyền tham gia đóng góp ý kiến, phê bình đối với cơ quan cấp trên. Khi được yêu cầu, cơ quan có trách nhiệm nghiên cứu tham gia ý kiến vào các dự thảo về chế độ, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan cấp trên gửi đến. Cơ quan có trách nhiệm báo cáo tình hình công tác lên cơ quan cấp trên theo quy định; đối với những vấn đề nảy sinh vượt quá khả năng giải quyết thì phải báo cáo kịp thời với cơ quan cấp trên để xin ý kiến chỉ đạo. Nội dung báo cáo phải khách quan, trung thực.

- *Quy định thực hiện dân chủ trong quan hệ với cơ quan cấp dưới:* Thủ trưởng cơ quan phải chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra hoạt động của cơ quan cấp dưới và chịu trách nhiệm về những sai lầm, khuyết điểm của cơ quan cấp dưới nếu những sai lầm, khuyết điểm đó có nguyên nhân từ sự chỉ đạo, hướng dẫn của mình. Phải thông báo cho cơ quan cấp dưới những chủ trương, chính sách, các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động và phạm vi trách nhiệm của cơ quan cấp dưới. Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm nghiên cứu, giải quyết kịp thời các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan cấp dưới. Theo định kì, Thủ trưởng cơ quan phải làm việc với Thủ trưởng cơ quan cấp dưới. Khi Thủ trưởng cơ quan cấp dưới có yêu cầu thì Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm tiếp và làm việc. Thủ trưởng cơ quan phải có thái độ khuyến khích những thông tin, báo cáo trung thực, khách quan của cơ quan cấp dưới. Thủ trưởng cơ quan phải tham khảo ý kiến của cơ quan cấp dưới trong việc xây dựng chế độ, chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Khi cần thiết, phải cử cán bộ, công chức đến cơ quan cấp dưới để trao đổi, nghiên cứu, giải quyết những vấn đề cụ thể của cơ quan cấp dưới; phải xử lý nghiêm khắc những cán bộ, công chức cơ hội, báo cáo, phản ánh

sai sự thật, không trung thực. Việc giải quyết cấp, bổ sung kinh phí, biên chế cho cơ quan cấp dưới phải theo đúng quy định của pháp luật, kịp thời, sát thực tế và thông qua tập thể lãnh đạo cơ quan.

- Tình hình chỉ đạo xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ trong các cơ quan:

Để thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị định số 71/1998/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 1998 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, ngày 11 tháng 11 năm 1998 Thủ tướng Chính phủ đã ra Chỉ thị số 38/1998/CT-TTg về việc triển khai Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan. Trong Chỉ thị này Thủ tướng quán triệt 10 điểm quan trọng:

Một là: Các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, các cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân Tỉnh, Huyện có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan hành chính Nhà nước thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của mình tổ chức triển khai Quy chế. Trước hết, cần tổ chức nghiên cứu, quán triệt Chỉ thị 30-CT/TW ngày 18-02-1998 của Bộ Chính trị, Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của các cơ quan liên quan. Thủ trưởng, cán bộ, công chức ở mỗi cơ quan hành chính nhà nước đều phải nắm vững nội dung Quy chế, nhận thức rõ mục đích của việc thực hiện Quy chế và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện Quy chế.

Hai là: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân Tỉnh, Huyện phải xây dựng kế hoạch triển khai Quy chế. Kế hoạch triển khai phải cụ thể, định rõ thời gian và trách nhiệm của các cơ quan trong việc thực hiện Quy chế. Vụ Tổ chức- Cán bộ ở các Bộ, Ngành, Ban Tổ chức chính quyền ở các Tỉnh là cơ quan giúp Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh trong việc tổ chức thực hiện Quy chế.

Ba là: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trên cơ sở Quy chế này, sau khi thoả thuận với Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức- Cán bộ Chính phủ chịu trách nhiệm ban hành và hướng dẫn triển khai Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan sự nghiệp trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình phụ trách.

Bốn là: Bộ Tài chính chuẩn bị trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế công khai tài chính và chịu trách nhiệm hướng dẫn các quy định về công khai tài chính.

Năm là: Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức- Cán bộ Chính phủ chịu trách nhiệm hướng dẫn việc đánh giá định kì hàng năm đối với cán bộ, công chức; phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn việc tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức cơ quan.

Sáu là: Tổng Thanh tra Nhà nước phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn việc kiện toàn, củng cố tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở các cơ quan hành chính, sự nghiệp theo quy định của Pháp lệnh Thanh tra.

Bảy là: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh, Huyện cần rà soát, xem xét, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ những quy định của mình trái với Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan.

Tám là: Ban Tổ chức- Cán bộ Chính phủ có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện Quy chế này, định kì báo cáo với Thủ tướng Chính phủ việc thực hiện Quy chế.

Chín là: Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh, Huyện có trách nhiệm thực hiện Chỉ thị này.

Mười là: Thủ tướng Chính phủ đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể ở Trung ương phối hợp với Chính phủ và chỉ đạo tổ chức của mình ở địa phương phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh, Huyện để thực hiện tốt Quy chế mà Chính phủ đã ban hành.

Những năm cuối thế kỉ XX có nhiều công dân đến khiếu nại, tố cáo trực tiếp tại các cơ quan Trung ương và nhà riêng của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Bên cạnh những khiếu nại, tố cáo vượt cấp, chưa tuân thủ đúng trình tự, thủ tục khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật, có một số đơn kêu oan cả lĩnh vực hành chính và lĩnh vực tố tụng, không chấp nhận nội dung giải quyết của một số cơ quan nhà nước vì vậy một số công dân khẩn cầu các Đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước xem xét lại. Tình hình đó làm ảnh hưởng xấu đối với uy tín của Đảng và Nhà nước, gây ra một số khó khăn phức tạp về trật tự công cộng tại Thủ đô Hà Nội, gây trở ngại đối với sinh hoạt và làm việc bình thường của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước; mặt khác, phản ánh sự giảm sút niềm tin của nhân dân đối với một số cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trách nhiệm trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Để giải quyết tình hình đó Thủ tướng Chính phủ đã ra Chỉ thị số 35/1998/CT-TTg ngày 09-10-1998 về việc tăng cường giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân tại các cơ quan Trung ương và nhà riêng các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Trong Chỉ thị này, Thủ tướng chỉ rõ chín vấn đề cơ bản cần phải được nghiêm túc thực hiện:

Một là: Căn cứ vào thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, đặc biệt là cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phải hết sức quan tâm và thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân kể cả những trường hợp trực tiếp xem xét giải quyết cũng như những trường hợp chỉ đạo, kiểm tra cấp dưới giải quyết. Sự việc công dân khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền và trách nhiệm giải quyết của cấp nào thì trước hết cấp ấy phải xem xét, lắng nghe ý kiến của dân để giải quyết theo đúng pháp luật, công bằng, thỏa đáng và làm tốt việc giải thích, thuyết phục người khiếu nại, tố cáo. Trường hợp nhiều người khiếu nại, tố cáo chưa đồng tình cách giải quyết yêu cầu xem xét lại thì cơ quan cấp trên trực tiếp phải thụ lý để giải quyết, không để công dân khiếu nại, tố cáo vượt cấp, kéo dài tại các cơ quan Trung ương và nhà riêng các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước.

Khi công dân tập trung đông người khiếu nại, tố cáo tại các cơ quan Trung ương và nhà riêng các Đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước thì yêu cầu Chủ tịch

Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương có công dân khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm chủ động phối hợp với Thanh tra Nhà nước và các cơ quan liên quan bàn biện pháp giải quyết và biện pháp đưa dân về để giải quyết tại địa phương. Tổng Thanh tra Nhà nước và Bộ trưởng - Trưởng ban Tổ chức- Cán bộ Chính phủ (nay thuộc Bộ Nội Vụ) phối hợp kiểm tra và có biện pháp kỉ luật nghiêm khắc đối với những sai phạm của Cán bộ, Công chức Nhà nước là nguyên nhân gây nên khiếu nại, tố cáo và những trường hợp thiếu trách nhiệm, né tránh, dùn dẩy việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân sang cơ quan khác hoặc lên cấp trên.

Hai là: Thành lập tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ do một đồng chí lãnh đạo Thanh tra Nhà nước trực tiếp làm Tổ trưởng, có sự tham gia của các Bộ, Ngành: Thanh tra Nhà nước, Xây dựng, Địa chính, Tư pháp, Ban Tổ chức-Cán bộ Chính phủ, Công an, Văn phòng Chính phủ tập trung giải quyết những vụ việc mà công dân khiếu nại, tố cáo kéo dài tại cơ quan Trung ương và nhà riêng của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Khi cần thiết tùy theo tính chất, nội dung của từng vụ việc, Tổ trưởng tổ công tác của Thủ tướng được quyền trưng tập chuyên viên của bất kì của Bộ, Ngành nào tham gia tổ công tác trong một thời gian nhất định theo chế độ biệt phái, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tổ trưởng tổ công tác của Thủ tướng. Trong quá trình giải quyết, nếu nội dung khiếu nại, tố cáo liên quan đến trách nhiệm của địa phương, Bộ, Ngành nào thì địa phương, Bộ, ngành đó phải tham gia tổ công tác giải quyết cho đến khi kết thúc trong một thời gian có hạn định. Tổ công tác của Thủ tướng làm việc tại trụ sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước. Trong quá trình hoạt động, tổ công tác của Thủ tướng được sử dụng con dấu của Thanh tra Nhà nước. Văn phòng Chính phủ chịu trách nhiệm cấp kinh phí và đảm bảo các phương tiện làm việc cần thiết cho tổ công tác của Thủ tướng theo yêu cầu của Tổ trưởng tổ công tác. Tổ công tác của Thủ tướng thay mặt Thủ tướng Chính phủ tiếp dân, làm việc với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để giải quyết những trường hợp khiếu nại, tố cáo phức tạp; kéo dài tại các cơ quan Trung ương và nhà riêng của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước; chỉ đạo trụ sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước tại Hà Nội và ở thành phố Hồ Chí Minh lập danh sách các vụ khiếu nại, tố cáo để phân loại và xử lý.

Đối với những vụ việc đã được xem xét giải quyết theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định nhưng người khiếu nại, tố cáo chưa đồng tình vẫn tiếp tục khiếu nại, tố cáo lên Thủ tướng Chính phủ thì Tổ trưởng tổ công tác của Thủ tướng có quyền xem xét và ra quyết định tiến hành thẩm tra lại.

Sau khi Tổ công tác của Thủ tướng đã xem xét kĩ lưỡng, đầy đủ mọi khía cạnh pháp lý và thực tế của sự việc, nếu nội dung khiếu nại có cơ sở thì Tổ trưởng Tổ công tác của Chính phủ theo uỷ quyền của Thủ tướng, yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tự khắc phục sửa chữa những sai sót. Đồng thời Tổ trưởng Tổ công tác của Chính phủ ấn định hoặc báo cáo, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định việc thay đổi, huỷ bỏ các biện pháp, các quyết định giải quyết trước đó của các cơ quan và ra văn bản về kết luận và trách nhiệm cũng như hình thức xử lý đối với cán bộ, công chức Nhà nước có sai phạm trong việc tiếp, giải quyết và xử lý việc khiếu kiện, tố cáo của công dân. Những trường hợp

diễn hình, Tổ trưởng Tổ công tác cần quyết định công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng để quảng đại nhân dân được biết nhằm tuyên truyền và giáo dục về pháp luật và dân chủ, nâng cao niềm tin của quần chúng nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Trong những trường hợp đơn thư khiếu nại, tố cáo hoặc kêu oan của tổ chức hoặc cá nhân gửi đến mà xét thấy các cấp có thẩm quyền đã giải quyết đúng chính sách và pháp luật thì Tổ công tác của Thủ tướng trực tiếp giải thích, thuyết phục người khiếu nại, tố cáo. Trường hợp người khiếu nại tố cáo vẫn không chấp nhận thì Tổ trưởng Tổ công tác theo sự uỷ quyền của Thủ tướng Chính phủ ra văn bản kết luận những nội dung đã xem xét giải quyết hoặc cân nhắc để quyết định trưng cầu ý kiến tham gia của một hoặc nhiều tổ chức xã hội đại diện cho lợi ích của người khiếu nại, tố cáo như Đoàn luật sư, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh... trước khi có văn bản kết luận. Sau khi có văn bản kết luận của Tổ trưởng Tổ công tác của Thủ tướng, nếu người khiếu nại, tố cáo vẫn tỏ ra thiếu thiện chí, có biểu hiện lạm dụng quyền khiếu nại, tố cáo, lợi dụng quyền tự do dân chủ để xuyên tạc vu khống, lăng mạ cán bộ, công chức, cơ quan nhà nước, gây rối trật tự công cộng, dẫn dắt người khiếu nại, tố cáo đến nhà riêng các đồng chí lãnh đạo để yêu sách, trù ngụ trái phép thì Tổ trưởng Tổ công tác yêu cầu cơ quan Công an áp dụng các biện pháp cưỡng chế hành chính hoặc áp dụng biện pháp xử lý hình sự theo quy định của pháp luật, đồng thời công bố rõ nội dung vụ việc trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Trong trường hợp những vụ việc dân khiếu nại, tố cáo mà chưa được xem xét giải quyết theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định thì Tổ công tác giải thích và có văn bản hướng dẫn người khiếu nại, tố cáo đến cơ quan có trách nhiệm để giải quyết theo thẩm quyền. Cơ quan có trách nhiệm giải quyết phải thụ lý, ra quyết định giải quyết theo quy định của pháp luật và báo cáo kết quả cho Tổ công tác theo thời hạn do Tổ trưởng Tổ công tác ấn định.

Đối với trường hợp những khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động tố tụng thì Tổ công tác lập danh sách trong vụ việc cụ thể, trên cơ sở đó, Tổ trưởng Tổ công tác hướng dẫn, giải thích cho người khiếu nại, tố cáo đến đúng cơ quan có thẩm quyền để giải quyết và có văn bản đề nghị Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tối cao xem xét, có kết luận và thông báo lại kết quả giải quyết để Tổ trưởng Tổ công tác tổng hợp lại và báo cáo lên Thủ tướng Chính phủ. Chánh án Tòa án Nhân dân Tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tối cao có biện pháp giải quyết có hiệu quả việc công dân khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tố tụng, khắc phục tình trạng khiếu nại, tố cáo không đúng nơi quy định.

Ba là: các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân các Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương có nghĩa vụ hỗ trợ Tổ công tác của Thủ tướng trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; giải quyết nghiêm túc các nội dung, vụ việc do Tổ trưởng Tổ công tác của Thủ tướng yêu cầu; đồng thời tùy theo đặc điểm tình hình thực tế của ngành hoặc địa phương có thể áp dụng những quy định về thành phần và nguyên tắc làm việc tương tự như Tổ công tác của Thủ tướng để xử lý các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, tồn đọng tại ngành hoặc địa phương mình.

Bốn là: Bộ Công an thành lập Tổ công tác đặc trách bảo đảm an ninh, trật tự thường xuyên tại trụ sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước, tại một số cơ quan Trung ương và nhà riêng các Đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước mà công dân thường hay tập trung đông người đến khiếu nại, tố cáo. Tổ công tác đặc trách này do một đồng chí lãnh đạo Bộ Công an phụ trách, có trách nhiệm hướng dẫn công dân khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định của pháp luật; có biện pháp ngăn chặn không để công dân khiếu nại, tố cáo sai nơi quy định, đặc biệt là khiếu nại, tố cáo tại nhà riêng các đồng chí Lãnh đạo Đảng và Nhà nước; phối hợp với Tổ công tác của Thủ tướng nắm danh sách, tiến độ giải quyết đối với từng trường hợp cụ thể để có biện pháp xử lý thích hợp; áp dụng các biện pháp cưỡng chế hành chính hoặc lập hồ sơ để xử lý Hình sự trong những trường hợp cần thiết theo yêu cầu của Tổ trưởng Tổ công tác của Thủ tướng. Bộ trưởng Bộ Công an quy định mối quan hệ phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc để thực hiện tốt nhiệm vụ duy trì và bảo vệ trật tự an toàn xã hội trong việc khiếu kiện của công dân.

Năm là: Đối với người khiếu nại, tố cáo, sau khi đã được các tổ công tác hướng dẫn, yêu cầu phải chấp hành theo đúng sự hướng dẫn, trở về nơi cư trú chờ **kết quả giải quyết**; khi đã có văn bản kết luận của Tổ trưởng Tổ công tác của Thủ tướng thì yêu cầu phải chấp hành và chấm dứt khiếu nại, tố cáo.

Sáu là: Tổng Thanh tra Nhà nước và Bộ trưởng Bộ Công an phải báo cáo với Thủ tướng Chính phủ về tình hình triển khai tổ chức và hoạt động của các Tổ công tác. Ngoài việc xin ý kiến quyết định, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ đối với những vụ việc cụ thể, hàng tháng các Tổ công tác phải có báo cáo lên Tổng Thanh tra Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Công an và Thủ tướng Chính phủ về diễn biến tình hình, tiến độ và kết quả giải quyết, những khó khăn, vướng mắc trong công việc do mình phụ trách.

Bảy là: Tổng Thanh tra Nhà nước phải triển khai các Hội nghị tập huấn công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo theo khu vực cho các đồng chí Chánh Thanh tra các Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân và Chánh Thanh tra các Quận, Huyện, Thị xã, Thành phố trực thuộc Tỉnh.

Tám là: Chánh án Tòa án Nhân dân Tối cao phải chỉ đạo các Tòa Hành chính tổng kết việc giải quyết các vụ án hành chính để tăng cường sự phối hợp với Tổng Thanh tra Nhà nước trong việc giải quyết các khiếu kiện hành chính, đồng thời trên cơ sở đó yêu cầu Bộ Tư pháp phối hợp nghiên cứu, đề xuất chủ trương, biện pháp mở rộng chủ quyền xét xử và kiện toàn tổ chức, cán bộ của Tòa hành chính đi đôi với việc bổ sung pháp luật, thể chế làm cơ sở cho việc xét xử, nhằm từng bước chuyển các khiếu kiện của công dân đối với các cơ quan, công chức hành chính Nhà nước sang phương thức tranh tụng, xét xử tại Tòa án.

Chín là: Cơ quan Trung ương của các đoàn thể quần chúng, các tổ chức chính trị-xã hội cần hướng dẫn, chỉ đạo các tổ chức thành viên của mình tăng cường vận động, giáo dục quần chúng, hoà giải các tranh chấp và cùng tham gia với các cơ quan Nhà nước giải quyết tốt khiếu nại, tố cáo của công dân.

Quán triệt các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; nhằm triển khai thực hiện dân chủ trong hoạt động của

cơ quan thống nhất trong cả nước, ngày 05 tháng 12 năm 1998 Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã ban hành Thông tư số 10/1998/TT-TCCP về việc ***hướng dẫn triển khai quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan***. Bản Thông tư số 10/1998/TT-TCCP của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã chỉ rõ mục đích yêu cầu của việc triển khai Quy chế thực hiện dân chủ trong cơ quan là nhằm ***phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức, góp phần xây dựng cơ quan trong sạch, vững mạnh, xây dựng đội ngũ công chức là công bộc của nhân dân có đủ phẩm chất, năng lực, làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả đáp ứng yêu cầu phát triển và đổi mới của đất nước; ngăn chặn và chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, phiền hà, sách nhiễu dân***. Để đạt được mục tiêu đã đề ra về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ quan cần phải đảm bảo yêu cầu cấp thiết là ***phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng ở cơ quan, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện chế độ thủ trưởng và trong khuôn khổ của Hiến pháp, pháp luật; đồng thời phải kiên quyết xử lý những hành vi lợi dụng dân chủ vi phạm pháp luật, cản trở việc thi hành công vụ ở cơ quan, gây rối mất đoàn kết trong nội bộ cơ quan***.

Thông tư số 10/1998/TT-TCCP của Ban Tổ chức-Cán bộ Chính phủ cũng giải thích một số từ ngữ quy định trong ***Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ quan*** được ban hành kèm theo Nghị định 71/1998/NĐ-CP của Chính phủ và xác định ***Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ quan*** được triển khai thực hiện trong các ***cơ quan hành chính Nhà nước***. Cơ quan hành chính Nhà nước được quy định tại điều 1 của Nghị định 71/1998/NĐ-CP là cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước do cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập, thực hiện chức năng quản lý hành chính Nhà nước theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng từ Trung ương đến cấp Huyện. Thí dụ ở Trung ương là các Bộ, Tổng cục, các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước thuộc Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ. ở cấp Tỉnh là Văn phòng Ủy ban nhân dân, các Sở, Ban trực thuộc Ủy ban nhân dân. ở cấp Huyện là Văn phòng Ủy ban nhân dân, các phòng trực thuộc Ủy ban nhân dân (nếu các phòng này có con dấu, có tư cách pháp nhân). Bản Thông tư cũng hướng dẫn cụ thể về kế hoạch triển khai thực hiện Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ quan với ba nội dung chủ yếu:

Thứ nhất: Xây dựng kế hoạch triển khai và tổ chức Hội nghị triển khai Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ quan:

Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu trước hết Thủ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (gọi chung là Bộ Trưởng, Bộ), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh, cấp Huyện có trách nhiệm chỉ đạo Thủ trưởng các cơ quan hành chính Nhà nước trực thuộc nghiên cứu, quán triệt Chỉ thị 30/CT-TW ngày 18 - 02 - 1998 của Bộ Chính trị, Nghị định 71/1998/NĐ-CP ngày 8-9-1998 của Chính phủ, Chỉ thị 38/1998/CT-TTg ngày 11-11-1998 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành có liên quan về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước.

Việc chỉ đạo nghiên cứu, quán triệt các văn bản của Đảng, Chính phủ về quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan bằng hình thức xây dựng kế hoạch triển khai và tổ chức các hội nghị do Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân

Tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện chủ trì. Tuỳ theo đặc điểm tình hình của ngành, địa phương, quy mô tổ chức và số lượng cán bộ, công chức mà Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện lựa chọn hình thức Hội nghị, thành phần dự Hội nghị cho phù hợp nhưng phải đảm bảo để Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân Tỉnh, Ủy ban nhân dân Huyện và cán bộ công chức đều nắm vững nội dung của Quy chế, nhận thức rõ mục đích của việc thực hiện Quy chế và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện Quy chế.

Ngoài các đơn vị trực thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân Tỉnh tham dự Hội nghị do Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh chủ trì, còn có thể có các thành phần khác cùng tham dự như các Hội đồng, Ủy ban, Ban chỉ đạo do Thủ tướng Chính phủ thành lập và có bộ máy chuyên trách do Bộ làm Thường trực. ở cấp Tỉnh có các Ban quản lý khu công nghiệp, Ban quản lý dự án và các Khu chế xuất cùng tham gia Hội nghị để quán triệt tình hình triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ quan.

Thứ hai: Về hướng dẫn thi hành Quy chế thực hiện dân chủ trong cơ quan Nhà nước. Bản Thông tư 10/1998/TT-TCCP hướng dẫn triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ quan trên ba phương diện chủ yếu:

- Việc thực hiện dân chủ trong nội bộ cơ quan quản lý hành chính Nhà nước:

Bộ trưởng và Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện chịu trách nhiệm hướng dẫn cụ thể việc thi hành bản quy chế thực hiện dân chủ trong nội bộ các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước thuộc thẩm quyền mình quản lý sao cho phù hợp với tính chất hoạt động của từng Bộ ngành và phù hợp với tình hình đặc điểm của từng địa phương do mình quản lý. Nội dung hướng dẫn thi hành bản Quy chế của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trực thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện phải thể hiện được:

+ Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan quản lý hành chính Nhà nước trực thuộc Bộ, trực thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh, Ủy ban nhân dân Huyện.

+ Trách nhiệm của cán bộ, công chức trong các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước trực thuộc Bộ, trực thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh, Ủy ban nhân dân Huyện.

+ Xác định rõ mối quan hệ giữa Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện với Thủ trưởng của các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước trực thuộc.

+ Xác định rõ mối quan hệ giữa Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện với Đảng uỷ cơ quan, các đoàn thể chính trị xã hội của cơ quan, Ban Thanh tra nhân dân.

+ Quy định rõ ràng các công việc cần công khai cho cán bộ công chức biết và các hình thức thực hiện dân chủ công khai phù hợp với từng loại công việc của cơ quan quản lý hành chính Nhà nước.

- Việc thực hiện dân chủ trong các mối quan hệ và giải quyết công việc với công dân, cơ quan tổ chức.

Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện và Thủ trưởng các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước trực thuộc phải chịu trách

nhệm chỉ đạo xây dựng và niêm yết tại thường trực cơ quan bản sơ đồ chỉ dẫn các bộ phận công tác của cơ quan có liên quan đến giải quyết công việc với công dân, cơ quan và tổ chức bao gồm tên địa điểm thời gian làm việc của từng bộ phận.

Đối với các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước có quan hệ thường xuyên và giải quyết các công việc của công dân thì tại thường trực cơ quan phải niêm yết thêm:

- + Tên bộ phận và cá nhân chịu trách nhiệm giải quyết công việc; địa điểm tiếp đón giải quyết công việc đối với công dân.

- + Thủ tục hành chính giải quyết công việc.

- + Mẫu đơn, hồ sơ cho từng loại công việc.

- + Mức thu phí, lệ phí (nếu có) để giải quyết công việc theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- + Giá bán các mẫu đơn, hồ sơ, dịch vụ trợ giúp như sao chụp, đánh máy, dịch tài liệu...

- + Thời hạn giải quyết từng loại công việc.

- + Những điều cấm công chức không được làm khi tiếp xúc giải quyết công việc với công dân.

Việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở trong các cơ quan sự nghiệp.

Bản Thông tư 10/1998/TT-TCCP hướng dẫn việc xây dựng Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan sự nghiệp Nhà nước được tiến hành như sau:

- + Đối với cơ quan sự nghiệp thuộc Chính phủ thì Thủ trưởng cơ quan căn cứ theo ***Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ quan*** đã được Chính phủ ban hành kèm theo Nghị định số 71/1998/NĐ-CP để ban hành bản hướng dẫn thực hiện cụ thể phù hợp với tính chất công việc của cơ quan mình. Trước khi ban hành bản hướng dẫn thực hiện Quy chế dân chủ cần có sự thoả thuận bằng văn bản đối với Bộ trưởng - Trưởng ban Tổ chức- Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ trưởng Bộ Nội vụ).

- + Đối với cơ quan sự nghiệp trực thuộc các ngành như Bệnh viện, Viện nghiên cứu, các trường học thì căn cứ vào Quy chế thực hiện dân chủ đã được Chính phủ ban hành theo Nghị định số 71/1998/NĐ-CP, Bộ trưởng quản lý ngành và lĩnh vực (Bộ Khoa học công nghệ và Môi trường, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hoá và Thông tin, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội...) chịu trách nhiệm xây dựng và ban hành ***Quy chế thực hiện dân chủ trong cơ quan sự nghiệp*** để thi hành thống nhất trong phạm vi ngành và lĩnh vực. Trước khi ban hành, Bộ trưởng quản lý ngành và lĩnh vực cần có sự thoả thuận bằng văn bản với Bộ trưởng - Trưởng ban Tổ chức- Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ trưởng Bộ Nội vụ).

Thứ ba: Về tiến độ thực hiện và tổ chức thực hiện.

- Tiến độ thực hiện: Triển khai Hội nghị quán triệt các văn bản của Đảng, Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ có liên quan về thực hiện dân chủ trong cơ quan hành chính phải được tiến hành từ tháng 12-1998 đến hết tháng 01-1999. Việc hướng dẫn thi hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan quản lý hành chính Nhà nước và cơ quan sự nghiệp thuộc Chính phủ phải hoàn thành trước 31-3-1999. Việc xây dựng và ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan sự nghiệp do các Bộ quản lý ngành và lĩnh vực thực hiện phải được hoàn thành trước 30-6-1999.

- Hướng dẫn tổ chức thực hiện:

+ Trường hợp các cơ quan, tổ chức đã có nội quy, quy chế ban hành trước khi có Nghị định số 71/1998/NĐ-CP ngày 8-9-1998 của Chính phủ đều cần phải rà soát, xem xét, sửa đổi bổ sung hoặc bãi bỏ những quy định của mình trái với Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan.

+ Ban Thanh tra nhân dân ở các cơ quan hành chính Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện quyền giám sát, kiểm tra của cán bộ, công chức trong cơ quan Nhà nước. Vì vậy những cơ quan nào chưa lập Ban Thanh tra nhân dân thì phải lập ngay; những cơ quan nào đã lập Ban Thanh tra nhân dân thì củng cố, kiện toàn và phải thực hiện nghiêm túc theo quy định của Pháp lệnh Thanh tra, Nghị định số 241/HĐ Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện ngày 05-8-1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và Thông tư liên tịch số 01 của Thanh tra Nhà nước và Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam ngày 11- 11- 1991.

+ Thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của cơ quan là công việc quan trọng, thường xuyên và lâu dài, vì vậy các Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện và các Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức trực thuộc cần phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp để tổ chức thực hiện tốt Nghị định số 71/1998/NĐ-CP của Chính phủ, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, các văn bản hướng dẫn của các Bộ quản lý các ngành và lĩnh vực có liên quan. Thủ trưởng các cơ quan phối hợp với Chủ tịch Công đoàn cùng cấp tiến hành việc tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức cơ quan và tiến hành việc đánh giá định kỳ hàng năm đối với cán bộ, công chức theo tinh thần dân chủ; đồng thời đưa nội dung đánh giá, nhận xét tình hình thực hiện Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan vào nội dung giao ban thường kỳ của cơ quan.

+ Vụ tổ chức cán bộ của các Bộ, các cơ quan thuộc Chính phủ, Ban tổ chức Chính quyền của các Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương, Trưởng phòng Tổ chức của các Huyện có trách nhiệm tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan chủ trì trong việc đôn đốc, theo dõi, kiểm tra các cơ quan, tổ chức trực thuộc thực hiện nghiêm chỉnh Nghị định số 71/1998/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành về thực hiện dân chủ trong hoạt động của các cơ quan; giúp Thủ trưởng cơ quan Bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh, Huyện báo cáo định kỳ ba tháng một lần vào tháng cuối quý về tình hình và kết quả thực hiện Quy chế thực hiện dân chủ trong cơ quan.

2.3 Khái quát chung về tình hình xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ trong các doanh nghiệp nhà nước theo Nghị định số 07- NĐ/CP của Chính phủ:

Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định 07-NĐ/CP, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân các T, hành phố trực thuộc Trung ương đã chỉ đạo triển khai thực hiện. hầu hết các cấp ủy Đảng, Ban giám đốc, các tổ chức Đoàn thể, cán bộ, công nhân và người lao động khác trong các Doanh nghiệp nhà nước đều quán triệt tốt Quy chế dân chủ trong các Doanh nghiệp. Nhiều Doanh nghiệp đã xây dựng được Quy chế, Quy định thực hiện dân chủ sát thực với điều kiện

cụ thể của Doanh nghiệp mình, tạo điều kiện thuận lợi cho công nhân mạnh dạn tham gia bàn bạc, lựa chọn, góp ý về các phương án sản xuất kinh doanh, đổi mới quy trình sản xuất của Doanh nghiệp. Việc sử dụng quỹ tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi của Doanh nghiệp cũng được đổi mới. Hàng năm, các chỉ tiêu nhiệm vụ sản xuất đều hoàn thành, lợi nhuận Doanh nghiệp và nộp ngân sách Nhà nước hàng năm đều tăng lên. Xu hướng đoàn kết nội bộ trong các doanh nghiệp tăng lên, việc khiếu nại, tố cáo của người lao động đều được quan tâm chỉ đạo giải quyết, không để kéo dài, tồn đọng hoặc khiếu kiện tập thể, khiếu kiện vượt cấp. Đời sống của công nhân lao động được nâng lên một bước rõ rệt. Nhiều Doanh nghiệp đã tổ chức tốt việc lấy ý kiến đóng góp của cán bộ, công nhân viên trước khi xây dựng Nghị quyết của Chi bộ, Đảng bộ hoặc các Quyết định của Ban Giám đốc Doanh nghiệp trước khi ban hành; tổ chức lấy phiếu thăm dò tín nhiệm của công nhân viên đối với Giám đốc, Kế toán trưởng; Đặt thùng thư góp ý ở văn phòng doanh nghiệp và ở các phân xưởng, cơ sở sản xuất; thường xuyên kiểm tra nội quy lao động, an toàn lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động, coi trọng việc đảm bảo vệ sinh môi trường ... Trên cơ sở đó, từng bước kiện toàn các cơ sở Đảng, củng cố tổ chức lãnh đạo và các đơn vị phòng ban, tăng cường vai trò của tổ chức Công đoàn trong các Doanh nghiệp, nâng cao được uy tín của Đảng, củng cố niềm tin của người lao động đối với lãnh đạo. Không khí hăng hái lao động được tăng lên rõ rệt. Nhiều địa phương như Hà nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng nam, Quảng Ngãi, Kiên giang... đã có những thành tích đáng ghi nhận trong việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ trong các Doanh nghiệp.

Tuy nhiên, cũng cần chỉ rõ rằng qua thực tế khảo sát, việc thực hiện Quy chế dân chủ dân chủ trong Doanh nghiệp nhà nước tiến hành chưa thực sự đồng đều, có một số Doanh nghiệp còn tổ chức học tập Quy chế mang tính hình thức, các quy chế, quy định thực hiện của Doanh nghiệp chưa cụ thể và không sát thực với điều kiện của đơn vị mình do đó việc thực hiện dân chủ hiệu quả không cao. Thậm chí có nhiều công nhân của một số Doanh nghiệp không hiểu rõ những gì mình được quyền biết, quyền được bàn, quyền được giám sát và các biện pháp, cách thức thực hiện như thế nào. Từ những hạn chế này dẫn đến ảnh hưởng về tinh thần trách nhiệm của người lao động và công tác phòng chống tiêu cực, tham ô, lãng phí tại Doanh nghiệp. Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân còn mang tính hình thức, chưa có hiệu quả. Các Doanh nghiệp Nhà nước cần tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, cần tập trung vào các khâu như: cán bộ, công chức được bàn bạc, thảo luận những vấn đề thiết thực có lợi cho doanh nghiệp, tiến hành bầu thanh tra nhân dân, bỏ phiếu tín nhiệm cán bộ lãnh đạo, phát huy dân chủ trong đại hội công nhân viên chức, thực hiện tốt Nội quy, Quy chế, Quy định... của doanh nghiệp để không ngừng tháo gỡ những ách tắc, đưa doanh nghiệp hoạt động ngày càng có hiệu quả.

3. MỐI QUAN HỆ GẮN KẾT GIỮA THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ VỚI TIẾN TRÌNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH.

Lịch sử đã chứng thực mọi cuộc cách mạng đều phải dựa vào sức mạnh của quần chúng nhân dân. Nhưng không phải sau thắng lợi của bất kỳ cuộc cách mạng nào nhân dân cũng trở thành người làm chủ xã hội. Những người vô sản và quần chúng lao động đã đi theo và ủng hộ các cuộc cách mạng Tư sản lật đổ chế độ Phong kiến lỗi thời bằng cả xương máu của mình. Thế mà thành quả cách mạng lại do giai cấp Tư sản cướp đoạt tất cả, nhân dân lao động vẫn tiếp tục thân phận bị áp bức bóc lột. Chỉ có cuộc cách mạng Xã hội chủ nghĩa do giai cấp công nhân lãnh đạo thông qua đội tiên phong của mình là Đảng cộng sản, sau khi giành được thắng lợi thì nhân dân lao động mới trở thành người chủ của đất nước. Bởi vì giai cấp công nhân muốn tự giải phóng mình thì phải đồng thời giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội; lợi ích giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Giai cấp công nhân và nhân dân lao động với vị trí của mình đương nhiên phải nắm toàn bộ quyền lực của Nhà nước. Chế độ dân chủ mà Đảng lãnh đạo nhân dân ta xây dựng là chế độ dân chủ thực sự thuộc về nhân dân, gắn liền với công bằng xã hội, xoá bỏ áp bức và bất công. Đó là chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa, được xây dựng theo quan điểm, tư tưởng của giai cấp công nhân. Quá trình xoá bỏ bất công áp bức cũng chính là quá trình tiến triển của chế độ dân chủ. Trình độ giải phóng con người, trước hết là con người lao động đã chỉ rõ bản chất dân chủ của chế độ xã hội chủ nghĩa. Lý luận và thực tiễn đã chứng minh không thể có dân chủ trừu tượng, dân chủ chung chung, dân chủ phi giai cấp. Trong điều kiện hiện nay, điều mà không thể mơ hồ lẫn lộn là chỉ có thể hoặc là dân chủ xã hội chủ nghĩa, hoặc là dân chủ tư bản chủ nghĩa. Chế độ dân chủ thật sự của nhân dân thì dân chủ trước hết và chủ yếu là của nhân dân lao động, bao gồm cả lao động bằng chân tay và lao động bằng trí óc. Nền tảng của dân chủ xã hội chủ nghĩa là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức.

Chế độ dân chủ thực sự của nhân dân không thể chấp nhận cái gọi là "*dân chủ đa nguyên*", dân chủ với cả những thế lực chống lại nhân dân. Không thể tất cả mọi tổ chức chính trị, kể cả các tổ chức phản động đều được bình đẳng trước pháp luật. Không thể có một Nhà nước của quốc gia nào trên thế giới lại có thể thực hiện dân chủ cho tất cả mọi người không trừ một ai. Ngay như ở nước Mỹ một nước tự cho là mẫu mực về tự do dân chủ vẫn diễn ra việc bắt, giam giữ các tù chính trị và kết án với nhiều mức độ khác nhau. Trên thực tế không thể chỉ căn cứ vào các khẩu hiệu được nêu ra, những lời tuyên bố, hứa hẹn mà phải xem chế độ dân chủ ấy được thực thi như thế nào đối với đời sống nhân dân. Cần phải xem xét chế độ dân chủ ấy là thực chất hay chỉ là hình thức, dân chủ cho đa số nhân dân hay chỉ giành cho thiểu số giai cấp bóc lột. Đó là nguyên tắc cơ bản để xem xét, đánh giá về nền dân chủ.

Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta phải được thực hiện bằng nhiều hình thức trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và việc thực thi dân chủ phải được đảm bảo bằng pháp luật của Nhà nước. Vì vậy, muốn thực hiện được dân chủ phải đồng thời xây dựng, củng cố và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Nhà nước. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình vừa bằng hình thức trực tiếp, vừa bằng hình thức gián tiếp, thông qua những đại diện do mình bầu ra.

Hình thức dân chủ trực tiếp ngày càng được mở rộng và phát huy để nhân dân trực tiếp tham gia ý kiến vào các văn bản pháp luật và những quyết sách quan trọng của Nhà nước trước khi chính thức ban hành. Bảo đảm quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân ở cơ sở. Tổ chức hội nghị nhân dân hoặc đại biểu nhân dân ở thôn, ấp, bản, xã, phường, thị trấn để lấy ý kiến về các nhiệm vụ quản lý của Nhà nước, tham gia quyết định những vấn đề liên quan đến đời sống của dân cư trên địa bàn.

Hình thức dân chủ gián tiếp đòi hỏi những người được nhân dân bầu ra, đại diện cho nhân dân phải luôn luôn phấn đấu, xứng đáng với lòng tin và sự tín nhiệm của nhân dân. Phải tạo điều kiện để nhân dân không chỉ phản ánh ý chí, nguyện vọng của mình mà còn biểu thị thái độ, đánh giá hoạt động của đại biểu dân cử. Ai làm tốt thì được nhân dân khen thưởng, ai làm xấu thì bị nhân dân xử phạt. Nghiên cứu xây dựng cơ chế rõ ràng và tổ chức để nhân dân được thực hiện có hiệu quả cả quyền bầu cử và quyền bãi miễn những người phụ lại lòng tin của nhân dân. Tạo mọi điều kiện để bảo đảm quyền của nhân dân giám sát hoạt động của các Đại biểu và của Nhà nước.

Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua Nhà nước do mình lập ra và thông qua các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội. Nhà nước, trước hết là cơ quan dân cử phải là công cụ thực hiện quyền lực của nhân dân. Nhân dân làm chủ xã hội bằng Nhà nước là chủ yếu, đồng thời coi trọng vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội mà mình là thành viên.

Chúng ta đã và đang tìm kiếm thêm nhiều hình thức để dân chủ ngày càng mở rộng và nâng cao trong đời sống xã hội. Song, cần phải khẳng định rằng: dân chủ hay không dân chủ không tùy thuộc vào chế độ một đảng hay nhiều đảng. Không phải đa nguyên, đa đảng với sự tồn tại của đảng phái đối lập thì mới có dân chủ. Dân chủ hay không dân chủ – xét đến cùng và quan trọng nhất – thể hiện ở chỗ quyền lực và quyền lợi có thuộc về nhân dân hay không? Trong điều kiện nước ta, không có sự cần thiết khách quan để lập nên cơ chế chính trị đa nguyên, đa đảng đối lập. Thừa nhận đa đảng đối lập là tự xóa bỏ nền dân chủ của mình, thành quả cách mạng to lớn được xây nên bằng cả xương máu, tính mệnh của bao thế hệ nhân dân Việt Nam.

Vậy trong điều kiện là lực lượng lãnh đạo duy nhất, Đảng ta làm sao bảo đảm đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân?

Đảng ta đã và đang thường xuyên tập trung trí tuệ tìm câu trả lời một cách nghiêm túc và có trách nhiệm trước nhân dân. Quá trình tự đổi mới, tự chỉnh đốn, Đảng ta đã có bước tiến khá rõ về đổi mới phương thức lãnh đạo phù hợp với tình hình thực tế; đã khắc phục được một cách đáng kể tình trạng vừa buông lỏng lãnh đạo, vừa bao biện làm thay Nhà nước và các đoàn thể nhân dân.

Ở nước ta, dân chủ đang được thực hiện trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, từ chính trị đến kinh tế, xã hội, văn hoá..., trong đó, trước hết là dân chủ về kinh tế. *Không làm chủ về kinh tế thì nhân dân không thể làm chủ các lĩnh vực khác được.* Có được thành tựu kinh tế - xã hội trong hơn 10 năm đổi mới vừa qua do nhiều nguyên nhân, trong đó, quyền làm chủ của người lao động được tôn trọng và phát huy là một nguyên nhân nổi bật. Cùng với dân chủ về kinh tế, dân

chủ trên các lĩnh vực khác cũng có những tiến bộ rõ rệt. Tuy nhiên, yêu cầu về dân chủ hoá đời sống xã hội vẫn đòi hỏi Đảng lãnh đạo toàn dân ta phải tiếp tục không ngừng phát huy dân chủ, phấn đấu xây dựng Nhà nước pháp quyền vững mạnh, hoạt động có hiệu lực hiệu quả để quản lý, điều hành đất nước trong thời kỳ đổi mới.

Chủ trương đường lối của Đảng đề ra để lãnh đạo toàn xã hội nước ta là: muốn thực thi được dân chủ thì phải có pháp luật đảm bảo, có nghĩa là phải xây dựng và củng cố được Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa một cách vững chắc. Quyền làm chủ của nhân dân phải được thể chế hoá thành pháp luật và những điều quy định của Nhà nước thì mới có cơ sở thực thi thống nhất và bắt buộc trong toàn xã hội. Quyền làm chủ của nhân dân phải được bảo vệ bằng các cơ quan bảo vệ pháp luật. Một xã hội hỗn độn, ai cũng tự hành động theo ý của mình thì không thể có tự do dân chủ cho cả cộng đồng và cho mỗi người. Điều đáng quan tâm là khi được nhân dân trao quyền, cán bộ và công chức không được lạm dụng quyền hành để mưu lợi ích cá nhân. Pháp luật là công cụ để quản lý xã hội, giữ vững và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Bất cứ công dân hoặc cán bộ công chức nào vi phạm pháp luật, làm tổn hại đến quyền làm chủ của nhân dân đều bị nghiêm trị. Pháp luật được thi hành thống nhất và bình đẳng đối với mọi công dân là sức mạnh để hiện thực hoá chế độ dân chủ. Cần tăng cường tuyên truyền giáo dục nâng cao văn hoá pháp luật trong nhân dân, trước hết là trong Đảng và cơ quan Nhà nước, làm cho mọi người trong xã hội đều hiểu và làm theo đúng pháp luật.

Xây dựng nền dân chủ bao giờ cũng phải gắn với pháp chế, kỷ luật, kỷ cương, phù hợp với tiến độ phát triển của đất nước và truyền thống lịch sử, văn hoá của dân tộc. Đó là những khuôn khổ quy định trình độ, mức độ, phạm vi thực thi các quyền dân chủ. Đòi hỏi những yêu cầu dân chủ vượt quá khuôn khổ đó sẽ không thực hiện được mà còn gây ra mất ổn định xã hội. Không tôn trọng pháp luật, kỷ luật, kỷ cương cũng là phá hoại dân chủ.

Mỗi quốc gia, mỗi dân tộc đều có truyền thống lịch sử, văn hoá của mình. Chính vì vậy, mô hình xây dựng chế độ dân chủ giữa các nước không thể hoàn toàn giống nhau, ngay ở cả các nước cùng có chung một chế độ Chính trị - Xã hội. Nhiều nước đang phát triển đã cố đi theo mô hình dân chủ phương Tây, nhưng đã không thành công bởi không xuất phát đầy đủ từ đặc điểm của đất nước, của dân tộc. Đối với đất nước chúng ta, một mặt cần phải đề phòng khuynh hướng bắt chước mô hình nước ngoài; Mặt khác, cần kiên quyết bác bỏ sự áp đặt từ bên ngoài vào nước ta những mô hình dân chủ xa lạ, không phù hợp với mục tiêu và con đường mà nhân dân ta đã lựa chọn.

Xây dựng chế độ dân chủ trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp cách mạng. Trong quá trình thực hiện và phát huy dân chủ phải chống khuynh hướng cực đoan, vô chính phủ; đồng thời phải khắc phục các biểu hiện của dân chủ hình thức. Kiên quyết chống tệ nạn quan liêu và các hành vi xâm phạm dân chủ đang tồn tại khá phổ biến hiện nay, đồng thời chống những mưu toan lợi dụng dân chủ để gây mất ổn định chính trị, phá hoại chế độ dân chủ chân chính của nhân dân. Tình hình hiện nay càng đòi hỏi chúng ta phải hết sức nghiêm khắc để sửa chữa những khuyết điểm, sai lầm. Đồng thời phải đề ra những biện

pháp cụ thể và hữu hiệu để khắc phục những hành vi xâm phạm dân chủ trong xã hội. Mặt khác, cần phải luôn luôn tỉnh táo, kịp thời vạch trần và kiên quyết chống lại những mưu toan lợi dụng dân chủ để kích động, chia rẽ làm suy yếu và ảnh hưởng đến quyền làm chủ của nhân dân.

Nhà nước ta là nhà nước của nhân dân do nhân dân và vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. Hội nghị lần thứ VIII của Ban chấp hành Trung ương Đảng đã đề ra nghị quyết tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính. Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã đề ra: *"Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch vững mạnh. Cải cách hành chính nhà nước là một công việc quan trọng quyết định thành công của công cuộc đổi mới giai đoạn 2001-2005. Tổ chức và cải cách bộ máy nhà nước theo hướng tinh gọn, trong sạch, có đủ phẩm chất và năng lực phục vụ nhân dân... Có biện pháp ngăn chặn hiện tượng tiêu cực, thiếu dân chủ. Xử lý vi phạm về mặt Đảng và Pháp luật nhà nước một cách nghiêm minh và bình đẳng đối với cán bộ công chức nhà nước... Công khai hoá các nội dung và cơ chế, phương thức giám sát của các cơ quan chức năng, các đoàn thể quần chúng và nhân dân về thực hiện pháp luật, chính sách, chế độ của Nhà nước. Minh bạch và công khai các thông tin, các quy định của Nhà nước, nghiêm túc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở nhằm đẩy lùi những hiện tượng tham nhũng, tiêu cực. Thực hiện nghiêm túc chế độ tiếp dân ở các cơ quan công quyền. Nâng cao hiệu quả trong hoạt động lập pháp và hiệu lực trong giám sát của Quốc hội."*(61). Trong việc tổ chức và vận động nhân dân thực hiện đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước xây dựng và thực hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, hệ thống chính trị ở cơ sở có một vai trò hết sức quan trọng. Cơ sở (xã, phường, thị trấn) là nơi triển khai và thực hiện trên thực tế mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, là nơi trực tiếp diễn ra các mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước. Chính vì vậy, Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá IX đã đề ra nhiều Nghị quyết để đáp ứng tình hình và nhiệm vụ của cách mạng trong giai đoạn mới; trong đó có *Nghị quyết về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn*. Nghị quyết chỉ rõ: *"Các cơ sở xã, phường, thị trấn là nơi tuyệt đại bộ phận nhân dân cư trú, sinh sống. Hệ thống chính trị ở cơ sở có vai trò rất quan trọng trong việc tổ chức và vận động nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tăng cường đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, huy động mọi khả năng phát triển kinh tế - xã hội, tổ chức cuộc sống của cộng đồng dân cư."*

Trong thời gian qua, hệ thống chính trị ở phần lớn cơ sở đã tích cực thực hiện nhiệm vụ, thực hiện quy chế dân chủ, cùng với nhân dân tạo nên những thành tựu đổi mới và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, làm thay đổi rõ rệt bộ mặt nông thôn và thành thị".(62). Các văn kiện của Đảng và Nhà nước ta đều nêu rõ rằng, Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, do Đảng cộng sản lãnh đạo. Nhà nước đó mang bản chất giai cấp công nhân, có tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc.

Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước ta thể hiện ở chỗ: toàn bộ hoạt động của Nhà nước từ pháp luật, cơ chế đến những nguyên tắc tổ chức hoạt động đều thể hiện tư tưởng, quan điểm của giai cấp công nhân, nhằm từng bước xây dựng quyền làm chủ của nhân dân, phục vụ lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc.

Bản chất giai cấp với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước ta thống nhất với nhau bắt nguồn từ sự thống nhất lợi ích của giai cấp công nhân với lợi ích của nhân dân lao động và dân tộc. Điều này không thể tìm thấy ở Nhà nước tư sản và các Nhà nước của giai cấp bóc lột.

Có những ý kiến đã từng đưa ra khái niệm "*Nhà nước dân chủ pháp trị*" và cho rằng nếu Nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân mà người đại diện cho giai cấp công nhân là Đảng cộng sản thì như vậy Nhà nước ở nước ta cũng chỉ là Nhà nước của Đảng, mà Nhà nước của Đảng là Nhà nước của thiểu số, không thể đại biểu lợi ích của toàn thể nhân dân và dân tộc. Cách lập luận này là sai lầm vì nó đối lập tính nhân dân với tính giai cấp của Nhà nước, từ đó đối lập nhân dân với Đảng.

Quyền lực Nhà nước ta là thuộc về nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, điều đó không có gì mâu thuẫn về dân chủ. Thực tiễn cũng như lý luận đã chứng minh rằng để có thể làm chủ nhân dân phải tổ chức ra Nhà nước; Nhà nước là công cụ của nhân dân để quản lý xã hội. Nhà nước nào cũng phải thực hiện đường lối, chính sách của một giai cấp, của chính Đảng cầm quyền. Trong điều kiện nước ta, không có sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, Nhà nước không thể là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Bởi vì nếu Đảng cộng sản không lãnh đạo thì sẽ có lực lượng đối lập với Đảng cộng sản lãnh đạo, và lúc đó, Nhà nước sẽ biến thành công cụ của một thiểu số thống trị, nô dịch và bóc lột nhân dân. Tách Đảng với nhân dân hoặc đối lập Đảng với nhân dân không chỉ phá hoại sự lãnh đạo của Đảng mà còn phá hoại quyền làm chủ của nhân dân. Một số thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam tung ra khẩu hiệu mị dân "*Trả chính quyền từ Đảng về tay nhân dân*"(!) Điều đó không có gì khác là nhằm xoá bỏ sự lãnh đạo của Đảng, chia rẽ Đảng với nhân dân. Sự lãnh đạo của Đảng và quyền lực của nhân dân phải được gắn liền và thống nhất với nhau. Hoàn toàn không thể có sự đối lập giữa vai trò lãnh đạo của Đảng và hiệu lực của Nhà nước, không có sự hy sinh cái này cho cái kia mà chỉ có sự thống nhất làm tăng sức mạnh lẫn nhau của Đảng và Nhà nước. Bài học kinh nghiệm đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng nước ta hơn nữa thế kỷ qua là giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Nhà nước ta mang bản chất của giai cấp công nhân và là Nhà nước pháp quyền. Nhà nước pháp quyền vẫn là nhà nước giai cấp nhưng nhấn mạnh phương pháp, cách thức quản lý xã hội bằng pháp luật, theo pháp luật; là nêu cao vai trò của pháp chế, yêu cầu mọi tổ chức, mọi công dân đều phải tôn trọng và tuân thủ pháp luật. đương nhiên pháp luật nào cũng đều mang tính giai cấp sâu sắc.

Khi khẳng định xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa cũng đồng thời phải xây dựng và củng cố Nhà nước pháp quyền là nội dung mục tiêu của sự nghiệp

cách mạng hiện nay. Điều cần thiết phải thấy rõ là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam khác hẳn về căn bản đối với Nhà nước pháp quyền tư sản.

Nhà nước pháp quyền của ta là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng do Đảng cộng sản Việt nam lãnh đạo.

Tất cả quyền lực thuộc về nhân dân; quyền lực Nhà nước là thống nhất có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện ba quyền: lập pháp, hành pháp, tư pháp (chứ không phải là tam quyền phân lập). Tổ chức và hoạt động của Nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nhà nước ta quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức xã hội chủ nghĩa.

Mọi luận điệu sai trái như đề cao Nhà nước pháp quyền với dụng ý tách nhà nước ra khỏi sự lãnh đạo của Đảng, chủ trương *"thực hiện một Nhà nước pháp quyền, cai trị, quản lý bằng pháp luật chứ không phải bằng chỉ thị, nghị quyết"* hoặc phải xây dựng *"Nhà nước pháp trị"* để thay thế cho *"Nhà nước Đảng trị"*... Cần phải vạch trần sự xuyên tạc bản chất Nhà nước ta và nghiêm khắc phê phán những luận điệu sai trái đó.

Để xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng và củng cố Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta, bài học lớn của cách mạng Việt Nam, của dân tộc Việt nam là phải xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Đoàn kết là truyền thống quý báu tạo ra sức mạnh vô địch của dân tộc ta trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Xây dựng khối đoàn kết toàn dân cũng là yêu cầu khách quan đối với nhiệm vụ xây dựng chế độ chính trị mới ở nước ta.

Trong những năm qua, tình hình đất nước có nhiều đổi mới, cơ cấu xã hội - giai cấp đã có những biến đổi sâu sắc:

- Công nhân lao động có 6.6 triệu người chiếm 9% dân số, 13.4% lao động xã hội. Đội ngũ công nhân cũng có sự biến đổi về cơ cấu ngành nghề và chất lượng.

- Nông dân chiếm 78% dân số và 72.4% lao động xã hội, gồm có nông dân tập thể, cá thể, chủ trang trại, nông dân làm thuê, nông dân làm nông nghiệp đồng thời làm tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

- Tầng lớp công thương gia đang phát triển, hiện có hơn 20.000 công ty, doanh nghiệp tư nhân.

- Tầng lớp trí thức với số người có trình độ cao đẳng, đại học và trên đại học chiếm khoảng 1% dân số và hàng năm bổ sung hàng vạn sinh viên tốt nghiệp ra trường.

- Thanh niên chiếm 30% dân số, 49.8% lao động xã hội.

- Thiếu nhi từ 1 đến 14 tuổi chiếm 38.9% dân số.

- Phụ nữ chiếm 51% dân số, 52% lao động xã hội.

- Người già (nam 60 tuổi, nữ 55 tuổi trở lên) chiếm 8.7% dân số. Lực lượng này ngày càng tăng lên do tuổi thọ được nâng cao. Các đối tượng chính sách được Nhà nước bảo trợ chiếm 4.2% dân số.

- Các dân tộc ít người với trên 50 thành phần dân tộc, chiếm 12.8% dân số. Người Hoa có trên 1 triệu.

- Đồng bào các tôn giáo chiếm 29.2% dân số, đông nhất là các tín đồ đạo Phật và đạo Thiên chúa.

- Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài có khoảng 02 triệu người định cư ở 68 nước, đông nhất là ở các nước phát triển cao, trong đó có khoảng 30 vạn là trí thức.(63).

Tình hình cơ cấu xã hội nói trên cho thấy xã hội ta là một cộng đồng nhiều dân tộc, giai cấp, tầng lớp khác nhau, nhiều tôn giáo, tín ngưỡng, nhiều loại đối tượng chính sách. Do đó, ngoài lợi ích chung giữa các bộ phận xã hội có những lợi ích riêng, những khác biệt về chính kiến, quyền lợi, nguyện vọng. Đó là một thực tế tất yếu khách quan.

Thành tựu của công cuộc đổi mới trong những năm qua cho thấy, khối đại đoàn kết dân tộc chẳng những được giữ vững mà còn có những tiến bộ đáng kể, là một trong những nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của công cuộc đổi mới ở nước ta.

Cùng với những điều kiện thuận lợi mới và những thách thức mới, chúng ta càng phải ra sức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết các giai cấp, tầng lớp, tôn giáo, dân tộc, mọi người trong nước và ở nước ngoài trong đại gia đình dân tộc Việt Nam, phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần độc lập tự chủ, lòng tự hào dân tộc, ý thức tự lực tự cường, tạo ra sức mạnh to lớn, phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng và văn minh.

Để xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra và quán triệt những chủ trương lớn sau đây:

Thứ nhất, đại đoàn kết vì mục tiêu cao cả giữ vững độc lập dân tộc, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Đại đoàn kết chủ yếu phải lấy mục tiêu chung đó để làm điểm tương đồng, đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau, không trái với lợi ích chung của dân tộc, cùng nhau xoá bỏ định kiến, mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai, xây dựng tinh thần đoàn kết, cởi mở, tin cậy lẫn nhau, tất cả vì một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực vào sự nghiệp hoà bình, độc lập và phát triển của thế giới.

Thứ hai, đại đoàn kết dân tộc là đường lối cơ bản của Đảng và Nhà nước ta, tư tưởng đại đoàn kết phải được thể hiện trong mọi chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại nhằm đáp ứng lợi ích, nguyện vọng chính đáng của các giai tầng xã hội, tạo ra động lực to lớn, thúc đẩy đất nước phát triển trở thành quốc gia công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đồng thời phải khuyến khích toàn dân thực hiện tốt việc đền ơn đáp nghĩa đối với những người có công với đất nước, hăng hái làm các việc công ích, tích cực tham gia các hoạt động nhân đạo và từ thiện, giúp nhau xoá đói giảm nghèo, phát huy truyền thống nhân nghĩa của cha ông. Đại đoàn kết phải được không ngừng mở rộng và tăng cường, phải trở thành thực tế sinh động trong mọi lúc và ở mọi nơi.

Thứ ba, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, thực sự là công cụ đắc lực xây dựng và bảo vệ vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân. Trong điều kiện có chính quyền, cần phát huy đầy đủ vai trò cực kỳ quan trọng của chính quyền

đối với nhiệm vụ mở rộng dân chủ và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Làm được như vậy, cũng chính là bảo đảm cho cơ sở chính trị – xã hội của Nhà nước ta ngày càng vững chắc. Sức mạnh của Nhà nước bắt nguồn từ sức mạnh vô địch của toàn dân. Bản thân Nhà nước cũng phải là hình ảnh tiêu biểu cho khối đại đoàn kết dân tộc.

Thứ tư, Mặt trận tổ quốc Việt Nam được coi là người đại diện cho khối đại đoàn kết dân tộc, có vai trò hết sức quan trọng trong việc thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc. Mặt trận là người tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam yêu nước cả ở trong nước và ở nước ngoài, tán thành sự nghiệp đổi mới, phấn đấu làm cho nước nhà sớm thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Mặt trận Tổ quốc phải có các hình thức tập hợp đa dạng, tổ chức và phát triển các phong trào quần chúng từ thấp đến cao, sáng tạo thêm nhiều hình thức hoạt động phù hợp với từng đối tượng cụ thể. Phát huy vai trò tích cực của những người tiêu biểu trong các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo. Chú trọng hoạt động ở cơ sở, từng khu dân cư và từng hộ gia đình với những nội dung, chương trình thiết thực. Khắc phục mọi biểu hiện xem nhẹ vai trò hoạt động của Mặt trận.

Thứ năm, phải luôn luôn quán triệt Đảng cộng sản Việt Nam là người lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo toàn xã hội, đồng thời là hạt nhân của đoàn kết toàn dân. Sự đoàn kết thống nhất trong Đảng đảm bảo cho khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố và tăng cường. Trong điều kiện Đảng ta là lực lượng lãnh đạo duy nhất, càng đòi hỏi Đảng phải luôn luôn thống nhất ý chí và hành động. Đoàn kết là truyền thống quý báu của Đảng, *phải giữ gìn sự đoàn kết của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình*. Những nhận thức và việc làm không đúng với đường lối tập hợp, đoàn kết dân tộc, ảnh hưởng đến việc mở rộng và thực hiện dân chủ của Đảng và Nhà nước cần phải được khắc phục kịp thời. Đồng thời phải thường xuyên mài sắc ý thức cảnh giác cách mạng, chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chống phá và làm suy yếu khối đại đoàn kết dân tộc; nhất là những thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân chủ, vấn đề tôn giáo, vấn đề nhân quyền và vấn đề dân tộc để chia rẽ gây mất ổn định chính trị – xã hội.

Qua đề cập và phân tích về mối quan hệ gắn kết giữa thực hiện quy chế dân chủ với cải cách hành chính, chúng ta thấy rõ đây là một mối gắn kết mang tính hữu cơ, có quan hệ khăng khít, làm điều kiện và tiền đề cho nhau trong quá trình vận động và phát triển. Nói cách khác muốn cải cách hành chính thì phải thực hiện tốt quy chế dân chủ, đồng thời muốn mở rộng dân chủ thì cần thiết phải đẩy mạnh cải cách hành chính, củng cố và hoàn thiện nhà nước pháp quyền. Nhân dân chỉ có thể làm chủ thực sự bằng nhà nước và chỉ có nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân mới thực sự đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân.

Tuy nhiên, qua khảo sát, nghiên cứu thực tế việc gắn kết thực hiện quy chế dân chủ với tiến trình cải cách hành chính ở nước ta trong thời gian qua đã chỉ rõ còn nhiều vấn đề bất cập cần phải được tháo gỡ bằng những giải pháp hữu hiệu để đạt được mục tiêu mà Đảng và nhà nước ta đã đề ra. Chương ba của đề tài bước đầu đưa ra một số giải pháp nhằm đóng góp vào việc giải quyết đòi hỏi bức thiết đã đề ra ở trên

CHƯƠNG BA

MỘT SỐ BIỆN PHÁP GẮN KẾT VIỆC THỰC HIỆN DÂN CHỦ VỚI TIẾN TRÌNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH Ở NƯỚC TA HIỆN NAY.

Trên cơ sở nghiên cứu nguồn gốc, bản chất và diễn trình của vấn đề dân chủ trong lịch sử, qua phân tích các nền dân chủ của một số nước trên thế giới, quán triệt đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam, dựa vào kết quả khảo sát nghiên cứu tình hình thực tiễn về cải cách hành chính và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở trong những năm qua ở nước ta, đề tài nghiên cứu khoa học này đề xuất *Một số biện pháp nhằm gắn kết việc thực hiện quy chế dân chủ với tiến trình cải cách hành chính ở nước ta hiện nay.*

1. TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC TƯ TƯỞNG, KHẮC PHỤC ẢNH HƯỞNG TIÊU CỰC CỦA TÀN DƯ TƯ TƯỞNG PHONG KIẾN TRONG NHÂN THỨC VÀ THỰC HIỆN DÂN CHỦ CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VÀ QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN.

Dân chủ theo nghĩa chung nhất là mọi quyền lực thuộc về nhân dân. Về nội dung, dân chủ hay nền dân chủ vừa là cơ chế tổ chức xã hội, vừa là sự phản ánh trình độ văn minh, mang nội dung nhân đạo, nội dung kinh tế xã hội của con người.

Chế độ Quân chủ chuyên chế đối lập với chế độ dân chủ. Giai cấp Tư sản có công lớn trong việc phá vỡ khá triệt để tình trạng nô dịch lâu dài của chế độ Phong kiến cùng tất cả những gì trì trệ, khép kín do chế độ Phong kiến tạo nên, thiết lập nền *Dân chủ tư sản* có tính rộng rãi, mở đường cho sự phát triển của xã hội và cá nhân. Song, nền *Dân chủ tư sản* vẫn còn là nền dân chủ cất xén, hạn chế vì nó được thiết lập trên cơ sở chế độ kinh tế tư bản chủ nghĩa; nó bênh vực, duy trì các lợi ích của giai cấp Tư sản, đảm bảo cho Tư sản bóc lột lao động. Trong nền dân chủ đó, Nhà nước thuộc về tay giai cấp Tư sản, mặc dù chức năng công quản của nó được mở rộng rất nhiều. Nền dân chủ thực sự đầy đủ chỉ có thể có được dưới chế độ Cộng sản chủ nghĩa.

Ở nước ta, sau khi Cách mạng Dân tộc Dân chủ Nhân dân thành công (ở miền Bắc từ năm 1954 và miền Nam từ 1975), dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã từng bước tiến hành xây dựng một nền dân chủ kiểu mới- nền *Dân chủ xã hội chủ nghĩa*. Quyền dân chủ của mỗi công dân được quy định bởi Hiến pháp, Pháp luật. Về thực chất, nền *Dân chủ xã hội chủ nghĩa* là chế độ dân chủ cho nhân dân, cho số đông- những người lao động. Cách mạng đã đưa nhân dân lao động từ địa vị là người dân nô lệ, bị áp bức bóc lột nặng nề lên địa vị người dân của một dân tộc độc lập tự do, địa vị chủ nhân của đất nước và làm chủ bản thân mình.

Về nguyên tắc, nhân dân lao động nước ta đã có quyền dân chủ. Song, điều đó không có nghĩa ai muốn làm gì thì làm. Xã hội đòi hỏi phải có thiết chế, cơ chế nhất định để đời sống xã hội diễn ra bình thường. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, đó là nền *Dân chủ xã hội chủ nghĩa*. Với nền *Dân chủ xã hội chủ nghĩa*, nhân dân lao động làm chủ một cách có tổ chức; thực hiện quyền dân chủ, một mặt, bằng

cách trực tiếp, mặt khác, bằng cách gián tiếp thông qua các đại biểu và tổ chức đại diện do chính mình bầu ra, sáng lập ra, uỷ quyền, dưới sự hướng dẫn lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Khi quyền dân chủ nhân dân còn được thực hiện gián tiếp (thông qua các đại biểu và cơ quan Nhà nước) thì còn nguy cơ mất dân chủ, dân chủ không đầy đủ.

Trên thực tế, ở nước ta còn tồn tại tình trạng thiếu dân chủ, mất dân chủ. Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý sử dụng chức quyền vi phạm quyền làm chủ của nhân dân.

Tình trạng thiếu dân chủ biểu hiện như thế nào, do những nguyên nhân gì và tàn dư tư tưởng Phong kiến giữ vai trò tác động như thế nào?

Tình trạng thiếu dân chủ diễn ra khá phổ biến trên mọi lĩnh vực, đời sống xã hội là do nhiều nguyên nhân: có nguyên nhân về nhận thức, cơ chế thực hiện, phẩm chất năng lực của cán bộ, do ảnh hưởng của tư tưởng Phong kiến và năng lực làm chủ của nhân dân. Đáng chú ý là ảnh hưởng của tư tưởng Phong kiến cũng như của các nhân tố khác không diễn ra một cách độc lập mà tác động đan xen với nhau.

Tình trạng thiếu dân chủ ở nước ta trong những năm xây dựng chủ nghĩa xã hội trước đây tuy mỗi lúc, mỗi nơi có những biểu hiện khác nhau, mức độ khác nhau, nhưng là hiện tượng khá phổ biến, diễn ra trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội: trong phổ thông đầu phiếu lựa chọn người vào cơ quan quyền lực các cấp, thực hiện quyền kiểm tra, kiểm soát của nhân dân đối với cán bộ; trong lĩnh vực văn hoá, tư tưởng cũng như sản xuất kinh doanh. Sau hơn 30 năm xây dựng nên Dân chủ xã hội chủ nghĩa, đặc biệt sau 10 năm tiến hành đổi mới, Đảng ta đã đánh giá rằng "*Hệ thống chính trị nước ta còn nhiều nhược điểm*", "*còn nhiều biểu hiện quan liêu, vi phạm nghiêm trọng quyền dân chủ của nhân dân*" (2). Sự vi phạm đó không diễn ra chung chung mà thông qua những con người- những cán bộ lãnh đạo, quản lý cụ thể qua những sự việc cụ thể.

Trước hết, cần phải nói đến tình trạng thiếu dân chủ ngay trong lúc nhân dân thực hiện hành động có tính làm chủ đầu tiên theo tinh thần Hiến pháp: bầu người đại diện của mình vào các cơ quan quyền lực, lãnh đạo quản lý đất nước, địa phương.

Bầu cử là khâu đầu tiên và cũng là khâu quyết định nhất trong quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ vào các cương vị lãnh đạo, quản lý. Về nguyên tắc, các cấp uỷ Đảng và Chính quyền phải làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, giác ngộ nhân dân, đồng thời tổ chức cho nhân dân thực hiện tốt nhất quyền dân chủ của mình. Song, đây cũng là khâu mà những cán bộ có tư tưởng cá nhân chủ nghĩa, vụ lợi, những người còn chịu ảnh hưởng của tư tưởng đẳng cấp, địa vị phong kiến lợi dụng khi có những điều kiện thuận lợi đối với họ. Họ tìm cách để có tên trong danh sách ứng cử, đề cử. Để đạt được mục đích của mình họ lợi dụng những điểm sơ hở, yếu kém của cơ chế quản lý và tình trạng năng lực làm chủ còn hạn chế của nhân dân.

Do yêu cầu của cuộc đấu tranh giai cấp, có lúc chúng ta quá nhấn mạnh mặt thành phần giai cấp xuất thân đồng thời chưa thực sự tin vào khả năng lựa chọn của nhân dân. Điều đó xuất phát từ thái độ, động cơ chân thành của người cán bộ trước nhiệm vụ bảo vệ thành quả cách mạng. Nhưng do thái quá mà có tình trạng

là trong quá trình bầu cử, vấn đề nhân sự luôn được các cán bộ chủ chốt, các cấp uỷ làm thay, gần như được quyết định trước khi bầu. Thực chất, các tổ chức Đảng, các cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các cấp đã thu tóm quyền hành, bao biện làm thay, hạn chế quyền dân chủ của nhân dân. Với một danh sách đã lựa chọn trước, nhân dân được cán bộ Ban bầu cử giới thiệu về lai lịch, thành tích của các ứng cử, đề cử viên, thậm chí còn "gợi ý" rằng ai là người đã được Đảng, Nhà nước hay các cấp uỷ Đảng, Chính quyền tín nhiệm; cử tri chỉ còn làm cái việc gạch tên ai ra khỏi phiếu bầu. Cách làm này cho ta một kết quả bầu cử hết sức tập trung. Đường như nó chứng tỏ sự giác ngộ, sáng suốt, thống nhất cao độ của nhân dân, nhưng thực chất mang tính giả tạo, vi phạm quyền dân chủ của nhân dân, dẫn đến phản tác dụng. Vì vậy, có tình trạng từ khi cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân thành công, nhân dân từ chỗ hết sức nô nức, nhiệt tình tham gia bầu đến chỗ thờ ơ, đi bầu cử như là bắt buộc. Đáng tiếc là điều này xảy ra ở cả những người có trình độ nhận thức cao về dân chủ, về quyền lợi, nghĩa vụ của công dân. Cần mạnh dạn nhìn thẳng vào vấn đề này và tìm cách hạn chế tác động tiêu cực của nó. Với tinh thần trách nhiệm cao đối với công tác bầu cử, lựa chọn những người có đủ tài đức vào cơ quan lãnh đạo các cấp, trong điều kiện giác ngộ và dân trí còn chưa cao, việc hướng dẫn nhân dân lựa chọn đúng những người đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ là hết sức cần thiết. Nhưng chân lý là cụ thể. Kéo dài việc áp dụng những kinh nghiệm cũ vào hoàn cảnh mới không những dẫn đến sai lầm mang tính giáo điều kinh nghiệm mà còn hình thành thói quen, tập quán xấu trong một bộ phận cán bộ. Đây là cơ sở để phát sinh một số bệnh khác trong cán bộ, công chức là điều kiện để các tàn dư tư tưởng Phong kiến trở dậy gây ảnh hưởng xấu. Người cán bộ, công chức có tư tưởng, địa vị lợi dụng cách làm đó để đạt mục đích cá nhân. Họ tìm cách áp đặt ý kiến cá nhân, hợp lý hoá ý kiến của mình bằng cách biến nó thành quyết nghị tập thể mà họ chỉ phớt. Với lý do cần xây dựng đội ngũ cán bộ có sự thống nhất cao về tư tưởng và hành động, người ta tìm cách loại bỏ những người không cùng cánh, có ý kiến khác với ý kiến của cán bộ chủ chốt, cán bộ cấp trên. Hiện tượng đầu đá để chia ghế, giữ ghế ở một số địa phương gắn liền với bầu cử. Thay vì lựa chọn những người có đủ tài đức để đưa vào danh sách bầu cử họ đưa vào đó những anh em, họ hàng, đồng hương, những kẻ khéo nịnh hót thuộc vây cánh của họ. Ý kiến của người cán bộ gia trưởng độc đoán giữ vai trò quyết định chứ không phải ý kiến của tập thể, của nhân dân. Kết quả là cán bộ lãnh đạo chủ chốt cùng với người thân cùng cánh của họ chiếm phần chủ yếu trong danh sách bầu cử. Với cách bầu cử như đã phân tích ở trên thì họ trúng cử là tất nhiên. Khi đã được luật pháp cũng như dư luận xã hội thừa nhận thì những người này sẽ lợi dụng quyền lực của mình để vun vén lợi ích cá nhân, tiếp tục vi phạm quyền dân chủ của nhân dân. Điều này cho phép cắt nghĩa vì sao chúng ta đã áp dụng chế độ phổ thông bầu phiếu mà vẫn có một bộ phận cán bộ không đủ phẩm chất, năng lực, "tính cơ động" trong công tác cán bộ yếu.

Tư tưởng "một người làm quan cả họ được nhờ" cũng gây tác động mạnh mẽ trong đời sống tinh thần cán bộ, nhân dân ta. Đối với đông đảo nhân dân, có tình trạng cạnh tranh giữa các dòng họ, gia đình với nhau trong việc nắm giữ các chức vụ ở địa phương. Thành thử, việc bầu người vào nắm giữ các cương vị lãnh đạo

của địa phương bị biến thành bầu đại diện của các dòng họ. Hiện tượng "*chi bộ họ ta*", "*chính quyền họ ta*" là hiện tượng khá phổ biến sau các "*lũy tre làng*". Đối với công tác cán bộ thì cất nhắc người thân là con đường cơ bản để người cán bộ có tư tưởng, địa vị, gia trưởng, gia đình chủ nghĩa tạo lập phe cánh của mình, đồng thời cô lập, vô hiệu hoá khả năng tham gia vào các cơ quan quyền lực của người khác, gia đình, dòng họ khác; có tình trạng là những chức vụ chủ chốt của một số địa phương đều do người của một dòng họ nắm giữ. Do đó, khi vì một lý do nào đó mà người cán bộ chủ chốt không còn đứng vững ở cương vị cũ nữa thì có sự xáo trộn lớn, thay thế hàng loạt cán bộ. Sự thay thế cán bộ không bình thường này là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến tình trạng mất ổn định ở một số địa phương.

Tình trạng thiếu dân chủ thể hiện rõ ở chỗ thiếu công tác kiểm tra, kiểm soát chỉ có theo chiều từ cơ quan Đảng, Nhà nước, Cán bộ đối với nhân dân, mà không có chiều ngược lại. Nói cho đúng hơn thì sự kiểm tra của nhân dân đối với các cơ quan Đảng, Nhà nước và cán bộ là có, nhưng hạn chế, không phát huy được vai trò cần thiết của nó. Đặc biệt là trong công tác cán bộ, tư tưởng địa vị, đẳng cấp, gia trưởng độc đoán là một trong những nhân cơ bản làm cho nhân dân không thực hiện được quyền kiểm tra, kiểm soát, bãi nhiệm cần thiết đối với cán bộ, công chức.

Quyền dân chủ của nhân dân thể hiện trên mọi lĩnh vực, phạm vi của đời sống xã hội. Nó bao gồm những hoạt động làm chủ trực tiếp và những hoạt động làm chủ gián tiếp của mỗi công dân. Tuy nhiên, cách phân chia này chỉ mang tính tương đối. Trước đây, do nhấn mạnh yếu tố tổ chức, chuyên chính giai cấp của dân chủ Xã hội chủ nghĩa mà chúng ta chỉ tập trung vào việc nhân dân thực hiện quyền làm chủ chủ yếu bằng Nhà nước và thông qua các tổ chức chính trị quần chúng, không chú ý đầy đủ đến những điều kiện để nhân dân thực hiện trực tiếp quyền dân chủ của mình trong và qua các hoạt động sống hàng ngày ở cơ sở, địa phương. Làm chủ gián tiếp, làm chủ thông qua đại diện trong các tổ chức của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng là một tất yếu khách quan, trong đó Nhà nước là yếu tố quan trọng nhất. Nhà nước, cơ quan chính quyền các cấp là do dân lập ra. Nhà nước là của dân, do dân và vì dân thì nhân dân phải thực sự là người kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan và cán bộ, công chức Nhà nước, có quyền bãi nhiệm họ khi họ không còn đủ tín nhiệm với bất kỳ lý do chính đáng nào. Nhưng thực tế cho thấy, trên nhiều lĩnh vực nhân dân không có quyền kiểm tra, kiểm soát thực sự. Cán bộ, chính quyền các cấp dường như là người đứng trên nhân dân, chỉ chịu sự kiểm tra giám sát của cấp trên. Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý dựa vào chức vụ, quyền lực do nhân dân giao để hạch sách, gây phiền hà cho nhân dân mỗi khi có việc phải tới "*cửa chính quyền*". Thậm chí có trường hợp cậy quyền thế ức hiếp, trù dập thậm tệ người vô tội. Nhân dân không thực hiện được quyền bãi nhiệm của mình khi cán bộ nào đó mắc khuyết điểm. Cán bộ mắc khuyết điểm ít chịu hình thức kỷ luật công khai, mà chủ yếu là "*xử lý nội bộ*" hoặc chuyển sang công tác khác. Không ít trường hợp cán bộ mắc khuyết điểm, dư luận rất bất bình mà vẫn được "*cất nhắc lên*" đảm nhận chức vụ cao hơn. Đó là thứ dân chủ hình thức chứa đựng nhiều bất bình đẳng, áp đặt từ trên xuống, chứa đựng cả

những yếu tố đặc quyền, đặc lợi, đẳng cấp, gia trưởng Phong kiến. Hạn chế này đã được Đảng, Nhà nước ta nhận thức, đánh giá nghiêm túc và từng bước khắc phục trong thời gian gần đây.

Vì phạm quyền dân chủ của nhân dân không đơn giản là sự lấn quyền tự phát của một số người nắm trong tay quyền lực công cộng, mà còn là biểu hiện của vấn đề tư tưởng Phong kiến. Do tư tưởng địa vị, đẳng cấp, gia trưởng chi phối, một số cán bộ tự coi mình là “*ông chủ*”, tự cho rằng chỉ mình mới là người có khả năng hiểu được các vấn đề chính trị, xã hội phức tạp, còn nhân dân thì không. Tệ hại hơn, một số người đi đến che đậy, bưng bít sự thật, bóp méo, xuyên tạc sự thật nhằm đạt được mục đích cá nhân. Không ít trường hợp họ sa vào căn bệnh hình thức, bảo vệ danh dự một cách giả tạo bằng cách phô trương hình thức, lảng tránh thực trạng khó khăn, đặt ra những khoản thu phí lý, tùy tiện, bắt nhân dân phải gánh chịu. Tình trạng đó còn cho ta thấy sự tồn tại của tính cát cứ, địa phương chủ nghĩa. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng bất ổn định ở một số địa phương vừa qua.

Trên lĩnh vực tư tưởng, tư tưởng địa vị, đẳng cấp, gia trưởng là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng thiếu dân chủ, tình trạng thiếu tự do tư tưởng, tranh luận khoa học, do đó dẫn đến bệnh giáo điều chủ nghĩa ở một bộ phận cán bộ. Thiếu dân chủ trong tư tưởng, trong công tác lý luận là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng trì trệ xuôi chiều, giáo điều, kinh nghiệm trong cán bộ và nhân dân. Những căn bệnh này dẫn đến hạn chế lớn về tư duy của cán bộ nhân dân ta, ảnh hưởng nghiêm trọng tới công cuộc xây dựng Chủ nghĩa Xã hội trước đây. Cần lưu ý rằng, các nguyên lý lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin, bản chất và nguyên tắc sinh hoạt Đảng hoàn toàn đối lập với căn bệnh nói trên. Song, do ảnh hưởng của tâm lý, tư tưởng cũ, trong những hoàn cảnh nhất định, bệnh thiếu dân chủ vốn có nguồn gốc từ tình trạng xã hội kém phát triển có khả năng tự phát, gây ảnh hưởng xấu trong một bộ phận cán bộ.

Tàn dư của tư tưởng Phong kiến ảnh hưởng đến tình trạng thiếu dân chủ còn có chiều từ sự hạn chế trong năng lực làm chủ của nhân dân. Quyền dân chủ được quy định bởi Hiến pháp, Pháp luật của Nhà nước, song tự nó không trở thành hiện thực mà phải qua hoạt động tích cực của chủ thể. Nhân dân ta được cách mạng giác ngộ, đã tự ý thức được quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Nhưng do điều kiện lịch sử quy định, nhân dân Việt Nam chưa có điều kiện thực hiện dân chủ một cách đầy đủ. Vì vậy, khi cách mạng đem lại quyền dân chủ cho nhân dân, thì dân chủ vẫn còn như món quà vừa mong đợi, vừa cao xa lạ lẫm. Sau nhiều năm xây dựng Chủ nghĩa xã hội, dân chủ đã gần gũi hơn với mọi tầng lớp nhân dân, song đến nay việc xây dựng và thực hiện nền *Dân chủ xã hội chủ nghĩa* ở nước ta vẫn là vấn đề có nhiều hạn chế lớn trong cả nhận thức và tổ chức thực hiện.

Ưu điểm lớn, thuận lợi cơ bản trong thực hiện quyền dân chủ của nhân dân ta là có sự lãnh đạo của Đảng, có hệ thống chính trị, Nhà nước Xã hội chủ nghĩa vững mạnh, đại bộ phận cán bộ, nhân dân trung thành với lý tưởng Xã hội chủ nghĩa. Một trong những hạn chế lớn nhất là trình độ dân trí nước ta còn thấp. Năm 2000 đánh dấu việc hoàn thành việc xoá nạn mù chữ và phổ cập tiểu học trong cả nước, nhưng chống tái mù chữ vẫn còn phải đặt ra. Việc đảm bảo cho 100% trẻ em trong độ tuổi đi học được cấp sách tới trường còn là vấn đề chưa thể giải quyết

triệt để. Mặc dù chúng ta đã đạt được mục tiêu xoá nạn mù chữ và phổ cập tiểu học, nhưng vẫn còn có thất học, bỏ học. Đặc biệt là ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa. Giáo dục đại học vẫn ở mức thấp so với các nước trong khu vực và thế giới. Giáo dục dạy nghề đang gặp những khó khăn lớn bởi đầu ra, sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp sau khi tốt nghiệp còn rất khó tìm được việc làm. Với trình độ học vấn như vậy, thì vẫn còn số đông nhân dân chưa đủ khả năng nhận thức đầy đủ về dân chủ, quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong nền dân chủ đó. Nhiều người vẫn quan niệm làm chính trị là chức năng của các cấp lãnh đạo, coi chính trị như là cái gì đó vừa cao siêu vừa phức tạp,...tốt nhất là tuân theo hoặc làm cho xong chuyện. Đây là điều kiện "tốt" để một số cán bộ lợi dụng trong khi thực hiện nhiệm vụ của mình, lấn lướt quyền hạn, vi phạm pháp luật, vi phạm quy chế dân chủ.

Tàn dư tư tưởng Phong kiến còn tác động trực tiếp đến nhận thức và hành vi ứng xử mang tính chính trị xã hội hàng ngày của người cán bộ, công chức. Tư tưởng địa vị, đẳng cấp, gia trưởng vẫn là tác nhân nổi bật. Xã hội bao giờ cũng đòi hỏi một trật tự, với một hệ thống các vị trí của các cá nhân khác nhau, xuất phát từ phân công lao động xã hội và quan hệ xã hội. Người có tư tưởng địa vị phân biệt con người từ nghề nghiệp, gia sản đến chức vụ của họ. Theo họ, quản lý không phải là một nghề mà là một địa vị, là cơ hội, điều kiện tốt để thoả mãn ham muốn quyền lực hoặc thu lợi bất chính hoặc tìm kiếm danh vọng. Tư tưởng đó đã kích thích người ta dấn thân vào sự ganh đua để được giữ chức này, chức nọ mà quên đi mục đích, nhiệm vụ phấn đấu với động cơ tốt đẹp, nhằm cống hiến sức mình nhiều nhất cho lý tưởng cách mạng. Người có tư tưởng địa vị- vụ lợi là người tìm mọi cách để được "lọt mắt" cấp trên, ganh đua, bon chen với đồng nghiệp, đồng cấp để tìm cơ hội tiến thân. Như trên đã trình bày, do chạy theo địa vị, đã có một số trường hợp "đấu đá" lẫn nhau, phân chia "ghế" này "ghế" nọ, vi phạm nguyên tắc dân chủ trong bầu cử hoặc lẫn tránh sự giám sát của quần chúng.

Điều đáng ngại là cán bộ lãnh đạo, quản lý có tư tưởng địa vị là người thường tự cho mình đứng trên tập thể, quần chúng, đối lập với quần chúng. Trong mắt của họ nhân dân chỉ là người "dân đen" bảo sao nghe vậy, là đối tượng quản lý, sai khiến, chịu sự ban bố ân huệ của họ. Vì vậy, thay vì tổ chức, lãnh đạo nhân dân thực hiện đường lối cách mạng của Đảng, họ "sử dụng" nhân dân theo ý đồ riêng. Để củng cố địa vị của mình, trước hết, họ lo tạo lập phe cánh, lợi dụng chức quyền đưa người thân, người cùng cánh đưa vào các cương vị cần thiết thông qua bầu cử cũng như các khâu khác của công tác cán bộ. Dần dần những "ê kíp", "ô dù" được hình thành. Đây chính là những tiền đề của tệ tham nhũng tập thể, có tổ chức, có tính toán. Đối với những vụ việc như vậy sự kiểm tra, giám sát của Nhà nước của nhân dân khó làm rõ được.

Tư tưởng gia trưởng gắn liền với tư tưởng địa vị, đẳng cấp; chúng bổ sung cho nhau. Gia trưởng là hiện tượng thu tóm mọi quyền lực một cách độc đoán dựa trên cơ sở sự thừa nhận của xã hội về địa vị kinh tế của người chủ gia đình. Người cán bộ mắc bệnh gia trưởng không chỉ biến cơ quan, đơn vị thành của riêng (gia đình), mà còn điều khiển mọi hoạt động của cơ quan, đơn vị theo lối gia trưởng, độc đoán, chuyên quyền, coi thường ý kiến tập thể, ý kiến người khác.

Người cán bộ gia trưởng là người khát khao quyền lực độc tôn, ham muốn địa vị và thực hiện quyền lực đối với người khác. Đây không phải hành vi giáo dục đơn thuần như một số người quan niệm. Cách làm việc gia trưởng, tác phong gia trưởng ở người cán bộ lãnh đạo, là hành vi ứng xử chính trị xã hội, do đó ảnh hưởng của nó vượt qua phạm vi quan hệ giữa các cá nhân. Độc đoán, chuyên quyền theo lối gia trưởng của cán bộ là sự vi phạm quyền dân chủ của nhân dân một cách trầm trọng. Cần phân biệt hoạt động của người cán bộ có tinh thần năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, quyết đoán theo yêu cầu nhiệm vụ với hành vi chuyên quyền, độc đoán của những cán bộ gia trưởng nhằm đạt kết quả tạm thời, không tính đến hậu quả lâu dài.

Hiện nay, ở nước ta vẫn còn tình trạng phân biệt cán bộ và nhân dân theo kiểu "*trọng quan*". Pháp luật được áp dụng nghiêm minh hơn với nhân dân, còn đối với cán bộ thì "*nhẹ lý nặng tình*". Người cán bộ mắc khuyết điểm, vi phạm Pháp luật như tham nhũng, làm thất thoát tài sản xã hội một khối lượng lớn... nhưng chỉ "*xử lý nội bộ*" rồi chuyển sang công tác khác, không chịu trách nhiệm trước Pháp luật. Cách làm này không phải bảo vệ cán bộ, bảo vệ uy tín Đảng, Nhà nước, mà ngược lại góp phần tạo tâm ra lý ỷ lại, coi thường luật pháp ở một bộ phận cán bộ. Thường xuyên kiểm tra và phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh ngay từ đầu những cán bộ vi phạm luật pháp cũng như điều lệ Đảng, kết hợp chặt chẽ với công tác đấu tranh phê bình và tự phê bình đối với cán bộ là biện pháp hữu hiệu nhất để bảo vệ và phát triển đội ngũ cán bộ trước những nguy cơ của chủ nghĩa cá nhân, đồng thời cũng là biện pháp để thực hiện quyền dân chủ của nhân dân.

Từ khi thực hiện đổi mới toàn diện của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, tình trạng thiếu dân chủ, mất dân chủ đã từng bước được thu hẹp lại. Phù hợp với dân chủ hoá trong kinh tế, Đảng chủ trương dân chủ hoá trong chính trị và tư tưởng. Dân chủ xã hội đã, đang được nhận thức lại với nội dung toàn diện của nó. Quyền dân chủ của nhân dân được phát huy một bước. Song, tư tưởng địa vị, đẳng cấp, gia trưởng chưa mất đi, mà nó gặp những điều kiện mới, đồng minh mới trong mặt trái của cơ chế thị trường. Do những sơ hở khó tránh khỏi trong quá trình chuyển đổi cơ cấu và cơ chế quản lý kinh tế – xã hội, do những yếu kém, lúng túng trong nền kinh tế mới... ít nhiều đã tạo cơ hội "*làm giàu*" nhanh chóng cho những ai có tư tưởng cá nhân chủ nghĩa. Một lần nữa, tư tưởng địa vị, đẳng cấp lại được kích thích mạnh mẽ; cái lỗi thời lạc hậu chẳng những không mất đi trong cơ chế thị trường, mà ngược lại chúng lại bắt gặp mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bành trướng ở mức độ nhất định. Người có cách nhìn máy móc siêu hình sẽ coi tất cả các hiện tượng tiêu cực chỉ đơn giản như một tất yếu của hiện thực, không nhận thức được nguồn gốc tư tưởng xã hội của nó. Đây thực sự là một khuynh hướng tư tưởng cần chú ý, bởi lẽ nó đang gây tác động xấu trong cán bộ và nhân dân ta.

Nhìn chung xã hội Phong kiến và các xã hội nông nghiệp, văn hoá không biến đổi lớn trong thời gian dài. Các xã hội này, bối cảnh sinh thái và dân chúng tương đối ổn định và ít tiếp xúc với các văn hoá khác. Tuy nhiên, phần lớn xã hội trong thế giới chúng ta ngày nay đều bị các nhân tố kích thích phải thay đổi văn hoá. Kết quả thay đổi văn hoá bắt đầu từ nhiều nguồn gốc và yếu tố khác nhau.

Việt Nam hiện nay đang đổi mới đất nước, việc thay đổi cơ cấu xã hội kéo theo một loạt thay đổi có tính chất toàn diện ở con người là nguyên nhân biến đổi, tiếp biến văn hoá.

hính vì vậy, khắc phục ảnh hưởng tiêu cực của tư tưởng Phong kiến, kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống của di sản văn hoá dân tộc trong sự nghiệp đổi mới hiện nay cũng là một trong những giải pháp quan trọng để thực hiện việc mở rộng dân chủ, tập trung trí tuệ của đông đảo các tầng lớp nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam Xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân.

Từ những phân tích trên, chúng ta có thể nhận thức rằng: Tư tưởng phong kiến Việt Nam là sự phản ánh chế độ phong kiến Việt Nam, là sản phẩm của sự kết hợp giữa tư tưởng truyền thống bản địa của người Việt với các tư tưởng lớn từ bên ngoài vào, trong đó tư tưởng Nho giáo là chủ yếu. Bản chất của tư tưởng phong kiến Việt Nam có những hình thái biểu hiện phong phú. Dưới góc độ triết học, tư tưởng phong kiến Việt Nam có tính chất duy tâm, siêu hình, phiến diện. Chủ yếu thể hiện ở cấp độ kinh nghiệm. Dưới góc độ chính trị, tư tưởng phong kiến là tư tưởng quân chủ chuyên chế và đức trị. Dưới góc độ đạo đức, tư tưởng phong kiến mang tính địa vị, đẳng cấp, gia trưởng, cục bộ, trọng nam khinh nữ, xem thường lớp trẻ và đạo đức giả. Những tàn dư của tư tưởng phong kiến còn tồn tại khá đậm trong xã hội hiện nay ở nước ta dưới nhiều hình thức đan xen phức tạp, gây nên những ảnh hưởng tiêu cực trong việc thực hiện dân chủ và cải cách nền hành chính Nhà nước.

Ảnh hưởng tiêu cực của tư tưởng phong kiến trong cán bộ và nhân dân ta diễn ra trên các mặt đạo đức, lối sống, nhận thức và thực hiện dân chủ, thể hiện trong thế giới quan, phong cách tư duy, thể hiện ở tư tưởng địa vị, đẳng cấp, thói gia trưởng độc đoán, cục bộ địa phương, thiếu dân chủ, bệnh giáo điều chủ nghĩa và kinh nghiệm chủ nghĩa;... Tuy nhiên, điều quan trọng cần phải xem xét là trong điều kiện hiện nay có những giá trị nào của hệ tư tưởng phong kiến vẫn còn là giá trị tích cực, phù hợp với yêu cầu xây dựng, phát triển đất nước theo định hướng Xã Hội Chủ Nghĩa. Những giá trị đó có sự tác động đến mức độ nào đối với con người Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó chúng ta có thể kế thừa, vận dụng một cách đúng đắn, tránh thái độ phủ định sạch trơn, đồng thời cũng khắc phục tư tưởng muốn nối truyền thống với hiện đại một cách chủ quan khi một số giá trị truyền thống đã đi vào khủng hoảng, trì trệ và lạc hậu. Điều đó chỉ có thể thực hiện được khi tiến hành xây dựng đồng bộ và thực hiện các thiết chế dân chủ ở cơ sở.

Ảnh hưởng tiêu cực của tư tưởng phong kiến đối với đội ngũ cán bộ và nhân dân ta trong quá trình thực hiện Quy chế dân chủ và cải cách hành chính là một tất yếu lịch sử khó tránh khỏi. Các tàn dư tư tưởng phong kiến lạc hậu và những tác động tiêu cực của chúng trong quá trình xây dựng Chủ Nghĩa Xã Hội, xây dựng và củng cố Nhà nước pháp quyền ở nước ta sẽ dần dần giảm đi bởi sự phát triển của nền kinh tế - xã hội, đặc biệt là trong tiến trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước và sự chuyển đổi cơ chế nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường.

Muốn khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực của tư tưởng phong kiến, chúng ta phải thực hiện một hệ thống các biện pháp khoa học để cải tạo toàn diện và triệt để cơ sở kinh tế – xã hội của đất nước. Cần phải kết hợp chặt chẽ giữa cải tạo kinh tế – xã hội với đấu tranh tư tưởng mà nhiệm vụ trọng tâm là phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần định hướng Xã Hội Chủ Nghĩa; kết hợp đổi mới kinh tế với đổi mới các lĩnh vực đời sống xã hội, thực hiện càng ngày càng đầy đủ hơn.

2. PHÁT HUY QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN, XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN VÀ THỰC HIỆN CÁC THIẾT CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ.

Hơn 70 năm lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh giành độc lập và xây dựng Chủ nghĩa xã hội, Đảng ta bao giờ cũng coi dân chủ là một nội dung quan trọng trong đường lối cách mạng của mình. Mở rộng dân chủ Xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, vừa là mục tiêu vừa là động lực để nhân dân ta vượt qua khó khăn, thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ của chiến lược, lại vừa là bản chất, là đặc trưng của chế độ mới.

Những yếu tố dân chủ, tinh thần dân chủ, *“Lấy dân làm gốc”, “coi dân là trọng”* vốn đã hình thành trong lịch sử dựng nước và giữ nước của nhân dân ta từ mấy nghìn năm trước, đã được Đảng ta kế thừa và phát huy trong điều kiện mới. Khi đất nước còn sống trong cảnh nô lệ, bị Thực dân và Phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề, thấu hiểu khát vọng độc lập, tự do và dân chủ của dân, tin dân, dựa vào dân, Đảng ta chỉ với mấy nghìn Đảng viên đã dũng cảm phát động nhân dân cả nước đứng lên giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám. Khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta thông qua Tổng tuyển cử trực tiếp để lập nên Nhà nước mới. Có Nhà nước mới, nhân dân ta vừa thực hiện quyền làm chủ đất nước thông qua các cơ quan dân cử vừa làm chủ trực tiếp mọi mặt trên địa bàn cư trú của mình.

Tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, Đảng ta đã khơi dậy tinh thần yêu nước, mưu trí, sáng tạo của các giới, các ngành, của đồng bào trong cả nước trong cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền Cách mạng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, đồng tâm nhất trí tiến hành thắng lợi các cuộc kháng chiến chống xâm lược, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ, thống nhất đất nước, đưa cả nước tiến vào thời kì quá độ lên Chủ nghĩa xã hội.

Biết bao khó khăn, gian khổ, tưởng chừng khó vượt qua mà đất nước ta đã gặp, đã phải đương đầu trên các chặng đường phát triển của Cách mạng Việt Nam. Lúc thì phong trào bị khủng bố trắng, nhiều cơ sở Đảng bị địch đánh phá, đàn áp khốc liệt. Lúc thì bị địch bao vây, lăm le dùng lực lượng quân sự để bóp chết chính quyền Cách mạng còn non trẻ. Lúc thì bị địch dùng chiến tranh tổng lực, sử dụng những đội quân tinh nhuệ trang bị cực kì hiện đại để quyết phá tan các cơ sở Đảng và lực lượng vũ trang ở Miền Nam, bóp chết Cách mạng ở Miền Nam, đưa Miền Bắc trở về thời kì đồ đá! Cũng có lúc chúng ta phạm sai lầm trong những trường hợp cụ thể. Tất cả những trở lực to lớn ấy chúng ta đã vượt qua được, đã khắc phục được, là do Đảng ta đã thực hiện được lời dạy của Bác Hồ: *“Để trăm lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong”* tin dân, dựa hẳn vào

dân, nên được dân tin yêu và hết lòng ủng hộ. Chính nhân dân ta là người đã hy sinh tính mệnh, của cải để bảo vệ Đảng, bảo vệ Cách mạng, sẵn sàng gửi con em ruột thịt và lương thực quý hiếm của mình ra tiền tuyến trong cuộc chiến tranh giải phóng suốt 30 năm. Nhân dân vừa bám trụ giữ Làng, giành đất với địch từng tấc đất, vừa dỡ nhà lát đường cho xe ra trận, lại vừa sáng tạo ra muôn vàn cách đánh, từ cách đánh du kích trên mặt đất, mặt nước, đến đấu trí đấu lực với địch bằng phương tiện hiện đại và thắng địch rất oanh liệt ở trên không. Khi hoà bình, đất nước rơi vào tình trạng khủng hoảng kinh tế- xã hội, chính nhân dân là người đã chủ động khắc phục khó khăn, tìm tòi ra những cách mới, sáng tạo ra những mô hình mới trong nông nghiệp, trong công nghiệp, trong phân phối lưu thông để giúp Đảng ta nghiên cứu, tổng kết xây dựng thành đường lối đổi mới toàn diện. Qua chặng đường lịch sử vẻ vang của dân tộc, chúng ta thấy rõ cội nguồn của thắng lợi là sức mạnh của nhân dân, của các thế hệ người Việt Nam đã hi sinh anh dũng cho sự nghiệp vẻ vang của Đảng, của dân tộc, để khẳng định bài học về phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Đó là bài học đã giúp chúng ta vượt qua mọi thử thách, gian lao và giành được thắng lợi.

Trong những năm của thời kỳ đổi mới, thực hiện các Nghị quyết của Đảng, quyền làm chủ của nhân dân đã được Đảng và Nhà nước ta phát huy thêm một bước; thể hiện rõ trong nhiều chính sách đổi mới về kinh tế, chính trị, xã hội, đã giải phóng tiềm năng to lớn về vật chất và trí tuệ của nhân dân, nhờ đó mà sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc đạt được những thành tựu to lớn. Tuy nhiên, quyền làm chủ của nhân dân còn bị vi phạm ở nhiều nơi, trên nhiều lĩnh vực; tệ quan liêu, mệnh lệnh, cửa quyền, tham nhũng, sách nhiễu, gây phiền hà cho dân vẫn đang phổ biến và nghiêm trọng mà chúng ta chưa ngăn chặn, đẩy lùi được. Phương châm " *Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*" chưa được cụ thể hoá và thể chế hoá thành pháp luật, cho nên chậm đi vào cuộc sống. Tình trạng mất dân chủ, không để dân bàn bạc và quyết định những công việc cụ thể liên quan trực tiếp đến đời sống của người dân, bắt dân đóng góp nhiều khoản vượt quá khả năng, lại không minh bạch về tài chính, thậm chí còn xà xẻo vào những khoản tiền đóng góp như ở một số xã thuộc tỉnh Thái Bình và những nơi khác; tình trạng để tồn đọng hàng vạn đơn khiếu tố bị dùn đẩy không giải quyết hoặc giải quyết không kịp thời, không đúng; tình trạng quan liêu, quản lý lỏng lẻo để thất thoát lớn trong một số ngân hàng hoặc gây lãng phí lớn trong xây dựng cơ bản.v.v... chẳng những làm suy giảm lòng tin của dân đối với Đảng và chính quyền Nhà nước mà còn làm triệt tiêu nguồn động lực của nhân dân và xâm phạm vào bản chất tốt đẹp của chế độ. Vì vậy, các cấp uỷ Đảng và Chính quyền phải quán triệt sâu sắc và chấp hành nghiêm chỉnh các Nghị quyết Trung ương mà cốt lõi nội dung là phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng và quản lý Nhà nước. Mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân phải được thể hiện trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, từ xây dựng luật pháp, cơ chế, chính sách đến tổ chức bộ máy, phong cách làm việc, bao quát hoạt động của mọi cấp, mọi ngành, từ Trung ương đến địa phương và cơ sở. Vấn đề dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân để phát huy động lực, thực hiện mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá, làm cho dân giàu

nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh phải được đặt ra cho cả hệ thống chính trị, phải tác động hai chiều dưới lên, trên xuống, cả trong Đảng và trong nhân dân.

Cùng với việc triển khai một cách toàn diện và đồng bộ phát huy quyền làm chủ của dân ở mọi lĩnh vực, mọi cấp, Nghị quyết của Bộ Chính trị đã xác định *lúc này khâu quan trọng và cấp bách trước mắt là phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở*. Vì cơ sở là nơi đông đảo nhân dân (Bao gồm nông dân, công nhân, cán bộ, công chức, viên chức, quân nhân và các thành phần lao động khác) sinh sống hàng ngày. Cơ sở là nơi sản xuất, kinh doanh, lao động, học tập, nơi nảy sinh nhiều yêu cầu bức xúc hàng ngày về đời sống kinh tế, xã hội, chính trị, nơi trực tiếp thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Cơ sở là nơi nhân dân đang có nhiều đòi hỏi về làm chủ và cũng là nơi có điều kiện thực hiện quyền dân chủ của nhân dân một cách trực tiếp và rộng rãi nhất. Thực hiện dân chủ ở cơ sở sẽ thúc đẩy cải cách hành chính, sửa đổi những cơ chế, chính sách và thủ tục hành chính không phù hợp với cuộc sống. Nhân dân ở cơ sở thực hiện quyền làm chủ, tham gia kiểm tra, kiểm soát sẽ tích cực xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể, trong sạch, vững mạnh, tích cực đấu tranh bài trừ tệ nạn quan liêu, tham nhũng, lãng phí và thực hành tiết kiệm.

Thực tiễn cho thấy, muốn phát huy được quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân ở cơ sở, Đảng phải lãnh đạo, phải có quan điểm, chính sách lớn để định hướng, đồng thời phải xây dựng được *thiết chế dân chủ ở cơ sở* một cách cụ thể, phù hợp với từng đối tượng dân cư. Đó là những quy định pháp lý do Nhà nước ban hành, mang tính bắt buộc mọi người, mọi tổ chức phải nghiêm chỉnh thực hiện. Các quan điểm chỉ đạo việc xây dựng các *thiết chế dân chủ ở cơ sở* đã được Chỉ thị số 30/CT- TW ngày 18 tháng 02 năm 1998 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng và thực hiện *Quy chế dân chủ ở cơ sở* nêu lên một cách toàn diện . Điều cần nhấn mạnh là phát huy quyền làm chủ của nhân dân trước hết là nhân dân lao động nói chung và việc xây dựng thiết chế dân chủ cơ sở nói riêng, phải được đặt trong cơ chế tổng thể "*Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ*". Ba mặt đó quan hệ chặt chẽ với nhau, không thể chỉ nhấn mạnh một mặt mà coi nhẹ, hạ thấp những mặt khác. Bởi vì, Đảng có tăng cường lãnh đạo, Nhà nước có quản lý tốt, có cơ chế chính sách đúng thì nhân dân mới thực hiện được quyền làm chủ của mình trên thực tế.

Phát huy quyền làm chủ của nhân dân phải chú trọng cả hai mặt: vừa phát huy chế độ dân chủ đại diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp, vừa thực hiện từng bước vững chắc chế độ dân chủ trực tiếp, trước hết ở cấp cơ sở mà cốt lõi là nhân dân bàn bạc và quyết định trực tiếp những công việc quan trọng thiết thực, gắn liền với lợi ích của mình. Dân chủ phải gắn liền với dân sinh, dân trí, thúc đẩy kinh tế, văn hoá- xã hội cùng phát triển. Dân chủ phải đi đôi với kỷ cương, trật tự, dân chủ được thể chế hoá thành pháp luật và dân chủ trong khuôn khổ Hiến pháp, Pháp luật; quyền hạn gắn liền với trách nhiệm, lợi ích đi đôi với nghĩa vụ; chống quan liêu mệnh lệnh, tham nhũng, lãng phí, đồng thời chống tình trạng vô Chính phủ, lợi dụng dân chủ vi phạm pháp luật. Dân chủ cao thì kỷ luật phải nghiêm. Kỷ

luật có nghiêm mới đảm bảo việc mở rộng dân chủ một cách có chất lượng và hiệu quả. Đó là mối quan hệ biện chứng gắn bó qua lại, khăng khít với nhau.

Các cơ quan chức năng hiện nay đang xây dựng và tiếp tục hoàn thiện các *thiết chế dân chủ ở cơ sở* phù hợp với từng đối tượng xã, phường, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, trường học, bệnh viện, viện nghiên cứu khoa học, v.v.... Nội dung các thiết chế đó quy định quyền của mọi người dân được thông tin về các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là những vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống hàng ngày của nhân dân tại cơ sở; có chế độ và hình thức báo cáo công khai trước nhân dân công việc của chính quyền, cơ quan, đơn vị về sản xuất và phân phối, về sử dụng tài sản công, về thu chi tài chính, công quỹ, về các khoản đóng góp của dân, về quyết toán các công trình xây dựng cơ bản, về chế độ thu và sử dụng học phí, viện phí... quy định rõ các hình thức để nhân dân, cán bộ, công chức ở cơ sở được bàn bạc và tham gia góp ý kiến vào các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ công tác chuyên môn, công tác cán bộ... của chính quyền, cơ quan, đơn vị; kết quả ý kiến đóng góp của nhân dân phải được xem xét, cân nhắc, khi chính quyền hoặc thủ trưởng ra quyết định. Đối với những công việc như huy động sức dân, huy động tiền của dân để xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi trên địa bàn, các thiết chế quy định rõ quyền nhân dân được bàn bạc và quyết định một cách dân chủ. Chính quyền, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện theo đa số ý kiến nhân dân, có sự kiểm tra giám sát của nhân dân. *Thiết chế dân chủ ở cơ sở* cần phải hoàn thiện cơ chế để nhân dân, cán bộ, công nhân, viên chức, công chức, vừa trực tiếp vừa thông qua các đoàn thể trong Mặt trận Tổ quốc, thông qua các ban Thanh tra nhân dân mà giám sát hoạt động của chính quyền, của thủ trưởng cơ quan, đơn vị. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát của nhân dân phải được tiếp thu nghiêm túc. *Thiết chế dân chủ ở cơ sở* cũng phải xác định rõ trách nhiệm tổ chức tốt việc tiếp dân, giải quyết các khiếu nại tố cáo và trả lời thắc mắc của nhân dân ở các cơ quan, chính quyền cơ sở và ở các đơn vị; nghiêm cấm mọi hành vi trù giập người khiếu nại, tố cáo. *Thiết chế dân chủ ở cơ sở* cần xác định rõ trách nhiệm của tổ chức chính quyền, thủ trưởng cơ quan, đơn vị cơ sở phải định kỳ báo cáo công việc trước dân, phải tự phê bình và tổ chức để nhân dân, công nhân, cán bộ, công chức ở cơ sở góp ý kiến, đánh giá, phê bình và nghiêm túc tiếp thu những ý kiến đóng góp, phê bình đúng đắn. *Thiết chế dân chủ ở cơ sở* cần phải mở rộng các hình thức tự quản để nhân dân tự bàn bạc và thực hiện trong khuôn khổ pháp luật các công việc mang tính xã hội hoá, có sự hỗ trợ của chính quyền, cơ quan, đơn vị như việc xây dựng *hương ước, quy ước làng Văn hoá*, xây dựng tổ hoà giải, tổ an ninh, phong trào vệ sinh môi trường, đền ơn đáp nghĩa, giúp đỡ người nghèo...

Tuỳ theo từng loại hình cơ sở mà nội dung *Thiết chế dân chủ ở cơ sở* có thể có chỗ khác nhau như phường có thể khác xã; cơ quan hành chính sự nghiệp có chỗ khác với các đơn vị sản xuất kinh doanh... nhưng về nguyên tắc các *Thiết chế dân chủ ở cơ sở* đều phải quy định rõ những loại việc gì dân phải được bàn, được đóng góp ý kiến trước khi các cơ quan chính quyền cơ sở, các thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo ý kiến đa số của dân; những loại việc gì thì dân vừa được bàn vừa được trực tiếp quyết định luôn; những loại việc gì dân được trực tiếp kiểm tra

và cách thức kiểm tra như thế nào để đảm bảo được dân chủ, khắc phục được tiêu cực mà không tạo ra kẽ hở cho phần tử xấu lợi dụng kích động, gây rối, làm mất trật tự kỷ cương xã hội.

Xây dựng và thực hiện *Thiết chế dân chủ ở cơ sở* phải được coi là một bước tiến mới trong việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân, là nét mới trong đời sống chính trị của xã hội ta, đáp ứng nguyện vọng sâu xa của hàng chục triệu quần chúng nhân dân theo Đảng làm Cách mạng.

Thông qua một hình thức văn bản pháp luật thích hợp, các *Thiết chế dân chủ ở cơ sở* được Nhà nước ban hành. Khi đã ban hành, vấn đề quyết định là phải tổ chức thực hiện thế nào cho tốt. Qua khảo sát thực tế cho thấy, việc tổ chức thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết, các văn bản Pháp luật thường vẫn là khâu yếu kém trong công tác lãnh đạo và quản lý của Đảng và Nhà nước ta. Để các *Thiết chế dân chủ ở cơ sở* khi được ban hành thực sự đi vào cuộc sống, thực sự trở thành sức mạnh tinh thần và vật chất của xã hội, thúc đẩy xã hội nước ta phát triển theo định hướng Xã hội Chủ nghĩa, các cấp, các ngành từ Trung ương tới địa phương, cơ sở cần phải nắm vững phương châm, phương pháp tiến hành đã được nêu rõ trong Chỉ thị số 30/CT- TW ngày 18 tháng 02 năm 1998 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; phải quán triệt *Quy chế dân chủ* đã được Chính phủ ban hành.

- *Phải quán triệt thực hiện dân chủ trong Đảng rồi mới thực hiện rộng rãi trong dân.* Nhận thức tư tưởng của cán bộ, Đảng viên trong Đảng phải thông suốt với chủ trương của Đảng về việc xây dựng và thực hiện *Thiết chế dân chủ ở cơ sở* nói riêng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân nói chung; phải tự phê bình và phê bình nghiêm túc trong Đảng bộ, Chi bộ về những nhận thức không đúng đối với quyền làm chủ ở cơ sở của nhân dân cũng như những việc làm sai trái đã xâm phạm tới quyền làm chủ của nhân dân và đề ra biện pháp sửa chữa, sau đó mới đưa ra dân, báo cáo với dân, và yêu cầu nhân dân góp ý kiến.

- *Phải tiến hành từng bước vững chắc, không làm lán lướt, ô ạt.* Cấp uỷ cấp trên phải trực tiếp chỉ đạo điểm, rút kinh nghiệm, bồi dưỡng cán bộ rồi mới triển khai, mở rộng. Có thể bắt đầu từ cơ sở xã phường, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước rồi rút kinh nghiệm mở dần ra các loại hình cơ sở khác. Ở cơ sở xã phường, cần kết hợp với phổ biến áp dụng thiết chế dân chủ mà bàn bạc xử lý những tồn đọng cũ, thường tập trung vào mấy vấn đề nổi cộm như vấn đề sử dụng ruộng đất, huy động đóng góp, vấn đề tài chính và công tác cán bộ.

- *Phải qua tự phê bình trong nội bộ và qua phê bình nhận xét của nhân dân mà biểu dương những cán bộ, Đảng viên và những người dân tốt, gương mẫu, xử lý nghiêm khắc những cán bộ, Đảng viên và những người dân có sai phạm.* Việc xử lý cán bộ, Đảng viên và người sai phạm phải nghiêm minh, có lý có tình, lấy giáo dục làm chính; những người sai phạm đã qua, nếu thành khẩn kiểm điểm và tích cực sửa chữa thì được xem xét giảm nhẹ hình thức kỷ luật; nếu không sửa chữa hoặc tái phạm thì phải xử lý nghiêm khắc hơn.

Quán triệt và vận dụng tốt những quan điểm và chỉ đạo của Đảng trong quá trình tổ chức, xây dựng và thực hiện các *Thiết chế dân chủ ở cơ sở* đây là yếu tố rất quan trọng để đảm bảo thành công. Trong Đảng có sinh hoạt dân chủ, có

gương mẫu thực hiện tự phê bình và phê bình nghiêm túc, có thường xuyên giáo dục và quản lý tốt Cán bộ, Đảng viên thì trong cơ quan chính quyền và ngoài xã hội mới có dân chủ. Nếu trong Đảng bộ, chi bộ không thường xuyên tự phê bình và phê bình nghiêm túc, không coi trọng công tác giáo dục và quản lý Đảng viên, nể nang nương nhẹ, thậm chí bao che cho những hành vi tiêu cực của Cán bộ Đảng viên thì khuyết điểm nhỏ sẽ phát triển dần thành khuyết điểm lớn, một người mắc khuyết điểm sẽ kéo theo nhiều người mắc khuyết điểm. Kết quả là dân mất lòng tin, hiệu lực lãnh đạo của Đảng ở cơ sở bị giảm sút, các căn bệnh quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, hối lộ và lãng phí có đất để phát triển.

Thực tiễn xử lý những vụ việc tiêu cực, mất dân chủ ở một số xã thuộc tỉnh Thái Bình và những nơi khác cho thấy, không ít cán bộ, Đảng viên có chức trách trong Đảng và chính quyền đã mắc khuyết điểm lúc đầu cũng nhẹ, nhưng tổ chức Đảng và chính quyền không thực hiện việc đấu tranh phê bình và tự phê bình một cách kịp thời, nghiêm túc, người mắc khuyết điểm không nhận khuyết điểm trước dân, không tìm biện pháp kiên quyết khắc phục, trái lại còn thành kiến, hách dịch trù dập những người đã thẳng thắn phê bình, nên bầu không khí xã hội trên địa bàn trở thành căng thẳng, thôn xóm mất đoàn kết. Không chịu nổi nỗi uẩn ức lâu ngày, nhiều người kéo đi kêu kiện lên cấp trên, nhưng cấp trên lại né tránh, dùn dầy, chậm giải quyết, hoặc giải quyết không thoả đáng, cho nên những người thiếu thiện ý, hoặc thiếu thông tin chính xác, nhân đó kích động thêm vào, thế là cơ sở trở thành "*điểm nóng*". Giống như một đốm than nhỏ rơi vãi, không kịp thời "*xử lý*", gặp gió to nó bốc thành đám cháy lớn và lan rộng. Việc xây dựng và thực hiện *Thiết chế dân chủ ở cơ sở* phải lấy biện pháp dân chủ, đấu tranh tự phê bình và phê bình một cách nghiêm túc, đúng mực, từ trong Đảng, trong chính quyền rồi ra đến nhân dân để xử lý những khuyết điểm tiêu cực đã qua và ngăn chặn những tiêu cực mới có thể phát sinh. Đối với những người mắc sai lầm, khuyết điểm nặng tất nhiên phải xử lý nghiêm theo kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước, không được nương nhẹ. Tuy nhiên xử lý theo hình thức nào cũng phải đảm bảo dân chủ, công minh, không quy chụp thô bạo. Dùng biện pháp dân chủ để xây dựng đời sống dân chủ, không dùng những biện pháp phi dân chủ để khắc phục những hiện tượng mất dân chủ, chắc chắn sẽ khắc phục được nhiều khuyết điểm, tiêu cực. Không khí xã hội ở các cơ sở sẽ cởi mở, sẽ trên thuận dưới hoà, làng xóm yên vui.

Xây dựng và thực hiện *Thiết chế dân chủ ở cơ sở* đòi hỏi sự nỗ lực của mọi ngành, mọi cấp, mọi lĩnh vực hoạt động, nhưng quyết định nhất vẫn là sự tăng cường lãnh đạo của cấp uỷ Đảng. Muốn lãnh đạo đạt hiệu quả cao thì từng Đảng bộ, chi bộ, và từng Đảng viên phải tự chỉnh đốn, tự phấn đấu để trở thành đơn vị trong sạch, vững mạnh. Phải gắn kết việc xây dựng và thực hiện *Thiết chế dân chủ ở cơ sở* với công tác xây dựng Đảng. Cơ sở Đảng mà yếu kém, Đảng viên không trong sạch, dính líu đến chuyện tham ô, tham nhũng, thì không thể lãnh đạo được việc xây dựng và thực hiện *Thiết chế dân chủ ở cơ sở*. không thể đổi mới được phong cách lãnh đạo. Thực tiễn các năm qua giải quyết những vụ tiêu cực ở một số "*điểm nóng*" và thực tế qua những cơ sở làm tốt việc phát huy dân chủ đều cho thấy: Phong cách lãnh đạo của Đảng phải được đổi mới theo hướng sâu sát cơ sở, không né tránh vấn đề gai góc, nổi cộm, biết xông vào giải quyết theo phương

pháp khoa học thì ổn định được tình hình, duy trì được phong trào, ngược lại như thế thì gây ra lộn xộn và phức tạp. Chẳng hạn, trong chuyện tranh chấp đất đai, địa giới vốn thường xảy ra xô xát, nhưng Huyện uỷ bám sát cơ sở nắm vững tình hình, phân tích đúng những mâu thuẫn của sự việc, quyết cùng với nhân dân bàn bạc cách giải quyết hợp lý thì mọi việc sẽ êm thấm; xung đột ban đầu tưởng chừng to tát nhưng cuối cùng cũng hoà giải được. Cũng trường hợp tương tự nhưng ở một địa bàn khác, Huyện uỷ không sâu sát, không nắm chắc bản chất sự kiện giải pháp đưa ra để xử lý không đúng, trong khi cán bộ của Huyện lại có dính líu vào tranh chấp đó nên làm ngơ né tránh, mặc cho cơ sở tự giải quyết với nhau thì xung đột từ nhỏ hóa thành to, có nơi dẫn tới xô xát lớn hoặc kéo nhau đi kêu kiện tập thể. Lại cũng có trường hợp khi xảy ra tranh chấp, xung đột, cấp uỷ cấp trên không né tránh, cấp uỷ cơ sở không né tránh nhưng khi xử lý lại không sử dụng biện pháp dân chủ, không kiên trì vận động thuyết phục quần chúng, mà sử dụng những biện pháp không thích hợp, nên mâu thuẫn không giải quyết được mà lại càng phức tạp thêm... Vì vậy, thực tiễn đòi hỏi Đảng ta phải đổi mới phong cách lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, nâng cao trình độ xử lý các tình huống phức tạp đặt ra trong đời sống hàng ngày bằng những biện pháp dân chủ, bằng phương pháp vận động quần chúng. Có như vậy công tác lãnh đạo của Đảng mới đạt hiệu quả cao.

Tóm lại, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, chỉnh đốn Đảng, quán triệt thực hiện dân chủ trong Đảng để trên cơ sở đó phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng và thực hiện *Thiết chế dân chủ ở cơ sở* là một trong những giải pháp thiết yếu để *gắn kết việc mở rộng thực hiện dân chủ ở cơ sở với tiến trình cải cách hành chính Nhà nước*. Đó là một nhiệm vụ quan trọng đang đặt ra như một vấn đề bức xúc hiện nay. Đối với chúng ta cần phải hiểu rằng phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân, phát huy dân chủ ở từng cơ sở là để phát huy nội lực của đất nước, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Dân chủ không chỉ là mục tiêu, là động lực, là bản chất của Đảng, của chế độ mà dân chủ còn là biện pháp chiến lược để phòng chống tham nhũng, quan liêu nhằm bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, củng cố và hoàn thiện việc xây dựng Nhà nước Pháp quyền Xã hội Chủ nghĩa.

Quán triệt quan điểm và phương pháp tiến hành xây dựng và thực hiện Thiết chế dân chủ ở cơ sở có một tầm quan trọng trong việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh công cuộc cải cách hành chính, củng cố và hoàn thiện Nhà nước Pháp quyền Xã hội Chủ nghĩa như đã phân tích ở trên; khi tiến hành chỉ đạo xây dựng các *thiết chế dân chủ ở cơ sở*, các cấp uỷ Đảng và các cấp chính quyền cần thiết phải tập trung nhấn mạnh và thể hiện rõ các nội dung sau đây:

Trước hết: Thiết chế dân chủ ở cơ sở phải quy định rõ những điều nhân dân cần biết. Nhân dân phải có quyền được thông tin về những chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đặc biệt là những vấn đề liên quan trực tiếp đến vấn đề đời sống hàng ngày của dân. Đó là những quy định của Nhà nước, của địa phương về thủ tục hành chính giải quyết các công việc có liên quan đến nhân dân; những kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn và ngắn hạn ở cơ sở; những Quyết định, Nghị quyết của Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể có liên quan đến sản xuất, đời sống của nhân dân; các khoản thu chi trong ngân sách, quỹ của địa phương huy động nhân dân đóng góp; các chương trình dự án do Nhà nước, các tổ chức,

cá nhân đầu tư hỗ trợ địa phương; các chủ trương kế hoạch vay vốn phát triển sản xuất, xoá đói giảm nghèo; quy hoạch phân bổ sử dụng đất đai, sử dụng tài sản công cộng; công tác Văn hoá-xã hội, phòng chống tệ nạn, giữ gìn an ninh trật tự

Thiết chế dân chủ ở cơ sở cần quy định rõ định kỳ các nội dung, hình thức, biện pháp thông tin những vấn đề như trên đến nhân dân. Các cấp bộ Đảng, Mặt trận Tổ quốc, Ủy ban nhân dân, các đoàn thể xã hội khác phải bằng những biện pháp khác nhau để giúp nhân dân nắm được những thông tin cần thiết một cách chính xác, kịp thời. Tăng cường các hình thức tuyên truyền, phát thanh, họp mặt, tiếp xúc cử tri, niêm yết công khai, thông báo định kỳ, báo cáo tổng kết công tác hàng năm, thực hiện phê bình, tự phê bình của cán bộ trước nhân dân là những biện pháp để cung cấp thông tin cho nhân dân. Được thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời là đòi hỏi chính đáng và cần thiết để bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Không có cơ chế phù hợp thì quyền được thông tin của nhân dân khó có thể thực hiện và quyền làm chủ của nhân dân cũng dễ bị vi phạm.

Thứ hai: Thiết chế dân chủ ở cơ sở phải quy định cụ thể những vấn đề nhân dân có quyền được quyết định. Quyền làm chủ của nhân dân phải là quyền được tham gia quyết định những vấn đề thiết yếu với đời sống của mình. Sau khi được thông tin đầy đủ, chính xác, nhân dân có quyền bàn bạc phân tích lựa chọn quyết định những vấn đề quan trọng như Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Đảng; chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước; mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi như Điện, Đường, Trường học, Trạm xá, Nghĩa trang, Nhà văn hoá- thể thao ... Thu chi các loại quỹ ngoài quy định của Nhà nước mà không trái với quy định của pháp luật; xây dựng hương ước, quy ước nếp sống văn minh gia đình văn hoá, giữ gìn an ninh trật tự, bài trừ hủ tục mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội; thành lập ban Thanh tra nhân dân, ban Giám sát các công trình xây dựng, cải tạo, bảo đảm công khai, dân chủ, ngăn chặn tận gốc các hiện tượng tiêu cực cần thiết đặt *hộp thư* và *đường dây nóng* để nhân dân có thể phản ánh kịp thời các hiện tượng tiêu cực xảy ra trên địa bàn, trong cơ quan đối với tổ chức, cá nhân có chức năng và thẩm quyền xem xét, giải quyết. Việc bàn bạc, lựa chọn, quyết định của nhân dân sẽ khơi dậy tinh thần tự giác, năng động, sáng tạo của nhân dân, khắc phục sự thụ động và trì trệ.

Thứ ba: Thiết chế dân chủ ở cơ sở phải quy định rõ nhân dân được tham gia xây dựng chủ trương, kế hoạch, nghị quyết của cơ quan, chính quyền địa phương trước khi lãnh đạo quyết định. Nghị quyết của Đảng bộ cơ sở, các chủ trương kế hoạch của chính quyền địa phương không ngoài mục đích phát triển kinh tế-xã hội, chăm lo đời sống cho nhân dân. Những vấn đề trọng đại của nhân dân như vậy, nhân dân phải được tham gia đóng góp ý kiến. Thiết chế dân chủ ở cơ sở phải quy định cụ thể về hình thức, biện pháp thích hợp với từng loại đối tượng để lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân, giúp Đảng bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Nhân dân, các đoàn thể có căn cứ để quyết định đúng đắn về các vấn đề như: Dự thảo quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội dài hạn và hàng năm ở cơ sở; dự thảo phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; dự thảo phương án để phát triển ngành nghề, giải quyết việc làm cho người lao động; dự thảo đề án định canh định cư, xây dựng vùng kinh tế mới; các chương trình phát triển giáo dục, y tế, văn

hoá, đào tạo bồi dưỡng cán bộ; dự thảo phương án chống tham nhũng, chống các tệ nạn xã hội; dự thảo phương án sử dụng đất công, phương án điều chỉnh địa giới hành chính xã phường thị trấn; phương án quy hoạch dân cư; thăm dò tín nhiệm để bầu cử, đề bạt cán bộ lãnh đạo ở cơ sở; dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân ... Ngoài ra khi cuộc sống nảy sinh những vấn đề bức xúc, nhân dân yêu cầu chính quyền địa phương phải đưa ra trước nhân dân, bàn bạc phân tích rồi đi đến quyết định bảo đảm công khai, dân chủ, chính xác và khách quan. Những quy định như vậy của Thiết chế dân chủ ở cơ sở bảo đảm cho các Nghị quyết của Đảng, chủ trương kế hoạch của chính quyền sát thực với cuộc sống, có khả năng đi vào cuộc sống và trở thành sức mạnh vật chất, tinh thần của quần chúng nhân dân. Đồng thời qua đó ngăn chặn tình trạng quan liêu, hống hách, cậy quyền, xa dân, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân.

Thứ tư: Thiết chế dân chủ ở cơ sở phải quy định cụ thể những việc dân có quyền giám sát, kiểm tra. Nhân dân có quyền được giám sát kiểm tra các hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, của đại biểu Hội đồng nhân dân, của cán bộ Đảng viên ở cơ sở. Dân có quyền kiểm tra kết quả giải quyết các đơn thư khiếu tố của nhân dân, bảo đảm công bằng, phát hiện đúng kẻ có tội, bảo vệ minh oan cho người vô tội; khuyến khích nhân dân thẳng thắn đấu tranh với các hiện tượng tiêu cực, những người lợi dụng chức quyền để tham nhũng, trù dập người khác. Nhân dân có quyền kiểm tra giám sát các nguồn tài chính, ngân sách, các khoản do nhân dân đóng góp; kiểm tra giám sát việc quản lý sử dụng đất đai, việc thực hiện các chế độ chính sách đối với nhân dân, đặc biệt là với những người có công với nước như thương binh, gia đình liệt sĩ, bà mẹ Việt Nam Anh hùng ... Các cấp uỷ Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cần phải cử cán bộ có thẩm quyền thường xuyên tiếp dân, xem xét giải quyết kịp thời, công bố công khai việc giải quyết những vấn đề mà nhân dân đã phát hiện và kiến nghị. Lãnh đạo ở cơ sở cần phải có những biện pháp xử lý nghiêm minh những người có hành vi vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, tham nhũng, ức hiếp nhân dân để bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân, gây lòng tin của dân đối với Đảng và với chính quyền địa phương. Thiết chế dân chủ ở cơ sở cũng phải quy định các biện pháp không cho phép thái độ thiếu trách nhiệm, đùn đẩy, kính chuyển vòng vo, bao che cho kẻ có tội, coi thường hoặc phớt lờ ý kiến của dân. Tổ chức và thực hiện việc *dân kiểm tra giám sát* phải gắn liền với quá trình *dân biết, dân bàn, dân làm* thì mới thực sự phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Thứ năm: Thiết chế dân chủ ở cơ sở phải quy định những hoạt động để đảm bảo dân chủ trong cộng đồng dân cư ở cơ sở. Cơ sở là nơi sinh sống là việc của cộng đồng dân cư gồm nhiều thành phần xã hội, lao động làm việc trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Cơ sở cũng là nơi thực hiện các Nghị quyết của Đảng, các chính sách, pháp luật của Nhà nước, là nơi trực tiếp thực hiện các mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước. Chính vì vậy các *Thiết chế dân chủ ở cơ sở* đòi hỏi phải đảm bảo được quyền làm chủ của nhân dân một cách sinh động, cụ thể, thiết thực; tạo điều kiện cho nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh và hoạt động có hiệu quả. Những quy định mang tính Pháp quy qua Thiết chế dân chủ ở cơ sở được ban hành trên cơ sở ý kiến đóng góp xây

dựng của mọi thành viên trong cộng đồng một cách công khai, dân chủ sẽ có giá trị bắt buộc mọi thành viên trong cộng đồng tự giác thực hiện, tự giác điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với cộng đồng.

Những đề cập trên đây là một số nội dung cốt lõi cần được chú trọng quan tâm trong khi xây dựng *Thiết chế dân chủ ở cơ sở*. Xây dựng, hoàn thiện *Thiết chế dân chủ ở cơ sở* là một trong những giải pháp tích cực để phát huy nội lực của nhân dân tiếp tục công cuộc đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng một Nhà nước pháp quyền thực sự của dân, do dân và vì dân.

3. NÂNG CAO VÀ PHÁT HUY VAI TRÒ ĐẠI BIỂU CỦA NHÂN DÂN TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO CỦA CÔNG DÂN, CHẤM CHỈNH VÀ KIỆN TOÀN CÔNG TÁC KIỂM TRA, THANH TRA - KẾT HỢP THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ VÀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH.

Báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng lần thứ IX, phần nói đến các cơ quan dân cử đã đề cập đến nội dung cần nâng cao chất lượng quy chế dân chủ đại diện, chất lượng các đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, hoàn thiện những quy định về bầu cử, ứng cử, về tiêu chuẩn và cơ cấu các đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Tăng thêm tỉ lệ đại biểu Quốc hội chuyên trách và tỉ lệ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp không phải là Đảng viên, đại biểu là phụ nữ.

Quốc hội ta hiện nay Đảng viên chiếm tỷ lệ cao, tới 93% và đều là Đảng viên có chức có quyền. Cơ quan dân cử nhưng lại rất nhiều cán bộ, công chức Nhà nước. Đại biểu Quốc hội là lãnh đạo, nhất là ở các Bộ, Ban, Ngành, Đoàn thể ở Trung ương còn phải lo trọng trách lãnh đạo cơ quan và đều là đại biểu kiêm nhiệm, gần tới kỳ họp Quốc hội mới làm nhiệm vụ đại biểu của dân đi dự họp tiếp xúc với cử tri. Nhiều đại biểu Quốc hội tiếp xúc với cử tri cũng nặng về hình thức, cử tri do địa phương triệu tập, rất ít đại biểu kết hợp gặp mặt cử tri trong các cuộc họp với việc chủ động về ấp, xóm, về cơ sở trực tiếp gặp cử tri, về các trường học, chợ búa, bệnh viện để quan sát tại chỗ đời sống mọi mặt của các tầng lớp nhân dân. Nghe cử tri nói trong cuộc họp và nghe cử tri nói riêng rẽ tại gia đình, tại nơi cử tri đang lao động, nội dung thường rất khác nhau. Đại biểu Quốc hội phải giành thời gian chủ động về với cử tri mới có thể đi vào thực tế của cuộc sống, mới có thể gặp người nghèo, người cùng khổ, biết mỗi người nghèo cùng khổ nghĩ gì muốn gì. Người dân không thể nói hết nỗi lòng mình khi gặp mặt cán bộ lãnh đạo xã, huyện, nhất là lại gặp và nói ở trước cuộc họp. Một số cuộc tiếp xúc của cử tri được truyền hình tại chỗ, có cuộc tiếp xúc được giới thiệu là cử tri của địa phương, của đơn vị bầu cử, nhưng cử tri tham dự số đông là cán bộ hoặc cán bộ về hưu. Không thấy những người dân lao động nghèo, những người buôn thúng bán bưng hoặc người không có việc làm... Một số đại biểu Quốc hội bận với các cuộc họp quanh năm, từ lâu tách rời với cơ sở, đôi khi về công tác ở địa phương cũng lại chỉ họp với cán bộ, thực tế cuộc sống trong dân hiểu biết rất ít nên đến kỳ họp Quốc hội thường không thấy hoặc rất hiếm thấy phát biểu, tham gia thảo luận, đề đạt ý kiến nguyện vọng của cử tri.

Trong điều kiện đặc thù của nước ta có một Đảng duy nhất lãnh đạo, rất cần một Quốc hội có thực quyền. Quốc hội thể chế hoá đường lối của Đảng, xây dựng các bộ Luật, giám sát tối cao các cơ quan Nhà nước, giám sát tối cao mọi hoạt động của Chính phủ và các cơ quan Tư pháp. Quốc hội quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, quyết định và phân bổ ngân sách. Quốc hội cần theo sát mọi chi, thu ngân sách, nắm chắc nợ trong nước, nợ nước ngoài có phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước hay không, có vay có trả không hay lại để nợ chồng chất sau này các thế hệ con cháu trả lãi cũng không xong. Những năm qua ngân sách Nhà nước đầu tư có một số hạng mục công trình chệch hướng, xây dựng mấy trăm nhà máy bia, nhà máy đường, xi măng, thuốc lá, lắp ráp ô tô chưa mang lại hiệu quả kinh tế... , xây dựng quá nhiều trụ sở, khách sạn, mua sắm ô tô con, trang bị tối cấp Huyện nhưng lại đầu tư còn ít cho nông nghiệp, nông thôn; công nghiệp chế biến nông, lâm sản gần đây mới được quan tâm. Trách nhiệm của Quốc hội trước dân, trước lịch sử rất lớn nhưng nhiều đại biểu Quốc hội chỉ kiêm nhiệm, dành thời gian rất ít cho nhiệm vụ làm đại biểu của nhân dân, coi đó gần như là việc làm chiếu lệ, kết hợp. Người ta so sánh những đại biểu Quốc hội không phát biểu hoặc rất hiếm thấy phát biểu tại Quốc hội tựa hồ như cầu thủ bóng đá vẫn giữ vị trí trên sân nhưng vào trận hai chân đều chẳng chạm đến bóng.

Trên đường dân chủ hoá, Quốc hội ta hiện nay đã đạt nhiều tiến bộ, nhưng cũng còn cần phải tiếp tục đổi mới hơn nữa, Quốc hội mới đáp ứng thực hiện đúng chức năng là cơ quan quyền lực cao nhất của dân. Chỗ yếu rất căn bản của Quốc hội nước ta là thực quyền còn chưa mạnh. Đại biểu Quốc hội do nhiều lý do khác nhau nên chưa thực sự thực hiện đầy đủ chức năng quyền lực đã được nhân dân tin tưởng giao phó. Báo cáo chính trị của Đại hội Đảng IX đã đề ra những biện pháp hữu hiệu nhằm nâng cao chất lượng các Đại biểu Quốc hội, cần phải sớm đưa các biện pháp đó sớm thành hiện thực. Làm được điều đó cũng chính là góp phần nâng cao thực quyền và phát huy vai trò đại biểu của nhân dân trong việc kết hợp thực hiện *Quy chế dân chủ cơ sở* với việc đẩy mạnh tiến trình *cải cách hành chính* ở nước ta.

Một vấn đề không mới, nhưng suy nghĩ về vấn đề này không cũ là Quốc hội của Nhà nước ta có đại biểu hầu hết là kiêm nhiệm, vừa giữ chức vụ ở các cơ quan Hành pháp hoặc Tư pháp, được bầu làm đại biểu, thực hiện nhiệm vụ của cơ quan Lập pháp theo từng kỳ họp Quốc hội, không chuyên trách theo kiểu chế độ Nghị sĩ. Do vậy, ngoài các kỳ họp kéo dài hàng tháng, các Đại biểu Quốc hội phải trở lại với bề bộn công việc lãnh đạo quản lý công sở hay doanh nghiệp của mình. Việc tiếp xúc với cử tri, báo cáo lại kết quả của kỳ họp, truyền đạt những vấn đề mà Quốc hội bàn bạc và Quyết nghị, đồng thời lắng nghe ý kiến nhận xét, đánh giá của dân về tình hình làm việc của Đại biểu tại Quốc hội chỉ gần như là hình thức trong một vài buổi. Việc làm này của Đại biểu Quốc hội khi xuống tiếp xúc với dân, theo cách nói dân gian, ấn tượng trong dân chủ yếu là chỉ đủ để quay phim chụp ảnh phát lên truyền hình mà thôi, không có thời gian thực sự để trao đổi bàn bạc và lắng nghe ý kiến của dân. Vì vậy, nhìn chung nhân dân không mấy hồ hởi phấn khởi và tin tưởng chờ đón việc được tiếp xúc với những Đại biểu Quốc hội do chính mình đã bầu ra.

Trong những năm gần đây, các kỳ họp Quốc hội đều có bố trí truyền hình trực tiếp, cử tri có điều kiện theo dõi các Đại biểu của mình tham dự và phát biểu, thảo luận trong các phiên họp. Tuy nhiên, theo dõi Đại biểu của nhân dân qua truyền hình còn có rất nhiều bất tiện và hạn chế. Trong khi đó, Hội trường của Quốc hội xây dựng gần nửa thế kỷ nay, tuy có nhiều lần được cải tạo nâng cấp, đã từng là nơi chứng kiến bao sự kiện lịch sử hào hùng của Đảng, Nhà nước và của nhân dân ta. Song xét về yêu cầu, Hội trường của Quốc hội vẫn còn chật hẹp, không có hành lang hoặc sảnh, bao lơn được quy định dùng làm nơi dành cho cử tri có nhu cầu đến tận nơi quan sát, theo dõi các Đại biểu của mình hoạt động, phát biểu trong kỳ họp Quốc hội. Bên cạnh đó, do vị trí của Hội trường Quốc hội nằm ở vị trí trung tâm Thủ đô, liên quan đến các nút giao thông công cộng, mỗi lần họp Quốc hội, cảnh sát phải chắn đường vào khu Quảng trường và Hội trường Quốc hội, tạo ra một khoảng cách giữa dân và các kỳ họp của Quốc hội. Rất vui mừng trong khi vấn đề đang được đặt ra nghiên cứu thì được tin Chính phủ đã phê chuẩn và ra Quyết định giao cho các cơ quan chức năng tiếp nhận, nghiên cứu mặt bằng, thiết kế mới, hiện đại và thi công xây dựng Hội trường Quốc hội ở địa điểm mới. Đây cũng là một sự kiện quan trọng liên quan đến việc mở rộng dân chủ và xây dựng Nhà nước pháp quyền, vì Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất của nhân dân. Mọi việc tổ chức, xây dựng và hoạt động của Quốc hội đều thể hiện quyền làm chủ của nhân dân.

Cũng cần đề cập ở đây là trong các Kỳ họp Quốc hội gần đây, các đại biểu đã dành thời gian cần thiết của các phiên họp để chất vấn các thành viên của Chính phủ và yêu cầu trả lời theo đúng thẩm quyền, chức năng về các vấn đề nổi cộm, bức thiết trên các lĩnh vực của hoạt động xã hội. Đây là điểm mới trong hoạt động của Quốc hội, rất được cử tri cả nước quan tâm, ủng hộ và đánh giá cao. Tuy nhiên, cũng cần phải tiếp tục quan tâm hơn nữa chất lượng sự trả lời của các thành viên của Chính phủ. Trong các kỳ họp của Quốc hội không chỉ cần tăng cường các cuộc chất vấn của Đại biểu Quốc hội đối với các thành viên của Chính phủ, mà còn cần tạo điều kiện mở rộng cho cử tri được trực tiếp chất vấn, trao đổi với các Đại biểu do mình bầu ra.

Một khâu quan trọng trong vấn đề mở rộng dân chủ trong sự nghiệp đổi mới hiện nay của cách mạng nước ta là tổ chức tiếp và giải quyết các khiếu nại của dân. Thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, các văn bản Pháp quy của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, trong những năm qua các cơ quan, các cấp, các ngành đã tổ chức Phòng tiếp dân và thực hiện công tác tiếp dân theo quy định tương đối tốt và có hiệu quả. Tuy nhiên, đây vẫn là vấn đề đang thực sự nổi cộm và bức xúc, cần phải nghiên cứu và thực hiện tốt hơn và thiết thực hơn. Nhiều vụ việc khiếu nại đã được giải quyết bởi các Quyết định cuối cùng của UBND các Tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương, theo quy định của Luật Khiếu nại Tố cáo (1999) người khiếu nại không còn quyền khiếu nại tiếp, nhưng đương sự không chấp nhận, tiếp tục khiếu nại lên Thủ tướng Chính phủ, lên Trung ương, đề nghị được xem xét lại. Mặt khác, cũng có nhiều vụ việc khiếu nại tố cáo phát sinh tại thôn xóm, hợp tác xã, đã được giải quyết ở cả ba cấp chính quyền địa phương, nhưng người khiếu tố không chấp nhận, tiếp tục đưa đơn lên Chính phủ, Thanh tra Nhà nước và các cơ quan Nhà nước Trung ương khác. Cùng với quá trình tích cực

giải quyết ở các địa phương thì số vụ việc loại này đang có xu hướng tăng nhanh. Nếu không có giải pháp thích hợp, đông bộ thì đến một lúc nào đó số vụ việc này sẽ chiếm một tỷ lệ lớn, một tỷ lệ chủ yếu trong công việc tiếp và giải quyết khiếu kiện của nhân dân ở cấp Trung ương...

Về phía Trụ sở tiếp dân, cần tiếp tục hơn nữa việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc tiếp dân, mà một trong những phương hướng quan trọng, có hiệu quả thiết thực là chú ý tăng cường công tác theo dõi, đôn đốc kiểm tra các địa phương nói chung và đối với những việc bức xúc, phức tạp nói riêng được phát hiện trong công tác tiếp dân, qua thư gửi tới Trụ sở.

Muốn như vậy, lực lượng tiếp dân nói chung của các cơ quan cần được tăng cường thêm về mọi mặt, mà trước hết là bộ phận tiếp dân của Thanh tra Nhà nước cần được tăng thêm cán bộ để xử lý số lượng văn bản và đơn thư gửi đến, để theo dõi và thực hiện các khâu kiểm tra đôn đốc các Bộ ngành và địa phương; trang bị dân máy vi tính cho các bộ phận tiếp dân tạo điều kiện nối mạng trong tương lai gần.

Về phương diện Luật pháp, để Trụ sở tiếp dân của Trung ương Đảng và Nhà nước có điều kiện thực hiện tốt hơn nữa chức năng, nhiệm vụ của mình, trước mắt Đảng và Nhà nước ta cần phải nghiên cứu chỉ đạo và giải quyết một số vấn đề sau:

- Chính phủ phải ban hành văn bản Pháp quy cụ thể hoá các trường hợp vi phạm Luật Khiếu nại tố cáo, cả từ hai phía người bị khiếu kiện và người khiếu nại.

- Cần phải có văn bản hướng dẫn chặt chẽ, cụ thể việc xử lý các trường hợp khiếu nại đã có quyết định giải quyết cuối cùng mà còn khiếu nại tiếp lên cơ quan và lãnh đạo Trung ương.

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trong Nghị quyết của mình cần quy định rõ trách nhiệm giám sát, kiểm tra và tiếp xúc với cử tri của các đoàn Đại biểu Quốc hội địa phương đối với các vụ việc phức tạp, các lĩnh vực nổi cộm, bức xúc và các vụ việc khiếu nại đã có Quyết định giải quyết của UBND địa phương; nếu cần thì tổ chức đối thoại, chất vấn ngay tại địa phương nhằm thúc đẩy việc giải quyết nhanh chóng, đúng Pháp luật của chính quyền, qua đó giáo dục, thuyết phục người khiếu nại chấp hành các Quyết định giải quyết đúng, không khiếu kiện vượt cấp.

- Cần có văn bản quy định và hướng dẫn cụ thể hoá về việc biểu tình.

Trong thời gian qua, nhờ có sự quan tâm của lãnh đạo và sự nỗ lực phấn đấu, cộng đồng trách nhiệm của tập thể cán bộ, nhân viên các cơ quan hữu quan, Trụ sở tiếp dân Trung ương đã hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ Trụ sở được giao. Điều đó cũng có nghĩa là chúng ta cần phấn đấu nhiều hơn nữa, phối hợp các cơ quan chức năng chặt chẽ hơn nữa thì mới có thể đáp ứng được yêu cầu của những năm tiếp theo, với nhiều sự kiện chính trị quan trọng đang đặt ra những yêu cầu mới nặng nề hơn, phức tạp hơn. Thủ tướng Chính phủ cũng đã chỉ đạo Thanh tra Nhà nước, Bộ Công an, Tổ công tác 35 của Thủ tướng Chính phủ rà soát lại những vụ việc khiếu tố đông người, cử các đoàn công tác về địa phương có những điểm nóng để phối hợp cùng với địa phương xem xét, giải quyết các khiếu tố của công dân. Do đó, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân đã có sự chuyển biến tích cực, hạn chế bớt tình trạng công dân tập hợp thành đoàn đông người khiếu kiện vượt cấp lên Trung ương.

Tình hình khiếu kiện của công dân theo chiều hướng vẫn gia tăng, tính chất phức tạp hơn, đòi hỏi công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo (nói chung) công tác tiếp dân (nói riêng) phải phấn đấu nhiều hơn nữa, đưa công tác này vào nề nếp, đạt hiệu quả hơn. Với tinh thần Tru sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước phát huy kết quả công tác phối hợp tiếp công dân thời gian qua, tiếp tục phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiếp theo nhằm đảm bảo quyền dân chủ của nhân dân, đồng thời nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý Nhà nước. Từng bước xây dựng và củng cố Nhà nước Pháp quyền Xã hội chủ nghĩa, thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

Quán triệt Phương châm, Đường lối của Đảng, thấm nhuần Đạo đức và Tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm nâng cao và phát huy vai trò Đại biểu của nhân dân trong việc kết hợp thực hiện Quy chế dân chủ và cải cách hành chính, Quốc hội nước ta đã có nhiều quyết sách đúng đắn và cần thiết, thể chế hoá Đường lối của Đảng, tạo cơ sở Pháp luật cho các hoạt động của Đại biểu nhân dân.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của đại biểu Quốc hội trong công tác tiếp công dân, tiếp nhận, chuyển đơn, đôn đốc, theo dõi việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân; góp phần thúc đẩy việc giải quyết của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân; căn cứ vào Điều 93 và Điều 97 của Hiến pháp nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt nam năm 1992; căn cứ vào Điều 6 và Điều 44 của Luật tổ chức Quốc hội; Ủy ban Thường vụ của Quốc hội đã có Quyết nghị về việc Đại biểu Quốc hội tiếp công dân, tiếp nhận, chuyển khiếu nại, tố cáo và đôn đốc, theo dõi việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân:

Đại biểu Quốc hội tiếp công dân nhằm thu thập ý kiến, nguyện vọng, phản ánh của công dân; đồng thời hướng dẫn, giúp đỡ công dân thực hiện việc khiếu nại, tố cáo và nhận đơn, thư của công dân để chuyển đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo quy định của Pháp luật. Đại biểu Quốc hội tiếp công dân tại địa điểm tiếp công dân do Đoàn Đại biểu Quốc hội bố trí và theo sự phân công của Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội.

Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tổ chức để các Đại biểu Quốc hội trong Đoàn tiếp công dân. Danh sách, kế hoạch thời gian tiếp công dân của Đại biểu Quốc hội được niêm yết tại nơi tiếp công dân, đồng thời thông báo cho Đại biểu Quốc hội trước 7 ngày. Nếu có lí do không tiếp được, Đại biểu Quốc hội báo cáo với Trưởng Đoàn trước 3 ngày để cử người khác thay thế.

Khi công dân có yêu cầu gặp Đại biểu Quốc hội để trình bày khiếu nại, tố cáo, kiến nghị thì Đại biểu Quốc hội tạo điều kiện thuận lợi để tiếp công dân ; nếu chưa thể tiếp công dân được thì Đại biểu Quốc hội nhận đơn hoặc hẹn tiếp công dân vào thời gian thích hợp.

Trong thời gian Quốc hội họp, khi cần thiết, theo đề nghị của Văn phòng Quốc hội và được Chủ tịch Quốc hội đồng ý, Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội có trách nhiệm tiếp hoặc phân công Đại biểu Quốc hội trong Đoàn tiếp công dân của địa phương mình đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị.

4. TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG VIỆC ĐẢM BẢO QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN Ở CƠ SỞ:

Để có thể xây dựng và phát huy đầy đủ vai trò và hiệu lực hoạt động của Nhà nước mang bản chất Nhà nước của dân, do dân và vì dân, nhằm đẩy mạnh công cuộc cải cách hành chính Nhà nước hiện nay, Đảng ta phải tiếp tục tăng cường công tác xây dựng Đảng ở tất cả các cấp, trong đó hai cấp trọng yếu phải được quan tâm trước hết là cấp Trung ương (nơi đề ra đường lối, chính sách) và cấp cơ sở (nơi trực tiếp tổ chức thực hiện đường lối, chính sách). Riêng về cấp cơ sở, cần thiết phải khẩn trương nghiên cứu, đề xuất những quy định có tính pháp lý bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trong việc xây dựng và giám sát hoạt động của Nhà nước; Nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của các cơ quan chính quyền các cấp, phục vụ đắc lực sự nghiệp phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững sự ổn định về chính trị và xã hội; khắc phục tệ nạn quan liêu, tham nhũng và những biểu hiện tiêu cực khác đang phát triển khá nghiêm trọng, làm mất lòng tin của nhân dân ở không ít nơi trong cả nước.

Để đạt được những yêu cầu nêu trên, cần thiết phải quán triệt thực hiện tốt một số nội dung chủ yếu sau đây:

- Phát huy dân chủ trong việc lãnh đạo xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở cơ sở.

Trước khi xây dựng các Nghị quyết, chủ trương cấp ủy ở từng cơ sở cần tổ chức để cán bộ, Đảng viên và nhân dân học tập, nghiên cứu quán triệt Đường lối, Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, Luật pháp của Nhà nước, nhất là những vấn đề có liên quan đến việc thực hiện những nhiệm vụ ở cơ sở để nhân dân chấp hành, đồng thời để nhân dân góp ý vào các Nghị quyết, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước nói chung, của các tổ chức cơ sở Đảng nói riêng một cách đúng đắn và nghiêm túc.

Cấp ủy Đảng ở các cơ sở cần thông tin kịp thời về cơ sở Đảng, tình hình Nhà nước về những khó khăn và thuận lợi nói chung, những vấn đề liên quan đến nghĩa vụ, quyền lợi của nhân dân ở cơ sở, nhằm tạo điều kiện cho nhân dân thực hiện nghĩa vụ công dân và các quyền dân chủ theo các quy định của pháp luật.

Trong quá trình xây dựng các Nghị quyết, các chương trình hoặc kế hoạch lớn: Cấp ủy Đảng ở từng cơ sở một mặt phải căn cứ vào đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước vận dụng vào tình hình thực tế, đặc biệt là phải tôn trọng và lắng nghe báo cáo đề xuất của cán bộ phụ trách công tác chính quyền, cơ quan quản lý, các đoàn thể... đồng thời tổ chức lấy ý kiến của các cán bộ lão thành, các chuyên gia, các nhà khoa học, các hội viên của các hội đoàn thể nhân dân. Cần khắc phục tình trạng dự thảo và thông qua Nghị quyết của tổ chức Đảng một cách chủ quan, áp đặt, không tôn trọng và lắng nghe ý kiến của chính quyền, của cơ quan quản lý, của các đoàn thể, các Cán bộ, Đảng viên và quần chúng, nhất là đối với những người có kiến thức, có kinh nghiệm và có tâm huyết với Đảng.

Nghị quyết của tổ chức cơ sở Đảng phải thể hiện sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo những quan điểm, chính sách chung của Đảng và Nhà nước; sát hợp với đặc điểm ở cơ sở; không vì lợi ích cục bộ địa phương, không trái với đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và sự chỉ đạo của cấp trên.

Nghị quyết của tổ chức Đảng phải xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ của từng nơi, từng thời kì; cần tập trung làm rõ những tư tưởng, quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, giải pháp lớn để lãnh đạo chính quyền, cơ quan quản lí, các đoàn thể và các tầng lớp nhân dân; cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch thực hiện của các cơ quan và tổ chức có thẩm quyền, bảo đảm các quy định của pháp luật về quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ở cơ sở, quyền của Hội đồng quản trị, đơn vị sự nghiệp, thủ trưởng các cơ quan đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang được thực hiện đầy đủ. Tổ chức Đảng không chủ quan áp đặt, không trực tiếp quyết định các chỉ tiêu, biện pháp cụ thể làm ảnh hưởng đến tinh thần chủ động và sáng tạo của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị và của nhân dân.

Đảng ta hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tôn trọng những ý kiến, quan điểm có tính chất đúng đắn và sáng tạo của mỗi cá nhân. Khi tổ chức Đảng chuẩn bị ra các Nghị quyết, Chủ trương công tác phải tiến hành thảo luận một cách thấu đáo, dân chủ và biểu quyết theo đa số, tạo ra sự thống nhất về ý chí và hành động. Một vấn đề có tính nguyên tắc là dù có ý kiến khác nhau, nhưng khi tổ chức Đảng đã có Nghị quyết thì tất cả Đảng viên, dù là Đảng viên công tác phụ trách chính quyền, phụ trách cơ quan quản lí, phụ trách các đoàn thể đều phải chấp hành nghiêm túc Nghị quyết của tổ chức Đảng. Trường hợp đặc biệt, khi xuất hiện những ý kiến khác biệt giữa cán bộ Đảng và cán bộ chính quyền, hoặc với cán bộ quản lí các cơ quan, đoàn thể ở cơ sở thì cấp ủy phải kiên trì lãnh đạo, vận động, thuyết phục các thành viên trong chính quyền, cơ quan quản lí và các đoàn thể nhận thức đúng đắn và tự giác chấp hành nghiêm túc Nghị quyết của tổ chức Đảng. Qua một thời gian nhất định, nếu vẫn còn ý kiến khác biệt thì cấp ủy cơ sở phải xem xét một cách khách quan các ý kiến đó; đồng thời báo cáo lên cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định. Đối với những vấn đề có tính cấp bách, có liên quan đến sinh mệnh của tổ chức, Cán bộ, Đảng viên và nhân dân thì cấp ủy phải xem xét, xử lí khẩn trương và báo cáo với cấp trên xem xét, giải quyết.

Trong quá trình lãnh đạo thực hiện Nghị quyết, Chủ trương: Các cấp ủy cần hướng dẫn và thông qua chính quyền, cơ quan quản lí, các đoàn thể nhân dân cụ thể hóa và trực tiếp tổ chức chỉ đạo thực hiện. Chính quyền cơ sở chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước nhân dân về kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị đó. Cấp ủy cơ sở chịu trách nhiệm trước Đảng bộ, Chi bộ cơ sở và cấp ủy cấp trên; trước nhân dân và pháp luật về các quyết định của mình, nhất là về quan điểm chủ trương lãnh đạo về công tác cán bộ theo thẩm quyền. Không thể để kéo dài tình trạng một đơn vị cơ sở hoạt động yếu kém, vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước mà các cán bộ Đảng, chính quyền, cơ quan quản lí; đoàn thể ở cơ sở không bị kiểm tra và xem xét, xử lí về trách nhiệm.

Tổ chức cơ sở Đảng cần coi trọng công tác kiểm tra và giám sát Cán bộ, Đảng viên hoạt động trong chính quyền, cơ quan quản lí, các đoàn thể ở cơ sở để phát huy ưu điểm ngăn chặn các sai sót, khắc phục các khuyết điểm. Cấp ủy lãnh đạo, Ủy ban kiểm tra thực hiện đúng nhiệm vụ kiểm tra theo điều lệ quy định, đồng thời quan tâm lãnh đạo các tổ chức thanh tra của chính quyền, thanh tra nhân dân làm tốt chức năng thanh tra, giám sát việc thực hiện pháp luật Nhà nước và các nhiệm vụ của cơ sở, kịp thời phát hiện, xử lí các vi phạm. Đối với các vụ việc do cơ quan kiểm tra, thanh tra của cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết thì cấp ủy

cơ sở phải tôn trọng hợp tác với các đoàn kiểm tra, thanh tra đó; mặt khác bản thân mình phải giữ vững kỉ luật nghiêm minh và có trách nhiệm tham gia đầy đủ ý kiến để xem xét, kết luận được đúng đắn, khách quan.

Định kỳ 6 tháng, hàng năm và sau mỗi chương trình công tác lớn, Đảng uỷ, Chi uỷ cơ sở phải trực tiếp tiến hành và lãnh đạo chính quyền, cơ quan quản lí, các đoàn thể tiến hành việc sơ kết kiểm điểm rút kinh nghiệm về ưu, khuyết điểm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thông báo cho Cán bộ Đảng viên nhân dân biết và đóng góp ý kiến. Những vấn đề có liên quan tới tổ chức, cơ chế, chính sách chung và sự chỉ đạo của cấp trên thì tổ chức cơ sở Đảng phải kịp thời báo cáo lên cấp trên có thẩm quyền xem xét giải quyết.

- Phát huy dân chủ trong công tác tổ chức và cán bộ:

Trước mỗi khoá bầu cử theo nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân, Ban chấp hành các đoàn thể, cấp uỷ cơ sở cần tiến hành thăm dò tín nhiệm, thảo luận, ra Nghị quyết giới thiệu những Đảng viên và quần chúng đủ tiêu chuẩn để nhân dân, đoàn viên, hội viên các đoàn thể lựa chọn bầu cử vào Hội đồng nhân dân và Ban chấp hành các đoàn thể một cách dân chủ.

Cấp uỷ lãnh đạo để Hội đồng nhân dân, Ban Chấp hành các đoàn thể ở cơ sở bầu cử các chức vụ chủ chốt trong các cơ quan chính quyền, Ban Chấp hành đoàn thể, tôn trọng và tiếp thu những ý kiến đúng đắn của đa số thành viên trong các tổ chức đó, khi cần, có sự điều chỉnh các quyết định một cách phù hợp.

Những chức danh cán bộ chính quyền theo luật pháp quy định mà nhân dân có quyền bầu cử trực tiếp (Trưởng thôn, xóm, bản, ấp, khu phố...) thì cấp uỷ vẫn phải thực hiện đúng chức năng lãnh đạo việc tổ chức các cuộc bầu cử đó; lựa chọn đề cử Đảng viên và quần chúng đủ tiêu chuẩn để giới thiệu với nhân dân xem xét, bảo đảm quyền của nhân dân trong việc ứng cử, đề cử và bầu cử một cách dân chủ.

Những chức danh cán bộ chủ chốt của chính quyền, cơ quan quản lí do cấp trên bổ nhiệm (như Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang, Hội đồng quản trị và Giám đốc doanh nghiệp..., thì cấp uỷ cơ sở phải tập hợp ý kiến của Cán bộ; Đảng viên và nhân dân, thảo luận, ra Nghị quyết đề cử người đủ tiêu chuẩn hoặc góp ý kiến để cấp trên có thẩm quyền xem xét quyết định. Nếu có trường hợp đặc biệt mà ý kiến của cấp uỷ cơ sở khác với quyết định của cấp trên thì cấp uỷ cơ sở phải chấp hành nghiêm túc; đồng thời đề đạt ý kiến của mình lên để cấp trên xem xét. Những chức danh cán bộ thuộc quyền quyết định của cơ sở theo phân cấp quản lí quản lí cán bộ thì trước khi ra quyết định, cấp uỷ phải thực hiện đầy đủ quy trình lấy ý kiến dân chủ của Cán bộ, Đảng viên, các tổ chức chính quyền, cơ quan quản lí, đoàn thể và nhân dân, trước khi xem xét và quyết định.

Định kỳ vào cuối năm, gắn với việc tổng kết công tác của tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan quản lí, các đoàn thể, cấp uỷ cơ sở cần lãnh đạo các tổ chức kiểm điểm công tác tự phê bình và phê bình; lấy ý kiến nhân dân phê bình Cán bộ, Đảng viên, nhân dân phát hiện có sai lầm, khuyết điểm, thì cấp uỷ cơ sở phải xúc tiến công tác kiểm tra, thanh tra, kết luận tổ chức để nhân dân nêu kiến nghị về biện pháp xử lí. Nếu là cán bộ do cấp trên quản lí thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

- Thực hiện dân chủ trong nội bộ Đảng:

Cấp uỷ và Chi bộ phải duy trì nề nếp sinh hoạt hàng tháng theo quy định của Điều lệ Đảng. Khi cần có thể tổ chức các cuộc họp đột xuất, bất thường, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt, nêu cao tinh thần phê bình và tự phê bình trong nội bộ và tổ chức việc lấy ý kiến các tầng lớp nhân dân góp ý, phê bình sự lãnh đạo của cấp uỷ và Cán bộ, Đảng viên theo định kỳ (ít nhất mỗi năm một lần).

Để nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp uỷ và chi bộ và nhất là đồng chí Bí thư phải chuẩn bị kỹ nội dung các kì họp, thông báo trước cho Đảng viên biết nội dung để Đảng viên chuẩn bị ý kiến. Cấp uỷ cơ sở có thể lập các tiểu ban, tiểu tổ tư vấn (bao gồm những Cán bộ, Đảng viên có nhiều kiến thức và kinh nghiệm công tác trên từng lĩnh vực) làm tham mưu cho mình trước khi đưa ra bàn trong các cuộc họp của tổ chức Đảng.

Đảng bộ cơ sở cần duy trì Hội nghị toàn thể Đảng viên, ít nhất mỗi năm một lần. Ở các Đảng bộ cơ sở có số lượng Đảng viên đông (từ 300 Đảng viên trở lên) thì cấp uỷ cơ sở có thể tổ chức Hội nghị Cán bộ Đảng hoặc Hội nghị cấp uỷ mở rộng hàng năm (đến các Bí thư chi bộ, Tổ trưởng Đảng và một số Đảng viên lão thành...) để kiểm điểm tình hình công tác, rút kinh nghiệm việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ sở, chỉ đạo và quán triệt việc ban hành Nghị quyết của Đảng bộ, Chi bộ phải bảo đảm quyền dân chủ rộng rãi của Đảng viên ở cơ sở.

Thực hiện tốt những nội dung chủ yếu nêu trên là hết sức cần thiết. Song, ngoài điều đó ra mỗi loại hình tổ chức cơ sở Đảng cần có phương thức tiến hành riêng sao cho phù hợp với đặc điểm của đơn vị mình.

Đối với các cơ sở xã, phường, thị trấn, tổ chức Đảng cần lãnh đạo bảo đảm quyền dân chủ của nhân dân thông qua cả hai hình thức dân chủ: Dân chủ Đại diện và Dân chủ trực tiếp. Cụ thể là:

Lãnh đạo để nhân dân thực hiện quyền dân chủ trong việc bầu cử Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn với thành phần bao gồm những cán bộ chủ chốt của Đảng bộ, mặt trận và các đoàn thể, đồng thời thu hút những người ngoài Đảng có đủ tiêu chuẩn, có nhiệt tình, có kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn trong lao động sản xuất, có tín nhiệm trong nhân dân. Xác định chủ trương chỉ đạo để Hội đồng nhân dân thảo luận và quyết định các nhiệm vụ về kinh tế, xã hội, an ninh trật tự, đời sống nhân dân; về ngân sách và giám sát việc điều hành thực hiện ngân sách; về kiểm tra và giám sát hoạt động của các đại biểu Hội đồng nhân dân, nhóm đại biểu Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ quản lý và điều hành mọi hoạt động ở cơ sở theo Nghị quyết của các tổ chức cơ sở Đảng, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, các quy định của luật pháp và Chỉ thị của cấp trên.

Tổ chức và lãnh đạo để nhân dân trực tiếp bầu cử, giám sát và bãi miễn hoạt động của một số cán bộ chủ chốt như Trưởng thôn, Xóm, Ấp, Bản, Tổ dân phố, Ban Thanh tra nhân dân, các nhóm tự quản của nhân dân... theo các quy định của Luật pháp, sự chỉ đạo của cấp trên phù hợp với tình hình thực tế của cơ sở.

Tổ chức và lãnh đạo để nhân dân trực tiếp thảo luận và quyết định một số công việc có liên quan đến quốc kế, dân sinh theo quy định của luật pháp như

đóng góp vốn, xây dựng cơ sở hạ tầng; thu, chi các loại quỹ, lệ phí, xây dựng và thực hiện Hương ước... việc tổ chức để nhân dân thảo luận và quyết định những vấn đề nêu trên phải sử dụng nhiều hình thức linh hoạt: Hợp nhân dân ở từng tổ dân phố, cụm dân cư, hoặc họp đại biểu nhân dân ở cấp cơ sở, hoặc gửi phiếu lấy ý kiến nhân dân...

Đối với các doanh nghiệp và hợp tác xã cũng cần có sự phân loại thật cụ thể.
Thí dụ:

+ Ở các Doanh nghiệp Nhà nước, tổ chức Đảng cần giữ vai trò lãnh đạo đối với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; công tác cán bộ và việc công khai hóa việc thu chi tài chính, phân phối thu nhập trong doanh nghiệp. Ngoài ra, tổ chức cơ sở Đảng cần lãnh đạo thực hiện đúng các quy định của luật pháp như Luật lao động, Luật Công đoàn, việc kí kết hợp đồng lao động, Thỏa ước lao động và thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội.

+ Ở các Doanh nghiệp tư nhân và Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức Đảng cần lãnh đạo, tuyên truyền, giáo dục để những người lao động am hiểu luật pháp thấy rõ quyền và nghĩa vụ của mình, vận động, thuyết phục chủ doanh nghiệp thực hiện đúng Luật Lao động, Luật Công đoàn, nhất là việc kí kết hợp đồng lao động, thỏa ước lao động, đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động; xây dựng tình đoàn kết giữa những người lao động và chủ doanh nghiệp vì mục tiêu sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, lợi ích của chủ doanh nghiệp, lợi ích và nhân phẩm của người lao động theo Luật pháp quy định.

+ Ở các Hợp tác xã, tổ chức Đảng lãnh đạo bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các xã viên trong việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã, bầu cử, giám sát, hoạt động của các thành viên trong Ban Quản lí và Ban Kiểm soát hợp tác xã, góp phần làm cho sản xuất kinh doanh có hiệu quả, từng bước nâng cao các quỹ hợp tác xã, đời sống xã viên và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

Đối với các cơ sở hành chính sự nghiệp, tổ chức Đảng cần tập trung làm tốt trong các việc:

Bảo đảm và phát huy đúng mức chế độ thủ trưởng đồng thời lãnh đạo bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định của luật pháp.

Lãnh đạo Cán bộ, Đảng viên, công nhân viên nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc tham gia xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của cơ quan, đơn vị, chống tệ quan liêu, tham nhũng và các biểu hiện tiêu cực khác.

Lãnh đạo việc tham gia ý kiến về công tác tổ chức, cán bộ trong cơ quan, đơn vị; hướng dẫn kiểm tra Cán bộ, Đảng viên, công nhân viên học tập, nâng cao trình độ kiến thức các mặt và giữ gìn đạo đức nếp sống văn hóa ở nơi làm việc và nơi cư trú.

Kiểm tra, giám sát việc thu chi ngân sách và các hoạt động tài chính khác ở từng cơ quan đơn vị (như tài trợ nghiên cứu khoa học, phụ cấp làm thêm, ăn trưa, khen thưởng, thu chi học phí, viện phí...).

Đối với các cơ sở trong lực lượng vũ trang, tổ chức Đảng cần lãnh đạo thực hiện tốt các quyền dân chủ của sĩ quan và chiến sĩ; cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng quân nhân và các Hội nghị toàn thể sĩ quan, chiến sĩ trong

đơn vị; lãnh đạo việc thông tin đầy đủ, kịp thời và kiểm tra, giám sát thực hiện các điều lệnh, điều luật, nghĩa vụ và quyền lợi của sĩ quan, chiến sĩ trong đơn vị nhằm phát huy dân chủ của quần chúng trong việc xây dựng các đơn vị vũ trang vững mạnh toàn diện, tuân thủ Luật pháp, có quan hệ mật thiết với nhân dân nơi đơn vị đóng quân và hoạt động.

5. ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NHẪM THỰC HIỆN TỐT QUY CHẾ DÂN CHỦ.

Trước và khi mới bắt đầu công cuộc cải cách nền hành chính Nhà nước, chúng ta thường thấy các tổ chức, công dân nếu có nhu cầu giải quyết công việc của mình liên quan đến thủ tục xin phép Nhà nước thì họ phải đến nhiều chỗ, nhiều cơ quan (nhiều cửa), chờ đợi mất rất nhiều thời gian mới giải quyết được. Thông thường một hồ sơ, giấy tờ nào đó của các tổ chức, công dân nếu chờ được Nhà nước chứng nhận, cho phép thì số chữ ký của những người có thẩm quyền và số con dấu phải là số nhiều, có nhiều trường hợp lên đến hàng chục, thậm chí cá biệt cụ thể lên đến con số trăm con dấu và chữ ký. Thực tế này tồn tại trong nhiều năm thời bao cấp và cũng còn đang vận hành như một quán tính ở nhiều cấp địa phương; nó gây cho người dân sự chờ đợi lo lắng, sự vất vả, tốn kém do phải chạy đi chạy lại nhiều lần đến các cơ quan công quyền; có người còn bị trượt lỡ cơ hội, cơ may vì cung cách làm ăn cửa quyền, chậm trễ, hành dân kiểu "dân có cần nhưng quan không vội" của các cơ quan hành chính Nhà nước. Tình hình đó đã làm tăng thêm hiện tượng chạy chọt, nhờ vả, cậy cục thân quen, móc ngoặc, hối lộ cán bộ công chức, và ngược lại là thái độ đối phó, chây ì, bất chấp Pháp luật của một bộ phận dân cư trong xã hội. Trong cơ chế thị trường với sự phát triển các nhu cầu sản xuất kinh doanh, buôn bán, dịch vụ, trao đổi, đi lại.v.v... trong xã hội, các hiện tượng này đã gia tăng nhanh chóng, diễn biến phức tạp.

Về phía Nhà nước, cơ chế nhiều con dấu, chữ ký theo kiểu "xin- cho" buộc tổ chức và công dân phải đi đến "nhiều cửa" tưởng như rất chặt chẽ về mặt Pháp lý và quản lý, nhưng trên thực tế đó chỉ là sự biểu thị một cung cách tổ chức công kênh, chông chéo, nhiều tầng nấc chức quyền dẫn đến sự lỏng lẻo trong quản lý, phân tán quyền lực, lãng phí tài chính, nhân lực... Một cơ chế như vậy tồn tại trong nhiều năm đã làm cho hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước suy giảm; nhân dân giảm sút niềm tin vào Nhà nước, quyền làm chủ của nhân dân không được phát huy, từ đó làm nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực, tệ nạn trong bộ máy công quyền và trong xã hội, chúng tích tụ dần dần rồi dẫn đến những điểm nóng, bức xúc, gây nên những thiệt hại không nhỏ về kinh tế và xã hội.

Công cuộc cải cách hành chính Nhà nước đã đặt ra những mục tiêu phải khắc phục những khó khăn, trở ngại mà Nhà nước gây cho các tổ chức và công dân: những biểu hiện bảo thủ và trì trệ, đùn đẩy trách nhiệm giữa các cơ quan Nhà nước, những sơ hở, lỏng lẻo và hiệu quả quản lý thấp kém trong cả hệ thống quản lý, đồng thời tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho nhân dân làm ăn, sinh sống thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của họ đối với Nhà nước.

Về lí luận cũng như thực tiễn đều cho thấy nếu Nhà nước quan tâm, chăm lo cho dân, giải quyết kịp thời, có hiệu quả những nhu cầu chính đáng của dân, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho dân làm ăn sinh sống thì người dân cũng sẽ thực hiện nhanh chóng, đầy đủ và tự giác những nghĩa vụ, trách nhiệm của họ đối với Nhà nước và xã hội; hơn thế nữa nó còn động viên, khơi dậy các khả năng, tiềm ẩn trong nhân dân hướng vào phát triển kinh tế- xã hội.

Về bản chất, Nhà nước ta là Nhà nước dân chủ, nhà nước của dân, do dân và vì dân, nên trên thực tế không có lí gì tồn tại các hiện tượng Nhà nước gây khó khăn, trở ngại cho dân, không tạo các điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và công dân phát triển kinh tế làm giàu cho bản thân và đất nước. Và lại trên thực tế Nhà nước không được gì trong việc "hành dân", gây khó khăn, khó chịu cho dân. Nếu để tình trạng này tồn tại thì chỉ một bộ phận cán bộ công chức tha hoá, biến chất, lợi dụng, nhân danh Nhà nước là có thời cơ đục khoét, nhũng nhiễu, làm ăn bất chính. Còn Nhà nước sẽ tổn thất rất lớn, từ mất cán bộ đến mất lòng dân, và cuối cùng là mất chính bản chất Nhà nước. Mục tiêu chính trị cao nhất của cải cách hành chính là làm cho nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, trong sạch, dân chủ, phục vụ nhân dân được nhiều nhất, tốt nhất.

Trong nền kinh tế thị trường, mọi sự chậm trễ, trì trệ, tuý tiện và thiếu trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước đều gây khó khăn, trở ngại và kìm hãm đối với sự phát triển kinh tế- xã hội, trở thành một nguyên nhân gây nên những mâu thuẫn, bức xúc trong xã hội.

Công cuộc cải cách hành chính trong cả nước những năm qua mở đầu là việc các Bộ, Ngành, Chính quyền địa phương các cấp đã tiến hành rà soát các văn bản, thủ tục hành chính theo tinh thần Nghị quyết 38/CP của Chính phủ, tập trung vào bảy lĩnh vực trọng điểm; và mặc dù công việc này đã đạt được những kết quả nhất định; nhưng nhìn chung nhân dân vẫn kêu ca, phản nản về sự chậm trễ, gây khó khăn phiền hà của các cơ quan Nhà nước trong việc giải quyết các thủ tục hồ sơ giấy tờ cho họ. Thực tế đó đã đặt ra yêu cầu về phía các cơ quan Nhà nước là vẫn phải tiếp tục tìm tòi, thử nghiệm cách làm, tìm kiếm mô hình tốt nhất để khắc phục những trở ngại, phiền hà, khó khăn, chậm trễ cho các tổ chức công dân khi họ đến cơ quan Nhà nước làm thủ tục hành chính.

Ở Hà Nội có mô hình "**Một cửa, một dấu mối**", mô hình thí điểm "**Dịch vụ hành chính công**"; Thành phố Hồ Chí Minh có mô hình "**Một cửa, một dấu**"; Quảng Trị có mô hình thí điểm "**Cải cách thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo cơ chế một cửa**", Thành phố Đà Nẵng đã ban hành các văn bản áp dụng mô hình **một cửa** trong hầu hết các cơ quan Nhà nước,...

Mô hình "**một cửa**" nghĩa là tổ chức và công dân đến cơ quan Nhà nước để làm thủ tục, giải quyết công việc chỉ đến một địa điểm, ở đó có một bộ phận cán bộ công chức tiếp đón, trực tiếp giải quyết, hoặc hẹn trả kết quả. Tổ chức và công dân không phải chạy vạy, đi lại nhiều chỗ, nhiều lần như trước đây.

Qua một thời gian vận hành, những mô hình trên đây đã đạt được những kết quả khích lệ, được các tổ chức và công dân hoan nghênh vì sự phiền hà, chậm trễ trước đây đã được khắc phục đáng kể.

- Những ưu điểm của mô hình “một cửa”:

Phục vụ nhanh chóng, giảm bớt phiền hà, đi lại nhiều lần gây tốn kém cho nhân dân - đây là một ưu điểm thấy rõ nhất, và trên thực tế nó tạo ra được những hiệu quả về mặt kinh tế xã hội và quản lí Nhà nước.

Thí dụ: ở Quảng Trị, trước khi tiến hành thí điểm cải cách thủ tục giao đất, cấp ***Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*** theo mô hình “một cửa”, nhân dân phải đến 6 cửa, đi lại ít nhất 12 lần, thì đến khi thực hiện mô hình này, họ chỉ qua “một cửa” và đi lại chỉ 3 lần là hoàn thành xong thủ tục. Trước đây các cơ quan Nhà nước làm thủ tục một hồ sơ cấp đất phải trải qua nhiều công đoạn và phải mất 91 ngày đối với đất đô thị; 90 ngày đối với đất nông thôn, nay theo mô hình “***một cửa***” công đoạn chỉ còn 5 bước, mất 23 ngày đối với đất đô thị, 13 ngày đối với đất nông nghiệp, lâm nghiệp.

Việc cấp ***Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*** cho nhân dân theo mô hình “một cửa” ở Quảng Trị đã tác động nhanh đến công tác giải phóng mặt bằng để xây dựng đô thị theo quy hoạch; tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp tiến hành thi công xây dựng công trình; bảo đảm đầu tư có hiệu quả nhanh chóng.

Về phía cơ quan Nhà nước, mô hình “một cửa” đã tác động đến việc đổi mới về tổ chức, phương thức và mối quan hệ làm việc trong nội bộ. Nếu trước khi thực hiện mô hình “một cửa”, trên một thửa đất có đến 5 cơ quan: Địa chính, Thuế, Ủy ban nhân dân, Xây dựng, Tài chính đến kiểm tra, đo đạc, định giá rồi mới giao đất và cấp ***Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*** cho nhân dân thì khi thực hiện mô hình này chỉ có một tổ chức liên ngành (tổ công tác liên ngành) đến làm và chỉ làm một lần là xong.

Việc thực hiện mô hình “một cửa” trên thực tế đã có tác động trực tiếp hay gián tiếp đến việc nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, đổi mới phong cách làm việc của cán bộ công chức. Để giải quyết thủ tục trong quan hệ giữa các tổ chức, công dân với Nhà nước đáp ứng yêu cầu nhanh chóng, hiệu quả, bảo đảm các quy định Pháp luật thì đội ngũ cán bộ công chức Nhà nước, nhất là đội ngũ chuyên viên, phải đổi mới phong cách làm việc; được xác định rõ trách nhiệm và phải thành thạo chuyên môn, nghiệp vụ. Đây là một đòi hỏi tất yếu khách quan trong điều kiện phát triển sản xuất hàng hoá trong thị trường cạnh tranh và hội nhập quốc tế và trong điều kiện trình độ dân trí, dân chủ ngày càng nâng cao, xã hội không cần nhiều tầng nấc quan chức bàn giấy mà cần nhiều chuyên gia, chuyên viên, thợ lành nghề, các nhà khoa học. Mô hình “một cửa” là mô hình tiếp cận mục tiêu mà cải cách hành chính đặt ra, đó là: xây dựng đội ngũ công chức chuyên viên thạo việc.

Công cuộc di dân, giải phóng mặt bằng để mở mang đô thị và phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của Thành phố Đà Nẵng trong những năm gần đây và hiện tại đang theo mô hình “một cửa”, nghĩa là các công việc từ kiểm tra thực địa, xác định những khó khăn, vướng mắc đến việc đo đạc, định mức giá đền bù, xây dựng khu tái định cư, trả tiền đền bù, giải quyết tại chỗ những yêu cầu chính đáng, hợp lí của dân liên quan đến vấn đề di dân, giải phóng mặt bằng,... đều được tập trung vào một địa điểm, đó là trụ sở làm việc của Ban di dân, giải phóng mặt bằng. Chủ tịch UBND thành phố với cương vị là người đứng đầu cơ quan Hành pháp địa

phương đã giành phần lớn thời gian cùng với Trường ban giải phóng mặt bằng trực tiếp dân, đối thoại với dân và ký giải quyết tại chỗ những yêu cầu hợp lý, thỏa đáng của dân. Trường ban giải phóng mặt bằng lĩnh hội ý kiến, Quyết định của Chủ tịch UBND Thành phố và tổ chức thực hiện ngay. Với mô hình và cách thức tổ chức, phong cách làm việc đó, công cuộc di dân, giải phóng mặt bằng, quy hoạch đô thị, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, dịch vụ ở Thành phố Đà Nẵng đã và đang diễn ra nhanh chóng, thu được những kết quả to lớn. Đến nay mô hình "một cửa" ở Đà Nẵng đã được triển khai thực hiện ở 47 Xã, Phường, 6 Quận Huyện, 16 Sở, Ngành và 5 đơn vị trực thuộc Trung ương đóng trên địa bàn Đà Nẵng. Kết quả thấy rõ nhất là việc giải quyết các thủ tục cho các tổ chức và công dân đúng hẹn hoặc sớm hơn quy định đã đạt 85%-90%, nhân dân đồng tình ủng hộ.

Mô hình "một cửa" một mặt vẫn bảo đảm sự phục vụ tổ chức và nhân dân đến làm thủ tục ngay tại các công sở trong giờ hành chính; mặt khác nếu tổ chức, công dân gặp khó khăn và có nhu cầu dịch vụ theo thỏa thuận thì cán bộ công chức làm việc ở bộ phận này sẽ thực hiện chức năng tư vấn và đến địa chỉ mà tổ chức và công dân yêu cầu để giải quyết thủ tục cho họ ngoài công sở và ngoài giờ hành chính. Mô hình này đã và đang thực hiện thí điểm tại một số Cơ quan, Quận, Huyện thuộc Thành phố Hà Nội với tính chất là dịch vụ hành chính công. Nếu xem xét ở khía cạnh cần xây dựng một nền hành chính gọn nhẹ, năng động, chủ động phục vụ các yêu cầu của xã hội thì mô hình này là một mô hình tiếp cận.

Có thể khẳng định mô hình "một cửa" là một mô hình cải cách thể hiện nhiều ưu điểm với những kết quả đã đạt được như trình bày ở trên, do đó mô hình này cần được nhân rộng trong hệ thống các cơ quan hành chính Nhà nước.

Để nhân rộng mô hình này cần có một số việc cần làm là:

Trước hết, cần có Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ để từ đó làm căn cứ Pháp lý cho các cơ quan hành chính nhà nước từ Trung ương đến địa phương nhận thức, quán triệt và tổ chức thực hiện. Những ưu điểm của mô hình "một cửa" như đã phân tích trên đây, nếu chỉ thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng thì nó chỉ có giá trị tham khảo; có thể có địa phương học hỏi áp dụng; nhưng cũng có thể có địa phương không áp dụng vì không có cơ sở Pháp lý nào bắt buộc phải áp dụng.

Cần khẳng định mô hình "một cửa" không phải là mô hình có tính chất đặc thù riêng của Bộ, Ngành hay địa phương nào và cũng không phụ thuộc vào điều kiện có sự hỗ trợ tài chính mà là mô hình chung có thể áp dụng cho tất cả các cơ quan, các cấp trong bộ máy quản lý Nhà nước từ Trung ương đến địa phương để giải quyết các thủ tục quan hệ giữa Nhà nước với các tổ chức, công dân và quan hệ giữa các cơ quan Nhà nước với nhau.

Tuy nhiên, hiện nay những vấn đề như sắp xếp lại về tổ chức, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ nội bộ, loại việc nào thuộc trách nhiệm phục vụ của Nhà nước, loại việc nào Nhà nước làm dịch vụ, giải thích cho dân hiểu rõ vì sao loại việc đó là dịch vụ, cũng như các quy định về mức phí, lệ phí, quy định công khai các thủ tục, quy trình giải quyết công việc, yêu cầu về năng lực, trình độ chuyên môn, trách nhiệm của cán bộ công chức làm việc

theo cơ chế một cửa...để mô hình “một cửa” này hoạt động ổn định, tiếp tục phát huy hiệu quả cũng đang là những vấn đề tiếp tục được nghiên cứu hoàn thiện.

Vì vậy trước khi quyết định nhân rộng, cần tổ chức khảo sát thực tế mô hình này ở các địa phương Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Trị, Đà Nẵng...một cách cẩn thận để khẳng định những ưu điểm, nhìn ra những hạn chế, những chỗ chưa hoàn thiện của mô hình này để đi đến những quyết định chính xác.

Để mô hình “một cửa” đi vào hoạt động có nền nếp, hiệu quả thì cần tiếp tục tuyên truyền đẩy mạnh cải cách hành chính một cách đồng bộ, mạnh mẽ, liên tục trên các mặt tổ chức; làm rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của từng đơn vị, từng cấp đến từng người cán bộ công chức; hoàn thiện và nâng cao chất lượng các văn bản Quy phạm Pháp luật; tiếp tục đổi mới chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, đặc biệt chú ý đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ và kỹ thuật hành chính; tránh suy nghĩ cho rằng lập mô hình “một cửa” có nghĩa là nội dung cải cách hành chính mà sao nhãng tiến hành cải cách trên các mặt khác.

Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp cho địa phương gắn với xác định quyền và trách nhiệm hết sức rõ ràng cụ thể. Cần có quy định rõ nội dung công việc phối hợp và trách nhiệm của từng bên giữa chính quyền địa phương và các Bộ, Ngành Trung ương nhằm khắc phục các hiện tượng kênh, vướng do quan niệm, bảo vệ lợi ích theo cách nhìn cục bộ. Công cuộc cải cách hành chính không chỉ cần sự đồng thuận, nhất trí về nhận thức mà còn cần sự phối hợp nhịp nhàng, sự ủng hộ, hỗ trợ, tạo điều kiện của các bên liên quan trong mối quan hệ trên dưới ngang dọc. Mô hình “một cửa” trong vấn đề giao đất và cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* ở Quảng Trị đạt được những kết quả như vậy có nhiều yếu tố, trong đó có sự hỗ trợ, hợp tác tích cực có hiệu quả trong lĩnh vực kỹ thuật và huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng cục Thuế, Tổng cục Địa chính.

6. KHÔNG NGỪNG CÙNG CỐ KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC, TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC DÂN TỘC, MIỀN NÚI VÀ TÔN GIÁO GÓP PHẦN ĐẮC LỰC VÀO VIỆC THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ VÀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH.

Việt Nam là một quốc gia thống nhất gồm nhiều dân tộc cùng sinh sống, kề vai sát cánh với nhau trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước. Các dân tộc thiểu số nước ta cư trú xen kẽ trên địa bàn rộng lớn, có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng và bảo vệ môi trường sinh thái. Đồng bào các dân tộc nước ta có truyền thống đoàn kết lâu đời trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm, chế ngự thiên nhiên, khắc phục thiên tai và xây dựng đất nước. Mỗi dân tộc có sắc thái văn hóa riêng, góp phần tạo nên sự đa dạng, phong phú của nền văn hóa Việt Nam thống nhất.

Ngay từ khi mới ra đời và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn xác định vấn đề dân tộc, công tác dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược quan trọng trong cách mạng nước ta. Dựa trên những quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, Đảng ta đã đề ra

các chủ trương, chính sách dân tộc, với những nội dung cơ bản là: *Bình đẳng, đoàn kết, tương trợ nhau cùng phát triển*. Trải qua các thời kỳ cách mạng, công tác dân tộc đã đạt được những thành tựu to lớn góp phần quan trọng vào sự nghiệp cách mạng chung của đất nước(64). Về vấn đề dân tộc, chúng ta thực hiện nhất quán chính sách các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển, đoàn kết rộng rãi trong nội bộ từng dân tộc, giữa dân tộc này với dân tộc khác, giữa dân tộc thiểu số và dân tộc đa số; thực hiện sự phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh, quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi; thực hiện ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế – xã hội các vùng dân tộc và miền núi; bồi dưỡng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực tại chỗ, nâng cao dân trí, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, phát huy nội lực, tinh thần tự lực tự cường của đồng bào các dân tộc, đồng thời tăng cường sự quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ của Trung ương và các địa phương trong cả nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn coi trọng vai trò nhân dân tham gia xây dựng Đảng và Nhà nước. Người đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, nhất là trong khi Đảng đã nắm chính quyền. Trong cách mạng giải phóng dân tộc cũng như cách mạng Xã Hội Chủ Nghĩa, Bác thường xuyên nhắc nhở mỗi cán bộ, đảng viên phải giữ vững sự liên hệ mật thiết với nhân dân, phải nhớ rằng “dân như nước, mình như cá”. Người nhấn mạnh: liên hệ mật thiết với nhân dân là phẩm chất của một đảng chân chính cách mạng và là một trong những tiêu chuẩn của người đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Người chỉ rõ: ***“Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”***. Vì vậy, trong bất kỳ điều kiện và hoàn cảnh nào, quan hệ giữa Đảng với dân, dân với Đảng cũng phải gắn bó và phải thường xuyên được củng cố chặt chẽ.

Trong mối quan hệ này, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, Đảng lãnh đạo nhân dân bằng chủ trương, đường lối do Đảng đề ra và bằng năng lực tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối đó trên cơ sở mỗi cán bộ, đảng viên xác định mình vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân; còn nhân dân ở địa vị làm chủ chế độ, làm chủ đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, là lực lượng thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng đã được thể chế thành chính sách của Nhà nước. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, cán bộ và đảng viên phải dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, coi đó là một trong những biện pháp quan trọng để đạt hiệu quả tốt trong quá trình rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng; mặt khác nhân dân phải coi xây dựng Đảng là một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng của mình.

Đảng phải dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng và nhân dân có nghĩa vụ xây dựng Đảng - đây là một quan điểm rất quan trọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Về việc dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, Người đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải thường xuyên hàng ngày thực hiện tốt những yêu cầu tối thiểu sau đây:

- “*Trước hết phải ăn ở làm sao cho dân tin, dân phục, dân yêu.*”

- *"Phải thực sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân";* cụ thể là lắng nghe ý kiến và nguyện vọng của nhân dân, đồng thời sẵn sàng học hỏi kinh nghiệm và sáng kiến của nhân dân.

- *"Phải thường xuyên thật thà tự phê bình trước nhân dân, đồng thời hoan nghênh và khuyến khích nhân dân phê bình mình; có khuyết điểm, sai lầm phải công khai nhận trước nhân dân và kiên quyết sửa lỗi".*

Trong điều kiện hiện nay, để củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, chúng ta có thể tập trung thực hiện những biện pháp chủ yếu sau đây:

Một là, phát huy sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc.

Sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc là sức mạnh đại đoàn kết của tất cả các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, thành phần, giới tính, lứa tuổi, người trong và người ngoài Đảng, các đoàn thể và tổ chức xã hội tiến bộ, người đang công tác, người đã nghỉ hưu sống ở trên mọi miền của đất nước cũng như đang cư trú ở nước ngoài. Động viên sự đóng góp của toàn xã hội, mọi khả năng của các tầng lớp nhân dân trong xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật, công sức, trí tuệ, tiền vốn, kinh nghiệm quản lý, tài năng, sức sáng tạo vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Sức mạnh của khối đại đoàn kết ấy được tạo ra bởi mọi người đều có chung một cội nguồn dân tộc, chung một vận mệnh quốc gia; chung một tiền đồ phát triển. Bài học xương máu và hết sức giản đơn được nhân dân ta rút ra: nước mất thì nhà tan, có độc lập thì có tự do, có độc lập tự do là có tất cả. Chân lý ấy được mọi người Việt Nam yêu nước đồng tình công nhận. Đây cũng là điểm phân biệt giữa người yêu nước chân chính với những kẻ phản bội Tổ quốc. Thực tiễn cho thấy không ít kẻ nhân danh *"yêu nước"*; nhân danh *"dân tộc"* để mưu cầu lợi ích cá nhân, cam tâm làm tay sai cho bọn đế quốc, phản động chống phá cách mạng, phản dân, hại nước và kết cục là những kẻ đó đều bị sức mạnh cả cộng đồng dân tộc gạt bỏ.

Sức mạnh đại đoàn kết của cả cộng đồng dựa trên nguyên tắc xây dựng khối liên minh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức làm nòng cốt; trong đó, nghiêm minh về kinh tế là cơ sở vững chắc củng cố các quan hệ khác bền chặt, tạo sức mạnh vật chất và tinh thần của khối đại đoàn kết toàn dân.

Phát huy sức mạnh đại đoàn kết của cả dân tộc là phát huy các truyền thống tốt đẹp và quý báu của dân tộc. Đó là truyền thống yêu nước, không chịu làm nô lệ, không chịu nghèo hèn, phụ thuộc vào bên ngoài. Phát huy truyền thống cần cù lao động, thông minh, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm. truyền thống hợp tác giúp đỡ lẫn nhau, thương người sống vị tha, đại nghĩa, thủy chung, nhân ái. lấy lợi ích chung làm điểm tương đồng, xóa đi những mặc cảm, định kiến hẹp hòi, thực sự tin cậy lẫn nhau hướng tới sự phát triển chung của đất nước.

Hai là, xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân lớn mạnh.

Đảng, Nhà nước thông qua Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường khối đoàn kết toàn dân, củng cố khối thống nhất về chính trị, tinh thần, giữ gìn kỷ cương và Pháp luật, nâng cao trách nhiệm công dân, thắt chặt mối quan hệ giữa Đảng với dân.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là liên minh chính trị của các đoàn thể nhân dân và những cá nhân tiêu biểu của các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo; là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân là xây dựng cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, góp phần xây dựng Nhà nước trong sạch vững mạnh. Phát huy trách nhiệm và khả năng của công dân tham gia đóng góp ý kiến vào các dự thảo chính sách, luật, những quyết định quan trọng của Đảng và Nhà nước. Phát huy khả năng của nhân dân, tham gia kiểm tra, giám sát các hoạt động của cán bộ, đảng viên, công chức trong các cơ quan của Đảng và Nhà nước. Để phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, một mặt, củng cố các tổ chức này một cách chặt chẽ, mặt khác, không ngừng đổi mới nội dung phương thức hoạt động, hướng vào phục vụ nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân.

Ba là, thực hiện dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Suốt hơn 70 năm lãnh đạo cách mạng, Bác Hồ và Đảng luôn dựa vào dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Nhờ vậy mà cách mạng nước ta đã giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Sức mạnh làm chủ của nhân dân không trừu tượng, xa vời mà nằm ngay ở mỗi người dân. Quyền làm chủ của nhân dân được thể hiện trên mọi lĩnh vực và được thể chế hóa bằng Pháp luật, được hoàn thiện và nâng cao trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội. Thực hiện quyền làm chủ của nhân dân dưới cả 2 hình thức trực tiếp và gián tiếp, bảo đảm cho nhân dân tham gia quản lý xã hội, thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng liên quan đến lợi ích của đông đảo nhân dân, sao cho những quyết sách lớn tập trung được trí tuệ, phản ánh đủ ý chí, nguyện vọng của nhân dân. Có biện pháp ngăn ngừa các hành vi mất dân chủ, dân chủ hình thức; xử lý nghiêm những hành vi độc đoán, chuyên quyền, quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu gây phiền hà cho dân hoặc lợi dụng dân chủ vi phạm kỷ cương, Pháp luật, phát huy dân chủ kết hợp với tăng cường pháp chế, thực hiện quản lý xã hội bằng Pháp luật. Thể chế hóa quyền làm chủ của nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ ở các loại hình cơ sở, bảo đảm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Thực hiện dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nhằm giữ vững bản chất dân chủ của chế độ ta, bảo đảm mọi lợi ích, quyền hạn đều ở nơi dân. Có quy chế phù hợp để đảm bảo quyền làm chủ của mọi công dân sẽ là phương hướng, biện pháp tích cực phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Một mặt nâng cao trình độ hiểu biết và khả năng làm chủ của nhân dân trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh. Mặt khác có cơ chế thích hợp để nhân dân thực sự được làm chủ trên các lĩnh vực đó. Tiến hành cải cách từng bước nền hành chính ở các cấp, đặc biệt là các cơ sở. Rà soát các thủ tục hành chính, loại bỏ những quy định không cần thiết, gây cản trở đến phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Sắp xếp lại tổ chức bộ máy sao cho thực sự gọn nhẹ, hướng về phục vụ nhân dân ở cơ sở. Đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức tốt, tinh thông nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm cao, năng động, sáng tạo, tận tụy phục vụ nhân dân. Kiên quyết đấu tranh đưa ra khỏi bộ máy hành chính các cấp những công chức thoái hóa, biến chất, tham nhũng, độc quyền, ức hiếp dân, làm triệt tiêu các động lực phát huy sức mạnh của nhân

dân; làm suy yếu cơ quan chính quyền, làm mất lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Bốn là, xây dựng hệ thống chính sách đồng bộ, tạo cơ sở phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân.

Chính sách và Pháp luật của Nhà nước ta vì hạnh phúc của con người, là cơ sở để phát huy mọi tiềm năng của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân, bảo đảm cho mọi công dân thực hiện bình đẳng và phát triển. Hệ thống chính sách phản ánh những giá trị nhân văn, thể hiện lợi ích và trách nhiệm của cộng đồng xã hội nói chung và của từng công dân; điều chỉnh các mối quan hệ lợi ích giữa con người với con người, giữa con người với xã hội, nhằm thỏa mãn những nhu cầu ngày càng cao, về đời sống vật chất và tinh thần của công dân. Vì vậy, chính sách và Pháp luật là các yếu tố tác động trực tiếp, mạnh mẽ để thực hiện dân chủ toàn xã hội, là động lực phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân.

Để nhân dân phấn khởi, chủ động, tự giác tham gia ngày càng đông đảo vào các hoạt động cách mạng, Đảng và Nhà nước không ngừng đổi mới, hoàn thiện các chính sách cụ thể đối với các giai cấp, các tầng lớp nhân dân, nhất là các chính sách phát triển kinh tế – xã hội, chính sách phân phối, tiêu dùng nhằm bảo đảm quyền lợi và trách nhiệm của công dân. Những chính sách đó hướng vào chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và tạo cơ hội phát triển mọi mặt cho các giai cấp, các tầng lớp, các chủ thể của các thành phần kinh tế, các dân tộc, miền núi, vùng sâu, vùng xa, các tôn giáo, đồng bào ta định cư ở nước ngoài.

Hoàn thiện hệ thống chính sách xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh về mọi mặt, phát triển về số lượng, nâng cao giác ngộ giai cấp, trình độ học vấn, tay nghề, năng lực tiếp thu, ứng dụng những tiến bộ khoa học công nghệ mới, lao động có năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao, đi đầu trong thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thực hiện tốt chính sách với nông dân, nông nghiệp, nông thôn nhằm không ngừng cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân, xây dựng nông thôn mới, phát huy quyền làm chủ của nông dân. Có biện pháp cụ thể thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, đưa nông dân nước ta nhanh chóng vượt qua tình trạng nghèo nàn lạc hậu kém phát triển đi lên sản xuất lớn Xã Hội Chủ Nghĩa. Tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích trí thức tự do sáng tạo, phát minh, cống hiến cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Có chính sách tôn vinh và đãi ngộ xứng đáng những tài năng của đất nước. Chăm lo giáo dục, bồi dưỡng, đào tạo thế hệ trẻ về chính trị, tư tưởng, văn hóa, đạo đức, lối sống, nghề nghiệp, tạo việc làm và phát triển toàn diện để thanh niên thực sự là lực lượng xung kích trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hoàn thiện chính sách chăm sóc phát huy sức lực, trí tuệ của phụ nữ, cựu chiến binh, các nhà lão thành cách mạng, những người có công với nước, cán bộ nghỉ hưu; đồng bào các dân tộc; đồng bào có đạo; người Việt Nam sống ở nước ngoài đoàn kết một lòng phát huy mọi nguồn lực trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Ngăn chặn và sẵn sàng đập tan mọi hành động thù địch, chống phá cách mạng của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta; chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc Việt nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Đối với các tầng lớp nhân dân, trước mắt hết sức chăm lo đời sống, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, bảo đảm mọi người trong độ tuổi được đi học, mọi người ốm đau đều được chữa bệnh. Thực hiện tốt chính sách với người có công, cải cách chế độ tiền lương bảo đảm công bằng trong phân phối. Đẩy lùi có hiệu quả các tiêu cực và tệ nạn xã hội, thu hẹp khoảng cách chênh lệch, bất bình đẳng giữa bộ phận dân cư này với bộ phận dân cư khác trong xã hội. Xây dựng trật tự kỷ cương, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường trong sạch, lành mạnh.

Năm là, xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn mới, phát huy nguồn lực con người.

Nguồn lực con người là nhân tố quyết định sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Đất nước ta bước vào thế kỷ XXI, hội nhập với thế giới hiện đại, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi còn vô vàn những khó khăn, thách thức phải vượt qua. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là sự nghiệp trọng đại của toàn Đảng, toàn dân, là nhiệm vụ trung tâm suốt thời kỳ quá độ đi lên Chủ Nghĩa Xã Hội ở nước ta. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân thực hiện thắng lợi sự nghiệp trên, điều cốt lõi và quyết định nhất là phát huy nguồn nhân lực, phát huy nhân tố con người. Đó là những con người có lòng yêu nước nồng nàn, giác ngộ sâu sắc về lý tưởng độc lập dân tộc và Chủ Nghĩa Xã Hội ở nước ta, có hoài bão đóng góp sức lực, trí tuệ, vì sự phồn vinh của đất nước. Con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới là con người phát triển toàn diện, có nhận thức chính trị, tư tưởng vững vàng, có trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ cao, đáp ứng các yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đang đặt ra; có phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh; dám nghĩ dám làm, say mê sáng tạo; thẳng thắn trung thực, kiên quyết đấu tranh đẩy lùi những tiêu cực và tệ nạn xã hội; đoàn kết, sẵn sàng hợp tác vì sự nghiệp chung của đất nước; có tác phong công nghiệp trong lao động, sinh hoạt. Để phát huy nguồn lực con người phải xây dựng con người bằng việc thực hiện đồng bộ sự nghiệp giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; phát triển kinh tế – xã hội; xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; thực hiện tốt hệ thống chính sách xã hội... làm cho con người phát triển toàn diện về thể chất và tâm hồn, trí tuệ và năng lực.

Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho việc phát triển nông thôn, miền núi:

Thực hiện kết luận của Thủ tướng Chính phủ (tại thông báo số 19/TB-VPCP ngày 21/2/2000). Bộ nội vụ đã chủ trì bàn với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh lập dự án đưa 500 trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi tại 125 xã nghèo đặc biệt khó khăn theo sáng kiến của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Sau khi xem xét đề nghị của Bộ trưởng – Trưởng ban Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ nội vụ) tại Tờ trình số 168/TTr-BTCCBCP ngày 12/4/2000, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 354/QĐ-TTg, ngày 28/4/2000 tổ chức các đội trí thức trẻ với tổng số 500 thanh niên đã tốt nghiệp các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp tình nguyện

tham gia phát triển nông thôn, miền núi (gọi tắt là trí thức trẻ tình nguyện) tại 125 xã nghèo đặc biệt khó khăn trong thời gian 24 tháng kể từ năm 2000 đến năm 2002. Trong 2 năm, các đội trí thức trẻ tình nguyện có nhiệm vụ giúp các xã làm công tác: khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, miền núi, xây dựng nông thôn mới; xóa mù chữ và giáo dục tiểu học; phát triển y tế cơ sở, chăm sóc sức khỏe ban đầu; thực hiện chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường; xây dựng đời sống văn hóa mới và phòng, chống các tệ nạn xã hội. Kinh phí tổ chức thực hiện chương trình này do Ngân sách Nhà nước cấp trực tiếp cho Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh với số tiền là 5.703 triệu đồng (năm nghìn bảy trăm linh ba triệu đồng). Mặt khác, Thủ tướng Chính phủ còn giao nhiệm vụ cho các cơ quan chức năng tiến hành nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách ưu đãi trình Thủ tướng Chính phủ sớm xem xét, quyết định để khuyến khích và động viên các thanh niên trí thức trẻ tình nguyện tham gia chương trình này.

Quyết định tổ chức các đội trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi được Thủ tướng Chính phủ ban hành trong thời điểm này được dư luận hết sức quan tâm bởi lẽ nguồn nhân lực cho sự nghiệp xây dựng và phát triển nông thôn đang đứng trước một mâu thuẫn đó là: những năm qua số sinh viên tốt nghiệp các Trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp ngày càng tăng, nhiều sinh viên tốt nghiệp chưa được sử dụng có hiệu quả, làm trái ngành, trái nghề hoặc chưa tìm được việc làm có xu hướng tập trung ở các thành phố, thị xã ngày càng tăng và cơ hội tìm kiếm được công việc ở các cơ quan, công sở tại những đô thị và đồng bằng trước đây đã khó nay lại càng khó khăn hơn khi các cơ quan hành chính, sự nghiệp Nhà nước đang triển khai thực hiện kế hoạch giảm 15% biên chế theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa VIII). Trong khi đó nhiều địa phương, nhất là ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng núi, hải đảo... lại đang rất cần những cán bộ có trình độ học vấn và chuyên môn nghiệp vụ để triển khai các công việc khuyến nông, khuyến lâm, ứng dụng kỹ thuật thâm canh mới, phát triển giáo dục và y tế cơ sở, mở mang dân trí góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn, miền núi từng bước xóa bỏ đói, nghèo và lạc hậu. Do vậy, việc Nhà nước đầu tư kinh phí cùng với các chính sách ưu đãi khác để tổ chức các đội trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi ở những xã nghèo, đặc biệt khó khăn của 10 tỉnh là một động thái tích cực để thu hút những thanh niên có học vấn với nhiệt huyết của tuổi trẻ để mang lại động lực mới cho sự nghiệp xóa đói, giảm nghèo và phát triển kinh tế – xã hội của nông thôn, miền núi là đầu tư thiết thực và hiệu quả. Tuy nhiên, với tổng số gần 2000 xã đặc biệt khó khăn và các xã biên giới Nhà nước sẽ không có đủ khả năng về tài chính để hỗ trợ cho các chương trình như hiện nay. Do vậy, về lâu dài chúng ta cần có cơ chế chính sách phù hợp để thu hút các trí thức trẻ tình nguyện về công tác lâu dài tại các vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Đây là công việc khó khăn, phức tạp và tốn kém, nên cần phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành, các cấp và của cả cộng đồng mới phát huy được các nguồn lực để thực hiện được mục tiêu xóa đói, giảm nghèo mà Chính phủ đã đề ra. Giải pháp cho vấn đề này, theo chúng tôi trước hết cần phải củng cố và tăng cường các nguồn lực hiện có để góp phần "Thu hẹp dân khoảng cách đời sống văn

hóa giữa các trung tâm đô thị và nông thôn, giữa những vùng kinh tế phát triển với các vùng sâu, vùng xa, vùng núi, biên giới, hải đảo, giữa các tầng lớp nhân dân” theo như tinh thần Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa VIII) nhằm thu hút “nguồn lực chất xám” đến công tác lâu dài tại những vùng có khó khăn gian khổ. Trước mắt cần có kế hoạch huy động các đơn vị như lực lượng vũ trang, Kiểm lâm, Khí tượng – Thủy văn, Lâm – Nông trường... đang công tác trên địa bàn của địa phương, ngoài nhiệm vụ và công việc chuyên môn cần khuyến khích và tạo điều kiện để họ tham gia giúp các xã triển khai công tác: khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, xóa mù chữ và giáo dục tiểu học, tham gia phát triển y tế cơ sở, chăm sóc sức khỏe ban đầu, xây dựng đời sống văn hóa mới và phòng, chống các tệ nạn xã hội v.v... Mặt khác, theo số liệu thống kê của Tổng cục Khí tượng – Thủy văn thì hiện nay có tới 67/172 trạm Khí tượng và 54/119 trạm Thủy văn nằm ở vùng sâu, vùng xa. Hầu hết các trạm này đều có cơ sở vật chất khang trang và được cung cấp các trang thiết bị hiện đại để phục vụ cho công tác chuyên môn và có các công chức thuộc biên chế Nhà nước được bố trí công tác lâu dài tại đây. Những người này hầu hết đều có trình độ từ Cao đẳng hoặc Trung học chuyên nghiệp trở lên, có mối quan hệ rất gần bó với chính quyền và người dân sở tại. Do vậy, nếu Nhà nước đầu tư thêm các điều kiện và phương tiện như sách báo, trang bị y tế, thuốc men kết hợp cơ sở vật chất sẵn có của các trạm và giao cho họ nhiệm vụ mới ngoài công việc chuyên môn và hỗ trợ họ một khoản phụ cấp để “động viên” họ tham gia làm các nhiệm vụ như quy định đối với các trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi hiện nay thì không bao lâu những cơ sở này sẽ nhanh chóng trở thành “điểm sáng văn hóa” góp phần cải thiện đời sống văn hóa ở những vùng đời sống văn hóa còn thấp kém, nâng cao dân trí, hỗ trợ cùng với các nguồn lực khác giúp đồng bào thay đổi tập quán canh tác, chuyển dịch cơ cấu kinh tế giảm bớt đói, nghèo... là một trong những mục tiêu quan trọng mà Chính phủ đang nỗ lực phấn đấu thực hiện thành công trong những thập niên đầu của Thế kỷ 21.

Đẩy mạnh và tăng cường công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo:

Nước ta hiện có 6 tôn giáo lớn: đạo Phật, đạo Công giáo (đạo Thiên chúa), đạo Tin lành, đạo Hồi (đạo Islam), đạo Cao Đài (Đại đạo tam kỳ phổ độ) và đạo Hoà Hảo (Phật giáo Hoà Hảo).

Về tín đồ: Theo báo cáo của ban Tôn giáo của Chính phủ, tổng số tín đồ 6 tôn giáo lớn ở nước ta hiện nay là 18.358.345 người. Trong đó: Phật giáo: 9.038.064; Công giáo: 5.324.492; Tin lành: 421.248 (Tổng hội miền Bắc: 6.333, Tổng liên Hội miền nam: 414.915); đạo Hồi: 64.991; Cao Đài: 2.276.978; Hoà Hảo: 1.232.572. Tín đồ các tôn giáo đại bộ phận là nhân dân lao động, trong đó chủ yếu là nông dân; sống tập trung ở những nơi có vị trí quan trọng về kinh tế, quốc phòng; một bộ phận ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Về chức sắc tôn giáo: Chức sắc giữ vai trò quan trọng trong hoạt động tôn giáo và có ảnh hưởng lớn tới tín đồ. Nhiều người được đào tạo khá cơ bản về giáo lý, có trình độ học vấn, có điều kiện và phương tiện hoạt động. Đa số các chức sắc yên tâm làm việc đạo, có tinh thần dân tộc, đồng tình với đường hướng sống

tốt đời đẹp đạo; mong muốn được hoạt động tôn giáo trong khuôn khổ luật pháp. Tuy nhiên, có một số ít người mang tư tưởng cơ hội, vọng ngoại, giữ thái độ cực đoan quá khích, gây tổn hại đến lợi ích của dân tộc và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Các tổ chức giáo hội: Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành lập từ năm 1981, là tổ chức thống nhất các tổ chức, hệ phái Phật giáo trên cả nước. Đạo Phật hiện có 15.051 ngôi chùa, 3 Học viện Phật giáo, 1 Viện Nghiên cứu Phật học, 30 trường trung cấp Phật học, trong đó có 4 lớp cao đẳng Phật học. Tổ chức của Giáo hội gồm 2 cấp: Trung ương và cơ sở (chùa); có 44 Ban trị sự Phật giáo ở 44 tỉnh, thành phố. Giáo hội Phật giáo Việt Nam lấy "Đạo pháp, Dân tộc và Chủ nghĩa Xã hội" làm phương châm hoạt động và là là tổ chức tôn giáo đầu tiên đã được Nhà nước ta tặng huân chương Hồ Chí Minh vì những công lao đóng góp trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Giáo hội Công giáo Việt Nam: Gồm 3 giáo tỉnh, 25 giáo phận, 2.027 giáo xứ, 6.003 nhà thờ, nhà nguyện. ngoài hệ thống các giáo xứ, gồm có hệ thống các dòng tu gồm 73 dòng, có những dòng hoạt động trên địa bàn nhiều giáo phận. Có 6 Đại chủng viện để đào tạo linh mục. Hội đồng Giám mục Việt Nam được thành lập năm 1980 chọn đường hướng "Sống phúc âm trong lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc cho đồng bào".

Các Giáo hội đạo Tin lành: Tổng hội Hội Thánh Tin lành Việt Nam (miền bắc) ra đời 1955 là một tổ chức tôn giáo yêu nước, có điều lệ tiến bộ. Hội Thánh Tin lành miền Bắc có 14 chi hội ở trên 10 tỉnh, thành phố. *Hội Thánh Tin lành miền Nam* tổ chức Đại hội vào tháng 02- 2001 đã thông qua Hiến chương mới, xác định tôn chỉ: "Sống phúc âm, phụng sự Thiên chúa, phục vụ Tổ quốc và Dân tộc"; xác định là một tổ chức độc lập, không phụ thuộc tôn giáo nước ngoài; cơ cấu 2 cấp: trung ương(Tổng Liên hội) và cơ sở (Hội thánh). Đại hội đã bầu Ban Trị sự Tổng Liên hội gồm 23 thành viên. Ngày 10 và 11- 9-2003 Ban Trị sự Hội Thánh Tin lành Việt Nam(Miền Nam) tổ chức Đại hội Hội đồng Giáo phẩm lần thứ hai. Đại hội đã thảo luận thông qua quy chế Hội đồng giáo phẩm gồm 6 chương, 14 điều; bầu bổ sung nhân sự Hội đồng giáo phẩm. Hội Tin lành miền nam hiện có 253 nhà thờ, với gồm 400 mục sư truyền đạo đang hành đạo ở 31 tỉnh, thành phố phía Nam.

Các Giáo hội Cao Đài: Gồm 9 hệ phái có nhiều cơ sở họ đạo trên nhiều tỉnh và 7 hệ phái nhỏ chỉ có ở một số địa phương; lấy phương châm: "nước vinh đạo sáng" làm tôn chỉ mục đích, xây dựng hiến chương, nội luật, nội quy... phù hợp với luật pháp, trong đó nêu rõ việc chấm dứt sử dụng hình thức "cơ bút" trong sinh hoạt đạo. Đạo Cao Đài hiện có 1.257 cơ sở 37 tỉnh, thành phố.

Phật giáo Hoà Hảo: Năm 1999 Đại hội đại biểu Phật giáo Hoà Hảo bầu ra Ban Đại diện gồm 11 thành viên, hoạt động theo "Quy chế Phật giáo Hoà Hảo- Tổ chức đại diện của ban Phật giáo Hoà Hảo", có đường hướng hành đạo tiến bộ: "Phụng đạo- yêu nước và gắn bó với dân tộc".

Đạo Hồi: ở nước ta, chủ yếu có ở vùng đồng bào Chăm. Được sự quan tâm của các địa phương, sinh hoạt tôn giáo của đồng bào được bảo đảm, chức sắc và tín đồ được tham dự một số hoạt động truyền thống của Hồi giáo quốc tế như hành

hương mecca, thì đọc kinh coran... Từ khi nước ta gia nhập khối ASEAN, mối quan hệ giữa Hồi giáo trong nước với Hồi giáo các nước ASEAN ngày càng phát triển, đặc biệt với Hồi giáo ma-lai-xi-a và Hồi giáo In-đo-nê-xi-a. Hồi giáo trong nước hiện chưa có tổ chức Giáo hội. Tại Thành phố Hồ Chí Minh có Ban Đại diện Hồi giáo đại diện cho chức sắc, tín đồ thuộc 15 thánh đường Hồi giáo Islam ở thành phố.

Đồng bào các tôn giáo đã có những đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. nhìn chung, các tổ chức tôn giáo đã xây dựng đường hướng, hành đạo, hoạt động theo pháp luật. Các tôn giáo được Nhà nước công nhận đã hành đạo gắn bó với dân tộc, tập hợp được đông đảo tín đồ trong khối toàn kết toàn dân, xây dựng cuộc sống tốt đời đẹp đạo, góp phần vào công cuộc đổi mới đất nước.

Tuy nhiên, tình hình hoạt động tôn giáo hiện nay có những diễn biến phức tạp, tiềm ẩn những nhân tố mất ổn định như một số phần tử xấu hoạt động truyền đạo trái phép, lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hành nghề mê tín dị đoan hoặc kích động tín đồ gây khiêu khích tranh chấp đất đai và cơ sở vật chất của tổ chức tôn giáo,.... Bên cạnh đó, các thế lực thù địch luôn lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, gây mất ổn định chính trị. Thực tế tình hình trong những năm qua cho thấy, các thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo để thực hiện âm mưu "diễn biến hoà bình" diễn ra thường xuyên. Chúng móc nối xây dựng tổ chức liên tôn giáo chống Đảng, chống Nhà nước. Chúng tìm cách cho ra đời các "Giáo hội độc lập", các "Tôn giáo li khai" theo kiểu "Tin lành Đê Ga", "Đạo Vàng Chữ", "Đạo Thần Hùng"...

Âm mưu của chúng là chia rẽ giữa tôn giáo này với tôn giáo khác, giữa những người có tôn giáo với những người không tôn giáo, phá hoại chính sách đại đoàn kết toàn dân của Đảng và Nhà nước.

Việc đấu tranh xử lý các vi phạm pháp luật trong các hoạt động tôn giáo được quan tâm, đã ngăn chặn và vô hiệu hoá các "đạo lạ", "tà giáo" có tính chất chính trị phản động hoặc mang nội dung không lành mạnh, trái phong tục, tập quán và truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Công tác thông tin đối ngoại, vận động và đấu tranh đối với các hoạt động lợi dụng các vấn đề tôn giáo để chống phá nước ta được đẩy mạnh, có sự phối hợp đồng bộ giữa các bộ, ban, ngành và các địa phương, giữa trong nước và ngoài nước.

Tuy nhiên, công tác QLNN đối với hoạt động tôn giáo còn bộc lộ một số bất cập. theo thống kê tại 21 tỉnh, trong 8.553 chức sắc đang hoạt động thì chỉ có 6.592 người (chiếm 77%) được chính quyền công nhận. Về việc bổ nhiệm, truyền chức sắc, có đến 15% số người đi từ xã, huyện này sang xã, huyện khác trong cùng một tỉnh để hoạt động tôn giáo không theo sự quản lý của địa phương. Về mặt tổ chức, các hoạt động tôn giáo tiếp tục phát triển và hoạt động trái phép nhằm lôi kéo quần chúng. Việc truyền đạo trái phép gắn với ý đồ chính trị phản động của một số phần tử thù địch trong các tôn giáo vẫn diễn ra ở các tỉnh biên giới phía Bắc và Tây Nguyên, chưa có các biện pháp tích cực để ngăn chặn có hiệu quả.

Việc khiếu kiện và tranh chấp liên quan đến đất đai tôn giáo và cơ sở vật chất tôn giáo ở một số nơi tăng lên, có nơi gay gắt, phức tạp. Theo báo cáo của 34 tỉnh, thành phố, trong số 306 cơ sở thờ tự được xây dựng mới trong các năm gần đây, có 26 trường hợp (chiếm 8,5 %) không có phép xây dựng. Trong số 1.119 vụ khiếu tố của tôn giáo, 59% số vụ đã giải quyết xong, 23% đang tiếp tục giải quyết và 18% không đủ cơ sở để giải quyết.

Một số nơi, nhất là vùng dân tộc thiểu số, một số người đã lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để tiến hành những hoạt động chống đối, kích động tín đồ nhằm phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định chính trị.

Ngày 12-3-2003, Hội nghị Trung ương 7 khoá IX đã ra Nghị quyết số 25/NQ/TW về công tác tôn giáo. Nghị quyết đã thể hiện 5 quan điểm, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước ta về tôn giáo:

Một là, tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng CNXH ở nước ta.

Hai là, Đảng và Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc.

Ba là, nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng.

Bốn là, công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị.

Năm là, về vấn đề theo đạo và truyền đạo, mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Để tăng cường hiệu quả quản lý Nhà nước đối với các hoạt động tôn giáo hiện nay ở nước ta, cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

- Nâng cao nhận thức, thống nhất quan điểm, trách nhiệm của hệ thống chính trị và toàn xã hội về vấn đề tôn giáo. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các quan điểm, chủ trương, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là trong chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo.

- Tăng cường công tác vận động quần chúng, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, đổi mới nội dung, phương thức công tác vận động đồng bào tín đồ các tôn giáo cho phù hợp với đặc điểm của đồng bào có nhu cầu luôn gắn bó với sinh hoạt tôn giáo và tổ chức tôn giáo. Tăng cường hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong việc tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về tôn giáo.

- Sớm ban hành pháp lệnh về tôn giáo và các văn bản hướng dẫn thực hiện; chuẩn bị để tiến tới xây dựng luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Cần rà soát lại các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng; điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình hiện nay.

- Đầu tư và thực hiện có hiệu quả các dự án, chương trình, mục tiêu quốc gia, đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, nâng cao đời sống vật chất và văn hoá cho nhân dân các vùng khó khăn, đặc biệt quan tâm đến các vùng đồng tín đồ tôn giáo và các vùng dân tộc thiểu số miền núi còn nhiều khó khăn.

- Tăng cường cảnh giác, chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu lợi dụng vấn đề tôn giáo để kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

- Tạo điều kiện và động viên các tổ chức tôn giáo tham gia thực hiện chủ trương xã hội hoá các hoạt động y tế, văn hoá- xã hội, giáo dục... của Nhà nước theo các quy định của pháp luật.

- Thống nhất chủ trương xử lý vấn đề nhà đất sử dụng vào mục đích tôn giáo hoặc có liên quan đến vấn đề tôn giáo: Đối với đất đai, thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Đối với hội đoàn tôn giáo, thực hiện theo nguyên tắc: mọi tổ chức tôn giáo phải được Nhà nước công nhận và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

- Tăng cường công tác tổ chức cán bộ làm tốt công tác tôn giáo; bao gồm củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức làm công tác tôn giáo của Đảng, chính quyền, mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mô hình tổ chức quản lý Nhà nước về tôn giáo ở các cấp; xây dựng quy chế phối hợp để phát huy sức mạnh và hiệu quả công tác. Quan tâm thoả đáng việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo các cấp, cán bộ làm công tác tôn giáo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Trong hoạt động quản lý Nhà nước (QLNN), việc thực hiện quản lý đối với hoạt động tôn giáo luôn được coi là trong những nội dung quan trọng. Mục đích của QLNN về hoạt động tôn giáo là nhằm đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và quyền tự do không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân; hướng các hoạt động tôn giáo phục vụ lợi ích chính đáng của các tín đồ, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hoạt động này luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm đặc biệt. QLNN về hoạt động tôn giáo đòi hỏi phải được tiến hành trên cơ sở những nguyên tắc và phương thức đặc thù. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đặt nền móng tư tưởng cho việc xây dựng các nguyên tắc và phương thức đặc thù trong QLNN về hoạt động tôn giáo ở Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám. Do vậy, để thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo, chúng ta cần phải quán triệt Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác tôn giáo.

Địa bàn quản lý của chính quyền cơ sở vùng dân tộc ít người hiện đang tiềm ẩn nhiều điểm nóng chính trị mà tác nhân chủ yếu là các thế lực thù địch với Chủ nghĩa xã hội. Chúng lợi dụng các vấn đề về dân tộc và tôn giáo, đưa những phần tử chống đối lên lời vào các bản, làng xa xôi để tuyên truyền, kích động gây mất đoàn kết giữa các tộc người, phá hoại thành quả đại đoàn kết dân tộc, chống lại sự nghiệp của Cách mạng. Nhiều Tỉnh miền núi ở địa thế chiến lược về an ninh biên giới, cũng là một trọng điểm trong việc thực hiện âm mưu "Diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch, nên bọn phản động quốc tế và bọn phản động Việt sống lưu vong ở nước ngoài đang lợi dụng để chống phá. Bằng mọi thủ đoạn, chúng gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, tiếp tay cho các tổ chức tôn giáo phản động, dụ dỗ, lừa bịp, kích động nhân dân gây rối biểu tình, bạo loạn lật đổ... Thực tế này làm tăng lên tính phức tạp, khó khăn trong công tác quản lý của chính quyền cơ sở. Vì vậy, vững vàng bám lĩnh chính trị và lập trường giai cấp công nhân, nắm vững các quan điểm của Đảng về chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, về độc lập dân tộc gắn liền với Chủ nghĩa xã hội; về bảo vệ an ninh biên giới; có khả năng vận động quần chúng; xử lý nhạy bén và đúng đắn những diễn biến phức tạp trong thực tiễn đang là yêu cầu khách quan với cán bộ của hệ thống chính trị cơ sở.

Sự tác động của các thiết chế xã hội truyền thống của các dân tộc thiểu số khá đa dạng với nhiều mức độ khác nhau bên cạnh hoạt động của chính quyền cơ sở: phương thức tự quản mang tính dân chủ công xã thuần phác, sự tồn tại của một số luật tục bản địa, vai trò khá lớn của các già làng, trưởng bản... Vấn đề là ở chỗ, đôi khi, những thiết chế xã hội truyền thống lại can thiệp khá sâu vào quá trình quản lý giữa phương thức hành chính và các yếu tố thuộc phong tục tập quán đang tồn tại hiển nhiên ở không ít vùng. Thiết chế này với những yếu tố truyền thống tích cực đã có những đóng góp lớn vào quá trình xây dựng xã hội mới bằng truyền thống đoàn kết cộng đồng, bằng tinh thần tự giác tự quản, bằng yếu tố dân chủ sơ khai... Song, nó cũng có những ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình quản lý, tổ chức, vận hành các quan hệ xã hội. Nó khuyến khích tính khép kín, gián tiếp di truyền những tập quán lạc hậu vào trong tư tưởng, lối sống, lối làm việc của đồng bào thiểu số và thậm chí ảnh hưởng tới cả một số cán bộ cơ sở.

Biết phát huy những yếu tố tích cực từ truyền thống đoàn kết cộng đồng, phát huy tính tự quản trong bản, làng, gia đình, dòng họ, những hương ước, quy ước tốt đẹp trong cộng đồng các dân tộc; đồng thời, xoá bỏ ảnh hưởng của tập tục, tập quán lạc hậu đối với đồng bào nói chung và trong đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số nói riêng để các dân tộc thiểu số cùng hoà nhập với các dân tộc khác, cùng phát triển là trách nhiệm của hệ thống chính trị cơ sở và cũng là đặc thù của công tác quản lý nơi đây.

Đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số đều có những yêu cầu chung về cơ cấu tổ chức của chính quyền; phương thức hoạt động xử lý mối quan hệ giữa chính quyền với tổ chức Đảng, Mặt trận và các tổ chức quần chúng khác trong hệ thống chính trị, trách nhiệm của từng tổ chức đó với chính quyền cơ sở; xây dựng đội ngũ cán bộ vùng dân tộc thiểu số sao cho vừa đảm bảo về cơ cấu, vừa đảm bảo về chất lượng, hoạt động có hiệu quả; làm sao để phát huy dân chủ ở cơ sở vùng dân tộc thiểu số trong điều kiện trình độ dân trí còn thấp, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn.

7. CÁC ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT NHẪM ĐẢM BẢO CHO NHỮNG BIỆN PHÁP GẮN KẾT VIỆC THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ VỚI TIẾN TRÌNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐƯỢC TIẾN HÀNH CÓ HIỆU QUẢ THỰC SỰ, THÚC ĐẨY SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA – HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC PHÁT TRIỂN.

- Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt nam trong thời kỳ đổi mới của đất nước:

Đại hội IX là một mốc son chói lọi thứ 10 trong lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Chín mốc son trước đó là Hội nghị thành lập Đảng năm 1930 và 8 Đại hội tiếp theo trong thế kỷ XX. Mỗi mốc son đều đánh dấu một chặng đường phát triển của Đảng, một bước trưởng thành mới và những thắng lợi mới của cách mạng Việt Nam.

Đại hội IX là Đại hội của thời kì mới, khi đất nước ta đã bước vào thế kỉ XXI; toàn Đảng, toàn dân ta đã trải qua 5 năm thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội

VIII của Đảng, 10 năm thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991- 2000, 17 năm thực hiện đổi mới và 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Chủ đề của Đại hội là *"Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa"*.

Độc lập dân tộc gắn liền với Chủ nghĩa xã hội là sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình Cách mạng nước ta. Từ những thực tiễn phong phú và thành tựu thu được qua 15 năm thực hiện đổi mới, Đảng ta đã khẳng định tính đúng đắn của Công lĩnh được thông qua tại Đại hội VIII, khẳng định quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân xây dựng đất nước theo con đường Xã hội chủ nghĩa trên nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lê nin và tưởng Hồ Chí Minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm lý luận chính trị toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của Cách mạng Việt Nam, là kết quả vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lê Nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. Tư tưởng Hồ Chí Minh đã soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của dân tộc ta.

Đảng ta đã chỉ rõ, xây dựng đất nước ta theo con đường Xã hội chủ nghĩa là phấn đấu xây dựng trên đất nước ta một chế độ xã hội do dân làm chủ; một nền văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc; một khối đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức; một Nhà nước pháp quyền của dân do dân, vì dân và một Đảng cầm quyền duy nhất lãnh đạo đó là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ mới là đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đảng ta đã xác định rõ mục tiêu : *"Đưa đất nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; Vị thế nước ta trên trường quốc tế được nâng cao."* (Văn kiện đại hội IX).

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng ta là Đại hội của *Trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới*. Có *trí tuệ* và *bằng trí tuệ*, Đảng ta mới có tầm nhìn và sự đánh giá đúng tình hình và các xu thế phát triển vốn rất phức tạp và nhiều màu, nhiều vẻ, mới phân tích được và xử lý đúng những vấn đề lý luận và thực tiễn do cuộc sống đặt ra, mới hoạch định được một cách chính xác đường lối, chủ trương, chính sách và những biện pháp có hiệu quả cho sự phát triển. Có *dân chủ* và *bằng phương pháp dân chủ*, mới có thể khơi dậy và động viên được một năng lực vật chất và tinh thần của toàn Đảng và toàn dân để giải quyết những công việc lớn của đất nước. Có *đoàn kết* và *tinh thần đoàn kết* thực sự mới biến được sức mạnh của từng cá nhân, từng tập thể thành sức mạnh tổng hợp của cả cộng đồng, của một khối thống nhất về chính trị, tư tưởng, tổ chức để làm nên thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Có *đổi mới* và *bằng hành động đổi mới* thực sự mới nắm bắt được

những vấn đề mới, nội dung mới và cách giải quyết phù hợp với thực tế khách quan và yêu cầu của sự phát triển theo quy luật.

Trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới, tám chữ vàng ấy quện chặt vào nhau, tác động qua lại với nhau tạo nên sức mạnh và bản lĩnh chính trị vững vàng để Đảng ta lãnh đạo đất nước tiến lên trong thời kỳ đổi mới.

Tiến trình đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng ta được bắt đầu từ những năm 80 của thế kỷ XX, cải cách bộ máy Nhà nước mà trọng tâm cơ bản là cải cách nền hành chính Nhà nước được xác định từ những năm 90 là một tất yếu khách quan của lịch sử khi chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung bao cấp sang nền kinh tế nhiều thành phần có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng Xã hội chủ nghĩa. Đây là một bước chuyển đổi cơ bản đòi hỏi phải điều chỉnh các chức năng quản lý của Nhà nước trong cơ chế vận hành của nền kinh tế mới. Để đáp ứng yêu cầu khách quan chuyển dịch cơ cấu kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước chỉ có thể là phải xây dựng và củng cố một Nhà nước pháp quyền vững mạnh đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Quyền lực Nhà nước là quyền lực của nhân dân. Nhân dân làm chủ quyền lực Nhà nước; nhân dân uỷ thác quyền lực của mình cho Nhà nước; nhân dân là mục đích phục vụ của Nhà nước; nhân dân là lực lượng và sức mạnh của Nhà nước. Cơ quan Nhà nước từ Trung ương đến địa phương đều là người chấp hành mệnh lệnh của nhân dân, tuân thủ ý chí của nhân dân.

Nhà nước ta là Nhà nước dân chủ, nghĩa là Nhà nước do nhân dân làm chủ. Nhà nước ta phát huy cao độ quyền dân chủ, có phát huy cao độ quyền dân chủ thì mới động viên được tất cả sức mạnh, tinh thần trí tuệ của nhân dân; mới phát huy được sức mạnh toàn dân tộc để đa sự nghiệp cách mạng tiến lên trong thời đại mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: *"Thực hành dân chủ là cái chìa khoá vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn"*. Người đã phân tích và nhấn mạnh rằng nền dân chủ của ta không phải kiểu dân chủ hình thức, dân chủ cho một số người mà là nền dân chủ của tuyệt đại đa số nhân dân, nhân dân là người chủ chân chính duy nhất của xã hội. Nhà nước là cơ quan quyền lực do nhân dân uỷ thác để thực hiện công việc chung cho nhân dân. Muốn bảo vệ lợi ích cho dân tất phải thực hiện dân chủ và chuyên chính. *"Dân chủ và chuyên chính là đại đa số nhân dân chuyên chính với thiểu số phản động chống lại lợi ích của nhân dân"*. Chuyên chính chỉ là công cụ để bảo vệ dân chủ. *"Dân chủ là của cải quý báu nhất của nhân dân, chuyên chính là cái khoá, cái cửa để đề phòng kẻ phá hoại, nếu hờm mà không khoá, nhà không cửa thì sẽ mất cắp hết. Cho nên, có cửa phải có khoá, có nhà phải có cửa. Thế thì dân chủ cũng cần phải có chuyên chính để giữ lấy dân chủ"*. Dân chủ không có nghĩa là một thứ mà nhân dân được ban phát mà đó là quyền của nhân dân. Nhà nước ta thực sự đảm bảo cho nhân dân quản lý công việc của đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã nói: *"Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng đất nước"*(2). Nhà nước phải có trách nhiệm tổ chức, tạo điều kiện nâng cao năng lực và trình độ làm chủ cho nhân dân; phải chịu trách nhiệm trước dân về mọi hoạt động của mình; phải chịu sự kiểm tra giám sát của nhân dân. Đảng và Nhà nước phải quan tâm và có kế hoạch hữu hiệu để không

ngừng cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân. Có như vậy, nhân dân mới có đủ điều kiện để thực sự tham gia vào công việc quản lý Nhà nước.

Từ nhận thức trên đây, chúng ta thấy rõ mối quan hệ biện chứng và gắn bó tất yếu giữa xây dựng Nhà nước pháp quyền dưới sự lãnh đạo của Đảng với việc mở rộng thực hiện dân chủ. Yếu tố quan trọng nhất của vấn đề dân chủ là quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân. Nhà nước phải thực sự đại diện cho quyền lực, ý chí, nguyện vọng của nhân dân. Muốn xây dựng một Nhà nước pháp quyền vững mạnh thì phải tập hợp được ý chí, nguyện vọng của nhân dân. Mọi công việc của Nhà nước phải đảm bảo thực sự *"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"*, tức là phải thực sự xây dựng và thực hiện nền dân chủ nhân dân.

Đại hội IX là một mốc son chói lọi thứ 10 trong lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Chín mốc son trước đó là Hội nghị thành lập Đảng năm 1930 và 8 Đại hội tiếp theo trong thế kỷ XX. Mỗi mốc son đều đánh dấu một chặng đường phát triển của Đảng, một bước trưởng thành mới và những thắng lợi mới của cách mạng Việt Nam.

Đại hội IX là Đại hội của thời kì mới, khi đất nước ta đã bước vào thế kỉ XXI; toàn Đảng, toàn dân ta đã trải qua 5 năm thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, 10 năm thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991- 2000, 17 năm thực hiện đổi mới và 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Chủ đề của Đại hội là ***"Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa"***.

Độc lập dân tộc gắn liền với Chủ nghĩa xã hội là sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình Cách mạng nước ta. Từ những thực tiễn phong phú và thành tựu thu được qua 15 năm thực hiện đổi mới, Đảng ta đã khẳng định tính đúng đắn của Cương lĩnh được thông qua tại Đại hội VIII, khẳng định quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân xây dựng đất nước theo con đường Xã hội chủ nghĩa trên nền tảng của chủ nghĩa Mác- Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm lý luận chính trị toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của Cách mạng Việt Nam, là kết quả vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lê Nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. Tư tưởng Hồ Chí Minh đã soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của dân tộc ta.

Đảng ta đã chỉ rõ, xây dựng đất nước ta theo con đường Xã hội chủ nghĩa là phấn đấu xây dựng trên đất nước ta một chế độ xã hội do dân làm chủ; một nền văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc; một khối đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức; một Nhà nước pháp quyền của dân do dân, vì dân và một Đảng cầm quyền duy nhất lãnh đạo đó là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ mới là đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đảng ta đã xác định rõ mục tiêu : *"Đưa đất nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân,*

tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; Vị thế nước ta trên trường quốc tế được nâng cao.” (Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng).

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng ta là Đại hội của *Trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới*. Có *trí tuệ* và *bằng trí tuệ*, Đảng ta mới có tầm nhìn và sự đánh giá đúng tình hình và các xu thế phát triển vốn rất phức tạp và nhiều màu, nhiều vẻ, mới phân tích được và xử lý đúng những vấn đề lý luận và thực tiễn do cuộc sống đặt ra, mới hoạch định được một cách chính xác đường lối, chủ trương, chính sách và những biện pháp có hiệu quả cho sự phát triển. Có *dân chủ* và *bằng phương pháp dân chủ*, mới có thể khơi dậy và động viên được một năng lực vật chất và tinh thần của toàn Đảng và toàn dân để giải quyết những công việc lớn của đất nước. Có *đoàn kết* và tinh thần *đoàn kết* thực sự mới biến được sức mạnh của từng cá nhân, từng tập thể thành sức mạnh tổng hợp của cả cộng đồng, của một khối thống nhất về chính trị, tư tưởng, tổ chức để làm nên thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Có *đổi mới* và *bằng hành động đổi mới* thực sự mới nắm bắt được những vấn đề mới, nội dung mới và cách giải quyết phù hợp với thực tế khách quan và yêu cầu của sự phát triển theo quy luật.

Trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới, tám chữ vàng ấy quyện chặt vào nhau, tác động qua lại với nhau tạo nên sức mạnh và bản lĩnh chính trị vững vàng để Đảng ta lãnh đạo đất nước tiến lên trong thời kỳ đổi mới.

Tiến trình đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng ta được bắt đầu từ những năm 80 của thế kỷ XX, cải cách bộ máy Nhà nước mà trọng tâm cơ bản là cải cách nền hành chính Nhà nước được xác định từ những năm 90 là một tất yếu khách quan của lịch sử khi chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung bao cấp sang nền kinh tế nhiều thành phần có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng Xã hội chủ nghĩa. Đây là một bước chuyển đổi cơ bản đòi hỏi phải điều chỉnh các chức năng quản lý của Nhà nước trong cơ chế vận hành của nền kinh tế mới. Để đáp ứng yêu cầu khách quan chuyển dịch cơ cấu kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước chỉ có thể là phải xây dựng và củng cố một Nhà nước pháp quyền vững mạnh.

Quyền lực Nhà nước là quyền lực của nhân dân. Nhân dân làm chủ quyền lực Nhà nước; nhân dân uỷ thác quyền lực của mình cho Nhà nước; nhân dân là mục đích phục vụ của Nhà nước; nhân dân là lực lượng và sức mạnh của Nhà nước. Cơ quan Nhà nước từ Trung ương đến địa phương đều là người chấp hành mệnh lệnh của nhân dân, tuân thủ ý chí của nhân dân.

Nhà nước ta là Nhà nước dân chủ, nghĩa là Nhà nước do nhân dân làm chủ. Nhà nước ta phát huy cao độ quyền dân chủ, có phát huy cao độ quyền dân chủ thì mới động viên được tất cả sức mạnh, tinh thần trí tuệ của nhân dân; mới phát huy được sức mạnh toàn dân tộc để đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên trong thời đại mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: *“Thực hành dân chủ là cái chìa khoá vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn”*. Người đã phân tích và nhấn mạnh rằng nền

dân chủ của ta không phải kiểu dân chủ hình thức, dân chủ cho một số người mà là nền dân chủ của tuyệt đại đa số nhân dân, nhân dân là người chủ chân chính duy nhất của xã hội. Nhà nước là cơ quan quyền lực do nhân dân uỷ thác để thực hiện công việc chung cho nhân dân. Muốn bảo vệ lợi ích cho dân ắt phải thực hiện dân chủ và chuyên chính. *"Dân chủ và chuyên chính là đại đa số nhân dân chuyên chính với thiểu số phản động chống lại lợi ích của nhân dân"*. Chuyên chính chỉ là công cụ để bảo vệ dân chủ. *"Dân chủ là của cải quý báu nhất của nhân dân, chuyên chính là cái khoá, cái cửa để phòng kẻ phá hoại, nếu hòm mà không khoá, nhà không cửa thì sẽ mất cắp hết. Cho nên, có cửa phải có khoá, có nhà phải có cửa. Thế thì dân chủ cũng cần phải có chuyên chính để giữ lấy dân chủ"*. Dân chủ không có nghĩa là một thứ mà nhân dân được ban phát mà đó là quyền của nhân dân. Đảng và Nhà nước ta thực sự đảm bảo cho nhân dân quản lí công việc của đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã nói: *"Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng đất nước"*(2). Nhà nước phải có trách nhiệm tổ chức, tạo điều kiện nâng cao năng lực và trình độ làm chủ cho nhân dân; phải chịu trách nhiệm trước dân về mọi hoạt động của mình; phải chịu sự kiểm tra giám sát của nhân dân. Đảng và Nhà nước phải quan tâm và có kế hoạch hữu hiệu để không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân. Có như vậy, nhân dân mới có đủ điều kiện để thực sự tham gia vào công việc quản lí Nhà nước.

Từ nhận thức trên đây, chúng ta thấy rõ ý nghĩa to lớn của sự lãnh đạo của Đảng và mối quan hệ biện chứng, gắn bó tất yếu giữa xây dựng Nhà nước pháp quyền với mở rộng thực hiện dân chủ. Yếu tố quan trọng nhất của vấn đề dân chủ là dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân. Nhà nước phải thực sự đại diện cho quyền lực, ý chí, nguyện vọng của nhân dân. Muốn xây dựng một Nhà nước pháp quyền vững mạnh thì phải tập hợp được ý chí, nguyện vọng của nhân dân. Mọi công việc của Nhà nước phải đảm bảo thực sự *"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"*, tức là phải thực sự xây dựng và thực hiện nền dân chủ nhân dân.

- Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng:

Đảng ta chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là một trong những điều kiện và môi trường tiên quyết của một quốc gia tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá và một xã hội phát triển tiên tiến.

Nội dung quan trọng của Nhà nước pháp quyền là khẳng định cội nguồn quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Để đảm bảo quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, trong đó nhà nước là của nhân dân chứ không phải nhân dân là của nhà nước, Nhà nước pháp quyền đề cao tính hợp Hiến, hợp Pháp trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, Nhà nước chỉ được làm những điều Pháp luật cho phép, còn nhân dân được làm tất cả những điều Pháp luật không cấm, pháp luật bảo đảm cho sự phát triển tự do tối đa của nhân dân. Vai trò của pháp luật trong việc xây dựng và duy trì một xã hội trật tự ổn định, trong đó không chỉ mỗi công dân, mỗi cá nhân, mà bản thân Nhà nước và những người đứng đầu chính quyền cũng phải tôn trọng pháp luật trong Nhà nước pháp quyền gắn bó hữu cơ, làm tiền đề tồn tại cho

nhau và tạo nên bản chất của Nhà nước pháp quyền trong lịch sử nhân loại. C. Mác, Ph. Ăng-ghe-n và V.I. Lê-nin đánh giá cao giá trị nhân văn của học thuyết Nhà nước pháp quyền mà Cách mạng tư sản đã cống hiến cho nhân loại.

Nhà nước bảo đảm phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh thì một trong những vấn đề chiến lược là xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Do vậy, cần làm sáng tỏ về bản chất, nội dung cũng như những đặc trưng của nó, tạo thành hệ thống quan điểm lý luận định hướng cho việc hoàn thiện Nhà nước ta trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Hiện nay, Việt Nam đã có đủ các tiền đề về kinh tế, chính trị, xã hội để từng bước xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Nhà nước pháp quyền Việt Nam của dân, do dân, vì dân, có sắc thái riêng, phù hợp với điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, truyền thống, văn hoá của Việt Nam. Cần nhận thức rằng việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam là quá trình lâu dài, phải được tiến hành từng bước, chia thành nhiều giai đoạn, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cần quán triệt những vấn đề có tính nguyên tắc. *Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân là cách thức cơ bản để phát huy dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân.* Đó là Nhà nước trong đó bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, vì thế quyền lực nhà nước là thống nhất, không phân lập nhưng có sự phân công và phối hợp giữa ba quyền của các cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện quyền lực nhà nước về mặt lập pháp, hành pháp và tư pháp. Đó là Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, tăng cường pháp chế, xử lý nghiêm minh kịp thời mọi vi phạm pháp luật nhằm thực hiện và bảo vệ được các quyền tự do dân chủ, đặc biệt là quyền tự do kinh doanh và lợi ích hợp pháp của nhân dân, ngăn ngừa mọi sự tuỳ tiện lạm quyền từ phía cơ quan nhà nước, cán bộ công chức nhà nước, đồng thời ngăn ngừa hiện tượng dân chủ cực đoan, vô kỷ luật, thiếu kỷ cương. Đó là Nhà nước mà mọi tổ chức (kể cả tổ chức Đảng) hoạt động phải dựa trên cơ sở Pháp luật, tuân thủ Pháp luật, chịu trách nhiệm trước công dân về mọi hoạt động của mình. Vì vậy, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có quan hệ khăng khít với xây dựng xã hội công dân. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, là cách thức cơ bản để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, huy động nội lực để phát triển đất nước.

Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng trong công tác tiếp và giải quyết khiếu nại của công dân. Đảng thường xuyên quan tâm, lãnh đạo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, chủ động chỉ đạo các cơ quan chức năng có thẩm quyền giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo của công dân. Trước hết là cần đổi mới nhận thức về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Xây dựng Nhà nước Pháp quyền của dân, do dân và vì dân, thực hiện cải cách nền hành chính Nhà nước đòi hỏi phải có sự thay đổi cả về nhận thức và hoạt động thực tiễn. Do vậy các ngành, các cấp cần có sự nhận thức đầy đủ về ý nghĩa, vị trí và tầm quan trọng của công tác khiếu nại, tố cáo. Tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân là trách nhiệm của cơ quan Nhà nước, đòi hỏi phải luôn quan tâm đến quyền lợi, lắng nghe ý kiến của dân, thể hiện bản chất của Nhà nước ta là *"Nhà nước của dân, do dân và vì dân"*.

- Tiên đề có ý nghĩa quyết định trực tiếp đến việc thực hiện dân chủ và cải cách hành chính nhà nước là nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy Nhà nước:

Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XI, nhiệm kỳ đầu tiên của thế kỷ mới, đã thành công tốt đẹp. Tại kỳ họp này, các đại biểu Quốc hội đã nhiệt liệt hoan nghênh và biểu thị sự nhất trí cao với nội dung Bài phát biểu quan trọng của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chỉ rõ những quan điểm có tính nguyên tắc và những nhiệm vụ bức bách nhất về xây dựng Nhà nước pháp quyền Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Chủ tịch Hội đồng bầu cử Nguyễn Văn An đã đọc báo cáo đánh giá cao kết quả cuộc bầu cử Quốc hội khóa XI, **bảo đảm dân chủ, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm** với tỷ lệ cử tri đi bỏ phiếu cao nhất từ trước đến nay, đạt 99,73%. Thắng lợi to lớn của cuộc bầu cử khẳng định ý thức chính trị, trách nhiệm công dân, trình độ dân trí và sinh hoạt dân chủ của nhân dân ta với Đảng, Nhà nước và tính chất ưu việt của chế độ ta. Tổng thư ký ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri cả nước kiến nghị với Quốc hội. Quốc hội hoan nghênh, ghi nhận và đánh giá cao các ý kiến, kiến nghị đó. Đồng thời, Quốc hội yêu cầu các cơ quan, các cấp, các ngành, các tổ chức nghiêm túc nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của cử tri, kịp thời giải quyết các kiến nghị chính đáng, nhất là những vấn đề bức xúc mà nhân dân quan tâm và báo cáo kết quả giải quyết với Quốc hội.

Các đại biểu Quốc hội đã phát huy dân chủ và đề cao trách nhiệm, nghiên cứu kỹ lưỡng, thảo luận sôi nổi, phân tích cặn kẽ mọi mặt, đi tới nhất trí rất cao trong việc lựa chọn các đại biểu có đức, có tài, xứng đáng đảm nhiệm các cương vị Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao và chức danh lãnh đạo các cơ quan của Quốc hội. Cũng tại kỳ họp này, Quốc hội đã phê chuẩn việc bổ nhiệm các Phó Thủ tướng, các Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ và Hội đồng Quốc phòng và An ninh. Đây là một nhiệm vụ có tầm quan trọng thể hiện việc nâng cao chất lượng, hiệu lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy Nhà nước trong suốt cả nhiệm kỳ, tiếp tục đẩy mạnh quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng.

Việc kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XI, hoàn thành tốt đẹp nhiệm vụ đặc biệt quan trọng mở đầu cho các kỳ họp Quốc hội trong thế kỷ mới nêu trên thể hiện sâu sắc rằng, các đại biểu Quốc hội đã đề cao tinh thần trách nhiệm trước nhân dân, sáng suốt lựa chọn và quyết định. Đồng bào cả nước cũng như dư luận quốc tế chăm chú theo dõi và đánh giá cao kết quả của kỳ họp, bầu được những đại biểu xứng đáng vào các chức vụ lãnh đạo của Nhà nước, Quốc hội và Chính phủ, phản ánh sinh động khối đại đoàn kết toàn dân, thể hiện ý chí và nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước theo định hướng Xã Hội Chủ Nghĩa.

Quốc hội khẳng định, những thành tựu đạt được của nhân dân ta là nhờ sự nỗ lực cao của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, của các cấp, các ngành trong cả nước;

đồng thời chỉ ra những bất cập, yếu kém cần quyết tâm khắc phục. Quốc hội đặc biệt nhấn mạnh một số giải pháp nhằm đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; tháo gỡ những khó khăn, ách tắc để đạt mức kim ngạch xuất khẩu cao nhất; chủ động phòng, chống thiên tai; phấn đấu tăng thu ngân sách Nhà nước, tiết kiệm chi, chống tham nhũng, lãng phí; đẩy mạnh thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo và giải quyết việc làm; thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; tiếp tục thực hiện các giải pháp phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và ngăn ngừa tai nạn giao thông; tăng cường công tác điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội ở các ngành, các cấp... Để thực hiện những nhiệm vụ nặng nề đặt ra cho sáu tháng cuối năm, các cấp, các ngành, các địa phương, các cơ sở sản xuất cần phải có quyết tâm và sự nỗ lực phấn đấu rất cao, chủ động sáng tạo tìm ra các giải pháp cụ thể, thiết thực và phù hợp để phát huy những nhân tố tích cực, vượt qua những khó khăn, thử thách. Qua nhiều kỳ họp của Quốc hội khóa XI, thể hiện rõ ngày càng cao **hiệu lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy Nhà nước.**

Đây là sự kế tục những thành tựu của Quốc hội khóa X và các khóa trước đây, là bước khởi đầu tốt đẹp để Quốc hội khóa XI hoàn thành trọng trách được nhân dân giao phó, góp phần đẩy mạnh quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam của dân, do dân, vì dân, thật sự trong sạch, vững mạnh. Đúng như Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã khẳng định trong Bài phát biểu quan trọng trước Quốc hội, *"Đảng ta sẽ làm tất cả những gì cần thiết để tăng cường bản chất nhân dân, tính pháp quyền, tính hiệu lực và hiệu quả của Nhà nước ta. Chúng ta sẽ không làm và không chấp nhận bất cứ việc làm nào có thể làm suy giảm bản chất cách mạng, làm tổn hại đến uy tín, sự trong sạch và vững mạnh của Nhà nước ta. Chúng ta xây dựng cho mình phong cách nói đi đôi với làm, đã nói là làm và đã làm thì phải làm đến nơi đến chốn, làm tốt, làm có hiệu quả. Kiên quyết khắc phục tình trạng nói mà không làm, nói nhiều làm ít hoặc nói một đằng làm một nẻo".* Ý Đảng - lòng dân là một. Quyết tâm đó của Đảng hoàn toàn phù hợp nguyện vọng của nhân dân ta, mong muốn các vị đại biểu Quốc hội, các vị vừa được Quốc hội bầu và phê chuẩn giữ các trọng trách trong bộ máy Nhà nước đề cao tinh thần trách nhiệm, thường xuyên rèn luyện đạo đức cách mạng, nâng cao năng lực và trình độ để hoàn thành tốt đẹp nhiệm vụ được giao, xứng đáng với sự tín nhiệm và đòi hỏi ngày càng cao của cử tri và nhân dân cả nước. Điều đó đã cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, hoàn thành các nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong thời kỳ đổi mới, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp cách mạng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, công nghiệp hóa - hiện đại hóa nước nhà vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Đó chính là sự kế tục và phát huy xứng đáng khí thế hào hùng của lịch sử dân tộc, đưa đất nước Việt Nam đến phồn vinh, đồng bào ta có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc trong kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với Chủ Nghĩa Xã Hội.

KẾT LUẬN

Mục đích nghiên cứu của đề tài nghiên cứu khoa học: *"Nghiên cứu những biện pháp gắn kết thực hiện quy chế dân chủ với tiến trình cải cách hành chính"* là nhằm xác định rõ nguồn gốc, bản chất, nội dung của vấn đề thực hiện dân chủ. Nêu bật và làm sáng rõ quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về thực hiện dân chủ ở nước ta. Đề tài bước đầu đưa ra các biện pháp hữu hiệu để gắn kết tiến trình thực hiện quy chế dân chủ với yêu cầu của nội dung cải cách hành chính ở nước ta hiện nay trên cơ sở vận dụng lý luận và đường lối của Đảng, Pháp luật của Nhà nước vào điều kiện thực tiễn các lĩnh vực hoạt động và các địa phương ở nước ta hiện nay.

Nội dung cơ bản của đề tài tập trung vào 4 trọng tâm cơ bản sau:

- Cơ sở lý luận về tính tất yếu thực hiện dân chủ với xây dựng Nhà nước pháp quyền ở nước ta.
- Nguồn gốc, bản chất nội dung của dân chủ; khái quát chung về các nền dân chủ của một số nước trên thế giới; quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về dân chủ; Quy chế thực hiện dân chủ trên từng lĩnh vực ở nước ta hiện nay. Mối quan hệ gắn kết giữa thực hiện dân chủ với tiến trình cải cách hành chính và những vấn đề thực tiễn đặt ra.
- Tình hình thực hiện quy chế dân chủ trên từng lĩnh vực, địa phương ở nước ta. Mối quan hệ hữu cơ giữa thực hiện dân chủ và xây dựng Nhà nước pháp quyền, sự gắn kết giữa thực hiện dân chủ với tiến trình cải cách hành chính và những vấn đề thực tiễn đặt ra hiện nay.
- Các giải pháp hữu hiệu để gắn kết thực hiện quy chế dân chủ với tiến trình cải cách hành chính ở nước ta hiện nay.

Đề tài khoa học *"Nghiên cứu những biện pháp gắn kết thực hiện quy chế dân chủ với tiến trình cải cách hành chính"* là nhằm góp phần đóng góp giải quyết vấn đề bức thiết đang đặt ra hiện nay trong công cuộc cải cách hành chính và mở rộng dân chủ mà cụ thể là thực hiện *Quy chế dân chủ* theo Chỉ thị của Bộ Chính trị Trung ương Đảng số 30-CT/TƯ ngày 18/2/1998 về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

Đề tài vừa mang tính lý luận vừa có ý nghĩa thực tiễn, là kết quả qua điều tra khảo sát thực tiễn việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trong tiến trình cải cách hành chính ở các cơ quan Trung ương và các địa phương trong thời gian qua.

Để hoàn thành đề tài, chúng tôi nhận được sự chỉ đạo của lãnh đạo Học viện Hành chính Quốc gia, sự quan tâm sát sao của Viện khoa học hành chính thuộc Học viện hành chính quốc gia. Chúng tôi nhận được sự quan tâm ủng hộ và tạo điều kiện của các đồng chí lãnh đạo ở một số cơ quan, Ban Ngành Trung ương; các cơ quan, địa phương và các nhà nghiên cứu đồng nghiệp đã tận tình giúp đỡ tạo điều kiện và góp ý kiến trong quá trình chúng tôi khảo sát thực tiễn, thu thập thông tin để nghiên cứu đề tài. Một lần nữa, tập thể nhóm

đề tài chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn trân trọng đối với những sự quan tâm giúp đỡ quý báu đó.

Đề tài đã được hoàn thành, tuy nhiên trình độ của nhóm đề tài có hạn, nội dung của đề tài vẫn còn là vấn đề mới mẻ của nước ta, điều kiện khách quan và chủ quan để nghiên cứu đề tài cũng còn có những điểm bất cập. Do đó, kết quả của đề tài không tránh khỏi những khiếm khuyết nhất định. Chúng tôi chân thành mong mỏi và cảm ơn các ý kiến chỉ giáo và góp ý của các nhà lãnh đạo, các nhà nghiên cứu khoa học, các nhà quản lí và các đồng nghiệp để chúng tôi có cơ hội bổ khuyết.

Hà nội, ngày 18 tháng 9 năm 2004.

Chủ nhiệm đề tài.

TS. Võ Văn Tuyền.

**BẢNG CHÚ THÍCH TÀI LIỆU DẪN VÀ THAM KHẢO TRONG ĐỀ
TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

MÃ SỐ 2000- 98- 081

**NGHIÊN CỨU NHỮNG BIỆN PHÁP GẮN KẾT THỰC HIỆN QUY CHẾ
DÂN CHỦ VỚI TIẾN TRÌNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH.**

-
- (1) Đảng Cộng sản Việt nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. NXB CTQG. Hà nội.2001. Trang 24.
 - (2) Hồ Chí Minh: *Bàn về dân chủ*. Tạp chí Thông tin khoa học hành chính số...năm 2002.
 - (3) Hoàng Phê (chủ biên): *Từ điển Tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng- Trung tâm Từ điển học. Hà Nội- Đà Nẵng.1998.trang 238.
 - (4) Hà Hữu Nga: *Dân chủ và xã hội hiện đại*. Tư liệu tại Trung tâm nghiên cứu tư vấn về phát triển. Hà Nội 1998.
 - (5)(6) Võ Văn Tuyền: *Tập bài giảng Xã hội học trong quản lý hành chính nhà nước*. Học viện hành chính Quốc gia.
 - (7) Gane Brinton và đồng sự: *Văn minh phương Tây*. NXB Văn hóa thông tin. Hà Nội 1998. trang 510.
 - (8) Nguyễn Phạm Hùng: *Jean Jacques Rouseau- Nhà văn- Nhà triết học lớn của Pháp ở thế kỷ ánh sáng*, in trong AIMANACU. trang 2.
 - (9) Kinh thánh Cựu ước và Tân ước: *Sáng thế kỷ*. United Bible societies. trng 6- 7.
 - (10) Yves Meny: *Chính trị học so sánh*. Paris 1973.
 - (11)(34) Trần Quốc Vượng: *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*. NXB Văn hóa Dân tộc - Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật. Hà Nội 2000. trang 99- 100- 548.
 - (12)(18)(23) Samuel P.Huntington: *Nền dân chủ Mỹ trong mối quan hệ với Châu Á*- Viện nghiên cứu Đông Nam Á. Singapore.1993.
 - (13)(14)(15) *Lênin toàn tập*- Tập 37. NXB Tiến bộ. Matxcova 1977.
 - (16) K.S Gadzhiev 1999.
 - (17) Võ Văn Tuyền: *Tập bài giảng Xã hội học trong quản lý nhà nước*. Hà Nội 1998.
 - (19)(20) *Khổng Tử*: Nguyễn Hiến Lê. NXB Văn hóa. Hà Nội 1995.
 - (21) Lý Anh Hoa: *Trí tuệ Khổng Tử*. NXB Văn hóa Thông tin. Hà nội 2001.
 - (24) Bùi Xuân Đính: *Thiết chế làng xã truyền thống và việc thực hiện dân chủ hiện nay*. Tư liệu của tác giả Bùi Xuân Đính.
 - (25) Trịnh Vĩnh Niên: *Cải cách chính trị và xây dựng Nhà nước Trung quốc*- Tạp chí các vấn đề Quốc tế. Tháng 7/2002.
 - (26) Phan Kế Bính: *Việt nam phong tục*. NXB TP. Hồ Chí Minh. 1997.Trang 140 - 142.
 - (27)(28)(29) Trần Từ : *Dân chủ làng xã*. Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á . Số 2/ 1991. Trang 5.
 - (30)(31) Bùi Xuân Đính, Nguyễn Hoài Văn: *Thiết chế làng xã trong lịch sử và ảnh hưởng của nó trong quá trình dân chủ hóa cơ sở hiện nay*. Đề tài

- nghiên cứu khoa học. Viện Nghiên cứu khoa học Chính trị. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
- (32) *Việt sử Thông giám cương mục*. Tập I. NXB Giáo dục. Hà nội. 1998. Trang 1204 và Đại Việt sử ký toàn thư. Tập II. NXB Khoa học xã hội. Hà nội 1985. Trang 458- 498.
- (33)(36) Diệp Đình Hoa: *Người Việt ở Đồng bằng Bắc bộ*. NXB Khoa học xã hội. Hà nội 2000. Trang 550 - 552; 156 - 175.
- (35) *Lê Hoàn và 1000 năm chiến thắng quân Tống xâm lược (981 - 1981)*. Sở Văn hóa Thông tin Thanh hóa. 1985.
- (37) *Bản dịch một số bài luận và bức thư của Vũ Phạm Khải*. Tư liệu của Viện Triết học Việt nam. KH 120H. Trang 13 .
- (38) Tự Đức : *Ngự chế thi tập*. Bản dịch tư liệu của Viện Triết học. KH44 - AH. Trang 64.
- (39)(40 - 44) Trương Bá Cẩn: *Nguyễn Trường Tộ - Con người và Di thảo*. NXB TP. Hồ Chí Minh. 1998. Trang 230- 408. 175-176.
- (45) Phạm Phú Thứ: *Giá viên Toàn tập*. Tài liệu của Khoa Sử .Trường ĐHKHXH&NV. Trang 24.
- (46)(47) V.I. Lê Nin : *Luận cương và Báo cáo về chế độ dân chủ Tư sản và Chuyên chính vô sản*; Lê Nin Toàn tập. Tập 37. Trang 600 - 608.
- (48)(49)(52) *V.I. Lê Nin, Toàn tập*, tập 33. NXB Tiến bộ Matxcova 1976, Trang 111,123,160.
- (50) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. NXB CTQG. Hà Nội 1992.
- (51) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. NXB CTQG. Hà Nội 1996. Trang 129.
- (53) *Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội đến năm 2000*. NXB Sự thật. Hà Nội 1998. Trang 8.
- (54) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa 7*. NXB Sự thật. Hà Nội 1994. Trang 156.
- (55)(56)(61)(62)(64) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. NXB CTQG. Hà Nội 2001. Trang 49, 337,338,166,218.
- (57)(58)(59) Trí Thành: *Các quyền tự do dân chủ với nhân dân Đông Dương*. NXB CTQG. Hà Nội 2002. Trang 8,20,38.
- (60) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. NXB CTQG. Hà Nội 1995.
- (63) Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương: *Một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay*. NXB CTQG. Hà Nội 1995. Trang 69-70.
- (65) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 3, Khóa VIII*. NXB CTQG. Hà Nội 1997. Trang 43.
- (66) *Báo Nhân dân*. 11/7/1997. Trang 3.
- (67) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập. Tập 2*. NXB Sự thật. Hà Nội 1980. Trang 132.
- (68) Hồ Chí Minh: *Toàn tập. Tập 7*. NXB Sự thật. Hà Nội 1987. Trang 148.
- (69) Hồ Chí Minh: *Toàn tập. Tập 4*. NXB Sự thật. Hà Nội 1984. Trang 463.
- (70)(71) Hồ Chí Minh: *Toàn tập. Tập 2*. NXB Sự thật. Hà Nội 1980. Trang 210.

- (73)(74)(75) Hồ Chí Minh: *Toàn tập. Tập 7*. NXB Sự thật. Hà Nội 1987. Trang 521,230,152.
- (76)(77) Hồ Chí Minh: *Toàn tập. Tập 10*. NXB Sự thật. Hà Nội 1989. Trang 834,37.
- (78) Hồ Chí Minh: *Toàn tập. Tập 2*. NXB CTQG. Hà Nội 2000. Trang 280.
- (79) Hồ Chí Minh: *Toàn tập. Tập 5*. NXB CTQG. Hà Nội 2000. Trang 598.
- (80) Hồ Chí Minh: *Toàn tập. Tập 9*. NXB CTQG. Hà Nội 2000. Trang 591.
- (81) Hồ Chí Minh: *Toàn tập. Tập 5*. NXB CTQG. Hà Nội 2000. Trang 270.
- (82)(84)(85) Hồ Chí Minh: *Toàn tập. Tập 4*. NXB CTQG. Hà Nội 2000. Trang 56.
- (83) Hồ Chí Minh: *Toàn tập. Tập 10*. NXB CTQG. Hà Nội 2000. Trang 323.
- (86) Hồ Chí Minh: *Toàn tập. Tập 9*. NXB CTQG. Hà Nội 2000. Trang 285.
- (87)(88) Hồ Chí Minh: *Toàn tập. Tập 6*. NXB CTQG. Hà Nội 2000. Trang 489- 490.
- (89) Hồ Chí Minh: *Toàn tập. Tập 7*. NXB CTQG. Hà Nội 2000. Trang 56.

MỤC LỤC

1. Đặt vấn đề.....	1
1.1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
1.2. Mục đích của đề tài.....	1
1.3. Nội dung, nhiệm vụ cơ bản của đề tài.....	1
1.4. Phương hướng và phương pháp nghiên cứu của đề tài.....	2
2. Nội dung, kết cấu của đề tài:.....	2

Mở đầu.....	4
-------------	---

Chương Một

<i>Cơ sở lý luận về tính tất yếu thực hiện dân chủ và cải cách hành chính nhằm xây dựng và củng cố Nhà nước pháp quyền ở nước ta.....</i>	<i>7</i>
---	----------

1. Nguồn gốc, bản chất, nội dung của vấn đề dân chủ.....	7
2. Cải cách hành chính là một tất yếu lịch sử của việc xây dựng và củng cố Nhà nước.....	19
3. Mối quan hệ giữa thực hiện quy chế dân chủ và cải cách hành chính nhằm xây dựng và củng cố Nhà nước pháp quyền.....	23
4. Quan điểm của Đảng và các chính sách của Nhà nước về thực hiện dân chủ.....	38

Chương Hai

<i>Thực trạng vấn đề thực hiện quy chế dân chủ trong tiến trình cải cách hành chính nước ta hiện nay.....</i>	<i>47</i>
---	-----------

1. Khái quát tình hình thực hiện cải cách hành chính Nhà nước ở nước ta hiện nay.....	47
2. Tình hình thực hiện quy chế dân chủ trên các lĩnh vực và các địa phương ở nước ta hiện nay.....	64
3. Mối quan hệ gắn kết giữa thực hiện quy chế dân chủ với tiến trình cải cách hành chính.....	95

Chương Ba

<i>Một số biện pháp gắn kết việc thực hiện dân chủ với tiến trình cải cách hành chính ở nước ta hiện nay.....</i>	<i>104</i>
---	------------

1. Tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, khắc phục ảnh hưởng tiêu cực của tàn dư tư tưởng phong kiến trong nhận thức và thực hiện dân chủ của cán bộ, công chức và quần chúng nhân dân.....	104
2. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng, hoàn thiện và thực hiện các thiết chế dân chủ ở cơ sở.....	112
3. Mối quan hệ gắn kết giữa thực hiện quy chế dân chủ với tiến trình cải cách hành chính.....	121
4. Tăng cường vai trò của tổ chức Đảng trong việc Thực hiện dân chủ ở cơ sở.....	126

5. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính nhằm thực hiện tốt Quy chế dân chủ.....	131
6. Không ngừng củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, tăng cường công tác Dân tộc, miền núi và Tôn giáo góp phần đắc lực vào việc thực hiện Quy chế dân chủ và cải cách hành chính.....	135
7. Các điều kiện cốt yếu nhằm đảm bảo cho những biện pháp gắn kết việc thực hiện Quy chế dân chủ với tiến trình cải cách hành chính được tiến hành có hiệu quả thực sự, thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước phát triển.....	147
<i>Kết luận</i>	156
Bảng chú thích tài liệu dẫn và tham khảo.....	158
Mục lục.....	161